NĂM THỨ MƯỜI • #109 • MAY 1998

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

CHÙA MỘT CỘT VỚI TINH THẦN PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI NHÀ LÝ

HẠNH CƠ

MÀU SẮC

VÕ ĐÌNH

TRẢ LẠI NHÂN TÍNH CHO SỰ CHẾT

B.S. NGUYỄN TIẾN CẢNH

GRAND DRAGON SEAFOOD BUFFET

AMERICAN - FRENCH - CHINESE - VIETNAMESE

- Trên 50 món ăn và trên 20 món tráng miệng thay đổi mỗi ngày
- Có Tôm Hùm hoặc Tôm Càng mỗi tối
  Do đầu bếp Trung Hoa đã đoạt được 7
  Huy Chương vàng trên toàn nước Mỹ phụ trách
- Khung cảnh ấm cúng, tiếp viên lịch sự, parking rộng rãi
- Grand Dragon là nơi lý tưởng để tổ chức những buổi tiệc cưới, sinh nhật, họp bạn, v.v...

ĐẶC BIỆT:

LẨU HẢI SẢN
HẢI SẢN TƯƠI XÀO TẠI CHỖ

BEER & WINE

ALL YOU CAN EAT!!!

Tel: (714) 842-7262

LUNCH: 11:00AM-3:30PM
DINNER: 5:00PM-9:30PM
Mở cửa 7 ngày trong tuần

6838 & 6840 & 6842 Edinger Ave.
Huntington Beach, CA 92647
(Góc Edinger và Golden West, trong khu Home Depot)

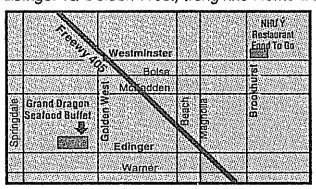

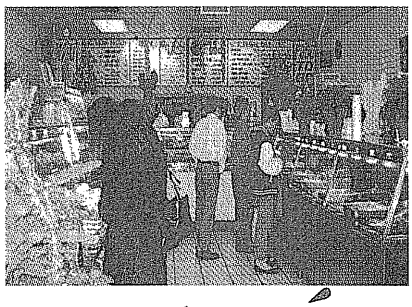

Chủ nhân Như Ý kính mời

Như Ý

(Góc Brookhurst & Westminster, trong khu chợ Kinh Đô)

Như Ý
FOOD TO GO

13898 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4883

Thứ Hai-Thứ Sáu: 5:00 AM-9:30PM
Thứ Bảy-Chủ Nhật: 6:00AM-9:30PM

- *Trên 40 món mặn và 15 món chay thay đổi mỗi ngày.* • *Bánh mì thịt đủ loại*
- *Các loại chè: Mua 2 tặng 1*
- *Các loại bánh trái, Xôi, Chè*
- *Các món nhậu: Bê Thui, Tiết Canh, Lòng Heo...*
- *Nhận đặt tiệc cho các buổi họp mặt: Chả Giò, Cơm Chiên, Mì Xào, Gỏi Sen Thập Cẩm...*

Open 7 Days a Week
Mở cửa 7 ngày trong tuần
Cơm phần Chay & Mặn

Nếu có quý vị muốn mở **TO GO, Restaurant** hoặc **Buffet** chủ nhân Như Ý sẽ tận tâm đích thân hướng dẫn từ A tới Z và chắc chắn sẽ thành công, xin L/L
(714) 636-4883
(714) 636-4885
(714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188

Như Ý
RESTAURANT

BEER & WINE

13892 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4885

Thứ Hai-Thứ Năm: 10:AM-12:AM, Thứ Sáu: 10:AM-3:AM
Thứ Bảy: 8:30AM-3:AM, Chủ Nhật: 8:30AM-1:AM

- *Trên 200 món ăn Việt, Tây, Tàu*
- *Đặc biệt: Bánh Khọt Vũng Tàu ngon độc đáo*
- *Các món nhậu trứ danh: Cá sấu chiên bơ. Nai nướng vỉ, bò tái chanh, tiết canh, lươn bầm xúc bánh tráng, ốc len xào dừa, ếch chiên bơ, lẩu súng Vũng Tàu, cua tôm rang muối...*
- *Đặc biệt: lẩu lươn sống, lẩu dê, lẩu Hải sản*
- *Nhận đặt tiệc cho sinh nhật, họp mặt...*

NHÀ HÀNG CHUYÊN VỀ ĐÁM CƯỚI

DRAGON KING
SEAFOOD RESTAURANT
CHINESE AND VIETNAMESE CUISINE

DO ĐẦU BẾP TRUNG HOA ĐÃ ĐOẠT NHIỀU HUY CHƯƠNG VÀNG TRÊN TOÀN QUỐC ĐẢM TRÁCH

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÀ HÀNG
- 600 chỗ ngồi
- Sân khấu đẹp
- Sàn khiêu vũ rộng
- Phòng thay đồ cô dâu
- Parking rộng thênh thang
- Tiếp viên lịch sự chu đáo

NHÀ HÀNG SANG TRỌNG, LỘNG LẪY
MỞ CỬA 7 NGÀY
CÓ CHỖ NGAY
Xin gọi để biết chi tiết

Tel: (714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188
1830 W. 17th ST.
SANTA ANA, CA 92706

Phát Hành Trong Tháng 5, 1998

Video Ca Vũ Nhạc Đặc Biệt Diễn Tả Một Khía Cạnh Quan Trọng Của Đời Sống Hằng Ngày: **Tiền Bạc**

TIỀN BẠC LÀ PHƯƠNG TIỆN HAY CỨU CÁNH CỦA CUỘC ĐỜI???

PARIS BY NIGHT 44

Chủ đề: TIỀN

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Chúng ta có thể **CHÁN** đàn bà, **CHÁN** đàn ông, nhưng không ai có thể **CHÁN "TIỀN BẠC"**, do đó xem **VIDEO PARIS BY NIGHT 44** sẽ không bao giờ **CHÁN.**

với sự góp mặt đặc biệt:

Ái Vân, Như Quỳnh, Lưu Bích, Hoàng Lan, Thùy Dương, Lynda Trang Đài, Phương Vy, Bảo Ngọc, Trúc Lam, Trúc Linh, Mỹ Huyền, Thiên Kim, Don Hồ, Thế Sơn, Kiều Hưng, Tuấn Ngọc, Elvis Phương, Nguyễn Hưng, Mạnh Đình, Tommy Ngô, Hoài Nam, Ban nhạc M.F.L và vũ đoàn Paris By Night

Giá **$28** 1 Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683
Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30

ÚC: 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia.
Tel: (02) 796-7227

MỚI PHÁT HÀNH: Băng đọc truyện đặc sắc nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, giọng đọc Hồng Đào cùng tác giả:

- **Món quà cuối năm (Audio Book 40) - Ngày trở lại (Audio Book 41)**
- **Thời vận (Audio Book 42) - Bên hành lang tòa án (Audio Book 43)**

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • TIỂU SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

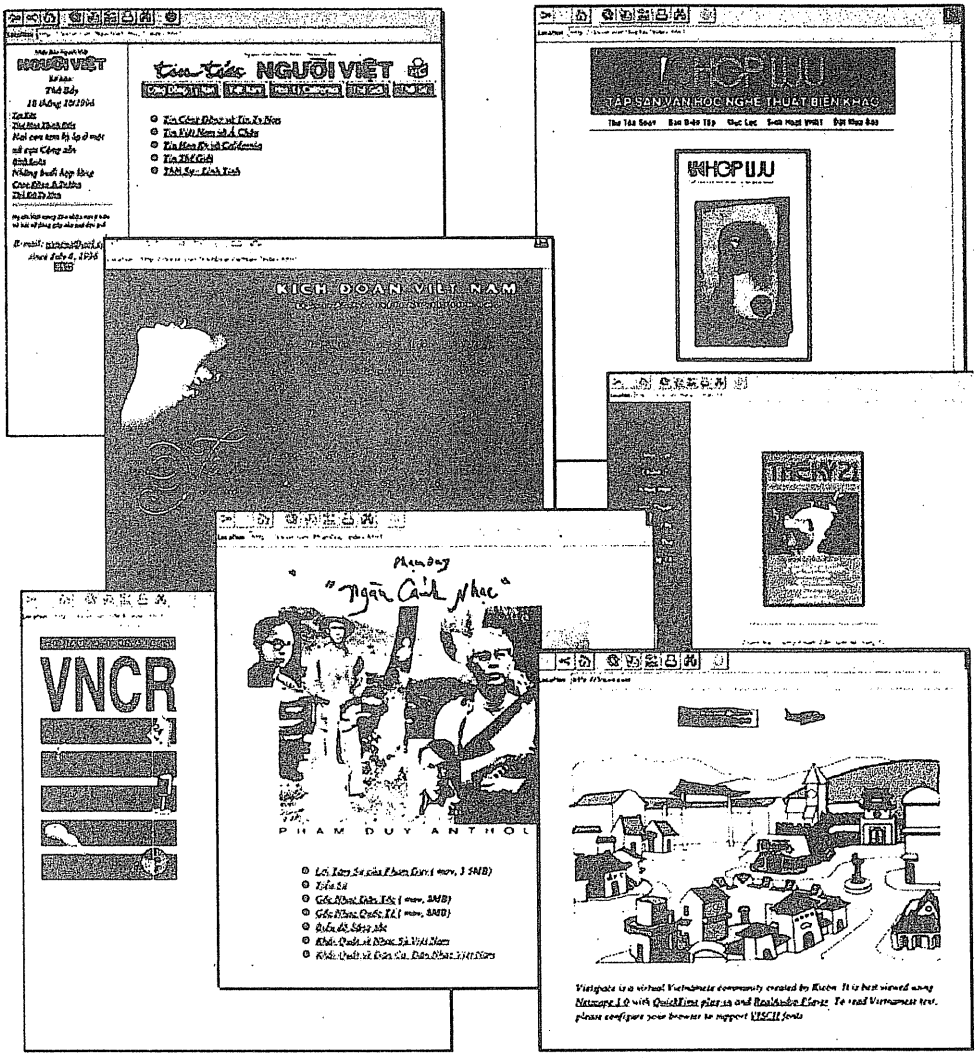

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

BAN HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI trân trọng giới thiệu

Đêm NGÀN KHƠI 1998

4:30PM Chủ Nhật 24 tháng 5 năm 1998

La Mirada Theatre for the Performing Arts

14900 La Mirada Boulevard, La Mirada, CA 90638

Xin vui lòng đến trước 4PM để sắp xếp chỗ ngồi

Kim Tước ▪ Mai Hương ▪ Quỳnh Giao
Bích Liên ▪ Thái Hiền
Nguyễn Thành Vân ▪ Lê Hồng Quang
Ban THIẾU NHI NGÀN KHƠI
Ban HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI
Dàn nhạc NK FESTIVAL SYMPHONY ORCHESTRA
dưới quyền điều khiển của
Nhạc trưởng Lê Văn Khoa
và Nhạc trưởng Trần Chúc

DÂN CA - TÌNH CA - QUÊ HƯƠNG CA - NHẠC HÒA TẤU
của Lê Thương - Phạm Duy - Văn Phụng
Hoàng Trọng - Lê Văn Khoa - Trần Chúc

Vé Danh dự **$50** (chỗ rất tốt) Vé **$25 - $15** (có số ghế, mua trước ngày trình diễn). Mua tại rạp **$30 - $20.**

Xin gọi ngay để mua vé với chỗ tốt. Liên lạc : **NGÀN KHƠI CHORUS**
14265 Brookhurst Garden Grove CA 92843 (714) 531 - 2773
Vé bán tại: **BÍCH THU VÂN (714) 897-4519 ▪ TÚ QUỲNH (714) 531-4284**
TỰ LỰC (714) 531 - 5290 và Trụ sở **BHX NGÀN KHƠI (714) 531 -2773**

TRẦN ĐẠI LỘC — ẢNH

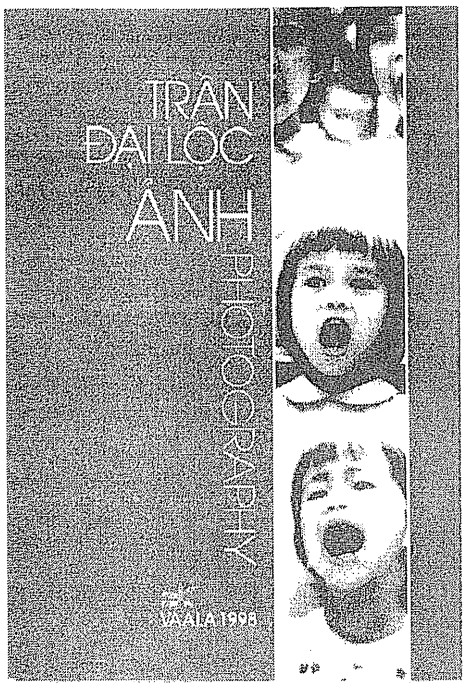

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) in và phát hành.

Trần Đại Lộc vốn là Phó Chủ Tịch của Hội VAALA. Anh mất ngày 30 tháng Chín 1997, thọ 56 tuổi.

Ngoài tài chụp ảnh ---- sau khi tốt nghiệp nhiều khóa nhiếp ảnh nghệ thuật ở Hội Việt Mỹ Saigon ---- anh còn soạn ca khúc, và cắm hoa nghệ thuật. Nhưng anh được biết đến nhiều, và được yêu mến, qua các hoạt động phục vụ xã hội và tuổi trẻ.

Hội VAALA sưu tập một số ảnh nghệ thuật, trong đó có nhiều bức đã đoạt giải ở trong nước trước 1975, cùng một số tài liệu nói về cuộc đời của Trần Đại Lộc, để giới thiệu một tài năng văn học nghệ thuật Việt Nam với bốn phương.

Mời quý độc giả và thân hữu mua với giá 25 mỹ kim một cuốn. Sách khổ 9 x 12 ins, giấy mịn, bìa màu, dày 96 trang.

Xin quý thân hữu điền vào phiếu kèm theo thư này, gửi về cùng ngân phiếu hoặc lệnh phiếu trả cho VAALA, phần memo ghi "Trần Đại Lộc."

PHIẾU ĐẶT MUA ALBUM "TRẦN ĐẠI LỘC - ẢNH"

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn với giá US$25.00 một cuốn.

Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:.....

Tôi biết rằng số tiền trên là tiền sách, kể cả công đóng gói và cước phí hạng tư trong nước Mỹ, và tàu thủy ngoài nước Mỹ. Nếu tôi muốn sách được gửi bằng hạng nhất thì tôi sẽ phải thêm US$3.00 trong nước Mỹ, hoặc US$10.00 ngoài nước Mỹ, cho 1 cuốn.

Họ tên: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

- Ở Pháp: 150FF -- gửi về Đinh Xuân Trần Bích Nga, 13 Place de Frenaie, 94470 Boissy St Léger.
- Ở Úc: A$33.00 -- gửi về Bình Anson, 1 Parwich Rise, Carine WA 6020.
- Ở Đức: 39DM -- gửi về Nguyen Phi Hung, Stadtspakasse Dortmund, Bankleitzahl 440 501 99, Konto-Nr. 622016893.
- Ở Canada: C$35.00 -- gửi về Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8.
- Ở Mỹ và các nơi khác: US$25 gửi về Hội, VAALA, 11022 Acacia Pky #A, Garden Gorve CA 92840.

VNCR

Viet Nam California Radio

Ngày 12 tháng Tư 1998

Kính gửi quý thân chủ và thân hữu của VNCR

Kỷ niệm đệ tam chu niên VNCR!

Kính thưa quý vị,

Đến ngày 12 tháng Sáu 1998 tới đây, chương trình phát thanh VNCR vừa tròn ba tuổi. Chúng tôi viết thư này gửi tới quý vị, để trước hết cám ơn quý vị đã yểm trợ cho VNCR trong suốt thời gian qua ---- và đáp lại, chúng tôi cũng đã bắc được một nhịp cầu thân ái giữa quý vị và toàn thể cộng đồng, để chúng ta cùng có một đời sống vui tươi, thoải mái, trong tự do và no ấm.

Nhân dịp kỷ niệm đệ tam chu niên, VNCR sẽ tổ chức một buổi **văn nghệ dạ vũ**, có ăn tối, tại vũ trường Majestic, vào đúng **tối thứ Sáu 12 tháng Sáu**. Chúng tôi hy vọng được đón tiếp quý vị đến chung vui với toàn thể anh chị em trong đài VNCR.

Đặc biệt, năm nay VNCR còn ấn hành một tập **KỶ YẾU** đánh dấu bước tiến ba năm của đài, với rất nhiều bài vở đặc sắc và độc đáo ---- chỉ VNCR mới có, trong đó có những đóng góp từ trong nước gửi ra và từ khắp nơi trên thế giới gửi về. KỶ YẾU VNCR 1998 sẽ ấn loát công phu, tuyệt đẹp, phát hành **miễn phí trên 5,000 số** khắp miền Nam California và nhiều nơi trên thế giới. VNCR rất hân hạnh được giới thiệu cơ sở của quý vị trong tập KỶ YẾU này. Xin quý vị liên lạc ngay với cô Phan Mỹ Sương (534-9430) để dành chỗ trên các trang quảng cáo của tập KỶ YẾU.

Một lần nữa xin cám ơn quý vị và hẹn gặp quý vị trong đêm dạ vũ kỷ niệm đệ tam chu niên VNCR 12 tháng Sáu tới đây.

Kính chào,

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Tổng Giám Đốc VNCR

TB.- **Kỷ Yếu VNCR 1998** sẽ được biếu tận tay quý khách trong đêm dạ vũ 12 tháng Sáu. Quý vị ở xa muốn có **Kỷ Yếu** xin gửi về đài $3.00 tiền tem, quý vị sẽ nhận được bằng bưu điện *2-day express*.

Tranh bìa: Võ Đình, "Đại Tùng," tranh sơn dầu
Trình bày bìa: Nguyễn Đông và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường
Hí họa: Ba Bui, Hiếu Đệ
Ảnh: Võ An Ninh, Anh Thành, và ảnh tài liệu riêng.

MỤC LỤC

Số 109 . Tháng Năm 1998

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

14 ĐCSVN thay đổi lãnh tụ theo phương thức "vũ như cẩn" - **Tôn Thất Thiện**
16 Nhật Bản ngập ngừng nói "Yes" - **Vương Hữu Bột**
21 Trao đổi với nhà cách mạng lão thành Trần Độ... - **Nguyễn Thanh Giang**
27 Tương quan văn hóa và kinh nghiệm doanh thương của người Mỹ gốc Việt - **Chu Huyền - Hải Sơn**
68 Lại chuyện nước non (tiếp theo và hết) - **Nguyễn Minh Cần**

TÔN GIÁO - TRIẾT HỌC

32 Tìm hiểu ngày sanh của Đức Phật Thích Ca - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
38 Không tâm trong Thiền học - **Doãn Quốc Sỹ**
42 Chùa Một Cột với tinh thần Phật giáo VN thời nhà Lý - **Hạnh Cơ**
55 Chúng ta hiện hữu để đem lại cho vũ trụ một ý nghĩa - **Đặng Hoàng dịch và giới thiệu**
74 Bi kịch của một tâm hồn vĩ đại - **Inna Malkhanova**

VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

61 Màu sắc - **Võ Đình**
84 Vài ý kiến của Vũ Hoàng Chương về thi nghiệp Nguyễn Du - **Thiện Hỷ**

Y HỌC - LỊCH SỬ

64 Trả lại nhân tính cho sự chết: trách nhiệm của người thầy thuốc - **BS Nguyễn Tiến Cảnh**
87 Hồ Chí Minh tại Trung Quốc - **Tưởng Vĩnh Kính; Thượng Huyền dịch**
98 Con gái Bình Định - **Đào Đức Chương**

VĂN

80 Phù thế - **Trần Mộng Tú**
92 Mồ côi - **Hồ Minh Dũng**
105 Nốt ruồi son - **Phương Bối**

THƠ

70. Thơ vụt hiện trong phòng thẩm vấn; Hương tường vi - **Bùi Minh Quốc. 77.**Hãy giữ dùm tôi - **Tạ Tỵ. 94.** Thăm lại Sài Gòn; Nơi tôi ở cũ - **Tiểu San. 97.** Nợ em - **Y Dịch. 107.** Chỉ còn nụ cười em - **Trần Hồng Châu**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư trong tháng: Từ Thái Bình đến chợ Đồng Xuân - **Vương Hữu Bột**
9 Bạn đọc viết
12 Tòa soạn và Bạn Đọc - **Phạm Phú Minh**
13 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
49 Sổ tay
109 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành và Nguyên Phương**
114 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

TỪ THÁI BÌNH ĐẾN CHỢ ĐỒNG XUÂN

VƯƠNG HỮU BỘT

Trong tháng qua, báo chí ở Việt Nam loan tin **Lần đầu tiên bạn hàng Chợ Đồng Xuân ở Hà Nội bãi thị** để phản đối nhà cầm quyền tăng thuế chợ — tăng đến 74%. Trong chế độ hiện nay người dân không được phép biểu tình, đình công và bãi thị. Người ta không dám phản đối nhà nước, vì ai cũng sợ công an. Nhưng năm ngoái nông dân ở Thái Bình đã biểu tình suốt mấy tháng trời, họ đã bắt giữ 20 công an. Các công nhân tại những xí nghiệp ngoại quốc ở Sài Gòn đã nhiều lần đình công đòi tăng lương và đòi được đối sử đúng phẩm giá con người. Nay đến lượt những người buôn bán ở Chợ Đồng Xuân cũng bắt đầu tự coi mình có quyền bầy tỏ ý kiến một cách công khai, mặc dù không ai cho phép.

Người dân Thái Bình đã tổ chức đấu tranh và đã thành công một phần vì họ chọn hình thức đấu tranh "trong vòng luật lệ," để khỏi bị quy chụp, đàn áp. Họ nêu tấm gương cho nông dân các vùng khác, khiến nhiều làng xã đã cho người đến tận Thái Thụy, Quỳnh Phụ "học tập kinh nghiệm" phương thức "lãnh đạo đấu tranh trong vòng luật lệ." Kinh nghiệm đầu tiên các làng khác đã học là chỉ đưa các "cựu quân nhân, cựu cán bộ" đi học hỏi. Những cuộc đấu tranh do các bà mẹ liệt sĩ, cựu quân nhân, thương phế binh dẫn đầu khiến công an cũng phải thua.

Các bạn hàng Chợ Đồng Xuân đã theo kinh nghiệm đó. Thay vì tuyên bố đình công bãi thị, như người dân ở các xứ tự do có quyền làm, hàng trăm bạn hàng, đại diện cho 23 ngành buôn bán trong chợ, đã đến "Đội thâu thuế chợ" nộp trả lại giấy phép để xin nghỉ buôn bán. Trong cùng ngày đó, tất cả các sạp hàng đều nghỉ, khiến chợ đương nhiên phải đóng cửa. Hiện tượng đấu tranh từ nông thôn đang lan ra thành thị, của những người dân đã chịu khổ cực nhiều năm, đã chịu ép suốt đời vì sợ công an, cho thấy người Việt Nam đã hết sợ hãi và ý thức rõ rệt về quyền công dân của họ.

Tháng trước, tạp chí Kinh tế Viễn đông (Far Eastern Economic Review) trích lời của thi sĩ Lê Đạt, nói rằng đảng Cộng Sản Việt Nam phải thay đổi, và xã hội Việt Nam sẽ càng ngày càng đòi thêm dân chủ, không thể cưỡng lại được. Thi sĩ Lê Đạt xưa nay ít nói chuyện chính trị, Lê Đạt đã bị trù dập, đàn áp tàn tệ sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm, sau đó ông sợ chế độ như sợ cọp, suốt 40 năm nay vẫn còn hốt hoảng. Nay ông đã dám nói như vậy thì ở Hà Nội không còn ai sợ nữa. Phái viên báo FEER nhận xét rằng các phong trào nhân dân ở Việt Nam cho thấy một xã hội công dân đang thành hình, đảng Cộng Sản không còn nắm độc quyền như xưa nữa.

Trước thi sĩ Lê Đạt, các nhà trí thức ở Việt Nam đã chứng tỏ họ vẫn không sợ hãi. Những Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đình Huy, v.v. ở miền Nam, những Hoàng Minh Chính, Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, v.v. từ miền Bắc đã lần lượt lên tiếng đòi quyền phát biểu ý kiến, các ông Trần Độ, Hoàng Hữu Nhân đã đòi đảng Cộng Sản phải lột xác. Các vị lãnh đạo tôn giáo đòi quyền tự do lập hội và hội họp. Đó đều là những quyền công dân được hiến pháp công nhận. Đặc điểm của những người phản kháng gần đây là họ đấu tranh trong vòng luật lệ của chế độ, không để nhà cầm quyền dùng thủ đoạn quy chụp và đàn áp.

Nhưng những cuộc tranh đấu trong vòng luật lệ vẫn chỉ có giá trị nhóm lửa để đưa đến những đòi hỏi cơ bản hơn, khi chính những luật lệ cũng phải được thay đổi. Khi đồng bào ta được hưởng các quyền cơ bản của công dân thì mới thật sự tiến đến một xã hội công dân để làm đối trọng với guồng máy nhà nước.●

Cần có nhiều quan điểm khác nhau hoặc ngược nhau

Về bài của ông Trần Chung Ngọc trong Thế Kỷ 21 số 108, tháng 4, 1998, tôi không muốn tranh cãi với ông ấy. Có nhiều cách tiếp cận thời gian mà ông Ngô Đình Diệm cầm quyền. Ông Ngọc có quan điểm của ông ấy, tôi có quan điểm của tôi. Nhưng không khi nào, như ông Nguyễn Hiếu Liêm trước đây, tôi trách Ban Giám Đốc Thế Kỷ 21 sao lại đăng bài của ông này hay ông nọ đưa quan điểm mà họ không ưa, hoặc, như ông Trần Chung Ngọc, khuyên báo đó nên "tránh ngã về những xu hướng chính trị phe phái," mà họ không thích... Như vậy là muốn áp dụng kiểm duyệt, muốn bịt miệng người khác, tuy rằng chúng ta đang ở xứ tự do và hưởng mọi tự do.

Ngược lại, tôi rất mong thấy Thế Kỷ 21 đăng tải rất nhiều bài đưa ra quan điểm khác nhau, hoặc ngược nhau. Càng có nhiều tiếng nói, nhiều cách tiếp cận vấn đề, nhiều quan điểm được trình bày đăng tải càng tốt, vì như vậy độc giả mới có đủ tư liệu để nhận xét và phê phán.

Do đó, tôi rất vui thấy rằng tôi không phải là người duy nhất có quan điểm về thời ông Diệm khác với quan điểm của ông Ngọc. Ngoài giáo sư Hoàng Ngọc Thành còn có ông Minh Võ. Ông này là tác giả của một công trình sưu tầm đáng để ý về ông Ngô Đình Diệm, mà tôi vừa được đọc bản thảo. Quyển sách này rất có ích cho những ai muốn tìm hiểu thêm về lịch sử thời gian ông Diệm cầm quyền. Nó mang tít: "Ngô Đình Diệm: Lời khen, tiếng chê," do Nhà in V.N. Printing ấn hành, nhà sách Thông Vũ (4410, 36th Street #6, San Diego, CA 92104), sẽ xuất bản vào đầu tháng Năm 1998, với giá US$ 15 và CDN $ 20. Nó sẽ giúp cho những người tìm hiểu thêm về vấn đề nói trên có thêm tư liệu để suy nghiệm, phê bình, phán xét.

Riêng về điểm "tài liệu Mỹ" nào đó (không ghi xuất xứ: tài liệu gì, của cơ quan nào, mang tít gì, phát hành ở đâu ngày nào, ở trang nào) nói tới, ông Đặng Đức Khôi, ông Nguyễn Văn Thiệu, và tôi, là cán bộ Cần lao làm ngành an ninh cảnh sát, thì tôi chỉ có phản ứng như sau: về phần ông Thiệu, là người còn sống và hiện đang cư ngụ tại Hoa Kỳ, thì tôi để ông ấy trả lời. Về anh Đặng Đức Khôi, là người đã mất, không tự trả lời được, thì tôi xin nói: tôi không thân anh Khôi lắm, nhưng tôi nghĩ rằng một người không thích bị gò bó như anh Khôi không thể nào vào Đảng Cần Lao được. Dù sao, có nhiều người rất thân anh ấy, như các ông Nguyễn Ngọc Linh và Bùi Diễm, hiện đang còn sống và ở Hoa Kỳ, sẽ minh xác điều này được. Riêng tôi thì hiện nay ở Hoa Kỳ còn rất nhiều người giữ chức lớn trong chính quyền Ngô Đình Điệm, hoặc chống đối ông và tham gia đảo chánh, biết rõ ai là Cần Lao ai là không, nên tôi chẳng thấy cần phân vua gì về vụ chụp mũ này.

Ottawa, 1/4/98
Tôn Thất Thiện *(Ottawa, Canada)*

Người ở Hòa Lan nói về hoa Hòa Lan

Vừa đọc trong số báo tháng Tư, thấy tòa soạn nêu thắc mắc của ông Trần Phùng Quang và trả lời của TK 21 về vấn đề trồng hoa tulip "đại trà" tại Hòa Lan, tôi xin được mạn phép góp ý cùng ông Trần Phùng Quang cũng như TK 21 như sau:

Nếu như ông Quang có dịp ghé Hòa Lan (cũng như tác giả bài 'Hoa Xuân Ở Hòa Lan' đã làm hồi đầu tháng Năm năm ngoái) và đi ngang khu hàng hoa tại những chợ ở thành phố lớn (hoa thật chứ không phải hoa người) và thấy họ bán năm đồng (hai đô rưỡi) hai mươi hoa tulip hay khi tàn buổi chợ mười đồng (năm đô) sáu chục hoa, và biết rằng mỗi cây tulip chỉ cho một bông thì ông Quang cũng có thể hiểu ngay là nghề trồng hoa kiểu thủ công không thể nào sống nổi trong thời đại này. Thưa quý anh cái mỹ thuật hiện nay nó đã đi sang một hướng khác rồi. Mỹ thuật với đại đa số quần chúng hiện nay phải mang tính thực dụng và không quá xa cách người thưởng ngoạn. Hơn nữa ở xứ Hòa Lan lạnh lẽo, người ta đã phải bưng cả một thiên nhiên vào trong

nhà, vì thế nên việc mua một bó hoa về cắm trong phòng khách nó cũng gần giống như một nhu cầu hàng ngày, như ăn và uống. Nếu như ông Trần Phùng Quang coi thú chơi hoa là thú chơi thanh lịch thì chắc đến 80 phần trăm dân Hòa Lan được xếp vào hàng 'trai thanh gái lịch.' Và bởi vì nó đã là một nhu cầu hàng ngày rồi nên đại đa số dân Hòa Lan cũng không chú ý mấy đến mỹ thuật 'cao cấp' (một bình bông cắm khéo với màu sắc hòa hợp). Do đó kỹ nghệ trồng bông cũng phải đáp ứng theo nhu cầu này. Còn việc chăm sóc các luống hoa, với máy móc hiện đại thì diện tích thửa ruộng trồng hoa lại không phải là vấn đề lo chính. Vấn đề là lo làm sao cho hoa của mình đáp ứng nhu cầu của giới tiêu thụ với giá rẻ nhất. Một luống hoa tulip có thể cho đến vài chục ngàn bông, mỗi ngàn bông kiếm lời được chục bạc là may rồi. Như anh Phạm Xuân Đài cũng đã cho bạn đọc biết, một số lớn hoa tulip được dưỡng cho tới già để lấy củ, nhưng cũng không thể không kể đến một số lượng khổng lồ hoa tươi cung cấp cho toàn thế giới. Ngay cả đến những nước xa xôi, hãng giao hoa cũng phải bảo đảm thường xuyên có hoa tươi, đúng kích thước... Đây mới là vấn đề đáng nói của nền kinh doanh hoa tại Hòa Lan: làm sao để hoa từ luống đến tay người mua cách nửa vòng trái đất chỉ trong một ngày rưỡi.

Để cạnh tranh, các chủ trại hoa phải luôn cải tiến giống của mình, gây giống lạ. Giống lạ độc quyền mới đem lợi lớn cho chủ. Chỉ riêng loại tulip cũng có những giống quý hiếm như loại *Sultan* cánh nhung màu đỏ lửa có viền vàng, loại *tulip đen Queen of Night*..., và năm nay người ta mới gây được loại tulip xanh hoàn toàn tên *Smaragd*. Những hoa này có thể đắt gấp hai ba chục lần hoa 'cổ điển.'

Đương nhiên nếu ai cần một bình bông để chưng ở chỗ sang trọng (lễ tết, hiếu hỉ...) thì kỹ nghệ trồng hoa hiện đại cũng sẽ sẵn sàng phục vụ. Với số lượng khổng lồ ngợp cả người như vậy bạn có thể chọn bất cứ màu gì, cỡ hoa lớn hay nhỏ, dài hoặc ngắn, búp hay nở... tùy bạn, với một giá rất là phải chăng. Và nếu một người còn thiết tha với nghề trồng hoa theo quy mô nhỏ như ông Quang nghĩ, để giữ nghề mình hẳn phải có một nghị lực phi thường. Dĩ nhiên là có, nhưng họ không sống bằng nghề bán hoa thuần túy mà sống bằng những dịch vụ phụ có liên quan đến hoa như trang trí, bán hoa cắm theo đơn đặt, hoặc họ là chủ những trại hoa nhỏ với một mạng lưới phân phối riêng đến những làng nhỏ trong vùng.

Tôi thiết nghĩ ít hàng như trên cũng đủ để tóm lược cho thắc mắc của một số bạn bên Mỹ, còn nói tường tận hơn về kỹ nghệ hoa (thực và hoa người) tại Hòa Lan thì giấy mực bao nhiêu cũng khó mà đủ, chỉ có cách xem tận nơi thôi.

Nguyễn Hiền *(Maarssen, Hòa Lan)*

Xin cám ơn văn hữu Nguyễn Hiền, hiện đang sinh sống tại Hòa Lan, đã cho người nơi khác biết một nét đặc biệt của xứ sở này, đó là hoa (không biết nói). Thì ra cả tác giả Phạm Xuân Đài và ông Trần Phùng Quang đều mới chỉ "sờ" được có một phần sự thật, còn thì "ở trong còn lắm điều hay" nếu không có những góp ý của người bản địa như thế này thì khó mà biết được. Tuy nhiên chuyện hoa Hòa Lan còn phong phú lắm, người cưỡi ngựa xem hoa dĩ nhiên chẳng sờ được bao nhiêu, mà văn hữu N.H. thì một mực "chỉ có cách xem tận nơi thôi" chứ không chịu tiết lộ nhiều hơn. Mùa xuân đang tới, các bạn nghĩ sao, nên làm một chuyến "tận nơi" chăng?

Đính chính từ Tổ Đình Từ Quang

Tổ Đình Từ Quang, ngày 20 tháng 03 năm 1998

Có người vừa đem cho tôi xem bài "Hai Mươi Năm Phát Triển Phật Giáo Việt Nam Tại Hải Ngoại" trong Tạp Chí Thế Kỷ 21 Xuân Mậu Dần 1998 (tức số 105 và 106 thuộc tháng 01 và 02 năm 1998) từ trang 28 đến trang 37, mà tác giả là TS Phạm Trọng Chánh. Tôi không muốn phẩm bình về bài viết này, nhưng có một điều đáng buồn là nhân vật viết bài về Phật giáo mà không hiểu rõ các hệ phái, các pháp môn trong Phật giáo, cũng như không tìm hiểu rõ ràng trước khi viết, khiến cho bài viết trở thành vá víu, kém giá trị (...).

Riêng phần tôi, tôi không công nhận Pháp môn Từ Quang và tôi cũng in đính chính hai điểm mà ông Phạm Trọng Chánh đã viết về tiểu sử của tôi trong bài trên:

1)- Tôi họ Đoàn, trùng tên họ của ông Ký Con, Đoàn Trần Nghiệp, nhưng không phải trực hệ trong hệ phái họ Đoàn.

2)- Tôi đi tu theo Đại Thừa Phật Giáo khi tuổi còn nhỏ, chứ không tu theo dòng nào của Thiên Chúa Giáo như ông Phạm Trọng Chánh đã nhận lầm. Khi tôi làm việc Phật ở vùng Kim Sơn, Ninh Bình, tôi thường liên lạc với Giám Mục Lê Hữu Từ và Linh Mục Hoàng Quỳnh trong Mặt Trận Liên Tôn Chống Cộng tại nhà xứ Phát Diệm, vì tôi không ưa sự giả

dối và tàn bạo của Cộng Sản.

(...)

Cầu chúc Tạp chí Thế Kỷ 21 được trường thọ.

Hòa Thượng Thích Tâm Châu
(Montreal, Canada)

Kim Đại Trọng hay Kim Đại Trung?

Trong mục "Sổ Tay" ở Thế Kỷ 21 số tháng Tư, tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy tác giả mục này phiên âm tên đương kim tổng thống Đại Hàn là Kim Đại Trung thay vì là Kim Đại Trọng như các báo chí Việt ngữ đã dùng từ trước đến nay. Nếu tôi nhớ không lầm thì Hoa ngữ viết tên của nhà chính trị nổi tiếng của Đại Hàn này là 仲 , và các tự điển Hán Việt đều phiên âm chữ này là "trọng."

Tôi chờ xem sự giải thích của tác giả Sổ Tay.

Nguyễn *(Na Uy)*

Từ trước đến nay, vì theo cách viết của một số tờ báo Trung Hoa, chúng ta vẫn gọi tên ông này là Kim Đại Trọng. Gần đây chúng tôi được ông Nguyễn Ngọc Bích, Trưởng ban Việt ngữ đài Á châu Tự Do, và ông Từ Mai Trần Huy Bích, giáo sư về Trung Quốc học, cho biết theo cuốn Danh Mục Nhân Vật Đại Hàn mà các ông đang có thì tên đương kim Tổng thống Đại Hàn được ghi là Kim Đại Trung (chữ Trung không có chữ Nhân đứng bên cạnh.) Chúng tôi có hỏi người Đại Hàn quen thì họ cũng viết là Trung.

Hãy thôi đánh phá nhau vô ích

Sáng hôm nay tình cờ đọc TK 21 số 108 tôi thấy có bài *Viết Sử Hay Ziết Sử* của tác giả Trần Chung Ngọc đề cập đến vấn đề Cần Lao, một vấn đề mà vào những năm 1963 - 1965 có người thường dùng để chụp mũ cho bất cứ ai họ không ưa thích hay muốn hãm hại.

Là một cấp chỉ huy Tổng Nha CSQG tại Sài Gòn trước 1964, qua hồ sơ lưu trữ, tôi có thể khẳng định ông Tôn Thất Thiện chưa hề là đảng viên Cần Lao và cũng không là đảng viên của một đảng chính trị nào khác. Giáo sư Tôn Thất Thiện được biết là một người quốc gia cương trực và rất nhiệt tình trong công tác đấu tranh chống Cộng sản.

Tác giả bài *Viết Sử hay Ziết Sử* chỉ căn cứ vào cuốn Paris Xuân 96 của Nguyên Vũ để gán cho ông Đặng Đức Khôi và ông Tôn Thất Thiện là cán bộ Cần Lao là nông cạn. Càng hồ đồ hơn khi ông Trần Chung Ngọc chỉ dựa vào một tài liệu Mỹ nào đó để "Vỡ lẽ" mà lại không chứng minh được tài liệu Mỹ đó do cơ quan nào đưa ra? Phổ biến ở đâu? Ngày nào, năm nào? Ông TCN còn phê bình quyển *Những Ngày Cuối Cùng của TT/NĐD* của giáo sư Ngọc Thành và Nhân Đức nhưng ông lại chưa hề đọc qua nội dung quyển sách đó lại là một việc nông nổi khác nữa.

Tôi biết rất rõ năm 1963, Đặng Đức Khôi (con của Dược sĩ Đặng Đức Dục) trốn ra khỏi Việt Nam để tránh bị truy lùng vì theo phe chống phá chính phủ Ngô Đình Diệm. Như vậy Đặng Đức Khôi sao là đảng viên Cần Lao được? (Sau năm 1963 ĐĐK trở về Việt Nam, năm 1974 trở lại Mỹ và năm 1976 Khôi chết tại Hoa Kỳ trong lúc lái xe vì bị tai biến mạch máu não.)

Tiếp nữa, trong bài *Viết Sử hay Ziết Sử* ông TCN còn cho là việc tướng tá giết chết Ngô Đình Diệm trong vụ đảo chánh 1963 không phải là vụ ám sát mà là hành động diệt trừ hậu hoạn được nhân miền Nam nhiệt liệt hoan hô. Thử hỏi ông TCN: Nếu các tướng tá đảo chánh năm 1963 xem việc giết người lãnh đạo Nam Việt Nam là một công trạng (theo ý của TCN) thì tại sao từ 1963 đến nay đã 35 năm qua mà không thấy một tướng hay tá nào đủ can đảm đứng ra nhận lãnh công trạng danh dự đó mà lại tướng này đổ lỗi cho tá nọ hoặc cho Mỹ đã nhúng tay vào cái việc ghê gớm ấy?

Để tránh cho người quốc gia ở hải ngoại không mất thời giờ tranh cãi nhau làm suy yếu hàng ngũ của mình, cái trò chụp mũ này tưởng cần được chấm dứt.

Và chúng tôi nghĩ tờ Thế Kỷ 21 đừng nên làm một diễn đàn cho những cuộc đánh phá nhau vô ích.

Melbourne 5 April 1998
Nguyễn Văn Hay *(Melbourne, Australia)*

Cẩn thận, chu đáo với tài năng của đất nước

Báo các anh ở Tòa soạn một tin vui. Tờ báo Thế Kỷ 21 có bài viết về Trần Dần được gia đình trân trọng đặt trên bàn thờ Trần Dần. Văn nghệ sĩ đến viếng đều đọc cả. Nghe thấy tiếng vang tốt: mọi người đánh giá cao bài về Trần Dần và tờ báo Thế Kỷ 21. Ngoài nước viết cẩn thận, chu đáo, biết rõ nhiều sự kiện hơn cả người trong nước. Bà Khuê (tức bà Trần Dần) cảm động lắm, vì bà và ông tượng trưng cho "một mối tình chung thủy cho người

yêu và cho thơ."

Phạm Trọng Chánh
(Paris, Pháp quốc)

Gợi lại kỷ niệm thời đi học

Từ nơi tiểu bang không ồn ào này, tôi đã nhận được món quà Xuân bất ngờ, đó là cuốn Thế Kỷ 21. Đọc xong tôi nhận thấy đây là món ăn tinh thần cần phải có nên quyết định mua dài hạn.

Trong mục "Bạn Đọc Viết" của số Xuân ấy có đoạn nói về Khái Hưng, đã gợi cho tôi quay về kỷ niệm học trò dưới mái trường trung học tư thục Minh Tân, Biên Hòa. Nơi đó thầy tôi Nguyễn Tường Triệu (là con của nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, con nuôi nhà văn Khái Hưng) dạy Việt văn, đã giảng bài một cách nhiệt tình và nhiệt tâm, nhất là với các tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Nhóm học sinh yêu văn chúng tôi rất thích nghe không hề ngủ gật. Lâu lâu trong lớp có đứa ngủ gật, thầy từ từ đi xuống, với cây roi mây dài lúc nào cũng có sẵn trên tay, thầy gõ nhẹ trên đầu, cả lớp cười ầm lên là con buồn ngủ bay mất. Bây giờ không biết thầy ra sao?

Ước gì quý tạp chí có chỗ để đăng lại những truyện dài của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, không riêng gì tôi mà tôi nghĩ có thể nhiều người cũng muốn đọc lại. Nếu được thế, tôi vui mừng lắm.

Thuy To *(Indianopolis, IN)*

Ngay trước số Xuân vừa rồi là số tưởng niệm Khái Hưng của Thế Kỷ 21, trong đó có bài viết của vị thầy cũ của chị, ông Nguyễn Tường Triệu. Ông hiện vẫn khỏe mạnh. Về sách Tự Lực Văn Đoàn, ngày nay được in lại khá đầy đủ, ai muốn đọc có thể tìm mua dễ dàng, nên chúng tôi nghĩ không cần thiết phải đăng lại trên báo.

Thắc mắc cần giải đáp

Xin quý báo giải đáp dùm tôi một vài thắc mắc:

1. Tại sao lại gọi cha, mẹ của chồng (hoặc vợ) là ông nhạc, bà nhạc?

2. Tên thật của "Đại Thi hào" Tố Hữu là gì?

3. Nếu được, xin quý báo cho tôi bài thơ của Tiền bối DƯƠNG (hay là NGUYỄN) BÁ TRẠC bắt đầu bằng câu:

Ha! Ha! Ha! Đại trượng phu...

Xin đa tạ quý báo.

Tu Phan *(Chicago, IL)*

1. Nhạc 岳 trong chữ Hán vừa có nghĩa là núi, vừa chỉ cha mẹ vợ. Từ đó, Nhạc gia *là bên nhà vợ, cũng có nghĩa là cha vợ;* nhạc mẫu *là mẹ vợ;* nhạc phụ, *cha vợ v.v... (Chữ này không dính tới cha mẹ chồng). Đó là chuyện chữ nghĩa tra trong tự điển. Theo một thuyết khác thì đời xưa có một ông họ Nhạc rất tốt với con rể, cho nên các ông con rể sau này gọi cha vợ mình là Nhạc phụ để suy tôn lấy lòng. Không rõ tên của ông họ Nhạc này, nhưng chắc không phải... Nhạc Bất Quần.*

2. Tên thật của Tố Hữu là Nguyễn Kim Thành, tự là Lành.

3. Bài thơ của NGUYỄN BÁ TRÁC theo chúng tôi nhớ được thì như sau:

HỒ TRƯỜNG

Trượng phu không hay xé gan bẻ cật
Phù cương thường
Hà tất tiêu dao bốn bể luân lạc tha phương
Trời Nam nghìn dặm thẳm
Non nước một màu sương
Học chửa thành, danh chửa toại
Trai trẻ bao lâu mà đầu bạc
Trăm năm thân thế bóng tà dương!
Vỗ gươm mà hát nghiêng bầu mà hỏi
Trời đất mang mang ai người tri kỷ
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường.
Hồ trường! Hồ trường!
Ta biết rót về đâu?
Rót về Đông phương, nước biển Đông chảy xiết sinh cuồng loạn
Rót về Tây phương, mưa Tây sơn từng trận chứa chan
Rót về Bắc phương, ngọn Bắc phong vi vút đá chạy cát giương
Rót về Nam phương, trời Nam nghìn dặm, có người quá chén như điên như cuồng
Nào ai tỉnh? Nào ai say?
Chí ta ta biết lòng ta ta hay
Nam nhi sự nghiệp ư hồ thỉ
Hà tất cùng sầu đối cỏ cây!

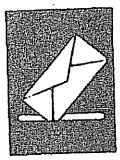

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Phụng Nghi, Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm,

Trần Vũ (Đinh Viết Khiêm), Cao Xuân Tứ, Vũ Anh Mai, Đặng Hoàng, Nguyễn Kết, Hồ Mậu Hòe, Trần Hồng Châu, Minh Nhã, Hoàng Duy, Đào Đức Chương, Nguyễn Ngọc Lâm, Tạ Ánh Tuyết, Dung Nham, Ngọc An, Kiều Duy Vĩnh, Trần Minh Tùng, Phạm Tuấn Hải, Hồng Khắc Kim Mai, Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh, Nguyễn Hữu Thống, Lưu Hy Lạc, Nguyễn Văn Cường, Võ Thanh Sơn, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Tấn Hưng, Tôn Nữ Thu Nga, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Hoài Cẩm Lê Văn Hưng.

Bài sẽ đăng: "HXH, NLA?" của Phạm Trọng Chánh; "GĐVN..." của BS Trần Minh Tùng, "NT..." của Nguyễn Văn Cường; "Về tập san B.S.E.I." của Trần Anh Tuấn.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Huỳnh Tấn Đôn (Long Beach CA), Vũ Văn Lộc (San Jose CA),Nguyễn Thị Minh Hiền (Minneapolis MN), Lê Văn Thành (Mangilao GUAM), Mai Phi Long (Wappingers Falls NY), Trương Dưỡng (Boynton Beach FL), Phạm Cao Củng (N. Lauderdale FL),Đỗ Cường (Fresno CA), Đặng Hiếu Kính (Herndon VA), Nguyễn Văn Nghi (Gaithersburg MD), Nguyễn Đại Lý (Santa Ana CA), Hoàng Tâm Hilton (Mclean VA), Anh T. Bạch (Corte Madera CA), Huỳnh Văn Tính (Harrisburg PA), Nguyễn Ngọc Phong (Dorchester MA), Phùng Hữu Lê (N. Quincy MA), Nguyễn Kim Quyên (Pontiac City MA), Trần Như (San Jose CA),Bùi Văn Chiến (Upper Darby PA),Nguyễn Đình Tuyến (Houston TX), Phạm Kỳ Cơ (Salt Lake City UT), Hồ Vĩnh Thủy (Pasadena CA), Nguyễn Khắc Tôn (Riverside CA), Phan Hồng Tú (Chicago IL), Ven. Thích Tâm Châu (Montreal CANADA), Trần T. Hồng Quyên (POLAND), Lê Văn Ba (Wesminster CA), Laura Do (Westminster CA), Hà Thanh Bình (Alameda CA), Tín Ngô (Quincy MA), Lương Phạm (Tulsa OK), Đinh Văn Vũ (Westminster CA), Nguyễn Văn Trung (Annandale VA), Lê Phạm Thúy-Kim (Phoenix AZ), Nguyễn Xuân Kính (Ventura CA), Nguyễn Thompson (N Hollywood CA), Lê Thắm (Highland CA), Nguyễn Thị Thu & Đạt (Ventura CA), Đặng Chu (Midway CA), Nguyễn Trung Giệm (Santa Ana), Huỳnh Hữu Ủy (Garden Grove CA), Lê Văn Tú (JAPAN), Phan Thanh Tâm (Shoreview MN), Nguyễn Văn Sơn (Grand Prairie TX), Dương Thành Bé (Northridge CA), Nguyễn Văn Châu (Ontario CA), Nguyễn Văn Huân (GERMANY), Đỗ Minh Thanh (GERMANY), Võ Đ Nguyên (Olympia WA), Kích Huỳnh (Garden Grove CA), Nguyễn Bích (FRANCE), Phan Thanh Nguyên (San Diego CA), Trương Toàn (San Diego CA), Nguyễn Thanh Giản (Pinole CA), Chiêu Hằng Adaysh (San Jose CA), Tạ Xuân Tắc (Eden Prairie MN), Oslo Kretsfengsel Biblioteket (NORWAY), Glenroy Public Library (AUSTRALIA), Association Culturelle Diên Hồng (FRANCE), Nguyễn Victor (FRANCE), Nguyễn Như Hoàng (San Jose CA), Trần Anh Tuấn (Alameda CA), Lê Duy Chánh (San Jose CA), Phú Lê (Fairborn OH), Nguyễn Văn Tha (San Diego CA), Chi Nguyễn (Tustin CA), Tín Ngô (Quincy MA), Liên Hương Nguyễn (Fountain Valley CA), Nguyễn Thị Thuận (GERMANY), Tô Thủy (Indianapolis IN), Bendigo Regional Inst. Tafe Serials Librarian (AUSTRALIA), Lê Minh Giang (Fontana CA), Thảo Phạm (Houston TX), Nguyễn Viết Ninh (CANADA), Trà Lũ (CANADA), Ngô Phương Dung (CANADA), Hải Đường (CANADA), Hồ Hữu Hiền (CANADA), Đỗ Văn Thu (Chicago IL), Asian American Studies Collection (Berkeley CA).

Độc giả đổi địa chỉ:

Nguyễn Ngọc Thanh (Phoenix AZ), Nguyễn Huy Thu (Las Vegas NV), Phùng Hữu Lê (N. Quincy), Phạm Cao Củng (N.Lauderdale), Hoàng Quy (Westminster CA), Hoàng Thế Đoàn (Lincoln NE), Phạm Hạnh (San Diego CA),

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

ĐCSVN THAY ĐỔI LÃNH TỤ THEO PHƯƠNG THỨC "VŨ NHƯ CẨN"

TÔN THẤT THIỆN

Ước mơ cải tổ

Trong số những người muốn thấy Việt Nam sớm được hưởng một chế độ dân chủ tự do, có nhiều người, vì lý luận chính trị kiểu Tây phương, hay vì mơ ước quá mức nên rơi vào "wishfull thinking," nghĩ rằng nếu có thay đổi trong hàng ngũ lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam tất sẽ có một sự thay đổi về đường lối chính sách của đảng đó.

Quan điểm trên đây đã làm nẩy nở những chờ mong hay hy vọng về những người được đưa vào các chức vị tối cao của Đảng và Nhà Nước: Tướng Lê Khả Phiêu (Tổng bí thư), Trần Đức Lương (Chủ tịch Nhà Nước), Phan Văn Khải (Thủ tướng).

Có người, như ông Hoàng Minh Chính, đã kỳ vọng lớn vào ông Lê Khả Phiêu, mà họ cho là "cởi mở," "biết lắng nghe," và có thể chấp nhận một sự đối thoại trực tiếp với đối lập trong và ngoài xứ trong "một cuộc hội đàm ba thành phần" kiểu "hội nghị Diên Hồng."

Về ông Trần Đức Lương, có người am hiểu nhiều về nội bộ ĐCSVN, cho rằng ông này chỉ được đặt vào ghế chủ tịch vì trong tình trạng Đảng phân chia, ông ta là người ít nguy hiểm nhứt vì ông không có cá tính mạnh.

Về ông Phan Văn Khải, có người, và có thể nói là nhiều người, nhất là trong giới ngoại quốc, đặt nhiều tin tưởng vào ông, mà họ coi là có "xu hướng cải tổ mạnh." Họ tin rằng: với ông ta ở ghế Thủ tướng, đường lối chính sách kinh tế Việt Nam chắc sẽ có những sự thay đổi đáng kể.

Trong mấy tuần đầu sau ngày mấy ông trên đây nhậm chức, dư luận xôn xao chờ đợi họ "ra tay," công bố chính sách, và lộ chân tướng.

Lãnh tụ CS lộ chân tướng

Nay thì sự việc đã rõ ràng. Đường lối chính sách mà những người trên đây hy vọng sẽ là "mới," hay ít nhất là có đổi thay, một phần nào đó, hay về một vài khía cạnh nào đó, đã được các ông lãnh đạo mới công bố:

- Tổng bí thư Lê Khả Phiêu, trong một cuộc phỏng vấn với báo *Nhân Dân* ngày 5-1-1998;
- Trần Đức Lương, trong dịp tiếp xúc với Công An ngày 9-3-98;
- Thủ tướng Phan Văn Khải, trong cuộc họp báo ngày 24-3-1998.

Ông Tổng bí thư Lê Khả Phiêu tuyên bố là ông "sẽ chỉ là một phần nhỏ trong tổng lực lượng của Trung ương Đảng và Chính trị bộ," và ông sẽ tiếp tục thi hành chương trình 11 điểm đã được Đại hội VIII thông qua (và ghi trong Cương lĩnh và Báo cáo chính trị của đại hội đó). Các đường hướng, chính sách, chiến lược được ấn định trong hai văn kiện này có giá trị đến năm 2000, và có thể đến năm 2010. Nghĩa là, *từ nay đến đó, sẽ không có gì thay đổi hết,* trừ phi có quyết định khác tại đại hội sắp đến (Đại hội IX, tháng 6, năm 2000). Vũ Như Cẩn vẫn sống dai và mạnh!

Chỉ là tù nhân của Đảng

Sự kiện trên đây không có gì phải làm ta ngạc nhiên, nếu ta nhớ rằng ĐCSVN là một đảng lê-nin-nít bôn-sê-vích, hoàn toàn chấp nhận chủ thuyết Lê-nin, mà phương thức sinh hoạt nội bộ là dân chủ tập trung. Lãnh tụ ĐCSVN đã áp dụng phương thức này "một cách sáng tạo" bằng nhấn mạnh nguyên tắc "tập thể chỉ huy, cá nhân phụ trách." Cho nên, dù ông Lê Khả Phiêu, hay một ông Lê Khả gì khác không có tính phiêu lưu, ngồi ở ghế Tổng bí thư thì, như ông Nguyễn Hộ và Vũ Thư Hiên nhấn mạnh, cũng như tất cả các đảng viên cán bộ khác, ông ta chỉ là một tù nhân. Ông phải lấy việc bảo vệ Đảng làm nhiệm vụ hàng đầu, nếu ông không muốn bị các đồng chí khác kéo bè loại ông ra vì tội "thiếu tinh thần," hay nguy hơn nữa, vì tội "chống Đảng."

Qua những tiết lộ của Hoàng Minh Chính và Vũ Thư Hiên, ta thấy rõ rằng, dù là đảng viên cao cấp mấy — ủy viên Trung ương Đảng, ủy viên Chính trị bộ, tổng trưởng, sĩ quan cấp tướng — nếu bị gán cho cái tội "chống đảng"

là không những bị loại, mà còn bị tù, hay bị thanh toán. Do đó, các đảng viên ĐCS luôn luôn phải chứng tỏ rằng họ đặt vấn đề "bảo vệ Đảng" lên hàng đầu của ưu tiên của mình.

Điều vừa nêu ra là đề tài của bài ông Chủ tịch Nhà nước Trần Đức Lương đọc tại hội nghị của Công An tại Sài Gòn ngày 9-3-1998. Dù có thiếu cá tính mấy, là một đảng viên, ông Lương bắt buộc phải chứng minh sự trung kiên của mình. Cho nên, ông đã chỉ thị cho nhân viên công an phải tích cực trong nhiệm vụ bảo vệ Đảng, ngăn cản không cho "gió độc" — nghĩa là tư tưởng dân chủ, tự do kinh doanh — thổi vào Việt Nam, ngăn chận các hoạt động có tính cách "diễn biến hòa bình," duy trì "ổn định chính trị" — nghĩa là bảo vệ địa vị quyền hành của ĐCSVN và trấn áp đối lập — và tuyệt đối thực hành đường lối chính sách của Đảng — nghĩa là, như Tướng Lê Khả Phiêu nhắc nhở: Cương lĩnh và Báo cáo chính trị của Đại hội VIII...

Về ông Phan Văn Khải, lãnh tụ "có xu hướng cải tổ mạnh nhất" của ĐCSVN, thì ngày 24-3-1998 ông đã hạ bài cho dư luận trong nước thấy trong cuộc họp báo tại Hà Nội ngày 24-3-1998. Cuộc họp báo này đã làm tiêu tan hết hy vọng của những người Việt muốn dân chủ, và nhất là cho các giới ngoại quốc, trong đó có Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) và Ngân Hàng Thế Giới (World Bank), cùng các giới kinh doanh đang bị kẹt rất nhiều thứ trong công cuộc làm ăn ở Việt Nam mong thấy kinh tế Việt Nam được cởi trói.

Ông "cải tổ" Khải đã tuyên bố là chính quyền Việt Nam bác bỏ những "khuyến nghị" (của các cơ quan quốc tế), sẽ không làm gì gấp, tuyệt đối không chấp nhận chủ nghĩa tư bản, và tiếp tục theo đường lối định hướng xã hội chủ nghĩa v.v...Như một ký giả Mỹ nói: đây là một cuộc biểu diễn "đúng y theo sách." Sách đây là sách của ĐCSVN, nghĩa là chủ thuyết Lê-nin-nít bôn-sê-vích. Có một điểm nữa, không làm cho những ai theo dõi hành vi ĐCSVN từ lâu ngạc nhiên, là ông Khải tuyên bố rằng giải pháp Việt Nam giống giải pháp Trung Cộng. Sau hơn 60 năm, con đường xã hội chủ nghĩa của Bác và Đảng vẫn là con đường xã hội chủ nghĩa của ĐCSTQ, do Mao Trạch Đông, rồi đến Đặng Tiểu Bình, vạch ra. ĐCSTQ vẫn là kiểu mẫu của ĐCSVN.

Áp dụng mãi phương thức "Vũ Như Cẩn"?

Ngoài ra, ông Khải khẳng định rằng Đảng sẽ tiếp tục duy trì sự độc quyền chính trị của Đảng — nghĩa là sẽ không có một sự cải tổ gì nhằm dân chủ hóa — , và không có vấn đề tranh luận gắt gao trong Chính Trị Bộ về đường lối. Đây là bình luận gián tiếp của ông Khải, thật ra là của nhóm ông Lê Khả Phiêu, về những tin tức về vụ tướng Trần Độ và vài nhân vật khác công khai chỉ trích lãnh đạo Đảng nặng nề mà không/chưa bị trấn áp.

Khẳng định của ông Khải cần được đối chiếu với những tiết lộ trong một tài liệu ký tên là "TA" và được phổ biến rộng rãi. Theo ông "TA," một người thuộc phe chống đối nhóm Lê Khả Phiêu, tướng Lê Khả Phiêu đã làm một cuộc đảo chánh: sau khi Trung Ương thứ 11 đã nhóm và bầu ban lãnh đạo mới, ông đã dùng phản ứng của quân đội để đe dọa ông Đỗ Mười và ép ông này tổ chức một cuộc họp chớp nhoáng khác, gọi là Hội nghị Trung ương 11B, để đưa ra một danh sách khác, đứng đầu là chính ông ta.

Và tưởng cũng nên ghi rằng sau khi thất cử Chủ tịch Nhà nước, tướng Đoàn Khuê đã vào liên danh mới này của tướng Lê Khả Phiêu, với chức vụ phụ trách nội an, và trong hội nghị về an ninh họp ở Hà Nội ngày 2-3-1998, ông ta đã kêu gọi tăng cường kiểm soát chính trị.

Sau những sự kiện kể trên, chúng ta phải kết luận rằng ĐCSVN vẫn bất chấp, duy ý chí, ù lì, và tiếp tục áp dụng phương thức "Vũ Như Cẩn": mọi việc vẫn như cũ, và từ nay đến tháng 6 năm 2000, có lẽ lâu hơn nữa, sẽ không có thay đổi gì về đường lối chính sách ở Việt Nam cả, trừ phi có những thay đổi về cơ cấu của Đảng và của Quốc gia Việt Nam. Mà ngay cả trong trường hợp này, chúng ta phải đợi đến Đại hội IX (năm 2000), vì tất cả các đảng viên ĐCSVN hoàn toàn là tù nhân của Cương lĩnh và Báo cáo chính trị trong thời gian giữa hai đại hội Đảng.

Tuy nhiên, sự duy ý chí và ù lì của nhóm lãnh đạo ĐCSVN hiện tại cần phải được đặt trong bối cảnh của tình hình chung của ngày nay: về quốc tế, khủng hoảng kinh tế lớn làm rúng động toàn thể châu Á; về quốc nội, nông dân nổi dậy ở nhiều nơi từ bắc chí nam, và đối kháng công khai xuất hiện ngay trong lòng Đảng. Trong một tình hình như vậy, nhóm lãnh tụ ĐCSVN đương nhiệm có thể mãi mãi giữ thái độ bất chấp, và tự do áp dụng phương thức "Vũ Như Cẩn" hay không?●

Ottawa, 30-3-1998

NHẬT BẢN NGẬP NGỪNG NÓI "YES"

VƯƠNG HỮU BỘT

Mười năm trước, cuốn *"Bây giờ Nhật Bản biết nói: Không!"* bán rất chạy. Từ đầu Tháng Tư năm nay, Nhật Bản đã bắt đầu cải tổ cơ cấu thị trường tài chánh, giống như New York và London đã cải tổ 23 năm và 12 năm trước. Những cải tổ ở thị trường tài chánh London dưới thời Thủ tướng Margaret Thatcher được gọi là Big Bang (Vụ bùng nổ tạo vũ trụ). Nay Tokyo cũng có một Big Bang — nhưng theo lối Nhật, ngay cả Big Bang cũng nổ từ từ.

Cũng trong Tháng Tư, chính sách cứu nguy nền kinh tế của chính phủ Nhật cũng thay đổi, Thủ tướng Hashimoto tuyên bố cắt giảm bốn ngàn tỷ Yen tiền thuế, như các chính phủ Mỹ và Liên hiệp Âu châu đã công khai yêu cầu nhiều lần. Nhưng ông Hashimoto cũng chỉ cắt thuế sau khi các nhà kỹ nghệ có tiếng ở Nhật thúc đẩy. Và các biện pháp kích thích kinh tế của ông cũng chưa làm các nước khác thỏa mãn.

Hợp đồng xã hội cũ

Nhu cầu cải tổ cả hệ thống trở thành thúc bách khi nền kinh tế Nhật trì trệ và suy thoái suốt tám năm nay, càng khẩn cấp hơn vì cuộc khủng hoảng tài chánh ở Á đông. Sau Big Bang, lối làm ăn của các ngân hàng, của thị trường chứng khoán Tokyo sẽ dần dần thay đổi, nghĩa là trái tim của nền kinh tế Nhật sẽ thay máu.

Ai cũng biết nền "kinh tế thật" ở Nhật rất mạnh, nhờ nhân lực giỏi, cần mẫn, tiết kiệm, và các công ty quản lý hữu hiệu. Nhưng hệ thống tài chánh thì quá cổ lỗ. Vai trò chính của một hệ thống tài chánh là giúp lưu chuyển tiền vốn, đã được dành dụm từ tay người tiêu thụ, sang cho các nhà kinh doanh sử dụng. Trong một thị trường tự do, nhờ có cạnh tranh và tin tức thông thoáng, đồng tiền tiết kiệm sẽ tự đi tìm những cơ hội đầu tư có lợi nhất. Hệ thống ở Nhật lâu nay thiếu tự do và không đủ thông thoáng, vì nhà nước, đặc biệt là Bộ Tài chánh, tự nắm vai trò "điều khiển," vì thế họ đã phân bố tài nguyên kém hiệu quả. Trước đây, nhược điểm của hệ thống tài chánh được nền kinh tế mạnh bù lại. Những nhược điểm đó lộ rõ sau tám năm kinh tế trì trệ, và cuộc khủng hoảng ở Đông Nam Á.

Dân Nhật nổi tiếng tiết kiệm nhất thế giới, một phần cũng vì họ có ít tự do lựa chọn để tiêu thụ khi chính phủ, hải quan, hệ thống cấp giấy phép, kiểm phẩm, và hệ thống phân phối ở Nhật tạo ra các hàng rào bảo vệ hàng nội hóa. Người Nhật dành dụm một triệu 200 ngàn tỷ Yen, khoảng 9000 tỷ đô la. Trong một thị trường tự do thì người ta sẽ chọn gửi tiền tiết kiệm của mình vào nơi nào đạt lợi suất cao nhất. Nhưng dân Nhật có rất ít chọn lựa: 45% số tiền tiết kiệm được gửi vào trương mục định kỳ trả lãi 0,1%, (gửi 1000 đồng được trả 1 đồng tiền lãi một năm.) Các cơ sở tài chánh bị ràng buộc với nhiều thứ luật, không cạnh tranh ráo riết để thu hút tiền tiết kiệm, cũng không có cơ hội ganh đua chuyển số vốn đó qua cho những xí nghiệp sử dụng cách hữu hiệu nhất. Big Bang sẽ thay đổi dần dần cách làm việc đó, bằng cách xóa bớt các rào cản, cho phép người ngoại quốc vào cạnh tranh trong các lãnh vực ngân hàng, bảo hiểm,

chứng khoán, và cho phép dân Nhật đầu tư chứng khoán ở nước ngoài dễ dàng hơn.

Từ sau đại chiến Thứ Hai đến nay, hệ thống Tài chánh Nhật đóng vai phân bố tiền tiết kiệm của dân Nhật, chuyển vốn cho các xí nghiệp đầu tư. Các ngân hàng lớn cho vay với lãi suất thấp nhất thế giới, vì luật lệ ràng buộc. Ngân hàng đóng vai trò giống như các công ty điện nước ở nơi khác, có tính cách xã hội cũng như kinh tế. Họ trả lãi thấp, cho vay với lãi thấp, giúp các công ty phát triển. Các công ty bảo đảm việc làm suốt đời cho nhân viên, tỷ lệ thất nghiệp luôn luôn thấp. Người Nhật bằng lòng tiêu thụ ít đi, đổi lại công việc ổn định hơn. Vì lãi suất thấp, kinh phí tư bản (Costs of Capital) của các xí nghiệp (gây vốn làm ăn) cũng hạ nhất thế giới. Với kinh phí tư bản hạ, và thị trường nội địa được bảo vệ không bị hàng ngoại cạnh tranh, các xí nghiệp có lợi thế để hướng về xuất cảng.

Hệ thống kinh tế tài chánh này bao hàm một bản "hợp đồng xã hội" của dân tộc Nhật, giữ được ổn định hơn bốn mươi năm qua, đó là một thành tích đáng kể. Trên mặt kinh tế, bản chất của Hợp đồng Xã hội này là giảm bớt rủi ro, bất trắc cho tất cả mọi người, từ người đi làm cho đến người đi vay, đến ngân hàng cho vay thì được nhà nước bảo đảm. Cho đến khi bị cơn "sốc" quá lớn phải đối phó vì thị trường thế giới thay đổi. Khi đó hệ thống tài chánh đã thành xơ cứng, không phản ứng kịp đưa tình trạng chung đến chỗ trì trệ. Kinh tế các nước đã "toàn cầu hóa," hệ thống tài chánh bây giờ cũng phải theo cùng những cơ cấu và quy thức toàn cầu.

Một hiện tượng toàn cầu hóa là các công ty Nhật đem "xuất cảng công việc" ra nước ngoài. Theo giáo sư Hajime Karatsu ở Đại học Tokai thì hiện nay các công ty Nhật đang sử dụng ba triệu nhân công trong các nhà máy khắp thế giới. Trong số đó có 630 ngàn người ở Mỹ. Nhưng bên cạnh các công nhân làm cho Nhật còn phải tính thêm số nhân dụng khác cung cấp dịch vụ cho các nhân công này. Một nhà bình bút tờ báo The Wall Street Journal nhận xét là các công ty Nhật đã góp phần phát triển công nghiệp Mỹ.

Dung dưỡng những lạm

Hệ thống tài chánh ở Nhật khác các nước Anh Mỹ trong cách gây vốn dựa vào quan hệ cá nhân hơn là quy luật, khác trong hệ thống kế toán thiếu công khai minh bạch, không có những định chế thẩm lượng độc lập từ bên ngoài. Với các hàng các rào ngăn che bằng luật lệ và tập tục, cả hệ thống không bị người ngoài cạnh tranh mà bên trong cũng thiếu cạnh tranh. Từ đó các người có quyền quyết định dễ lạm dụng lòng tin của công chúng. Thực ra các vụ gọi là "tham nhũng" khiến các viên chức Bộ Tài chánh và Ngân hàng Trung ương Nhật từ chức cũng nhỏ so với các món tiền mấy viên chức Công ty Dệt Nam định và các ngân hàng ở nước ta đã chia nhau. Nhưng hệ thống đóng kín ở Nhật đã đưa tới những quyết định phân bố tài nguyên (tiền bạc và nhân lực) sai lầm, đó mới là mối họa lớn. Và nó trở thành xơ cứng không thể tự cải tổ nếu không bị "sốc" từ bên ngoài kích thích.

Ở Nhật, phương pháp gây vốn của các xí nghiệp dựa trên các liên hệ trực tiếp giữa người nọ với người kia, hơn là đi qua một thị trường cởi mở, vô danh và công khai. Các xí nghiệp ở Nhật khi cần vốn làm ăn thường đến vay ngân hàng nhiều hơn là phát hành cổ phần mới hay trái khoán mới cho công chúng. Vì vậy tin tức kinh tế tài chánh không được phổ biến rộng và công khai như ở các thị trường Anh hay Mỹ. Trong một thị trường tin tức thông thoáng, xí nghiệp khi gây vốn phải chịu kiểm tra, công bố tin tức, do các luật lệ minh bạch công khai, thì thị trường có dịp "theo dõi và kiểm soát" hoạt động các công ty và các ngân hàng. Phản ứng của họ nhanh chóng, biểu lộ ngay trên giá cổ phần lên xuống, tạo ra một thứ kỷ luật. Ở Mỹ, các vụ "công khai hiến giá mua" để giành quyền kiểm soát để cải thiện những công ty đang quản lý kém cỏi là một đe dọa thường xuyên cho tất cả các ban quản đốc, bắt buộc họ lo lắng bảo vệ giá trị cổ phần bằng các quyết định kinh doanh hợp lý.

Trong hệ thống dựa trên liên hệ cá nhân ở Nhật, các ngân hàng cho vay thường không thẩm định khả năng doanh lợi theo đòi hỏi của thị trường, mà dựa trên sự quen biết, quá tin nhau dễ sinh lạm dụng làm liều (moral hazard). Một ngân hàng và các xí nghiệp liên hệ cấu kết với nhau trong những nhóm gọi là keiretsu. Chính phủ cũng can thiệp vào việc cho vay của các ngân hàng; đổi lại, khi cần chính phủ sẽ bỏ tiền ra cứu các ngân hàng gặp khó khăn. Nghĩa là các ngân hàng có quyết định sai cũng không bị thị trường trừng phạt. Hệ thống này được nhiều nước Á đông mô phỏng, trừ Singapore, Đài Loan và Hồng

Kông. Và hệ thống mô phỏng lối Nhật ở Đại Hàn cũng là một lý do chính gây ra khủng hoảng gần đây. Trong hệ thống Nhật các công ty và ngân hàng làm chủ lẫn các cổ phần của nhau, cho nên sinh ra các "xung khắc quyền lợi riêng, chung" (conflict of interests), một điều mà ở hệ thống Anh Mỹ thường bị cấm đoán. Cũng vì lối làm chủ cổ phần lẫn nhau đó mà một số người trong vòng quen biết có ảnh hưởng mạnh trên thị trường chứng khoán, công chúng đóng vai phụ.

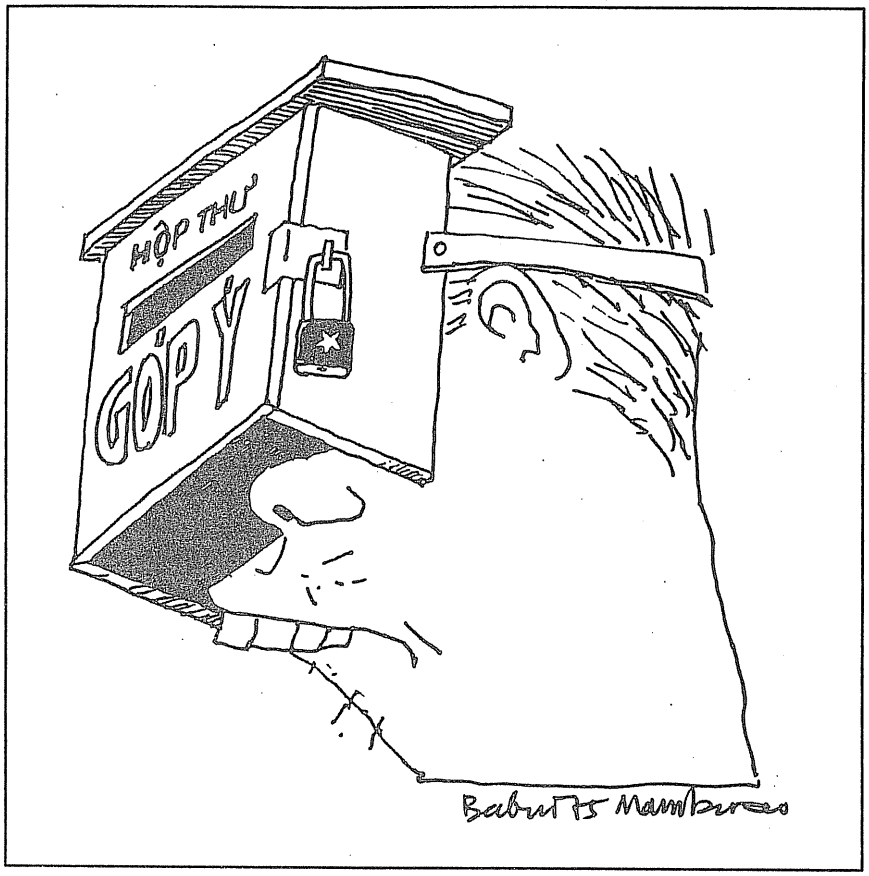

Sự liên kết giữa các công chức Bộ Tài chánh, giới ngân hàng và các đại công ty giúp nền kinh tế hướng vào xuất cảng, chỉ có người dân thường ở Nhật phải hy sinh. Nền kinh tế Nhật tiếp tục bành trướng nhờ xuất cảng, mỗi năm thặng dư trong cán cân chi phó hàng chục và hàng trăm tỷ Mỹ kim. Tiền tiết kiệm cao hơn đầu tư nội địa, số chênh lệch bằng 2,3% của Tổng Sản lượng Quốc nội, được đem ra nước ngoài cho vay. Gần một nửa tiền cho vay trong lãnh vực tư trên thế giới đến từ Nhật. Nhật đầu tư ở vùng Á đông nhiều hơn mọi nước khác, và làm chủ 25% các món nợ của chính phủ Mỹ. Tình trạng đó không thể kéo dài mãi, nhưng thói quen suy nghĩ và hành động của giới lãnh đạo (Bộ Tài chính, các ngân hàng) rất khó thay đổi. Một lý do các ngân hàng Nhật cần cho người ngoài vay, bằng Mỹ kim, là vì lãi suất ở Nhật bị ép giữ ở mức thấp một cách giả tạo.

Bên trong nước Nhật, hệ thống tài chánh tạo ra một thứ vòng luẩn quẩn. Tiêu chuẩn kiểm tra kế toán không đủ minh bạch, các cơ sở tài chánh đã du di các trương mục để che dấu lỗ lã cho thân chủ. Có cơ sở bảo đảm mức lời cho thân chủ mua cổ phiếu, bất chấp mức rủi ro. Các ngân hàng không theo tiêu chuẩn thị trường, cho các công ty địa ốc vay, đẩy giá cả nhà đất tăng lên cho đến khi bong bóng vỡ, từ 1992 đất ở Tokyo đã mất giá 65%. Một điểm đặc biệt của hệ thống ở Nhật là ngân hàng mua cổ phần và dùng giá cổ phần tính trong vốn nhà, khi giá cổ phần xuống thì các ngân hàng phải ngưng cho vay vì tỷ lệ "Vốn/Nợ" giảm, mà tỷ lệ này ở Nhật cao hơn tiêu chuẩn quốc tế. Hơn nữa, các xí nghiệp có thể dùng cổ phần mình mua của các công ty khác làm thế chấp khi đi vay. Khi giá cổ phần tăng, các xí nghiệp có thể vay thêm. Trong thập niên 1980 số tín dụng tăng vọt trong lúc chỉ số Nikkei của thị trường chứng khoán Tokyo lên cao nhất, tới 39,915 vào cuối năm 1989. Năm 1992 khi thị trường chứng khoán bắt đầu xuống (nay chỉ còn ở mức 16,000,) thì các ngân hàng phải co lại không cấp vốn nữa, các xí nghiệp không vay được thì càng thêm khó khăn. Xí nghiệp phá sản, ngân hàng đem bán các cổ phần thế chấp của họ để lấy lại

tiền, khiến giá cổ phần càng xuống thấp. Và khi giá cổ phần xuống, các ngân hàng hụt vốn, nhiều cơ sở tài chánh Nhật đã phá sản. Thay vì để cho các cơ sở tài chánh bị thị trường trừng phạt, để các cơ sở còn vững có dịp tự cải tiến và phát triển hơn, chính phủ Nhật đã bỏ ra 233 tỷ Mỹ kim giúp các ngân hàng đứng vững.

Các ngân hàng Nhật đua nhau cho vay mà không theo kỷ luật thị trường, góp phần gây khủng hoảng tiền tệ ở Á đông. Các nước Á Đông ngày càng mang nợ chồng chất, đến lúc hàng xuất cảng của họ bị hàng Trung Quốc cạnh tranh, họ không có tiền trả nợ. Chính sách của Nhật tìm cách hạ giá đồng Yen để dễ xuất cảng cũng khiến Thái, Indonesia, Đại Hàn bị vạ. Khi Yen xuống giá (Năm 1995 một Mỹ kim đổi được 90 Yen, năm 1997 lên 120 Yen, nay có lúc 135 Yen) thì đô la lên giá, các nước này đang mắc các món nợ ngắn hạn phải trả, tự nhiên thấy tiền trả nợ tính ra đô la thành quá cao. Tiền tệ các nước Á đông phá giá và kinh tế suy thoái khiến hàng Nhật xuất cảng sang vùng này gặp khó khăn, cùng lúc đó các ngân hàng Nhật thấy họ đang gánh bao nhiêu món nợ không thể đòi rải rác từ Đại Hàn, Thái Lan, qua Indonesia. Phản ứng của các ngân hàng Nhật là thắt chặt hầu bao, ngưng cho vay, đẩy cho cuộc khủng hoảng tài chánh ở Á đông trầm trọng hơn. Cả thế giới thúc đẩy chính phủ Nhật phải tìm biện pháp phục hồi kinh tế, vì kinh tế Nhật là đầu tầu cho cả vùng Á đông.

Ngập ngừng cắt thuế

Chính phủ Nhật đã thử nhiều biện pháp đưa kinh tế lên nhưng thất bại, mức tăng trưởng trung bình là 1% một năm, và đầu năm nay dự đoán năm 1998 Tổng Sản lượng Quốc nội Nhật sẽ giảm.

Một biện pháp đã đem thử để kích thích nền kinh tế là tăng công chi. Từ năm 1992 chính phủ Nhật đã chi 556 tỷ Mỹ kim vào các đại công tác. Năm nay, ông Hashimoto cũng hứa hẹn chi 16 ngàn tỷ Yen (120 đến 125 tỷ đô la) mà trong đó phần lớn là xây cất. Trước đây, đã có nhưng công trình như tráng xi măng các lòng sông, đục đường hầm xuyên qua biển, dựng một cây cầu treo dài nhất thế giới nhưng dự trù mỗi ngày chỉ có 3000 chiếc xe đi qua (và sự thật sẽ chỉ có 300 chiếc), v.v. Các đại công trình đó giúp các nhà thầu xây cất giầu to, nhưng khả năng kích thích kinh tế thì rất nhỏ. Như Giáo sư Takayoshi, Đại học Hosei nhận xét, khi kinh tế Nhật mới bắt đầu phát triển thì chi tiêu 1000 Yen xây đường có thể kích thích tạo ra 1400 Yen trong các hoạt động kinh tế. Nhưng ngày nay, kinh tế Nhật đã trưởng thành, thì các khoản chi đó không nhân lên được bao nhiêu. Nhưng, ở Nhật cũng như ở Mỹ, các dân biểu đảng cầm quyền lâu nay vẫn dùng những dự án xây cất này để mua chuộc lòng cử tri địa phương, nhất là các nhà thầu địa phương vẫn ủng hộ họ.

Tháng Hai năm nay sản lượng giảm 3.3%, và các tháng tới còn xuống nữa. Các nước Âu Mỹ đều nhắc nhở muốn thúc đẩy nền kinh tế của Nhật, đồng thời giúp các nước Á Đông phục hồi, thì phải kích thích mức tiêu thụ trong nước Nhật. Một trong các biện cắt giảm thuế cho người tiêu thụ. Giảm thuế nghĩa là để cho người tiêu thụ tự do sử dụng đồng tiền họ kiếm được. Nhưng người ta lo rằng khi dân Nhật có nhiều tiền hơn, chưa chắc họ sẽ đem tiêu dùng ngay nếu đó chỉ là một món tiền bất thường. Họ lo xa, còn lo có ngày mất việc nếu kinh tế chưa lên, lo để dành cho ngày về hưu, v.v. Nghĩa là dù có cắt giảm thuế, nhu cầu tiêu thụ nội địa vẫn khó tăng thêm nếu đó chỉ là biện pháp tạm thời.

Nhưng ông Hashimoto không thể uống liều thuốc đắng "cắt giảm thuế." Ông đã hứa sẽ giảm thiếu hụt ngân sách xuống 3% vào năm 2004. Đảng Tự Do thông qua một đạo luật biến chương trình "khắc khổ" này thành chính sách quốc gia.

Tổng số nợ của các cấp chính phủ ở Nhật hiện cao hơn Tổng Sản Lượng Quốc Nội, mà 22% ngân sách hàng năm là để trả lãi và vốn các món nợ đó. Năm ngoái, ông Hashimoto quá lạc quan vào dấu hiệu phục hồi, đã tăng thuế tiêu thụ từ 3% lên 5%. Kết quả là dân Nhật giảm hẳn số tiêu thụ, kéo kinh tế trì trệ thêm. Số bán của các cửa hàng bách hóa giảm 5.5% trong Tháng Hai năm nay, so với năm trước, và tỷ lệ thất nghiệp lên mức kỷ lục, 3.6%. Nhưng nếu muốn thay đổi chính sách, dù là tạm thời, ông Hashimoto sẽ bị ngay chính các nhóm trong đảng Tự Do Dân chủ của ông phản đối để tranh quyền, và chắc sẽ phải từ chức.

Một trở ngại khác của ông Hashimoto là hệ thống quyết định chính sách ở Nhật hoàn toàn lệ thuộc vào giới công chức. Các chính trị gia Nhật rất ít khả năng thay đổi chính sách. Ngoài giới công chức có rất ít các định chế độc

lập nghiên cứu chính sách. Quốc hội không có đủ các chuyên viên nghiên cứu, phân tích, các đại học, báo chí và cơ quan nghiên cứu tư (Think tank) cũng nghèo và thụ động trong việc thảo luận về những chính sách của quốc gia. Mà hệ thống công chức Nhật thì từ nửa thế kỷ nay chỉ theo lối mòn cũ, không có sáng kiến, không thích ứng được với những thay đổi. Giáo sư Haruo Shimada ở Đại học Keio nhận xét là công chức Bộ Tài chánh "phí phạm 80% thời giờ và tài nguyên."

Khi chương trình "kích thích kinh tế" 16 ngàn tỷ Yen được công bố thì ai cũng thất vọng vì không nói đến giảm thuế cho người tiêu thụ. Các nước Tây phương khuyến cáo, rồi đến các nhân vật ở Nhật. Bộ trưởng Kinh tế Đức Gunter Rexrodt đầu Tháng Tư viết một bài báo phê bình chính phủ Nhật chưa thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ của dân. Tổng thống Mỹ Bill Clinton công khai nói rằng chính phủ Nhật Bản cần vượt qua tính ù lì của guồng máy công chức để hành động quyết liệt hơn. Sau đó bốn nhân vật đứng ngoài chính phủ cũng kêu gọi phải cắt thuế.

Các chủ tịch công ty Matsushita Electric và Toyota kêu gọi cắt giảm thuế lợi tức cá nhân và thuế đánh trên lợi tức xí nghiệp. Ông Norio Ohga, chủ tịch công ty Sony đã báo động rằng nền kinh tế Nhật sắp "sụp đổ," nếu không kích thích nhu cầu tiêu thụ. Lời cảnh cáo của ông càng tăng trọng lượng vì hiện nay công ty Sony đang đạt thành quả rất tốt. Từ năm 1989 khi ông điều khiển công ty Sony đến nay, lợi nhuận tăng gấp ba. Giá cổ phần Sony tăng gấp đôi trong thời gian mà chỉ số Nikkei 225 giảm giá 60%. Ông Ohga khuyên chính phủ giảm thuế cho những mục tiêu rõ rệt, thí dụ thuế mua bán nhà cửa. và thuế lợi nhuận của các xí nghiệp. Rồi đến lượt Thống đốc Ngân hàng Trung ương Nhật, ông Masaru Hayami lên tiếng yêu cầu chính phủ cắt thuế lợi tức cá nhân một cách vĩnh viễn, và cắt thuế lợi nhuận cho các công ty. Hiện nay các công ty Nhật đóng thuế cao đến 50%, so với các công ty Anh và Mỹ khoảng 40% trở xuống.

Các nhân vật trên lên tiếng giúp Thủ tướng Hashimoto cơ hội xoay chiều 180 độ mà không sợ bị chính đảng ông lật đổ. Chỉ hiểu được điều đó khi ta biết nội tình đảng Dân chủ Tự Do. Đảng này (giống như đảng Cộng Sản ở nhiều nước) cầm quyền đã quá lâu, hầu như suốt 50 năm từ khi Nhật bại trận. Trong nội bộ đảng chia nhiều phe, tình trạng lãnh đạo của đảng Dân chủ Tự do cũng tê liệt, vì các phe lo tranh giành chức vụ và canh chừng lẫn nhau, hơn là lo việc nước. Vì vậy, Hashimoto sẽ chỉ dám nói đến chuyện cắt thuế sau khi nhiều người ở bên ngoài cổ võ cho chủ trương đó, khiến ai cũng thấy đó là một nhu cầu khẩn thiết, đối thủ của ông không dám đả kích ông nữa!

Nhưng cắt giảm thuế, rồi chuyện khiếm hụt ngân sách sẽ tính sao? Một người chống đối kịch liệt việc cắt thuế là ông Taku Yamasaki, người chủ trì các chính sách của đảng cầm quyền. Ông ta, và các công chức bộ Tài chánh, sợ rằng bớt thuế tức là làm ngân sách khiếm hụt thêm!

Nhưng điều mà họ không chịu nhận ra, là nếu tiếp tục chính sách hiện nay, khiếm hụt ngân sách sẽ thêm trầm trọng, vì khi kinh tế suy yếu thì số thuế thu được cũng giảm. Một kinh tế gia của công ty Merrill Lynch ở Nhật đã tính rằng từ năm 1992 đến 1997, số khiếm hụt ngân sách tích lũy 105 ngàn tỷ Yen của chính phủ Nhật có ba nguyên nhân chính: 13% số khiếm hụt là do giảm thuế, 27% là do chi tiêu của nhà nước, và 44% là do số thuế thâu được ít đi vì kinh tế tăng trưởng quá chậm. Nếu giảm thuế một cách vĩnh viễn cho người dân như ông Thống đốc Ngân hàng Trung ương đề nghị thì sẽ tạo được lòng tin giúp họ tiêu thụ nhiều hơn, các công ty được bớt thuế sẽ đầu tư thêm, hy vọng kinh tế sẽ thoát cơn suy thoái.

Một quyết định cắt giảm thuế mà chính phủ Nhật mãi không dám quyết định cũng vì giới lãnh đảo đảng cầm quyền tự làm cho họ tê liệt. Tình trạng tê liệt đó tự đảng cầm quyền đã tạo ra, sau khi đã cai trị quá lâu. Nhưng nước Nhật may mắn vì còn có dư luận bên ngoài. Các chủ tịch công ty Sony, Toyota, Matsushita có tiếng nói vì họ đứng ở lãnh vực tư. Ông Thống đốc Ngân hàng Trung ương dám nói vì ông muốn xác định từ nay Ngân hàng có vai trò độc lập. Và báo chí ở Nhật dám đăng các lời tuyên bố của các nhân vật trên. Ở Việt Nam thì khác.

Nhưng vấn đề kinh tế ở Nhật vẫn chưa giải quyết được với một chương trình kích thích ngắn hạn. Vấn đề lớn là chuyển hoá nền kinh tế từ tình trạng lệ thuộc vào các công chức tập trung quyền hành, sang một thể chế thị trường cởi mở, tự do và nhiều cạnh tranh hơn.●

VƯƠNG HỮU BỘT

TRAO ĐỔI VỚI NHÀ CÁCH MẠNG LÃO THÀNH TRẦN ĐỘ VỀ TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

NGUYỄN THANH GIANG

LTS: Ông Nguyễn Thanh Giang, một chuyên viên Địa Vật Lý thuộc Cục Địa Chất Việt Nam ở Hà Nội, từng là đảng viên đảng Cộng Sản Việt Nam, là một tên tuổi không lạ gì với giới trí thức phản kháng ở trong nước cũng như giới sinh hoạt chính trị, tranh đấu ở hải ngoại. Những bài viết của ông gửi thẳng đến giới lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam để đặt những vấn đề tự do, dân chủ cho đất nước dù không được báo chí trong nước đăng tải nhưng đã được sao chép lại, phổ biến rộng rãi ở trong nước, cũng như được đăng trên nhiều báo ở hải ngoại.

*

"Tình hình đất nước và vai trò của đảng Cộng Sản" là tiêu đề bài viết 18 trang đánh máy vi tính khổ A4 của nhà cách mạng lão thành Trần Độ vừa hoàn thành vào cuối 1997 đầu 1998.

Vốn là người khí phách, ông đang học Trung học ở Hà Nội thì bỏ về quê ở Thái Bình hoạt động cách mạng từ 1939. Ông tham gia đảng Cộng Sản Đông Dương từ 1941. Cùng năm đó, ông bị thực dân Pháp bắt và đày lên Sơn La. Ông đã xông pha nhiều trận tuyến: Chính trị viên Bộ chỉ huy Vệ quốc đoàn khu Hà Nội, Chính uỷ đại đoàn 312, Chính uỷ quân khu Hữu ngạn, Phó Chính uỷ toàn Quân Giải Phóng Miền Nam. Ông từng giữ nhiều chức vụ trọng yếu trong bộ máy đảng và nhà nước Việt Nam: Phó Chủ tịch Quốc Hội, Trưởng ban Văn Hóa - Văn Nghệ Trung Ương Đảng v.v... Ông được kết nạp làm Hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam từ năm 1957, và cho đến 1974 có lẽ ông là nhà văn Việt Nam đầu tiên có quân hàm cao nhất: Trung Tướng.

Hiện ông đã ngoại thất tuần và nghỉ hưu được ít lâu nhưng vì thấy tình hình bất an nên đã phải dốc ra *"những giọt máu vắt từ trong tim một người từ nhiều chục năm nay"* (1) để thảo luận về Đất nước và về Đảng. Ông không thể đừng được vì cảm thấy nước nhà *"đang đứng trước hai nguy cơ hiểm ác: hoặc là sẽ bị sụp đổ, một sự sụp đổ không ai cứu nổi, hoặc là sẽ mất ổn định ngày càng lớn. Đảng lại buộc phải đối phó, đàn áp và cuối cùng cũng tan rã nếu không cứu xã hội thoát nhanh khỏi tình hình bùng nhùng, bệnh hoạn hiện nay"* (1). Lời cảnh cáo dữ dội và đau xót đó bật lên sau quá nhiều khắc khoải, dằn vặt của ông trước những nghịch lý rất quái gở, rất tàn khốc mà cứ nhởn nhơ được tồn tại trong xã hội ta. Đến nỗi, dường như ông phải quằn quại thét lên hàng loạt câu hỏi: *"Tại sao... Tại sao... Tại sao...?"* để rồi tất cả những ai có lương tri đều phải sẵn sàng chia sẻ cùng ông.

Ông hỏi: *"Tại sao luôn luôn nhấn mạnh "kinh tế quốc doanh là chủ đạo" trong khi đó là một khu vực kém hiệu quả nhất và là những "ổ" tham nhũng ghê gớm nhất?"* Rồi ông phán quyết: *"...Không thể thực hiện theo lối nói nhập nhằng 'kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.' Giữa hai cái phải chọn lấy một. Lấy sự phát triển kinh tế của đất nước hay lấy định hướng xã hội chủ nghĩa?"* Ông chỉ ra: *"...Với 'định hướng xã hội chủ nghĩa,' Nhà nước rất rộng tay cấp tín dụng cho khu vực kinh tế quốc doanh, khiến cho tín dụng không thu hồi được,*

các ngân hàng đứng trước nguy cơ phá sản" (1). Quả đúng rằng đấy là một nguyên nhân tạo nên nghịch lý. Tuy nhiên, còn một nguyên nhân khác là người ta *"thích cái cơ chế đó chỉ vì còn muốn lợi dụng nó để biến một số phần tử trong 'giai cấp' mình thành những tên tư bản đỏ, những tên tư bản được đề bạt, được chỉ định, được bao cấp, được bảo vệ bằng chuyên chính vô sản."* (2) Có cái sự mập mờ, không ra mèo trắng, chẳng ra mèo đen như thế thì người ta mới có điều kiện *"ngụy tạo ra đủ thứ: kinh tế dân sự, kinh tế đoàn thể, kinh tế đảng, kinh tế các lực lượng vũ trang... nhằm khuấy đục cả xã hội lên để nuôi béo những con cò."* (2)

Tamexco là gì? Là cánh tay làm kinh tế của Đảng. Có vậy thì nó mới có nổi sức mạnh thần thông mà moi móc, mà biến hóa hàng trăm tỷ đồng mồ hôi nước mắt của nhân dân vào túi riêng của bọn tham tàn để rồi làm thất thoát đi đến sáu, bẩy trăm tỷ đồng. Công ty Dệt 8.3 quốc doanh chính hiệu, thì tính đến tháng Mười Hai năm 1996 có số dư nợ vốn đầu tư là 126 tỷ đồng nhưng dư nợ đến hạn tới 42 tỷ đồng. Cũng đến ngày đó, công ty quốc doanh nhà nòi Dệt Nam Định, nợ vốn đầu tư là 641 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn 130,7 tỷ đồng, nợ trung hạn và dài hạn 172 tỷ đồng, nợ mua thiết bị trả chậm nước ngoài 115 tỷ đồng, còn lại là các khoản vay lưu động, chiếm dụng vốn, nợ lãi, nợ ngân sách... (Đây là những con số được công bố, thực tế chắc còn ghê gớm hơn). Vì là con cưng quốc doanh nên Dệt Nam Định mới có đủ thế lực bao che để được gian dối đến mức qua bốn năm, từ 1992 đến 1995 đã lỗ hơn 20 tỷ đồng mà năm 1992 vẫn được khai báo là lãi 3,1 tỷ đồng, 1993 lãi 203,6 triệu đồng, 1994 lãi 297,7 triệu đồng. Rõ ràng: *"Nhiều doanh nghiệp nhà nước đang là các bầu sữa tong teo của nhân dân bị vắt ra đau đớn để nuôi béo một bọn người vừa bất tài, vừa vô trách nhiệm, vừa phi nhân bản."* (2)

Cần xúc tiến bằng nhiều biện pháp: cổ phần hóa, giải tư, giải thể để giảm nhanh 6,000 doanh nghiệp nhà nước xuống chừng dăm bẩy trăm, đồng thời thiết thực tạo ra sân chơi đồng đều cho tất cả các thành phần kinh tế.

Ông hỏi: *"Tại sao người dân, trong hoàn cảnh mức sống có tăng lên, không thiết tha góp công, góp của vào công cuộc xây dựng đất nước như Đảng không ngừng kêu gọi? Thậm chí ở một số nơi người dân còn chống lại các tổ chức Đảng và đứng lên đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của mình?"* Về vấn đề này *"câu trả lời sẽ không khó, nếu lấy lợi ích đất nước mà không phải lấy lợi ích của Đảng làm đầu." (1)*

Thử nghiêm túc nhìn nhận lại xem. Sau đẳng đẵng gian lao, với ngập tràn hy sinh xương máu, thảm khốc hơn bất kỳ đất nước nào, tàn hại hơn bất kỳ dân tộc nào trên thế giới trong lịch sử hiện đại, *nhiều đảng viên có chức có quyền không những được sống sung sướng hơn quan lại thời trước mà hơn cả nhiều nhà tư bản ở các nước hiện đại. Còn người dân, tuyệt đại đa số đồng bào, được gì? Trước cái mức sống ngang với mức sống của một trong 20 nước nghèo khổ nhất thế giới. "Được bóc lột" nặng nề hơn trước để tạo nên cái hố ngăn cách giàu, nghèo sâu rộng hơn xưa rất nhiều. Được hưởng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà trong đó người nông dân bị hàng loạt cường hào ác bá mới lợi dụng chuyên chính vô sản thẳng tay trù dập, trấn áp khi cần cho quyền lợi của họ.* (Vì vậy nông dân Thái Bình, Uy Nổ, và lác đác đây đó ở Hà Tây, Đồng Nai, Thanh Hóa... mới phải nổi dậy). *Tầng lớp trí thức thì bị siết vào một vòng kim cô hệ tư tưởng này, hệ ý thức kia. Chỉ được nghĩ theo Đảng nên cũng chỉ được nói theo Đảng.* Những trí thức lòng ngay dạ thẳng dám bộc bạch tư duy của mình thì dù đã từng đồng cam cộng khổ, chung lưng đấu cật với Đảng, *cũng bị Đảng không ngần ngại thẳng tay trừng trị!*

Cho đến bây giờ, những biện pháp trù diệt cổ sơ vẫn cứ được sử dụng tỉnh bơ, như không còn ai có khả năng nhớ nổi lời thánh hiền: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân." Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự..., những người đã từng dốc bầu máu nóng, hơn 30 năm trước với đầy hào khí hô hào thanh niên xông tới xả thân vì cách mạng, vì Đảng qua những vần thơ đầy nhiệt huyết: "Cái tuổi 20 khi hướng đời đã rõ. Thì khó khăn biết mấy cũng lên đường..." đã từng hy sinh cả vợ mình trong chiến trận: đã từng hăng hái đi tiên phong phát động học sinh, sinh viên Miền Nam đấu tranh hướng về Cách mạng... *Vậy mà, đến nay họ đang bị giam lỏng trong kiếp tù tại gia rất thương tâm.*

Chính vì Đảng chỉ vì Đảng, chính quyền chỉ vì chính quyền như vậy cho nên quần chúng, và, kể cả đảng viên, nếu không vùng lên đấu tranh thì cũng tỏ thái độ chán chường, thờ ơ, lãnh đạm. Cái thực trạng u uất, ảm đạm tiên khởi của xã hội ta đã từng được nhà chí sĩ Phan Bội Châu mô tả trong bài Hải Ngoại Huyết Thư:

Một là vua sự dân chẳng biết

Hai là quan chẳng thiết gì dân
Ba là dân chỉ biết dân
Mặc quan, mặc quốc, mặc thần, mặc ai.

Ở Phi Luật Tân, người ta rầm rộ xuống đường biểu tình đòi giảm án cho cô gái ở đợ tên Sara Balabazan khi cô dám cầm dao đâm chết ông chủ để bảo vệ trinh tiết cho mình. Ở Mỹ, dư luận xôn xao, làm chấn động cả quốc tế về án tử hình của một phụ nữ sát nhân biết hối cải ở bang Texas. Ở nước ta, không phải chỉ những trí thức nổi tiếng thế giới như giáo sư Đoàn Viết Hoạt hay bác sĩ Nguyễn Đan Quế v.v... đã bị giam cầm cả chục năm trời mà không mấy ai được biết, ngay cả các nguyên uỷ viên Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, các cán bộ cao cấp của Đảng như Trần Xuân Bách, Hoàng Minh Chính, Chu Văn Tấn... khi bị xử trị, báo chí cũng chỉ đưa tin qua quýt. Không ai có điều kiện để được bàn bạc, được suy ngẫm. Mọi người buộc phải biết sống trong trạng thái vô cảm, mặc dòng tộc, đồng chí, *"mặc quân, mặc quốc, mặc thần"* tất cả phó thác cho đảng thì mới được coi là tin tưởng đảng. Thật khác lẽ đời đến mức quái dị. Vậy mà tinh thần của ta, ý thức của ta, lòng nhân ái của ta bị tha hóa quá lâu, quá tệ hại, đến mức ta không còn khả năng tự vấn lương tâm, không còn biết tự sỉ nhục!

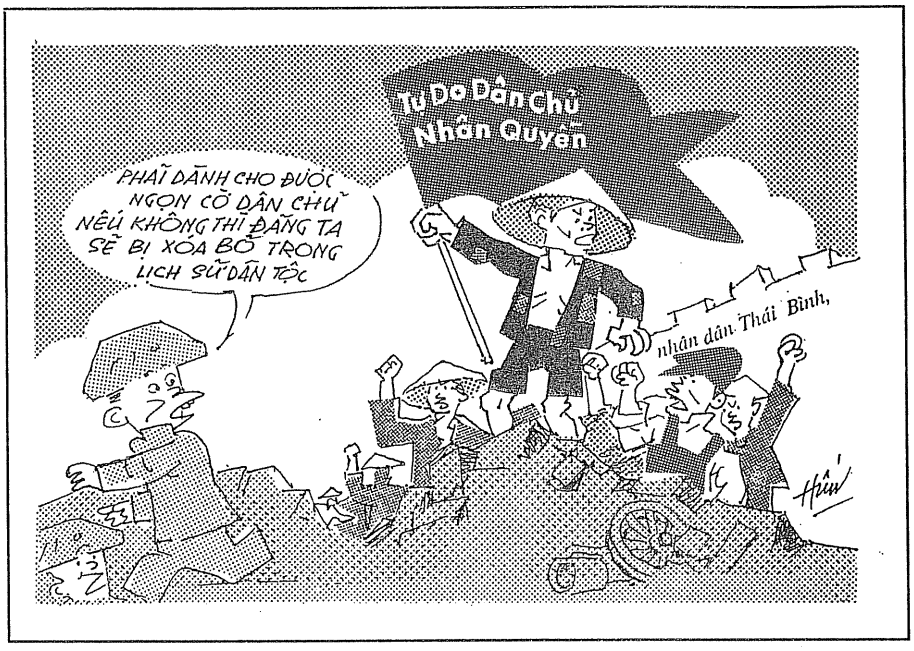

Dẫu sao, "Vi thiện giả, thiên báo chi dĩ phúc; vi bất thiện giả, thiên báo chi dĩ họa" (Lời Khổng Tử). Khi đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng tài chính, để giúp Nhà nước thoát khỏi tình trạng nguy ngập, người dân Hàn Quốc, người dân Thái Lan... đang sống ở trong nước cũng như ở ngoài nước đều tự giác tình nguyện góp những món đồ tư trang bằng vàng để nhà nước nấu chảy ra đúc thành khối, đổi lấy ngoại tệ. Lòng ưu thời, mẫn thế của con người Việt Nam xưa kia còn được biểu hiện cao quý hơn thế rất nhiều qua các Tuần Lễ Vàng tổ chức ngay sau Cách mạng Tháng Tám, qua các hành động tự tháo gỡ nhà mình ra lót đường cho chiến xa thẳng tiến ra mặt trận... Vậy mà, đến nay, không những người ta *"không thiết tha góp công góp của vào công cuộc xây dựng đất nước như Đảng không ngừng kêu gọi"* (1), mà, thậm chí, nếu rồi đây có ai thấy tự nhiên bị quy là Trần Xuân Bách, là Hoàng Minh Chính, là Chu Văn Tấn thì chắc hẳn cũng sẽ chẳng ai buồn đoái hoài.

Về câu hỏi: *"Tại sao đường lối đổi mới và mở cửa đã đưa tới một sự phân hóa xã hội sâu sắc đến thế, đưa tới sự làm giàu bất chính và đầy thách thức của một bộ phận nhỏ — chủ yếu là trong cán bộ, đảng viên có chức có quyền — như thế?"* (1) Câu hỏi này nên được đặt ra một cách chặt chẽ để tránh sự ngộ nhận chẳng qua chỉ vì chúng ta cứ cố tình ngoan cố sử dụng những thuật ngữ không đúng, nếu không muốn nói thẳng ra là ngụy biện, là quanh co. Lẽ ra phải nói là *sửa sai* hoặc *đổi lại như xưa* mới đúng. Thực tế những năm qua cho thấy những gì ta thực sự phục thiện, thành thật sửa sai, tìm được ra *cái mới hoặc đổi lại được như ngày xưa thì đều gặt hái thành quả tốt; những gì còn luẩn quẩn kiểu "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" thì đều lúng túng hoặc*

thất bại.

Xưa kia, người nông dân đang được trực tiếp quản lý ruộng vườn của mình, ta ép buộc họ vào hợp tác xã làm cho không những miếng thịt, con cá bỗng trở nên hiếm hoi, đến mớ rau cũng phải xếp hàng mới mua được. Từ khi trở lại giao đất, giao rừng về cho nông dân, lương thực, thực phẩm lại được sản xuất gia tăng bội phần.

Xưa kia ta đã có nền kinh tế nhiều thành phần hoạt động, theo quy luật thị trường, bỗng nhiên ta ra quyết định *"Đẩy mạnh công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh."* (3) Thế là ta thẳng tay tiêu diệt hết các thành phần kinh tế khác với quyết tâm biến dần nền kinh tế quốc dân từ chỗ có nhiều thành phần thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cơ bản thuần nhất chỉ gồm hai hình thức: sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. *Do vậy chợ búa xác xơ, chiếc quần đùi, gói mì chính (bột ngọt)...* cũng phải bán phân phối. Trả lại quyền tồn tại của các thành phần kinh tế như ngày xưa, sức sản xuất được giải phóng đôi phần, nền kinh tế mới có điều kiện khởi sắc trở lại.

Xưa kia, ngoài hệ thống trường công, ta có các trường tư; ngoài bệnh viện nhà nước, có các nhà thương tư, nhà thương làm phúc... bỗng nhiên ta dẹp bỏ, chỉ để lại các trường, các bệnh viện "quốc doanh." Sự thiếu hụt kinh phí, sự xuống cấp thảm hại về giáo dục và y tế đang buộc ta không còn cách nào khác là phải quay về làm lại như xưa v.v...

Vậy mà tạo sao ta vẫn không chịu tiếp nhận bài học thực tiễn, vẫn khăng khăng "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa," vẫn ra lệnh phải *"tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước"* và ép buộc tổng sản phẩm GDP phải giành tỷ trọng 60% cho các thành phần kinh tế này. (4) Cơn khát doanh nghiệp nhà nước một cách mù quáng khiến người ta càng khát càng tu nước muối, để rồi *hàng nghìn tỷ đồng mồ hôi, nước mắt, xương máu của nhân dân cứ thế đem đổ xuống sông xuống bể thật xót xa.*

Về chuyện *mở cửa*. Phải hô lên mở cửa, phải chăng nghĩa là trước đây ta đóng cửa? Kể cả khi ta đã và đang có quan hệ cốt thiết với nhiều nước trong phe xã hội chủ nghĩa? Về phương diện nào đó, ý niệm này có phần đúng. Nhưng tiếc rằng, cho đến nay vẫn chưa thực lòng hay là chưa biết mở cửa một cách quang minh. Cánh cửa thông ra với thế giới bên ngoài phải được quan niệm là chỉ có một nhưng được kết cấu rất hữu cơ bằng nhiều tế bào: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, thông tin, khoa học - kỹ thuật v.v... Nếu chỉ nhằm vào một hai lĩnh vực thì cửa không thể nào mở được. Cứ cố tình ra sức chọc vào một vài tế bào thôi thì chỉ tạo ra các lỗ thủng làm xoáy lên những cơn gió độc, hoặc là, làm hoại thư cánh cửa. Nếu giảng giải rằng lối thông ra thế giới bên ngoài gồm nhiều cánh cửa tầng tầng lớp lớp: *cánh cửa chính trị, cánh cửa kinh tế v.v...* thì khi mở ra chỉ một vài cánh cửa trong số đó, lối đi quang minh chính đại vẫn không thể khai thông. *Cửa vẫn không mở và không có trạng thái "mở cửa" đích thực.*

Những năm vừa qua, ta chưa mở cửa một cách đàng hoàng cho đại khối nhân dân mà chỉ tạo điều kiện để một số thế lực chọc lách thành những khe hở mà móc ngoặc, mà đi đêm với nhau. Từ đấy gian lận chính trị, gian lận kinh tế v.v... mới ló ra lúc nhúc những mafia đủ loại, những tên mại bản, những kẻ đầu cơ, nhưng lũ gian thương... Mất độc lập, mất tự chủ, mất tài sản quốc gia, mất đồng bào... chính là vì vậy.

Nói về Đảng của mình, ông sững sờ nêu câu hỏi: *"Tại sao Đảng bây giờ lại khác Đảng ngày xưa?"* (1) Và ông tự tìm câu trả lời: *"Ngày nay Đảng với dân là hai. Đảng là ai? Đảng là những người cai trị có quyền lực, cai trị dân và dân vẫn như ngày xưa, là những người bị cai trị, thấp cổ, bé họng. Ngay trong Đảng cũng chia thành hai..."* (1)

Nhà thơ - chiến sĩ cách mạng Bùi Minh Quốc cũng từng có nhận xét tương tự *"Đảng chỉ còn cái danh. Thực chất, dưới cái danh xưng chung này đang tồn tại hai đảng: một đảng của thiểu số đặc quyền đặc lợi và những kẻ ăn theo nói leo, một đảng của đa số đảng viên thường. Giữa đảng viên của hai đảng này làm gì còn chút nào gọi là lý tưởng chung, là tình đồng chí... Sự giàu sang phè phỡn của đảng viên ở phía này dựa trên sự cùng khốn về kinh tế, nhu nhược về chính trị của đảng viên ở phía kia." (5)*

Thật là chua xót. Nỗi chua xót này đang ngày càng ngấm sâu để biến thành nỗi đau quằn quại của những đảng viên chân chính. Những đảng viên thuộc lớp Trần Độ, Nguyễn Văn Trấn, Hoàng Hữu Nhân, Lê Hồng Hà... trở về trước, và kể cả sau này như Nguyễn

Kiến Giang, Bùi Minh Quốc, Đỗ Trung Hiếu... khi đứng tuyên thệ dưới cờ, nắm tay hát vang, "Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian, Vùng lên hỡi ai cực khổ bần hàn," đều nghĩ tới một xã hội không còn bất công, không còn đói nghèo. *Vậy mà đến nay, bóc lột vẫn còn đó, áp bức vẫn còn đó, thiếu tự do vẫn còn đó, mất dân chủ vẫn còn đó. Nào phải kẻ ngoại bang, nào phải những kẻ khác máu tanh lòng, chính đảng viên bóc lột mình, chính đồng chí mình đàn áp, khống chế mình.* Cho nên, càng trung kiên, càng trong sáng càng xót xa, cay đắng.

Đảng bây giờ đã khác hẳn Đảng ngày xưa! Đó là "Nỗi buồn mang xuống tuyền đài chưa nguôi" của những ai đã từng một thời "Ra đi không vương thê nhi" vì nghĩ rằng mình đang xả thân cho những gì được xem là lý tưởng cao đẹp. Phạm Hồng Thái, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai, Lý Tự Trọng... nếu được bừng sống lại, hẳn còn nghìn vạn lần đau đớn hơn ta.

Vậy mà Đảng chỉ thấy tự hào. Tự hào ngay cả khi mắc sai lầm nghiêm trọng. Một vài tình huống đơn cử trên đây cho thấy nhiều tiến trình xã hội ở Việt Nam đang được diễn tiến bình thường, hợp quy luật tự nhiên, bỗng nhiên bị lái chệch sang một hướng sai. Khi đến ngõ cụt, khủng hoảng đến mức sắp sụp đổ, buộc phải đổi hướng hoặc quay lại thì Đảng vẫn bắt mọi người phải ca ngợi: nhờ công ơn Đảng biết đổi mới.

Còn đâu cái phương châm phê và tự phê có thời nào đó từng được nêu lên như một lẽ sống của đảng!

Dưới cái định đề dân chủ tập trung, người ta thâu tóm mọi quyền lực cho các vị chức sắc trong Đảng, chức vị càng cao, độ tập trung quyền lực càng lớn. Dân chủ tập trung tạo điều kiện cho một nhóm người, thậm chí một người nào đó tự xem họ là toàn bộ đảng, chỉ có họ là đảng viên có nghĩa, hàng triệu đảng viên khác chỉ là những con bài trên cái chiếu chơi đỏ đen. Thế là lão tướng Trần Độ lại khắc khoải *"Tiếc thay, hiện nay Đảng là Đảng trị, lại độc tôn, không có bất cứ một cơ chế giám sát nào, kể cả những người ở trong Đảng. Đã độc tôn thì tất yếu đi với lộng quyền." (1)*

Từ rất nhiều nghịch lý đã làm bật lên bao nhiêu câu hỏi "Tại sao" của những lương tri lớn như Trần Độ, *ai cũng thấy yêu cầu dân chủ hóa xã hội ở nước ta bức thiết chừng nào. Không, không ai đòi dân chủ vô giới hạn "dân chủ quá trớn"* (lâu nay, do coi thường vai trò luật pháp, phế bỏ chế độ pháp trị để thay bằng chuyên chính vô sản; do chỉ dạy trung hiếu với Đảng, Đảng là trên hết, kiểu như "Tiếng đầu lòng bé gọi Stalin" nên gia đạo bị xem nhẹ, kỷ cương phép nước bị coi thường. Tuy nhiên, trước những hiện tượng xấu xa, đồi bại tệ hại hơn ngày xưa: con cái không vâng lời cha mẹ, trò cãi lại thầy, phóng uế bừa bãi ra đường phố v.v... người ta lại giải thích xằng bậy rằng thế là do dân mình được dân chủ quá trớn!), *mà chỉ mong được hưởng dân chủ thật, mong dân chủ được đến mức nào thì trên dưới phải cũng được hưởng như nhau.*

Sự thật thì, nhân dân ta chưa bao giờ được hưởng nền dân chủ đích thực. Chỉ có những mỹ từ không có thật như: dân chủ XHCH gấp triệu lần... Bởi vậy, dân chủ hóa, hay cải tạo dân chủ cho xã hội chủ nghĩa là cả một quá trình với bề bộn công việc. Lão Tướng Trần Độ nêu hai việc phải ưu tiên làm ngay. Một là *"Ban hành một chế độ, một bộ luật về tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và do đó tất yếu là phải tự do báo chí và tự do xuất bản."* (1) Hai là *bầu cử tự do.* Ý kiến này chắc chắn được đại đa số những người chân chính có mối quan tâm tha thiết với vận mệnh đất nước hưởng ứng. Nhà toán học Phan Đình Diệu thì cho rằng: *"Để thực sự có tự do ứng cử, bầu cử thì phải có tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tự do hội họp v.v... Tự do báo chí, tức là quyền tạo ra dư luận. Theo nghĩa dân chủ thì quyền tạo ra dư luận, quyền tranh thủ sự đồng tình của dư luận là một quyền hết sức tự nhiên." (6) Song le, biết trông chờ vào đâu để xúc tiến cho được những công việc này.*

Đành rằng, những yêu cầu trên đều đã từng được nhà ái quốc xuất chúng Nguyễn Ái Quốc và đảng Cộng Sản Việt Nam nêu thành những ưu tiên hàng đầu trong Cách Mạng Tháng Tám. *Nhưng mà, Đảng bây giờ đã khác hẳn Đảng ngày xưa rồi còn đâu.*

Bởi vậy, để tiến hành được sự nghiệp dân chủ hóa ở Việt Nam, cần tạo được ít nhất một trong hai tiền đề tiên quyết sau đây:

Một là: Đổi mới triệt để, hay thẳng thắn hơn, cải tổ sâu sắc đảng Cộng Sản Việt Nam.

Hai là: Mạnh dạn một cách cẩn trọng phục hồi chế độ dân chủ đa nguyên đa đảng ở Việt Nam.

Đối với tiền đề thứ nhất, khả năng hiện thực đã sáng sủa hơn trước kể từ khi những lãnh đạo trẻ được chấp chính ở các cương vị cao nhất. Họ là những người trí tuệ hơn, sung

sức hơn, ít chịu trách nhiệm với những sai lầm quá khứ hơn. Họ đang tỏ ra biết lắng nghe khi Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu nhiều lần trực tiếp đối thoại với cụ Hoàng Minh Chính. Tổng Bí Thư cũng còn vui vẻ xởi lởi đến chúc Tết tướng Trần Độ vào ngày đầu xuân Mậu Dần. Một trong những buổi tiếp xúc đầu tiên ở cương vị mới, Thủ tướng Phan Văn Khải dành cho giới trí thức, và sau đó là liên tiếp những cuộc đối thoại khoáng đạt với các nhà sản xuất, các doanh nhân trong và ngoài nước v.v... Nếu các nhà lãnh đạo trẻ dám dũng cảm rũ bỏ những ý niệm về Đảng đã bị tha hóa, biết thực sự dấn thân vì quyền lợi của nhân dân thì sự nghiệp cách mạng mới sẽ ghi danh họ trong sổ vàng lịch sử của tổ quốc.

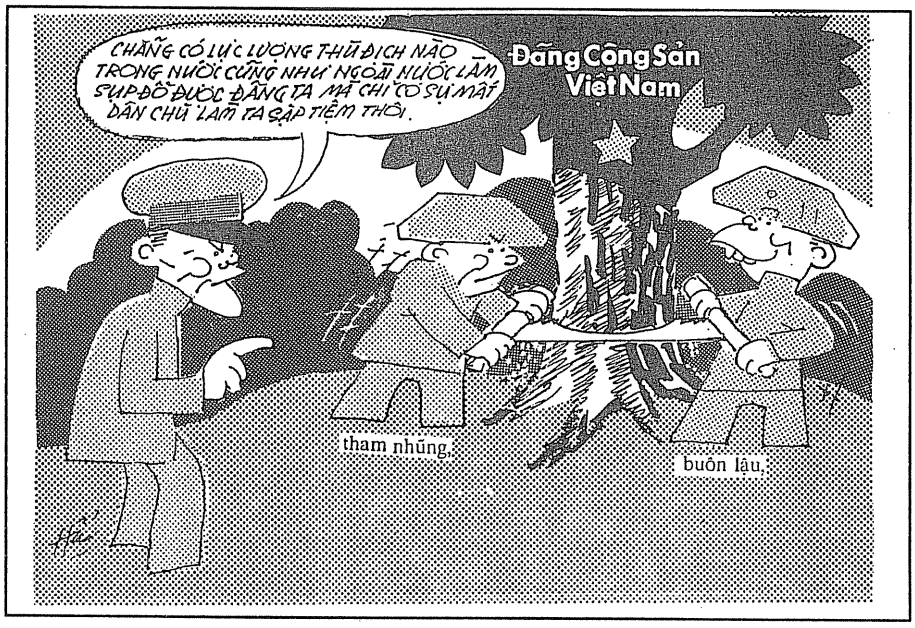

Sự nghiệp canh tân đất nước trong nền văn minh điện toán của thế giới hiện đại rất khó thành công nếu chỉ phó thác cho một đảng mà đảng ấy chỉ là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Trong buổi sinh thời của Mác, giai cấp công nhân có thể mang những tư chất cần thiết để lãnh đạo cuộc cách mạng lật đổ chế độ áp bức bóc lột, ngày nay những tư chất ấy không những không còn đáp ứng nổi mà đôi khi còn ngáng trở công cuộc canh tân đất nước. Có thể đặt vấn đề giai cấp công nhân phải tự nâng mình lên cho ngang tầm thời đại. Song, làm gì có ai tự nắm tóc mà nhấc bổng mình lên được. Cơ thể cần nhiều loại sinh tố, kinh tế cần nhiều thành phần, thế giới cần đa cực để cạnh tranh, để dựa vào nhau, bổ sung cho nhau, giám sát nhau, kích thích nhau mà phát triển.

Tiền đề tiên quyết thứ hai trở nên bức bách hơn khi *"Đảng là đảng trị, lại độc tôn, không có bất cứ cơ chế giám sát nào, kể cả những người trong Đảng."* (1) Với các cơ chế độc đảng, những năm tháng lịch sử vừa qua, đảng Cộng Sản Việt Nam bên cạnh những kỳ tích tạo lập được cũng đã thực thi nhiều đường lối chính sách sai lầm. Có những sai lầm tồn tại quá lâu mà không một tổ chức hay cơ quan nào được quyền bàn thảo bình đẳng để cùng nhau cứu đất nước thoát nhanh khỏi những sai lầm và chọn được lối đi sáng sủa. Trong khi đó, bên cạnh mấy triệu đảng viên, còn hơn 70 triệu người với biết bao nhiêu tài năng, đức độ, bao nhiêu hiền nhân tuấn kiệt.

Đâu phải chỉ là sự tự tôn dân tộc. Cả thế giới đều nhận biết điều đó.

Dẫu thế nào chăng nữa, những ngày đông Đinh Sửu cũng đã qua. Mùa Xuân Mậu Dần đã tới. Mùa Xuân thiên niên kỷ thứ ba đang tới. Việt Nam, Việt Nam hy vọng của ta ơi!

Hà Nội 14 tháng 2 năm 1998

Nguyễn Thanh Giang
Địa chỉ: *Nhà A13, P9-TTPK Hóa mục Phường Trung Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 8.586 012*

Chú thích:

(1) Trần Độ *"Tình hình đất nước và vai trò của đảng Cộng Sản."*

(4) Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng CSVN *"Báo cáo Chính Trị tại Đại Hội VIII."*

(5) Bùi Mạnh Quốc *"Lương tri - Sức mạnh vô địch."*

(6) Phan Đình Diệu *"Một cách tiếp cận khoa học về dân chủ và cơ chế thực hiện dân chủ."*

(7) Thơ Khương Hữu Dụng.

TƯƠNG QUAN VĂN HÓA VÀ KINH NGHIỆM DOANH THƯƠNG CỦA NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT*

CHU HUYỀN - HẢI SƠN

Nhập đề

Kết quả của nhiều công trình nghiên cứu cho thấy rằng lý do thúc đẩy một số người dấn thân vào kinh doanh là để có được một cuộc sống độc lập, tự mình làm chủ mình, và không bị chi phối bởi người khác (Vesper, 1993). Tuy nhiên, con đường tự tạo nghiệp vụ (self-employment) cũng có nhiều bất trắc. Doanh gia luôn ám ảnh bởi viễn tượng bị thua lỗ, mất hết tài sản, và hết sức bận rộn trong suốt cả tiến trình điều hành cơ sở thương mại (Lewin Epstein & Yuchman Yaar, 1991). Nếu đúng như vậy thì sự tự tạo nghiệp vụ được ví như một con dao hai lưỡi.

Các nhà nghiên cứu xác quyết rằng công việc kinh doanh đòi hỏi rất nhiều sáng kiến và hy sinh, tuy nhiên họ bất đồng về ảnh hưởng và động cơ thôi thúc cá nhân lựa chọn kinh doanh như một nghiệp vụ (Leach, 1996). Hiện có rất nhiều ý kiến tương phản, tuy nhiên ba khuynh hướng sau đây được mô tả là nổi bật nhất.

Trước hết, tự tạo nghiệp vụ được coi là một lựa chọn nghề nghiệp hấp dẫn so với đi làm công cho một xí nghiệp hoặc là nhân viên của một công ty (Vesper, 1980). Mặc dầu con đường kinh doanh gắn liền với vất vả và bất trắc, nhưng tính độc lập và tự chỉ huy của sự tự tạo nghiệp vụ đã thúc đẩy các doanh gia mạnh dạn dấn thân (Timmons, 1976).

Một số các nhà nghiên cứu khác lại cho rằng những đòi hỏi cấp bách của tự tạo nghiệp vụ đem lại nhiều lo âu và căng thẳng trong cuộc sống, có khi còn ảnh hưởng tới cả sức khỏe (Eden, 1973, 1975).

Khuynh hướng cuối cùng đặt giả thuyết cho rằng sự khác biệt cá thể, hậu thuẫn của cộng đồng (Kahn, 1981), và ý thức đơn độc (Begley & Boyd, 1992) có thể làm nhẹ đi hoặc tăng thêm cái gánh nặng tạo nên cho cá nhân người làm kinh doanh.

Dầu được bàn rất nhiều về ảnh hưởng của các yếu tố ngoại lai đối với lãnh vực tự tạo nghiệp vụ, vai trò của văn hóa trong các sinh hoạt kinh doanh vẫn chưa được bàn luận đầy đủ trong các tài liệu nghiên cứu. Trong phạm vị bài này, văn hóa được định nghĩa như một tập quán, một quy tắc chung áp dụng cho một bộ lạc, một cộng đồng thuần nhất gồm những người nói chung cùng một ngôn ngữ, có chung một màu da hoặc cùng một tín ngưỡng.

Bài tham khảo này được viết với mục đích bắc một nhịp cầu dẫn tới một lãnh vực nghiên cứu mới đó là ảnh hưởng của văn hóa trong cách sinh hoạt kinh doanh đặc biệt là các hoạt động kinh doanh của khối người Mỹ gốc Việt.

Phương pháp

Tài liệu trình bày trong bài này dựa trên kết quả của cuộc thăm dò ý kiến 170 thương gia người Mỹ gốc Việt ở Orange County, California; Mineapolis, Minnesota; New Orleans, Lousiana; Houston, Texas; Washington D.C; và Philadelphia, Pennsylvania. Bài tham khảo này đánh dấu sự mở đầu của một chương trình nghiên cứu quy mô nhằm mục đích tìm hiểu vai trò văn hóa và hoạt động thương mại của các doanh gia thuộc nhiều sắc tộc trong cùng một vùng hoặc từ nhiều quốc gia.

Mỗi tham dự viên trả lời đầy đủ các câu hỏi

trong bản thăm dò và gửi lại cho phòng nghiên cứu Viện Đại Học West Chester, Pennsylvania. Số tuổi trung bình của người tham dự là 43, và hiện làm chủ cơ sở thương mại trong một hạn kỳ khoảng sáu năm rưỡi. Số công nhân làm việc toàn thời gian cho mỗi cơ sở thương mại tính trung bình là bốn người. Trong mục đích khảo cứu thăm dò (exploratory analysis), dữ kiện thâu lượm từ cuộc nghiên cứu được phân tích theo phương pháp thống kê mô tả (descriptive statistical techniques).

Kết quả khảo sát

Kết quả trình bày trong bài khảo cứu này có thể chia làm hai phần chính. Những đòi hỏi cấp bách của tự tạo nghiệp vụ và sự khác biệt giữa doanh gia người Mỹ gốc Việt so với tập thể doanh gia người Mỹ từng sinh sống và hoạt động thương mại lâu năm tại Hoa Kỳ.

1. Những Khó Khăn Và Đòi Hỏi Cấp Bách Của Tự Tạo Nghiệp Vụ

Một cách tổng quát, các nhà nghiên cứu đồng ý rằng tự tạo nghiệp vụ gây nên nhiều đòi hỏi cấp bách cho các doanh gia do số lượng công việc cũng như về mối lo âu tâm lý (Boyd & Gumpert, 1983). Một số lớn các bài khảo cứu đặt trọng tâm vào mối tương quan giữa doanh gia làm chủ một cơ sở thương mại và công nhân viên đi làm cho một xí nghiệp hay một công ty. Người làm chủ một cơ sở thương mại có khuynh hướng lo lắng về công việc nhiều hơn là kẻ đi làm công cho một người khác. Người làm chủ thường ít khi vắng mặt hơn là người làm công. Ngoài ra, người làm chủ một cơ sở thương mại phải bỏ ra nhiều giờ hơn, làm việc vất vả hơn, và tốn thì giờ đi lại nhiều hơn là công nhân viên trong một xí nghiệp hay công ty.

Biểu đồ 1 (BĐ) tóm tắt những bất lợi mà các doanh gia người Mỹ gốc Việt nêu lên trong bản thăm dò.

BIỂU ĐỒ 1: NHỮNG BẤT LỢI DO TỰ TẠO NGHIỆP VỤ

Bất lợi	Số lượng	%
Mất nhiều thì giờ	51	30.6
Ít giờ cho gia đình	31	18.6
Không đủ vốn	26	15.6
Quá nhiều trách nhiệm	21	12.6
Quá nhiều luật lệ	17	10.2
Bực mình với khách hàng	10	06.0
Chán nản về người làm	07	04.2

Như Biểu đồ 1 cho thấy, phần lớn các doanh gia người Mỹ gốc Việt đồng ý rằng phải bỏ ra quá nhiều thì giờ cho cơ sở thương mại và rất ít thời gian bên cạnh vợ con là hai nhược điểm hàng đầu gắn liền với lãnh vực tự tạo nghiệp vụ.

Kết quả của cuộc khảo cứu còn xác tín rằng doanh gia người Mỹ gốc Việt cũng gặp những khó khăn bực bội như các doanh gia người Mỹ từng sinh sống và hoạt động thương mại lâu năm trên đất này. Biểu đồ 2 trình bày những khó khăn có thể gây trở ngại cho sự thành công của các cơ sở thương mại do người Mỹ gốc Việt làm chủ.

BIỂU ĐỒ 2: YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ THÀNH CÔNG CỦA CÁC CƠ SỞ THƯƠNG MẠI DO NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT LÀM CHỦ

Yếu tố	Số lượng	%
Quá nhiều cạnh tranh	99	59.4
Thiếu người tin cậy	76	45.6
Không đủ chỗ đậu xe	60	36.0
Địa điểm thiếu an ninh	29	17.4
Sự thiếu thiện cảm của khách hàng	27	14.4
Các yếu tố khác	05	03.0

Yếu tố cạnh tranh được đơn cử như một lý do quan trọng nhất ảnh hưởng tới sự thành công hay thất bại của một cơ sở thương mại (59.4%). Thiếu người làm tin cậy cũng không kém quan trọng và được xếp hạng thứ hai trong các nguyên nhân dẫn đến thất bại cho một cơ sở thương mại (45.6%).

Một điều hiển nhiên là những đòi hỏi cấp bách của tự tạo nghiệp vụ và những trở ngại mà các thương gia người Mỹ gốc Việt phải đương đầu cũng tương tự như những khó khăn các thương gia người Mỹ đã từng sinh sống và hoạt động lâu năm tại Hoa Kỳ đang gặp phải. Dầu vậy, một số người vẫn tin rằng văn hóa có ảnh hưởng sâu đậm đến sinh hoạt thương mại của các doanh gia. Do đó phần còn lại của bài này sẽ đặt trọng tâm vào mối tương quan của văn hóa và những hoạt động kinh doanh của người Mỹ gốc Việt.

2. Những Khác Biệt Giữa Các Doanh Gia Người Mỹ Gốc Việt Và Các Thương Gia Người Mỹ Khác

Một cách tổng quát, hiện chưa có một tài liệu tham khảo nào đặc biệt trình bày đầy đủ

về chân dung của các doanh gia người Mỹ gốc Việt. Thay vào đó các nhà nghiên cứu có khuynh hướng xếp tất cả các người làm kinh doanh vào cùng một nhóm không phân biệt gốc gác, sắc tộc. Trong phạm vi bài này chúng tôi xin phép được nêu ra những khác biệt căn bản giữa doanh gia người Mỹ gốc Việt và những người từng sinh sống và hoạt động thương mại lâu năm tại Hoa Kỳ.

Trước hết, kinh doanh thường được mô tả như luôn luôn ở trong trạng thái bấp bênh và thiếu một tương lai bảo đảm. Sự kiện này phát xuất từ việc thay đổi bất thường của thị trường. Dầu vậy, thị trường của các doanh gia người Mỹ gốc Việt xem ra có phần ổn định hơn. Sự ổn định sở dĩ đạt được là do khối khách hàng thuần nhất mà các thương gia người Mỹ gốc Việt phục vụ. Thật vậy, 57% trong số những người trả lời cho biết rằng đa số khách hàng của họ là người đồng hương hoặc người Mỹ gốc Á Châu. Loại thị trường khép kín này có đặc tính ổn định lâu dài và dễ tiên đoán hơn là một thị trường mở rộng gồm khách hàng thuộc mọi màu da hoặc chủng tộc.

Một số tài liệu nghiên cứu lại cho rằng những người làm thương mại luôn có một cuộc sống cô độc và lẻ loi (Boyd & Gumpert, 1982). Những bận rộn của thương mại giới hạn sự giao tiếp với các đồng nghiệp cũng như bạn bè thân quen. Dĩ nhiên các thương gia thường xuyên tiếp xúc với khách hàng nhưng họ ít có dịp được trao đổi với các bạn đồng nghiệp. Thường thì họ nhìn các bạn đồng nghiệp như kẻ cạnh tranh nên không muốn chia sẻ các tin tức liên quan tới nghề nghiệp. Tuy nhiên các thương gia người Mỹ gốc Việt tỏ ra gắn bó với nhau, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, cố vấn cho nhau và nếu cần còn giúp nhau vốn làm ăn. Hơn thế nữa, họ tỏ ra trân trọng ý kiến của bà con bạn bè hơn cả luật sư hoặc cố vấn tài chánh. 40.2% cho biết họ dựa vào ý kiến của người trong gia đình và 39.6% tham khảo bạn bè trước khi có những quyết định hệ trọng liên quan tới công việc làm ăn.

Cách hành xử này bắt nguồn từ quá trình văn hóa của các thương gia người Mỹ gốc Việt. Chẳng hạn một câu ngạn ngữ Việt Nam thường được nhắc tới là: *một giọt máu đào hơn ao nước lã*. Câu này ngụ ý rằng dầu họ hàng xa xôi vẫn hơn là người dưng kẻ lạ. Vì thế họ phải tương trợ nhau cả tinh thần lẫn vật chất (Chu, 1975). Do đó, người trong một tộc chẳng những không giấu giếm bí mật nghề nghiệp mà còn có bổn phận hướng dẫn cho nhau cách làm ăn khả dĩ dẫn tới nhiều kết quả. Đây là một điều căn bản khác biệt giữa các thương gia người Mỹ gốc Việt và các thương gia người Mỹ đã từng sinh sống và hoạt động thương mại lâu năm trên xứ sở này. Biểu đồ 3 cho thấy nguồn cố vấn thương mại mà các thương gia người Mỹ gốc Việt cho là quan trọng.

BIỂU ĐỒ 3: CỐ VẤN THƯƠNG MẠI QUAN TRỌNG CỦA CÁC THƯƠNG GIA NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT

Cố vấn	Số lượng	%
Người trong gia đình	67	40.20
Bạn bè quen biết	66	39.60
Đồng nghiệp	59	35.40
Không tham khảo ai	30	18.00
Cố vấn tài chánh	25	15.00
Cố vấn pháp luật	22	13.20

Trái với quy luật thường, một điều rất hiển nhiên là các thương gia người Mỹ gốc Việt phần lớn dựa vào ý kiến của thân quyến (40.20%), bạn bè (39.60%) và đồng nghiệp (35.40%) trong các quyết định thương mại. Họ tạo thành một xã hội nhỏ ở đó các thương gia cảm thấy thoải mái và có thể đặt hết tin tưởng.

Một yếu tố dị biệt khác là nguồn vốn thương mại. Hầu hết các thương gia gầy vốn từ ngân hàng thương mại, cơ quan phát triển tiểu thương, hoặc các văn phòng tài trợ của chính phủ từ cấp liên bang tới địa phương (Vesper, 1993). Trong khi đó các thương gia người Mỹ gốc Việt dùng vốn liếng để giành của mình để làm thương mại. Biểu đồ 4 tóm tắt nguồn tài trợ vốn kinh doanh của các thương gia người Mỹ gốc Việt.

BIỂU ĐỒ 4: NGUỒN CUNG CẤP VỐN CHO CÁC THƯƠNG GIA NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT

Nguồn tài trợ	Số lượng	%
Tiền để giành	139	83.40
Vay ngân hàng	78	46.80
Bạn bè và người trong gia đình	43	25.80
Cơ quan tiểu thương	02	01.20
Các nguồn tài trợ khác	02	01.20

Như biểu đồ 4 cho biết, đa số các thương gia (83.4%) dùng tiền tiết kiệm cá nhân làm vốn kinh doanh. Lối gầy vốn khác thường này đòi một sự giải thích thỏa đáng.

Trước hết, vì thiếu khả năng nghề nghiệp và kinh nghiệm thích hợp, những người Việt di dân sẵn sàng làm bất cứ công việc gì, dù vất vả để tiết kiệm tối đa. Số tiền tích lũy này sẽ được dùng như một phương tiện thực hiện giấc mơ làm giàu qua kế hoạch làm chủ một cơ sở kinh doanh.

Thứ đến, bản chất bấp bênh của nghề kinh doanh nhắc nhở người làm thương mại rằng họ có thể trở thành một gánh nặng cho con cái và người thân trong trường hợp cơ sở thương mại bị thua lỗ. Thật vậy, tính chất gắn bó trong truyền thống gia đình Việt Nam dẫn tới một trách nhiệm hỗ tương như được thể hiện trong một số ca dao tục ngữ như: *trẻ cậy cha, già cậy con*, hoặc *cha vay con trả*, hay *con dại cái mang*.

Cuối cùng, giấy tờ và thủ tục phức tạp đòi hỏi do các cơ quan tài chánh đối với con nợ đã làm nản lòng nhiều người Việt Nam muốn trở thành thương gia, đặc biệt là những người chưa hội nhập vào được với cuộc sống bình thường của xã hội Mỹ. Tuy nhiên những người đã hòa nhập được với cuộc sống mới, ngân hàng được coi như một nguồn tài trợ vốn kinh doanh thích hợp (46.80%).

Như đã trình bày trong các tài liệu liên quan đến tự tạo nghiệp vụ, khát vọng của người làm thương mại là được tự do, tự mình làm chủ (Leach, 1997). Vì thế con đường tự tạo nghiệp vụ đối với nhiều người Mỹ được coi như một lựa chọn hấp dẫn so với đi làm công nhân cho một hãng hoặc làm chuyên viên cho một cơ sở chuyên môn. Trái lại một số đông thương gia người Mỹ gốc Việt xem tự tạo nghiệp vụ như một tiến trình giúp họ hòa nhập vào cuộc sống bình thường của xã hội Mỹ. Tự tạo nghiệp vụ còn được coi như một phương tiện giúp chính mình hoặc những người thân trong gia đình đeo đuổi việc học để có được một nghề chuyên môn. Việc dùng tự tạo nghiệp vụ để thăng tiến trong xã hội phù hợp với truyền thống văn hóa của người Việt Nam, một nền văn hóa chịu ảnh hưởng sâu đậm của triết gia Trung Hoa, Đức Khổng Phu Tử. Xã hội Việt Nam do đó coi trọng kẻ sĩ và coi nhẹ con buôn (Chu, 1975).

Xã hội cổ truyền Việt Nam được chia làm bốn giai cấp khác nhau dựa trên căn bản nghề nghiệp. Đứng đầu là kẻ sĩ, họ là những người học rộng biết nhiều nên được kính nể. Thứ đến là nông dân, họ được nhiều người thương mến do bản tính lương thiện và chất phác, mặc dầu kém khả năng văn hóa. Đứng hàng thứ ba là các nghệ nhân (công). Họ là những người thủ công, dùng chính bàn tay khéo léo của mình để tạo nghiệp và sống một cuộc sống lương thiện. Chót cùng của bậc thang xã hội là con buôn, đôi khi còn được gọi là trọc phú. Họ được coi như những kẻ lừa đảo khách hàng, vì thế bị coi thường và khinh bỉ. Có lẽ truyền thống trọng kẻ sĩ đã và đang in đậm trong tâm tư người Việt trong nước cũng như ở hải ngoại. Do đó những người giàu có mà vô học vẫn còn được mỉa mai gọi là trọc phú.

Nét đặc trưng này quả là trái ngược với truyền thống thương mại trong các nước Âu Mỹ. Một bằng cớ hiển nhiên của sự khác biệt này có thể tìm thấy trong khi điều tra về nghề nghiệp cha mẹ của các thương gia. Bình thường thì con cái sẽ nối gót cha mẹ. Nếu cha mẹ làm nghề buôn bán thì con cái cũng dễ trở thành doanh gia. Tuy nhiên điều này không thấy dấu vết rõ rệt nơi khối thương gia người Mỹ gốc Việt. Biểu đồ 5 liệt kê nghề nghiệp song thân của các thương gia này.

BIỂU ĐỒ 5: NGHỀ NGHIỆP SONG THÂN CỦA CÁC THƯƠNG GIA NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT

Nghề nghiệp	Số lượng	%
Công chức	71	42.60
Quân nhân	37	22.20
Thương gia	35	21.20
Nghề nông	31	18.00
Chuyên viên	05	03.00
Linh tinh	03	01.80

Điểm nổi bật thấy được nơi khối thương gia người Mỹ gốc Việt là khá đông có cha mẹ thuộc thành phần viên chức dân sự hoặc công chức chính phủ (42.6%), kế đến là quân nhân (22.20%). Chưa tới 1/4 tổng số các thương gia trả lời bản thăm dò có cha mẹ trong ngành thương mại.

Dựa trên căn bản truyền thống văn hóa một số người dự đoán rằng nhiều cơ sở kinh doanh của người Mỹ gốc Việt sẽ không tồn tại được đến thế hệ thứ hai. Điều này có thể xảy ra do thành kiến coi nhẹ giá trị thương mại có sẵn

trong đầu óc của người Việt Nam.

KẾT LUẬN

Như đã trình bày ở trên, chủ đích của bài này là nhằm giới thiệu tính cách đặc thù của khối thương gia người Mỹ gốc Việt. Mặc dầu họ phải đương đầu với những khó khăn tương tự như các thương gia khác, thị trường hoạt động và khung cảnh xã hội của các thương gia người Mỹ gốc Việt hoàn toàn trái ngược. Phải nhận rằng truyền thống văn hóa và tình liên kết phát sinh từ đặc tính thuần nhất và mối bàng hệ đã có ảnh hưởng sâu xa đối với các hoạt động thương mại của người Mỹ gốc Việt.

Một lần nữa chúng tôi xin được tóm tắt những gì đã được bàn tới trong bài này. Trước hết, đa số tài liệu khảo cứu đồng ý rằng thị trường hoạt động của tự tạo nghiệp vụ rất bấp bênh (Boyd & Gumpert, 1982). Kết quả của các cuộc khảo cứu còn cho hay sự bận rộn và đòi hỏi của tự tạo nghiệp vụ có khuynh hướng hạn chế mối giao hảo giữa các thương gia đồng nghiệp cũng như bàng lân (Begley and Boyd, 1992). Cuối cùng, nhiều nhà nghiên cứu nêu ra một mẫu số chung cho tự tạo nghiệp vụ, đó là truyền thống cha truyền con nối trong doanh thương. Thông thường, nếu cha mẹ làm nghề buôn bán thì con cái cũng theo cái nghiệp đó. Tuy nhiên cuộc thăm dò giữa khối thương gia người Mỹ gốc Việt đã đem lại những kết quả đáng lưu ý. Điều hiển nhiên nhất là thương gia người Mỹ gốc Việt khác biệt hoàn toàn với khuôn mẫu của một thương gia Mỹ đã từng sinh sống và hoạt động lâu năm tại Hoa Kỳ, trong tất cả các lãnh vực vừa nêu trên.

Tóm lại tham vọng duy nhất của chúng tôi là trình bày sơ lược bức chân dung của một thương gia người Mỹ gốc Việt. Các xu hướng đã được nhận diện và những khác biệt đã được định vị rõ ràng giữa khối thương gia người Mỹ gốc Việt và các thương gia người Mỹ đã từng sinh sống lâu năm tại đây. Hiển nhiên mọi kết luận chỉ có tính cách phỏng đoán. Điều cần thiết phải làm trong tương lai là thực hiện một cuộc nghiên cứu quy mô hơn với những phân tích kỹ càng hơn khả dĩ đưa tới những kết luận rõ ràng về ảnh hưởng của văn hóa đối với các sinh hoạt thương mại của khối thương gia người Mỹ gốc Việt.

Tài Liệu Tham Khảo

- Begley, T.M: and Boyd, D.P. *Work Stress and Health Outcomes: The Impact of Personal Orientations Among CEOs in Smaller Businesses*. Journal of Managerial Issues 4 (1): 62-83, 1992.

- Bellu, R.R. *Entrepreneurs and Managers: Are They Different?* in Hornaday, J.Shills, E., Timmons, J.A., and Vesper, KH Frontiers of Entrepreneurial Research, Wellesley, MA, Babson College Center for Entrepreneurial Studies, 1988.

- Boyd, D.P. and Gumpert, D.E. *Coping with Entrepreneurial Stress.* Harvard Business Review 61 (2), 1982.

- Chu, H.M. *The Effects of Technological Change Among Vietnamese Employees in a Banking Institution.* Doctoral Dissertation, Lousiana State University, 1975.

- Cooper, C.L. *Current Concerns in Occupational Stress.* New York: Wiley, 1988.

- Eden D. *Sell-employed workers: A Comparison Group for Organizational Psychology.* Organizational Behavior and Human Performance 9: 186-214, 1973.

- Kahn, R.L. *Work and Health,* New York: Wiley, 1981.

- Kopelman, R.E.; Greenhaus, J.H; and Connolly, T.F. *A Model of Work, Family and Interole Conflict: A Construct Validity Study.* Organizational Behavior and Human Performance 32, 198-215, 1983.

- Leach, E.A. *Self-Employment, Stress and Strain: A Comparison of Business Founders and Franchises.* Doctoral Dissertation. Yale University, 1996.

- Lewin-Epstein, N.; and Yuchtman-Yaar. E. *Health Risk of Self Employment.* Work and Occupations. 18 (3): 291- 312, 1991.

- Vesper, K. *New Venture Mechanics,* Prentice Hall: Englewood Cliffs, N.J., 1993.

* Bài tham luận này được tác giả trình bày tại hội nghị quốc tế bàn về Thương Mại Đông Tây, Sept 4-6, 1997, tại Los Angeles, California, U.S.A

* Giáo sư Hoàng Đình Hiếu giúp hoàn chỉnh phần chuyển ngữ sang tiếng Việt.

* Trong mỗi chúng ta có một cái gì đó khôn ngoan hơn cả trí tuệ của chúng ta.

Schopenhauer

* Không biết mạo hiểm là điều nguy hiểm nhất khi chúng ta chập chững bước vào đời.

Kierkegaard

TÌM HIỂU NGÀY SANH CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

Trong một cơ hội trước, tác giả đã có dịp trình bày về năm sanh của đức Phật (*Tìm hiểu Năm sanh xác thật của Đức Phật Thích-ca*, Tạp chí Hoa Sen, California. Như ta đã thấy, truy tầm năm sanh của đức Phật rất khó, chưa ai tìm ra được dữ kiện chính xác, khó chối cãi về năm sanh của đức Thích-ca. Về ngày sanh của đức Phật cũng vậy, chỉ dựa trên *truyền thống*.

Một điểm khác cần được lưu ý là đạo Phật Bắc tông *Mahayana* thiết lễ Đản sanh riêng biệt, khác với các ngày lễ khác của đức Phật như lễ Thích-ca thành đạo, lễ Thích-ca nhập niết bàn. Đạo Phật Nam tông Theravada thiết lễ Đản sanh chung với các lễ Thành đạo và Nhập niết bàn, gọi là đại lễ *Visakha*, danh từ Hán Việt là *Tam hợp*. Việc này liên hệ với quan niệm giáo lý Theravada, ta sẽ có dịp nói ở sau.

Tài liệu cổ nhất về lễ Đản sanh

Sau Thế Chiến Hai, Hội *The Pali Text Society* ở Luân Đôn là tổ chức sưu khảo về đạo Phật quy mô nhất, tiếp tục chương trình nghiên cứu và cộng tác với Viện Đại học Colombo ở Tích-lan để dịch thuật, giảng giải các tài liệu cổ văn Pali trên các bia đá, lá cót... tại các chùa. Năm 1972, học giả tì-kheo Isabel Horner, chủ tịch Hội The Pali Text Society công bố một số tài liệu mới tìm được trong quốc sử *Mahavamsa* của nước Tích Lan. Một tài liệu nói về lễ cầu mưa Gangarohana là một tập tục của dân Tích Lan theo đạo Phật ngày nay còn tồn tại từ vùng quê đến thành thị. Một tài liệu khác quan trọng hơn nói về lễ Đản sanh của đức Phật. Dưới triều vua *Dutthagamani* (101-77 trước Tây lịch), *quốc sử ghi chép lễ Đản sanh* do nhà vua thiết lễ cầu nguyện, có cuộc rước kiệu tượng đức Phật do một nghìn thanh niên cầm cờ kéo liễn đi hộ tống.

Thế nhưng tài liệu này không thể xem là tài liệu cổ nhất. Ta phải trở lại các trụ đá *Asoka* (đại đế A-dục). Đức Phật mất (nhập niết bàn) năm 544 trước Tây lịch. Hai trăm năm mươi năm sau, nước Ấn Độ có vua Asoka hoằng dương đạo Phật. Vua cho khắc trên trụ đá và vách đá các bổn ngự chỉ tuyên dương sự tích và những lời răn dạy của đức Phật. Cho đến bây giờ, các nhà khảo cổ đã tìm ra được 35 di tích ngự chỉ, đánh số, khám đọc, và giải thích cặn kẽ. Ngự chỉ số Bốn, tìm được tại núi Kandahar, ngày nay thuộc đất Afghanistan, ghi lời dạy của nhà vua cho con cháu phải tiếp tục phụng thờ đức Phật và dặn dò *mỗi năm ngày lễ Đản sanh, phải tổ chức trọng thể*, thiết lập cuộc rước kiệu đức Phật. Ngự chỉ số Sáu ở núi Girnar, miền Tây Ấn Độ ghi rõ hơn cách lập kiệu để rước tượng và di tích đức Phật, *khi tổ chức lễ Đản sanh*. Như vậy, lễ Đản sanh đức

Phật đã được thiết hơn hai ngàn ba trăm năm trước, đặc biệt huy hoàng dưới triều đại vua Asoka là người đã dựng lên 84000 ngôi tháp thờ Phật.

Lễ Đản sanh tại các quốc gia Tây Vực

Dưới thời đại đế Asoka, đạo Phật đi vào các quốc gia ở miền Vịnh Địa trung hải và các quốc gia ở miền Bắc và Tây Bắc nước Ấn Độ. Từ Ấn Độ sang Trung Hoa, phía Đông Bắc có dãy núi Hy-mã-lạp-sơn là một bức trường thành bằng thép ngăn cản lưu thông. Phía Tây Bắc, dọc theo sườn núi Kunlun sát vào hồ lớn Alma Ata là một số đô thị như Kashgar, Yarland, Chokkuta và Khotan. Cao hơn trên phía Bắc, dọc theo sườn núi Tienshan (Thiên sơn) là đất Thổ-nhĩ-kỳ tư-thản (Chinese Turkestan), gồm bốn tiểu quốc cùng chung văn hóa là các nước Aksu (còn gọi là Baruka), Kucha, Karashar (ngày nay là quận Yen-ki thuộc Trung-hoa), và Turfan (ngày nay gọi là Kao chang). Các quốc gia này kết thành một trục gọi là con *Đường Tơ Lụa*, trục giao thông căn bản giữa Trung-hoa và các nước Phương Tây ngày đó. Từ đầu thế kỷ Hai-mươi, các phái bộ khảo cổ Tây phương khai quật các động đá nằm trên trục Đường Lụa như Huân tước Aurel Stein, Albert Grunwedel, Paul Pelliot (thuộc Trường Viễn Đông Bác cổ Hà Nội) Các công trình khảo cổ này phát xuất từ hai quan điểm tranh đua nhiều khi đi gần đến chỗ thù nghịch của hai trường khảo cổ La tinh và Anglosaxon, lại cũng đã đi tới một số kết luận rất giống nhau. Những điểm kết luận đó có thể tóm tắt làm ba mục: thứ nhất là các dân tộc sống trên con Đường Lụa từ hai mươi thế kỷ trước đã thấm nhuần đạo Phật rất sâu sắc; thứ hai là đạo Phật của các sắc dân này mang nặng tập tục Đại thừa Mahayana; và thứ ba — điều quan trọng đối với người tìm học Phật — là các tài liệu văn tự của các bậc cao tăng Trung-hoa "đi Tây vực tìm học đạo, đã quan sát tận chỗ, viết thành sách" để lại, đã được chứng minh là những tài liệu rất sát với "sự thật khoa học" ta quan niệm ngày nay.

Bởi lẽ đó mà ta phải lục soát trong tài liệu văn tự của các nhà sư Trung Hoa đi Tây vực (Ấn Độ) thỉnh kinh nói về lễ Đản sanh. Các nhà khảo cổ tìm được tài liệu cổ nhất liên hệ tới lễ Đản sanh trong cuốn sách của Thầy Pháp Hiển (Fa-Hsien). Thầy là một vị cao tăng người Trung-hoa lần đầu tiên hành hương qua đất Phật ở Ấn Độ vào cuối thế kỷ thứ Bốn, ở lại 16 năm học đạo (399-414 TL), để lại cuốn sách *Pháp Hiển truyện*, còn gọi là *Phật quốc ký*, có bốn dịch tiếng Pháp của Abel Remusat (*Foe Koue ou Relation des Royaumes Bouddhiques*, Ernest Leroux, Paris, 1836).

Thầy Pháp Hiển theo con Đường Tơ Lụa, đến đất Khotan mà thầy phiên âm là Cổ sơn, ngày nay là thủ đô của khu tự trị Tân Cương (Uighur). Khi ghé qua Khotan, thầy được tham dự buổi lễ Phật đản được tổ chức rất trọng đại. Dân chúng chuẩn bị lễ Phật đản *từ ngày mồng một tháng Tư* (thầy dùng âm lịch Trung Hoa), *kéo dài tới ngày 29 tháng Tư.* Cuộc rước kiệu rất vĩ đại, xe kiệu cao mười mét, trần thiết lộng lẫy, ở giữa đặt tượng đức Phật sơ sinh, có vua và hoàng hậu đất Khotan theo nghênh giá.

Thầy Pháp Hiển tiếp tục hành trình xuống đất Ấn Độ vào thành Patalipatra (thầy phiên âm là thành Ba-tra-li phất) ngày nay gọi là thành phố Patna (Hoa thành). Một nghìn năm trước nơi đây là kinh đô của vương quốc Maghada (Ma-kiệt-đà), láng giềng của quê hương đức Phật, sáu trăm năm trước, đây là nơi đóng đô của đại đế Asoka. Thầy Pháp hiển được chứng kiến và tả lại đầy đủ chi tiết một buổi lễ Phật đản, vào *ngày mồng tám tháng Hai âm lịch.* (Đọc Nguyễnphúc Bửu-Tập: *Tìm hiểu Lễ Rước Kiệu Phật* và *Lễ Tắm Phật*, Hoa sen số 23, California 1994).

Cũng trong kho sách Đại thừa ở Trung Hoa, một tài liệu có liên hệ đến lễ Đản sanh tìm thấy trong cuốn *Đại Đường Tây Vực ký* của thầy Huyền Trang. Thầy tả lễ Đản sanh thầy được tham dự ở *Kucha* (tiếng Pháp viết là Koucha, cách phiên âm mới là KuChe). Kucha ngày xưa là một ốc đảo lớn nhất nằm ngay trên con Đường Tơ Lụa, là một trục chánh con đường đạo Phật du nhập vào đất Tàu. Thầy Huyền Trang gọi đất Kucha là Dao Tần; ông có cảm tình với đất này vì nơi đây là quê hương của Cưu-ma-thập (Kumarajiva), người đã đóng góp nhiều nhất trong việc phiên dịch 400 bộ kinh từ chữ Sanskrit sang chữ Hán (thế kỷ thứ Năm T.L.). Lễ Phật đản tại Kucha cử hành vĩ đại, có cuộc rước kiệu gồm một nghìn chiếc xe hoa dựng tượng Phật. *Ngày lễ Đản sanh tại Kucha lại thiết vào ngày thu phân, tháng Chín, ngày 22.*

Tại Tây tạng (Tibet), trước khi bị Trung-hoa cộng sản cưỡng chiếm, nơi đây là đất Phật. Niên lịch Tây tạng ghi ngày lễ Đản sanh là ngày *15 tháng Giêng* âm lịch, là ngày quốc lễ lớn nhất trong năm, gọi là lễ *Son lan*

chen po (Lễ Đại nguyện), liên hoan từ ngày mồng bốn cho đến ngày 21 tháng Giêng. Đêm Đản sanh, tại thủ đô Lhassa, mỗi cơ sở công hay tư, mỗi gia cư đều treo đèn, kết hoa. Đức Hoạt Phật (Phật sống, Đạt-lai lạt-ma) ngồi trên kiệu có ban quốc nhạc và đội binh bảo giá tháp tùng, đi viếng và chấm điểm từng đơn vị trong thủ đô, nơi nào có trần thiết lễ. Dân chúng từ mọi nơi trong nước, và cả ở ngoài nước như Mông Cổ, kéo về thủ đô tham dự lễ Đại nguyện, cầu xin đức Phật ban ơn một năm đầy hạnh phúc.

Lễ Đản sanh tại Trung Hoa

Nước Trung-hoa cổ, có bộ môn sử ký chép sự việc theo nguyên tắc trung thực và theo thời gian. Theo thứ tự năm tháng, ta đọc trong *Pháp uyển Châu lâm*, vào đời Đông Tấn (318-420 TL) có người Thái Kiều đúc năm tượng Phật hài đồng để dùng vào lễ Rước Kiệu, *trong ngày lễ Đản sanh*. Một tư liệu cổ khác tìm thấy trong sách *Cao tăng truyện*, viết vào thời Ngũ hồ, cũng tại Đông Tấn (319-351 TL), có người mộ đạo tên là Thích Lộ, mỗi năm vào *ngày mồng tám tháng Tư* đến chùa làm "lễ chiêm bái đức Phật ra đời," bằng cách tắm tượng Phật bằng nước cam lồ. Học giả đạo Phật Trung-hoa cho là truyền thống đản sanh tại nước Tàu bắt đầu từ các chi tiết này.

Kế đến, trong sách *Ngụy Tấn Nam Bắc triều luận tập* có đoạn ghi vua Thái Võ đế nhà Ngụy (408-452 TL) *nhân ngày Đản sanh*, ngự giá ra ngoài thành, thiết lễ rước kiệu Phật. Vua và hoàng hậu đứng trên đài rải hoa lên tượng Phật sơ sinh lúc đoàn kiệu đi qua. Một tư liệu cổ khác, theo thứ tự thời gian, đọc được trong *Phật tổ Thống ký*, kể chuyện vua Cao tổ Võ đế nhà Tống tên là Lưu Dũ, năm 462 TL, ngày mồng tám tháng Tư, thiết lễ Đản sanh ngay trong cung điện nhà vua. Cũng trong Phật tổ Thống ký, ta lại thấy vua Hiếu Võ nhà Tây Ngụy (467-499 TL) cho lệnh rước tượng Phật trên kiệu từ các ngôi chùa lớn ở Lạc Dương vào cung đình, dâng hương hoa làm lễ Đản sanh ngày mồng tám tháng Tư, và ra lệnh mỗi năm từ đó phải thiết lễ Phật đản như vậy. Lại sách *Lạc Dương Già Lam ký*, mỗi năm trước một hôm *ngày Phật đản mồng tám tháng Tư*, các chùa trong vùng Lạc Dương phải rước tượng Phật trên kiệu đến Thanh Minh thiền viện, tất cả hơn một nghìn tượng Phật để cử hành đại lễ ngày hôm sau. Buổi lễ được cử hành rất tưng bừng náo nhiệt đến nỗi một nhà sư từ Tây Vực đến viếng Lạc Dương kể lại là "(ngày Phật đản) hoa vàng ngời sáng dưới ánh dương, lọng hoa lợp kín như mây phủ, cờ phướn giăng lên như rừng cây, trầm hương xông lên dày đặc như sương phủ, tiếng kinh và tiếng nhạc rung chuyển đất trời" (Kenneth Chen: *Buddhism in China*, Princeton 1973, trang 279).

Đời nhà Đường ở Trung Hoa là thời đại hoàng kim của đạo Phật tại châu Á. Ta theo dõi được là dưới đời nhà Đường (được ghi chép trong *Đại Đường Tây Vực Cầu Pháp Cao tăng truyện* của thầy Nghĩa Tịnh (I Tsing, 635-713 TL) và đời nhà Tống (được ghi chép trong *Đại Tống chính biên*) tức là từ năm 618 đến năm 1279, lễ Đản sanh được thường xuyên cử hành tưng bừng trong các chùa lớn nhỏ trong dân gian.

Sách Phật tổ Thống ký thuật là dưới đời Đường, vua Hỷ tông năm 873 TL, ngày tám tháng Tư, thiết lễ Phật đản bằng cách rước kiệu di tích đức Phật từ Phụng hoàng Pháp môn về Lạc dương. Vua và hoàng hậu ngự ra cửa An phúc đón võng Phật vào nhà Thái miếu; dân chúng hân hoan nổi nhạc đốt pháo vui mừng. Dưới đời Đường, lúc đạo Phật cực thịnh, người ta đem từ Ấn Độ sang ít nhất năm *di tích xá lợi*, của đức Phật. Chùa Pháp môn ở phía Bắc Kinh thành Lạc Dương có một lóng xương tay của đức Phật; bốn chùa khác trong thành mỗi chùa thờ trên tháp một chiếc răng của đức Phật. Mỗi năm, vào ngày Phật đản hay ngày rằm tháng Bảy, di vật này được chưng bày cho dân gian lễ bái chiêm ngưỡng. Riêng di tích xá lợi lóng xương tay ở chùa Pháp môn thì hằng năm, ngày lễ Phật đản, lại được rước trên kiệu vào cung đình cho nhà vua hành lễ. Mỗi lần rước kiệu lễ Phật đản là một cơ hội đình đám quá lớn, dân chúng tham gia quá sức nháo nhiệt, lắm khi thành hỗn loạn. Vì lý do đó, Hàn Dũ, một nhà Khổng học quá khích chống đạo Phật, năm 819 viết bài sớ xin nhà vua bãi lệ Phật đản (Kenneth Chen, đã dẫn, trang 280).

Đầu thế kỷ thứ Mười TL, tại Huệ Lâm thiền viện phủ Khai Phong, vị trụ trì là đại sư Nguyên Chiếu, muốn làm giảm mối căng thẳng giữa đạo Nho và đạo Phật nên chấn chỉnh nghi lễ của đạo Phật, đặt ngày Phật đản, lễ Tắm Phật (còn gọi là Quán Phật) vào ngày mồng tám tháng Tư. Lễ Rước kiệu cũng chỉ làm trong khuôn viên chùa. Chi tiết sự việc đều ghi trong sách *Đông Kinh Mộng Hoa lục*

chú (Đông Kinh là phủ Khai phong).

Dưới đời Nguyên, người Mông Cổ là những người mộ đạo Phật, nên vẫn giữ tục lệ thiết Phật đản lớn vào ngày tám tháng Tư. Người khai sáng ra nhà Minh, Chu Nguyên Chương, lúc thiếu thời đi tu ở chùa, nên khi lập quốc, tôn thờ và chỉnh đốn đạo Phật. Dưới đời Thanh, người Mãn Châu vào chế ngự Trung Hoa cũng là những người mộ đạo Phật, nên giữ các tập tục làm lễ Phật đản đã có từ nghìn năm trước, cho tới khi tiếp xúc với Tây phương.

Nghi lễ của đạo Phật tại Trung Hoa, từ cuối thế kỷ Mười chín cho đến cuộc Cách mệnh Cộng sản được một nhà học giả phương Tây Holmes Welch mô tả kỹ càng trong sách *The Practice of Chinese Buddhism 1900-1950* (Harvard University Press, 1973). Trước Đại hội Kiết tập Sangiti lần Sáu (ta sẽ nói ở sau), người Trung Hoa cử hành lễ Phật đản vào ngày tám tháng Tư, tại chùa đông đúc thiện nam tín nữ tham dự, nghi thức được tả rõ trong sách Holmes Welch (sách dẫn, trang 109 và tiếp theo). Nghi lễ tại các chùa lớn tại Trung Hoa ngay cả trong thời kỳ Dân quốc, đều cử hành theo quy luật ghi trong sách *Bách Trượng Thanh quy* có từ đời Tống, và được thay đổi ít nhiều dưới triều Minh, gọi là sách *Chỉnh Huấn Bách Trượng Thanh quy*, dùng làm khuôn thước lễ nghi.

Lễ Đản sanh tại Nhật Bổn

Nước Nhật Bổn tiếp nhận đạo Phật vào thế kỷ thứ Sáu và người Nhật phát huy đạo Phật vững mạnh cho tới ngày nay. Theo Sử ký Nhật Bổn *Nihonshoki*, buổi lễ Đản sanh đầu tiên được thiết vào ngày *mồng Tám tháng Tư* năm 606 TL (người Nhật dùng dương lịch, nhưng các lễ Phật nhiều lúc vẫn theo âm lịch Trung Hoa). Nữ hoàng Suy-Cơ (Sui-Ko, 593-628 TL) và chồng là Thánh Đức thái tử (Shokotu) rất mộ đạo Phật, ra lệnh cho tất cả các chùa, trong dịp lễ Đản sanh phải thiết lễ và phát chẩn. Trong các chùa lớn và đền Thần đạo tại Nhật ngày nay, một số tượng Phật đản sanh (hình tượng đức Phật lúc mới sanh, một tay chỉ xuống đất, một tay chỉ lên trời, miệng đọc câu "duy ngã độc tôn"), tạc từ thời đại Nại lương (Nara) vẫn còn giữ được nguyên vẹn, làm bằng chứng là lễ Phật đản đã được cử hành trong các thế kỷ Bảy, Tám tiếp theo. Từ thế kỷ Tám đến thế kỷ Mười hai (triều đại Bình An, Hei-an, 749-1185 TL), đạo Phật ảnh hưởng mạnh vào sinh hoạt xã hội và văn hóa nước Nhật, các buổi lễ Phật càng được cử hành lớn, dựa vào hoàng gia và quý tộc.

Qua triều đại Kiếm thương (Kamakura, 1185—1335) Phật giáo Nhật-bổn bắt đầu nhận chân những mối bất lợi vì lễ bái cúng tế hào nhoáng gây ra và Thiền tông trở nên hưng thịnh. Thêm vào đó là mối cạnh tranh với Thần đạo bây giờ có nhiều khuynh hướng thực tiễn ái quốc, nên Phật giáo phải nhẹ việc phô trương thanh thế bên ngoài, vì vậy càng giúp cho Thiền tông nẩy nở mạnh hơn, và các buổi lễ Phật phải cử hành đơn giản hơn. Ta nhận thấy sự kiện này trong một *tập ký ức của Koka Shiren*: "Trong nhiều năm, ngay tại thủ đô, người ta thiết lễ Phật đản vào ngày mồng Sáu để tránh một ngày lễ lớn Thần đạo vào ngày mồng Tám tháng Tư." Trong một bổn *Đại tự Nhật ký* của chùa Kenchoji do *Đạo lan Đan khê* (Doryu Rankei) viết năm 1249, rõ ràng và hàm ý châm biếm cách thức thiết lễ Đản sanh nhuộm màu Thần đạo: "(Năm nay) ngày Phật đản, lễ tắm Phật do các vị phu nhân 'shoguna' (vợ của các vị chính quyền tướng quân) phụ trách, gây ra nhiều điều lạ mắt. Ngày xưa (vào lễ Phật đản) có bao nhiêu chi tiết đẹp ý đẹp lòng, như lễ cắm hoa. Ngày nay kiểu cách mới được đem vào chùa, làm lạ tai lạ mắt người theo Phật." Sau đó, có lẽ chính quyền Võ sĩ đạo muốn tránh quần chúng dị nghị, nên từ thế kỷ Mười ba, tổ chức buổi lễ Thần đạo vào ngày mồng Chín, dành ngày mồng Tám cho các chùa và dân chúng làm lễ Đản sanh. Gần đây hơn, ta đọc được trong *Nhật Bổn Niên giám Ký sự 1953* một đoạn viết về lễ Đản sanh: "Mỗi năm trên toàn quốc, vào *ngày mồng tám tháng Tư* (lễ Phật đản) dân chúng đi hái mọi loại hoa rừng, cắm vào cành tre vót nhọn, làm lễ Phật. Các bó hoa này gọi tên là *hoa hướng thiên đường* (tentobana), hay là *hoa tôn quý* (takahana)". Cũng vì tục lệ đẹp đẽ này mà tại Nhật, ngày tám tháng Tư còn gọi là ngày *Lễ Hoa*. Ta cần nhắc thêm là người Nhật mộ đạo tin là nhân loại sẽ được hoàn toàn cứu rỗi trong tương lai khi đức Phật Di Lạc ra đời, và nếu mỗi năm thành tâm thiết lễ Phật đản, thì ngày đức Phật Di Lạc hiện đến sẽ gần hơn. Vì vậy, mà ngày tám tháng Tư lại có thêm tên là *ngày Nguyện cầu* (Ryu ye-e), tên của một tông phái tại Nhật thờ Phật Di-lạc.

Một biến cố Phật đản liên hệ đến tổ chức *Gia đình Phật tử Nhật* cần nhắc lại đây. Gia đình Phật tử Nhật gồm thiếu nhi và thanh

niên hoạt động rất mạnh. Trong cuộc canh tân nước Nhật, cuối thế kỷ Mười chín do đại đế Minh Trị Thiên hoàng lãnh đạo, đạo Phật vì tôn chỉ chuộng hòa bình, bị nghi ngờ là chống giới quân phiệt, lực lượng nồng cốt ủng hộ nhà vua. Gia đình Phật tử Nhật, nhờ hoạt động khéo léo đã làm mối giây liên lạc giữa đạo và phong trào quốc gia võ sĩ đạo. Năm 1912, ngày Phật đản mồng tám tháng Tư, Gia đình Phật tử cử hành lễ tại công viên Asakusa Park, hội họp tất cả đại biểu đoàn viên trong nước, lấy tên buổi họp đoàn là *Hanamatsuri*. Từ đó, hanamatsuri được tổ chức mỗi năm, ngày họp bạn của nhi đồng và thanh niên toàn nước Nhật nhân ngày lễ Phật đản.

Lễ Đản sanh tại các nước thờ Phật giáo Theravada

Tại các nước thờ Phật giáo Nguyên thủy, ngày Phật đản gọi là *Visakha Puja* (chữ Sanskrit viết là Vaisakha; Tích Lan: Vesak; Cao Mên: Vissakh bochea; Thái Lan: Vaishaka Puja; Lào: Vixakha bouxa). Lễ này kỷ niệm ba biến cố quan trọng trong đời đức Phật: đản sanh, thành đạo, và nhập niết bàn vào một ngày... Chữ Nho ta gọi là lễ *Tam Hợp*. Người Phật tử phái Nguyên thủy tin là đức Phật đã chọn sanh ra đời, thành đạo và mất vào cùng một ngày. Nói chung, tại Đông Nam Á Nguyên thủy, Visakha là ngày quốc lễ nhưng được thiết trong khuôn viên chùa (vat, wat). *Lễ được thiết vào ngày trăng tròn, giữa tháng Tư và tháng Năm dương lịch.* Trong dịp lễ, dân chúng tụ họp tại chùa, đọc kinh, nghe thuyết giảng về đời sống của Thích Ca. Tại Thái Lan, chẳng hạn, buổi thuyết giảng pathama-sambodhi, bắt đầu từ trưa, kéo dài suốt đêm. Bài giảng kể lại lễ thành hôn của vua Tịnh phạn và hoàng hậu Maya (vương phụ và vương mẫu của đức Phật), đời sống lúc trẻ của đức Phật, quyết định đi tu cho tới khi thành đạo, hoằng Pháp và nhập diệt. Bài giảng kết luận nêu lên các nguyên do đạo Phật bị tru diệt tại Ấn Độ, để cho tín đồ suy nghĩ đừng phạm vào lỗi lầm cũ mà mất đạo.

Tại Ai Lao, lễ Tam hợp còn gọi là ngày *Buon Bang Fay*, có nghĩa là Hội Pháo. Trong năm, Hội Pháo là ngày lễ vui nhộn nhất. Các chùa thi nhau làm pháo, cùng một loạt ban đêm đốt lên, xem chùa nào đẹp nhất lãnh thưởng, làm trò vui cho dân chúng.

Tại Nepal (người Tàu phiên âm là Nê-bạc-nhỉ) đạo Phật pha trộn gắn bó với Ấn Độ giáo, nhưng Phật đản vẫn là một ngày quốc lễ, gọi là *Bahiravajatra*, thiết vào ngày trăng tròn tháng Năm dương lịch. Vào ngày lễ, dân chúng mổ trâu bò làm tiệc, và nhảy múa suốt đêm ngoài lộ.

Tại Sri-Lanka (Tích Lan), lễ Phật đản gọi là Vesak, là ngày quốc lễ trọng đại nhất trong năm, vào ngày trăng tròn tháng Năm. Như trên đã nói, sử Tích Lan Mahavamsa chép là "lễ Đản sanh được thiết từ ngày đạo Phật được hoàng tử Mahinda, con trai của đại đế Asoka vâng lệnh vua cha đem đạo của đức Thích Ca vào nước Sri-Lanka. Bắt đầu từ thế kỷ thứ Bốn, lễ được chính thức cử hành mỗi năm, có cuộc phát chẩn lớn cho dân nghèo và cuộc dâng y bát cho người tu sĩ. Người Anh đến thôn tính nước Sri-Lanka năm 1815, chịu áp lực của các giáo hội truyền giáo Tây phương, ra lệnh bỏ tục lệ Vesak, làm cho dân bị trị mất tục lệ cúng Phật. Cuối thế kỷ Mười-chín, nhóm lên phong trào kháng Anh do Phật giáo đề xướng, lấy chủ đề là Chấn hưng Phật giáo. Buổi lễ Vesak lần đầu tiên được tái lập sau bảy mươi năm bị chính quyền Anh cấm đoán, cử hành vào ngày 17 tháng Tư năm 1885. Một người Hoa Kỳ thờ Phật giáo, Đại tá Henry Steele Olcott, trong cuốn ký ức *Old Diary Leaves* thuật lại là phong trào có sáng kiến lập một lá cờ Phật giáo gồm sáu màu sắc thoát ra từ hào quang chiếc áo đức Phật, dùng để tượng trưng ý niệm hợp đoàn của người theo đạo Phật. Lá cờ này từ đó được Phật giáo thế giới nhìn nhận là lá cờ của đạo Phật, dùng trong mọi quốc gia, đặc biệt vào ngày Phật đản. Tại Nam Việt Nam, tám mươi năm sau, có lẽ vì không để ý tới cái lý do tượng trưng thiêng liêng này của lá cờ Phật giáo đã gây ra sự sụp đổ của nền Đệ nhất Cộng hòa. Phật đản tại Sri-Lanka gồm ba lễ lớn: *atasil* là lễ cầu nguyện; *dan-sai*, lễ cúng thực phẩm cho tăng ni và phát chẩn cho đại chúng; và thứ ba là đại lễ liên hoan: treo cờ, kết hoa, vui chơi suốt mấy ngày đêm trong nhà, ngoài phố. Ở Sri-Lanka còn có một tục lệ rất đẹp là mỗi năm vào ngày Phật đản Vesak, mỗi người gởi thiệp chúc mừng thăm viếng nhau, tương tự như tục trao đổi thiệp mừng của người theo đạo Cơ-đốc, nhân ngày đức Chúa Christ giáng sanh.

Ta đã duyệt qua các truyền thống lựa chọn ngày lễ Phật đản của hai phái Đại thừa và Nguyên thủy. Mối thắc mắc ngày mồng tám tháng Tư có đúng là ngày sanh của đức Phật

hay không cũng được giải tỏa. Nước Ấn Độ không dựa vào hệ thống biên niên để viết sử nên ta không tin tưởng vào ý niệm ngày tháng của Ấn Độ. Người Trung Hoa vốn chuộng thực tiễn, lại chú trọng sử ký nhiều hơn, cũng đã chấp nhận truyền thống Ấn Độ hoàn toàn vì đức tin. Ta có thể dẫn chứng cớ trong *Ngọc Phật cung tự kinh* của thầy Nghĩa Tịnh (I tsing, đã dẫn ở trên):

"Lý do (người xưa) đã lựa mồng tám tháng Tư làm ngày Phật đản, vì qua mùa xuân cho đến mùa hạ, mọi tai ương đều chấm dứt, tạo vật thức tỉnh sống lại, không còn chướng vật nào ngăn chận nẩy nở; và khí trời cũng vậy, không lạnh quá không nóng quá. Cho nên ngày đó là ngày thích hợp nhất để làm lễ Đản sanh."

Như vậy, đọc lại lịch sử và nhận định qua các truyền thống, ta có thể kết luận không sợ sai lạc nhiều là *ngày Đản sanh đã được lựa chọn để thiết lễ, và chưa ai chứng minh được ngày nào đích là ngày sinh nhật đích xác của đức Phật*. Thật ra, không chỉ riêng với đạo Phật mà đối với một tôn giáo trẻ hơn đạo Phật như đạo Cơ đốc, ngày sanh của đức Chúa Christ cũng đã được chứng minh từ lâu không phải chính xác là ngày người Tây phương làm lễ Giáng sanh). Thiết tưởng vấn đề trọng đại là cử hành lễ, chi tiết ngày tháng người xưa không cố chấp xem là quan trọng.

Một điểm cuối để kết luận bài khảo sát nhỏ này về mặt triết lý, siêu hình và hướng linh là việc giải thích vì sao ngày trăng tròn tháng *Vassa* của lịch Ấn Độ (từ giữa tháng Tư sang giữa tháng Năm dương lịch) được chọn làm lễ Đản sanh. Trước tiên là vì truyền thống này đã có từ lâu trong trường Nguyên thủy Theravada. Như trên đã nói, người theo Phật giáo Nam tông tin là đức Phật đã chọn ngày ra đời, thành đạo, và nhập niết bàn cùng vào một ngày. Lại còn nhiều lý do để giải thích việc lựa chọn. Lý do thiết thực hơn cả là vì niên lịch Phật giáo thiên về âm lịch và ngày xưa visakha là ngày đẹp nhất trong năm. Mùa mưa bắt đầu, tu sĩ phải tập họp vào một nơi để tu học, và ngày visakha là ngày khởi đầu giai đoạn hợp đoàn. Lại nữa, mưa bắt đầu, cỏ cây sống lại, sinh vật cũng bắt đầu nẩy nở, người tu sĩ phải tránh di chuyển để tránh sát sinh. Visakha khởi đầu cuộc chuẩn bị vào hạ, người tu sĩ Theravada sẽ an cư kiết hạ sau Visakha, tránh các cuộc sinh hoạt náo nhiệt.

*

Sau Thế Chiến Hai, biến cố trọng đại nhất trong lịch sử thế giới là việc hình thành các quốc gia đã thoát ra được ách thực dân của người phương Tây. Một trong những ước vọng tiềm tàng của các dân tộc mới thâu hồi được tự do là tái lập vị thế tôn giáo cổ truyền của họ, đã bị chính quyền người Tây phương hiếp đáp quá nhiều trong hơn một trăm năm trước. Mọi tôn giáo muốn tồn tại trong sinh hoạt dân gian, phải được tổ chức, và tín đồ phải biết khép cánh hỗ trợ. Vì lẽ đó mà trong thập niên năm mươi, tín đồ Phật giáo đã tổ chức *Đại hội kiết tập* (sangiti) lần *Sáu* tại Miến Điện. Sangiti là đại hội quy tụ các nhà lãnh đạo Phật giáo để san định kinh sách và quyết định cương lĩnh cấp thời của đạo. Đại hội chọn lá cờ Phật giáo và quyết định lấy ngày trăng tròn từ giữa tháng Tư sang giữa tháng Năm dương lịch làm ngày khánh lễ Đản sanh đức Phật Thích Ca. Tất cả quốc gia tham dự Đại hội Sangiti lần Sáu đều thỏa nhận quyết định thiết lễ Visakha vào ngày trên. Tục lệ tại Việt-nam cũng đã dần dần hướng tới dùng ngày Visakha làm ngày lễ Đản sanh của đức Phật, do quyết định của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

BLUE SKY TRAVEL, INC.

9061 Bolsa Ave. Suite #201.
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895-5411 / 895-6153
Fax: (714) 891-7491

CHÚNG TÔI LO TẤT CẢ CÁC
DỊCH VỤ VỀ DU LỊCH
Giá đặc biệt cho quý vị cao niên

* Tour Honolulu
* Tour Las Vegas

VÉ VÀ BOARDING PASS ĐI
VIỆT NAM VÀ CÁC NƠI ĐỀU
IN NGAY TẠI VĂN PHÒNG

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

KHÔNG TÂM TRONG THIỀN HỌC*

DOÃN QUỐC SỸ

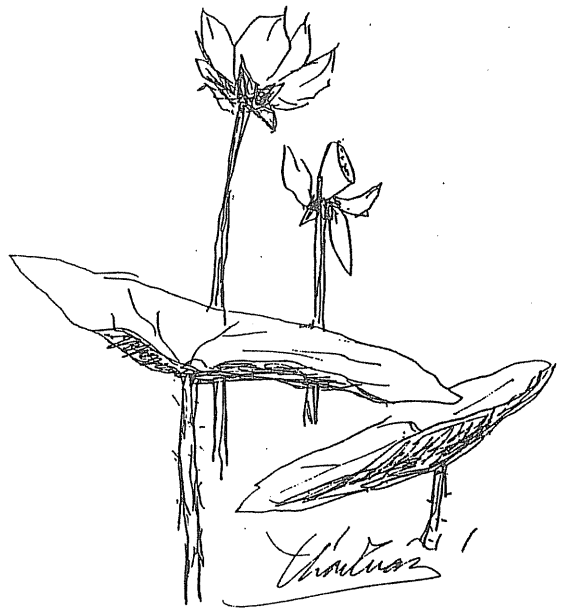

Xin thưa ngay: dùng ngôn ngữ hữu hạn của thế nhân để nói về Thiền thật chẳng khác nào muốn vẽ bướm bằng cành tre, muốn đựng mây hồng trong hộp sắt! Do đó xin quý vị thông cảm trước mà thứ lỗi cho những sơ sót *lời bất cập ý*!

Ôn lại thuở xa xưa, tôi chẳng nhớ mình đã để ý đến Thiền tự bao giờ, chỉ biết chắc rằng những ý tưởng nhuốm màu Thiền đã *nhật tích nguyệt lũy* thấm dần vào tôi như những giọt nước rơi liên tục làm lõm phiến đá. Trên các sách báo, gặp bất kỳ đoạn nào bài nào mói về Thiền tôi cũng đọc. Rồi cái gì hợp với mình thì nhớ — nhiều khi chỉ nhớ mang máng — còn cái gì rơi vào quên lãng ắt là những cái vô bổ với tạng mình! Tôi vẫn nghĩ một cách chủ quan rằng thái độ học Thiền như vậy mới thật là... Thiền! (Nghĩa là: hồn nhiên, vô tư, thanh thản!)

Nhớ lại mùa hạ 1967 tôi đương theo học tại FSU (Florida State University) — tại ngay Tallahassee, thủ phủ Tiểu Bang — và đã được một người bạn Mỹ yêu đạo Phật tặng cho cuốn sách Thiền xinh xinh mang tên *Zen Buddhism* xuất bản tại New York năm 1959. Lần đó tôi được đọc những giai thoại dí dỏm về Thiền giữa màu sắc bừng sáng của những loại hoa cúc, hoa hải đường, hoa đỗ quyên (azalea)... phảng phất mùi hương thanh thanh của hoa mộc lan (magnolia). Đôi khi vào dịp cuối tuần tôi ngồi đọc say sưa dưới bóng rừng ngợp màu rêu, loại rêu ngan ngát tím bao phủ lấy các cành cây và rủ xuống như tơ liễu. (Quý vị nào đã từng ở hoặc có dịp qua thăm Florida, hẳn còn nhớ phong cảnh với những màu sắc đặc biệt này của miền Nam nước Mỹ).

Những dụ ngôn, những giai thoại về Thiền được đọc vào dịp đó, trong khung cảnh đó, đã giúp tôi suy tư và tự khám phá thấy cái bất lực thê thảm của lý trí đơn thuần.

Dòng đời như dòng sông không một sát-na nào ngừng trôi chảy. Nô lệ cho lý trí đơn thuần, ham cắt xén thì chỉ thấy được cái ngưng đọng, cái chết! Những khái niệm con đẻ của lý trí chật hẹp và khô cứng kia làm sao chụp được dòng thực tại không ngừng, triền miên trong thế tương sinh tương lập — đối tượng của Thiền?!

Mỗi chúng ta là một que diêm sống! Không ai sống hộ ta — ta phải tự sống lấy, tự chiêm nghiệm lấy Thiền! Que diêm khi tắt đi, chút khói xanh để lại... Rồi chính chút khói xanh đó cũng tan loãng nốt và biến hẳn — như vết chân cát xóa!

Tuy nhiên cũng nên chụp lấy chút ít khói xanh còn trong giây phút phiêu lãng đó — bởi dù cho khái niệm không chuyên chở được thực tại, nhưng người ta vẫn có thể nương vào khái niệm để tìm đến thực tại. Vì vậy vào năm đó tôi mới quyết tâm viết tập sách mang đầu đề VÀO THIỀN và cho xuất bản lần đầu vào năm 1970 — thấm thoát cách đây đã ngót 30 năm — trên một phần tư thế kỷ rồi.

VÀO THIỀN cuốn sách mỏng xinh có 60 trang thuở đó khi vừa được ấn hành đã được độc giả đón nhận nồng nhiệt — và tôi đã phải cho tái bản lại khoảng năm, sáu lần trong vòng chưa đầy hai năm. Tôi xin thuật lại một vài giai thoại trong tập VÀO THIỀN đó.

1. Một Cách Đạt Ý Vô Ngôn Hảo Diệu

Một thiền viện mới được thành lập, thiền sư Hyakujo cần tuyển chọn một người để trông nom thiền viện đó. Tiên sinh cho gọi đám môn đệ tới, chỉ một chiếc bình chứa đầy nước và nói: "Trong các con, liệu có ai giải thích được cái này là cái gì mà không cần gọi đến đích danh nó?"

Thiền sinh trưởng phòng được phép phát biểu trước.

Anh chàng nói:

"Nó đứng thẳng, nó rỗng lòng nhưng chẳng phải là chiếc giày bằng gỗ!"

Một thiền sinh khác dùng lời gợi ý:

"Nó chẳng phải là cái ao, bởi người ta khênh nó được!"

Thiền sinh em út phụ trách việc bếp nước, lẳng lặng đứng lên lấy chân đạp chiếc bình vỡ lăn chiêng, nước tung tóe ra sàn.

Một cách đạt ý vô ngôn hảo diệu! Ý thức dính liền với thực tại khi bình vỡ lăn chiêng, khi nước chảy lênh láng!

Sư phụ ưng ý! Thiền sinh được cử trông coi thiền viện!

2. Chân Không Diệu Hữu

Nói đến Thiền là nói đến *Không tâm*. Nhưng xin đừng quên phần đi song hành với *không tâm* là *diệu hữu*. Bởi vì nếu chỉ đơn thuần có *không tâm* thôi thì đó là *ngoan không*, cái không trống rỗng, không có gì.

Một thiền sinh trẻ tuổi kia, lần đầu tiên tới thăm một thiền sư. Vừa ngồi xuống anh chàng đã huênh hoang lấy le, cất giọng thao thao:

"Làm gì có tâm, làm gì có trí, làm gì có thân xác! Làm gì có thiện, làm gì có ác! Thày chẳng có, trò cũng không; chẳng có cái cho đi, chẳng có cái lấy về; có cái gì trên đời này mà là thật đâu? Cái *chính thật là Hư Vô*!

Vị thiền sư ngậm ống điếu bình thản ngồi nghe, không thốt nửa lời. Chợt tiên sinh vớ lấy chiếc roi bất thần giáng một cái thật mạnh lên người thiền sinh.

Thiền sinh hốt hoảng vùng dậy, không giấu được vẻ giận dỗi, nhưng còn lúng túng chưa biết nói sao.

Thiền sư điềm tĩnh cất lời:

"Nếu quả thực chẳng có gì trên đời này là thực và tất cả là hư vô thì sự giận dữ của người từ đâu đến? Hãy suy nghĩ thêm về điều đó!"

Thiền sư âu hẳn đã muốn dạy thiền sinh đệ tử bài học về *Chân Không Diệu Hữu* — đồng thời còn hàm ý nhắc lại tinh thần *phá chấp* của Thiền.

Từ xưa *Không tâm* vẫn là một trong những đề tài cơ bản trong Thiền học.

Để minh họa thế nào là Không tâm xin được nhắc lại ba giai thoại về Không tâm như sau.

Giai Thoại Một:

Có hai thiền sinh, sau khi đã hoàn tất nhiệm vụ sư phụ giao phó, đương cùng đi sát cánh bên nhau trên đường về. Cả hai vui vẻ đàm thoại về một vài đề tài quen thuộc gần gũi với nếp sống hàng ngày.

Chợt cả hai ngừng nói chuyện! Phía trước mặt: một thiếu nữ xinh đẹp bận đồ mới tinh đương đứng khựng trên vỉa hè, nhìn thẳng xuống bên dưới mặt đường ngập nước. Rõ ràng nàng đương lúng túng không biết làm cách nào qua được sang bên kia đường để trở về nhà mà không bị vấy bẩn bùn nước.

Thiền sinh A lẳng lặng tới bế nàng trên hai cánh tay, bước xuống lội qua khoảng bùn nước, đặt nàng sang bên kia vỉa hè cao ráo để

sau đó nàng thảnh thơi cất bước trên đường về.

Suốt trên quãng đường còn lại trở lại thiền viện, thiền sinh B không tươi vui trò chuyện với bạn như vừa rồi nữa, trái lại khuôn mặt đăm chiêu cố nén điều bực bội. Không khí im lặng thật nặng nề!

Chỉ còn một quãng nhỏ nữa là về đến Thiền viện, thiền sinh B không thể nhẫn nại hơn được nữa bèn cất giọng vô cùng bất mãn thống trách thiền sinh A:

"Tôi xin hỏi đạo hữu: Là một người tu hành mà đạo hữu đi bế một thiếu nữ đẹp trên tay - qua quãng lội, đặt nàng sang kia bên đường. Như vậy coi được không?"

Thiền sinh A vẫn giữ nguyên vẻ bình thản — rất Thiền — chỉ hơi mỉm cười đáp lại:

"Đạo hữu ơi - tôi đã giúp nàng qua khoảng lầy lội rồi! Đặt nàng sang bên kia đường để nàng trở về rồi! Ai ngờ đạo hữu còn tiếp tục cõng nàng về đến tận đây!"

*

Quý vị vừa chứng kiến trường hợp một *Không tâm* hàm ngụ thái độ hồn nhiên, bình thản. Giúp người xong, giữ lòng buông thả, thung dung! Đúng với ý bài thơ Thiền tứ tuyệt:

Nhạn quá tường không
Ảnh trầm hàn thủy
Nhạn vô di trích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm

Tôi dịch sang thơ Việt như sau:

Nhạn vỗ cánh cao bay miết mải
Hình nhạn chìm dưới đáy nước kia
Nhạn nào lưu dấu làm chi
Nước trôi cũng mặc kẻ đi người về

Giai thoại hai:

Giai thoại này minh họa về *Không tâm* trong một trường hợp đặc biệt như sau:

Hôm đó vị Thiền sư có một người bạn đến chơi. Người bạn nói là đến để hỏi ý kiến về một chuyện cần giải quyết.

Nhưng từ lúc được mời ngồi xuống trước bàn trà, người bạn nói liên chi hồ điệp về câu chuyện xảy tới đã làm mình thắc mắc: câu chuyện đã xảy đến ra sao - mình đã nghĩ gì - mình dự định đối phó ra sao - dự định giải quyết ra sao...

Trong khi nghe người bạn tiếp tục thao thao bất tuyệt như vậy, thiền sư lẳng lặng đặt một tách trà trước mặt bạn và bắt đầu rót trà... Tách trà đầy tràn... đầy tràn... Thiền sư vẫn tiếp tục nghiêng bình rót... rót hoài...

Người bạn phải tạm ngừng câu chuyện để nhắc thiền sư:

"Kìa, đạo hữu không thấy tách trà đã đầy tràn rồi sao?"

Thiền sư vẫn nghiêng bình tiếp tục rót, mỉm cười đáp:

"Thì nào có khác gì đạo hữu tới hỏi ý kiến tôi - rồi cứ tiếp tục nói hoài về những ý kiến của riêng đạo hữu."

Vậy đó! Với trường hợp này thiền sư khuyên chúng ta hãy giữ cho được *không tâm*, tránh đầy ắp tư kiến! Có vậy mình mới có cơ hội lãnh hội trọn vẹn những gì người đối thoại muốn truyền đạt cho mình! Hãy như chiếc chén rỗng - sẵn sàng tiếp nhận nước trà thơm ngát rót vào!

Giai Thoại Ba

Giai thoại ba giải thích sâu xa hơn nữa, tinh tế hơn nữa về *không tâm:*

Một chàng trai trẻ tự cảm thấy mình có đạo tâm, tới bái yết một thiền sư xin làm môn đệ của ngài:

Thiền sư nói với chàng trai:

"Con hãy về bỏ hết, không còn giữ một chút gì trong lòng, rồi hãy đến đây xin thụ giáo ta!"

Sau đó chàng trai đã nhiều lần tới trình diện, thưa với thiền sư là mình *đã thực hiện không tâm, đã rũ bỏ hết rồi, không còn giữ một chút gì trong lòng.* Nhưng chàng trai vẫn bị thiền sư từ chối và nhắc lại:

"Con về rũ bỏ cho thật hết đi, rồi hãy tới đây!"

Sau cùng chàng trai đành thống thiết cung kính trình lại với thiền sư:

"- Thưa thày, con thực tình đã trút bỏ hết rồi mà không hiểu sao Thày vẫn chưa cho con được nhập môn?!"

Thiền sư giữ nguyên thái độ bình thản đáp:

"Con phải rũ bỏ cả cái *biết mình đã rũ bỏ mới thực là rũ bỏ hết*!"

Thật đúng với ý nghĩa câu: Bồ tát không biết rằng mình là bồ tát mới thật là bồ tát!

Bình thản, hồn nhiên, vô tư của *Không tâm* trong Thiền học là như vậy đó! Nào khác gì chuyện Kosen tiên sinh chuẩn bị viết mấy chữ đại tự để sẽ cho khắc trước cổng lớn ngôi đền Oaku tại Kyoto. Tiên sinh phải viết những chữ đó lên giấy, rồi tự giấy khắc vào gỗ. Một đệ tử ngồi hầu, mài mực và chăm chăm muốn được theo rõi nghệ thuật bút thiếp của thày. Điều này làm thiền sư cảm thấy tâm trạng bất an làm sao ấy.

Lần đầu, tiên sinh vừa viết dứt, người đệ tử lắc đầu:

"Thưa thày chưa được!"

Tiên sinh sử dụng bút đại tự lần nữa. Người đệ tử nói:

"Thưa thày lần này còn tệ hơn lần trước!"

Tiên sinh viết lại lần nữa... Cứ như vậy tới lần thứ sáu mươi tư thì thực là bút cùn mực cạn!

Thấy mực gần hết, người đệ tử chạy vào nhà kiếm thêm. Còn lại một mình, không bị phân tâm bởi cái nhìn soi mói của kẻ ngồi bên, tiên sinh chấm bút vào nghiên, dùng chút mực ít ỏi còn lại thảnh thơi phóng bút lần cuối cùng.

Vừa lúc người đệ tử trở lại, ngắm hàng chữ còn tươi nét mực và reo lên:

"Thưa thày, thật là tuyệt bút!"

Nào có khác chi chuyện con rết đương nhịp nhàng bò lanh lẹ qua đây qua đó, bỗng gặp con cóc tinh nghịch hỏi đùa:

"Này chị Rết, chị bò lẹ như vậy thì chân nào trước, chân nào sau nhỉ?"

Thế là nàng Rết ta bị phân tâm, trở thành vụng dại, nằm bò lê bò càng dưới rãnh, cố ý nghiên cứu phân tích tìm hiểu xem chân nào chuyển động trước, chân nào chuyển động sau... Tội nghiệp!

Vâng thưa quý vị — bình thản, hồn nhiên, vô tư trong Thiền học là như vậy đó!

Nếu phải dịch *không tâm* sang Anh văn, tôi sẽ chọn danh từ *Equanimity* chỉ sự điềm tĩnh, thanh thản, hồn nhiên trong sáng!

Tới đây chúng ta cần minh xác lại một điểm cuối cùng nữa để tránh ngộ nhận:

Không tâm không hề là *ngoan không*!

Ngoan không là cái không trống rỗng, không có gì! Trái lại *không tâm* trong Thiền học là *không tâm diệu hữu*! *Không tâm* để có được thái độ phá chấp, thức tỉnh hồn nhiên — do đó mới thoát được mọi ngã chấp, ngã mạn — mà bình thản tiếp nhận sáng suốt tất cả những gì xảy đến, ngõ hầu có thể bình tĩnh giải quyết, bình tĩnh đối phó hữu hiệu, hợp tình, hợp lý trong hoàn cảnh đó.

DOÃN QUỐC SỸ

** Bài nói chuyện tại:*

- Chùa Việt Nam (Houston)

- Hội Cựu Giáo chức Việt Nam tại Houston và vùng phụ cận

- Gia đình Phật tử chùa Linh Sơn (Austin)

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ BÙI VĂN BẢO

Bút hiệu BẢO VÂN

Một nhà giáo dục kỳ cựu luôn luôn chăm lo cho lớp trẻ Việt Nam, một văn hữu nhiều năm cộng tác với Thế Kỷ 21 Đã từ trần ngày 25 tháng Ba 1998 tại Toronto, Canada

Hưởng thọ 82 tuổi

Thành kính phân ưu cùng Cụ Bà và tang quyến.
Nguyện cầu hương hồn Cụ sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

Báo Thế Kỷ 21
Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ
Đài Phát Thanh VNCR

CHÙA MỘT CỘT VỚI TINH THẦN PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI NHÀ LÍ

HẠNH-CƠ

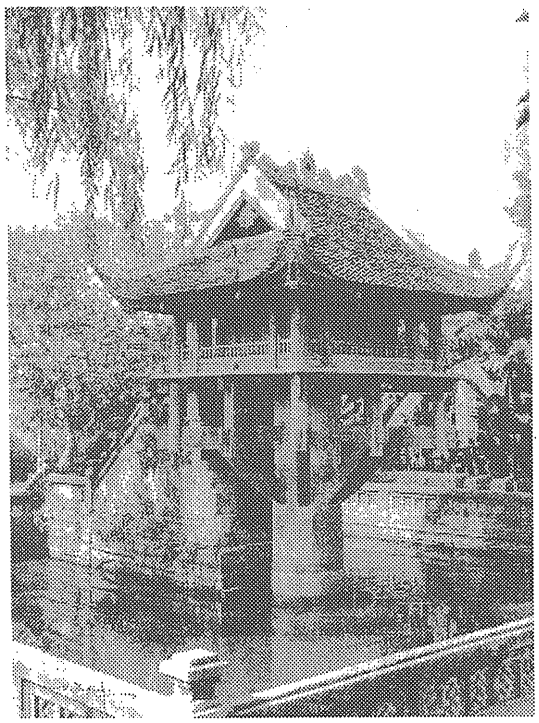

Chùa Một Cột trước khi bị phá hoại năm 1954.
Ảnh Võ An Ninh

Cũng như triều đại nhà Đinh (968-980) trước đó, triều đại Lê Đại-Hành (980-1005) (1) là một triều đại vẻ vang trong lịch sử dựng nước của nước ta, nhưng sự nghiệp ấy quá ngắn ngủi vì sự phá nát của vua Lê Long-Đĩnh (1005-1009) (2), cho nên bắt buộc phải có một sự đổi thay. Phú cường và an cư lạc nghiệp là những nhu cầu thiết yếu của quốc gia dân tộc, và đó đã là động cơ thúc đẩy Lí Công-Uẩn (3) lên nắm chính quyền (1010-1028) để phục hưng quốc gia, bảo vệ tinh thần đạo đức của dân tộc. Và sự lên ngôi của Lí Công-Uẩn để khai sáng ra nhà Lí đã là một công trình, một sắp xếp chính trị rất khéo léo của thiền sư Vạn-Hạnh (4). Đó là một kết quả của "tinh thần Vạn-Hạnh," và Lí Công-Uẩn lên ngôi, cũng như các vua Lí kế tiếp, là thực hiện cái sứ mệnh "đem ĐẠO vào ĐỜI" của Tổ Vạn-Hạnh. Nói cách khác, tư tưởng của Vạn-Hạnh đã ảnh hưởng sâu xa và quyết định phần lớn cho tinh thần giới lãnh đạo suốt triều đại nhà Lí; đó là tinh thần tập thành Thiền và Mật, có kiến thức cao siêu thần toán, thấu suốt và nối liền quá khứ, hiện tại, vị lai, sử dụng các thuật phong thủy và sấm vĩ, làm lợi khí cho những hành động ích quốc lợi dân, phụng sự quốc gia và bảo vệ chủ quyền dân tộc. Nhà Lí đã xây dựng một quốc gia tiến bộ khác hẳn Đinh, Lê trước đó, và chùa Một-Cột đã xuất hiện một cách độc đáo trong cái tinh thần tiến bộ toàn diện đó.

1. Sự Hình Thành và Ý Nghĩa Chùa Một-Cột

Chùa MỘT-CỘT được hình thành là do một giấc mộng của vua Lí Thái-Tông (1028-1054) (5). Đại Việt Sử Kí Toàn Thư chép: *"Tháng hai, mùa xuân năm Kỉ-Sửu (1049), vua đổi niên hiệu là Sùng-Hưng Đại-Bảo (1049-1054) (6) năm đầu. Trước đó vua mộng*

thấy Phật Bà Quan-Âm ngồi trên đài hoa sen, dẫn vua lên đài. Khi tỉnh dậy, vua nói lại với triều thần. Có người cho là điềm gở, nhưng nhà sư Thiền-Tuệ thì khuyên vua nên xây chùa. Vua cho dựng cột đá giữa hồ, xây đài hoa sen có tượng Bồ-Tát Quán-Thế-Âm ở trên, đúng như hình ảnh vua đã thấy trong mộng. Các nhà sư chạy đàn chung quanh, tụng kinh cầu sống lâu, nhân đó đặt tên chùa là Diên-Hựu." (7)

Theo đó thì chùa Một-Cột đã lấy nguồn cảm hứng từ giấc mộng đài sen với Phật Bà Quan-Âm. Cảm hứng từ mộng là một thứ tâm lí nghệ thuật của các dân tộc Đông phương, và hình dáng chùa đã bao hàm nhiều ý nghĩa nghệ thuật tôn giáo.

Theo giáo sư Nguyễn Đăng Thục (trong sách *Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam*) thì từ thời nhà Đinh đã dựng cột bia đá "Đà-la-ni," gọi là cột "nhất-trụ," để cầu tuổi thọ, cầu cho vận nước dài lâu bên cạnh cái không khí luôn luôn đe dọa nặng nề của Trung Quốc. Đến nhà Lí thì cây cột "nhất trụ" ấy lại bao hàm nhiều ý nghĩa hơn nữa, khi vua Lí Thái-Tông đã biến hình "nhất trụ" thành hình hoa sen (bằng cách cho xây trên đỉnh cột một cái điện nhỏ bằng gỗ lợp ngói, mái cong), để trở thành chùa Diên-Hựu — tức Một-Cột. Chùa có hình dáng một hoa sen, và nếu nhìn từ xa thì quả đó một hoa sen lớn mọc lên từ hồ nước, — dĩ nhiên, cây cột đã trở thành cọng sen.

Vẫn theo giáo sư Nguyễn Đăng Thục thì hình ảnh hoa sen cũng đã có những ấn tượng rõ nét trong tinh thần dân tộc ta từ thời nhà Đinh: Đinh Bộ-Lĩnh (tức vua Đinh Tiên-hoàng-đế, 968-979) ở cạnh đền Sơn-thần, ngoài cửa có đầm sen núi có dấu chữ *"thiên tử"*; mẹ Lê Hoàn (tức vua Lê Đại-Hành) có mang nằm mộng thấy trong bụng sinh hoa sen; tháng sáu, niên hiệu Long-Thụy Thái-Bình (1054-1058) (8) thứ 5 (1058), vua Lí Thánh-Tông (1054-1072) (9) cho xây điện Linh-Quang, bên trái dựng điện Kiến-Lễ, bên phải dựng điện Sùng-Nghi; phía trước điện dựng lầu chuông một cột sáu cạnh hình hoa sen. (10)

Vậy thì, hoa sen luôn luôn mang một ý nghĩa tốt đẹp, tượng trưng cho những gì cao quí nhất trên đời. Nơi nào có hoa sen là nơi đó có Phật, Bồ-Tát ngự trị; nơi nào có dấu sen là nơi đó có dấu vết hiền nhân; nơi nào có hồ sen nhất định phải là nơi thanh tịnh; và chính hoa sen đã được người bình dân tôn quí để ví với những người có tâm hồn thanh cao, sống nơi bụi trần đầy danh lợi mà không bị những thứ ô uế cám dỗ, ràng buộc:

Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng;
Nhụy vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.
(Ca dao)

Cuối cùng, hoa sen có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, đến nỗi nó đã được dùng làm tựa đề cho một bộ kinh cao thâm của Phật giáo đại thừa: *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.* Do đó có thể thấy, tín ngưỡng HOA SEN là tín ngưỡng PHẬT THỪA vậy.

Cũng vì hoa sen mang những ý nghĩa như thế, nên hễ người ta nói đến hoa sen là nói đến Phật. Sen là chỗ Phật ngự. Tòa sen là tòa Phật. Và bộ ba "Tam Thánh": Di-Đà — Quan-Âm — Thế-Chí đã dính liền mật thiết với hoa sen trong tín ngưỡng Tịnh-Độ tông. Cõi Cực-lạc là cả một thế giới hoa sen. Vì vậy, vua Lí Thái-Tông đã mộng thấy hoa sen với Phật Bà Quan-Âm đứng trên đài sen, và giấc mộng ấy đã được hiện thực bằng ngôi chùa Một-Cột có hình dáng hoa sen với tượng Bồ-Tát Quán-Thế-Âm được thờ trong đó.

Tín ngưỡng Phật Bà Quan-Âm trong tâm thức dân tộc Việt cũng là một tín ngưỡng đặc biệt, nó biểu hiện cho lòng yêu thương vô bờ của MẸ, hòa đồng với tín ngưỡng sùng bái Nữ Thần cố hữu trong tư tưởng bình dân Việt Nam. Người bình dân Việt Nam với tâm hồn chất phác, chân thật, luôn luôn có khuynh hướng nguyện cầu một "tha lực" từ bi cứu khổ cứu nạn như Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, hay là Nữ Thần của họ. Họ nương tựa vào đó như một nơi an lành, như đứa bé cảm thấy được yên ổn trong lòng mẹ. Họ luôn luôn yên tâm khi tin tưởng có Bồ-Tát Quán-Thế-Âm ở bên cạnh để che chở, độ trì.

Xem thế, chùa Một-Cột quả là một tác phẩm nghệ thuật tân kì, thể hiện trọn vẹn cái tâm linh độc đáo của dân tộc. Với cây cột độc nhất dựng sừng sững giữa hồ, nó biểu hiện cho tín ngưỡng về nguồn sống vũ trụ, về âm dương hòa hợp của tư tưởng Bà-la-môn giáo và Chiêm-thành — vốn cũng đã ảnh hưởng ngấm ngầm vào tinh thần dân Việt từ lâu. Với cái điện hình hoa sen mọc lên từ hồ nước, nó nói lên cái tinh thần phấn đấu âm thầm với dục vọng để tự kiến tánh thành Phật của các thiền sư, tức là giới trí thức bác học. Và với tượng Phật Bà Quan-Âm, nó bộc lộ cái tình Mẹ, tượng trưng cho Nữ Thần, một tha lực từ bi

luôn luôn cứu độ chúng sinh, đó là tín ngưỡng của giới bình dân chơn chất. Vì vậy, chùa Một-Cột quả đã gói ghém hoàn toàn tinh thần tín ngưỡng đặc biệt của Việt Nam thời đó. Tinh thần chùa Một-Cột là một tinh thần tổng hợp của Phật giáo Việt Nam thời Lí. Tinh thần đó đã dung hòa các tư tưởng vừa Thiền, vừa Mật, vừa Nho, vừa Lão, vừa trí thức, vừa bình dân, nhất là nó thể hiện một tinh thần hợp sáng nhưng độc lập của quốc gia; và chính cái tinh thần đó đã là nguyên nhân sâu xa của việc thành lập thiền phái Thảo-Đường, một phái thiền Việt-nam độc đáo thời nhà Lí.

2. Thiền phái Thảo Đường: Một kết tinh của Tinh thần Phật giáo Việt Nam thời nhà Lí

Thời đại nhà Lí là thời đại toàn thịnh của Phật giáo Việt Nam, mà cũng là thời đại có í thức dân tộc cao nhất, tinh thần quốc gia hùng mạnh nhất trong lịch sử độc lập của Việt Nam. Về điểm này, giáo sư Hoàng Xuân Hãn có nói: *"Lí Thánh-Tông là vua ta đầu tiên có óc lập một đế quốc có danh ngang với một nước thiên tử. Vua đặt quốc hiệu là Đại-Việt (1054), tôn các vua trước là Thái-Tổ, Thái-Tông, coi các nước nhỏ là chư hầu, và muốn ngăn cấm Chiêm Thành thần phục Tống."* (11) Và chính ở trong cái í thức dân tộc và tinh thần độc lập, tự cường cao độ đó mà phái thiền Thảo-Đường đã xuất hiện, như học giả Trần Văn Giáp đã nói: *"Đến thế kỉ XI, đạo Phật rất thịnh vượng ở Việt-nam. Những người nhiệt thành với đạo này không phải chỉ là quần chúng mà cả những quan lớn ở triều đình, và cả những vua chúa nữa. Những ông vua ấy muốn thiết lập một phái mới. Nhưng thay vì trực thuộc với Bồ-Đề Đạt-Ma, họ lại chọn một thiền sư Trung-hoa tên là Thảo-Đường đã đến Chiêm-thành và ngụ một thời gian ở đó. Chắc chắn họ đã theo giáo huấn của vị sư trưởng này và thực hành giáo pháp của ông. Thời kì thứ tư này quả là thời kì Thiền học Việt-nam."* (12)

Từ Lí Thái-Tông, ta thấy nhà vua đã có khuynh hướng xây dựng một nền Phật giáo riêng biệt, đặc thù cho Đại-cồ-việt (13) qua kiến trúc hợp sáng chùa Một-Cột, thờ Phật Bà Quan-Âm trong một cái điện hình hoa sen. Đến vua Lí Thánh-Tông thì cái khuynh hướng ấy lại càng mạnh mẽ hơn nữa, đến nỗi đã đưa đến việc sáng lập một phái thiền mới lấy tên của thiền sư Thảo-Đường.

Về sự tích Tổ Thảo-Đường, sách *An Nam Chí Lược* chép: *"Thảo-Đường đi theo sư phụ sang ở đất Chiêm-thành. Khi vua Lí Thánh-Tông đánh Chiêm-thành, bắt được làm tù binh, giao cho quan tăng-lục làm gia nô. Quan tăng-lục viết sách Ngữ Lục, để ngỏ trên bàn và đi khỏi. Nhà sư Thảo-Đường xem trộm, có sửa chữa đi. Quan tăng-lục về thấy thế lấy làm kinh ngạc về anh gia nô, bèn tâu lên vua. Vua bái Thảo-Đường làm quốc-sư."* (14)

Tinh thần của tài liệu này cho ta thấy gì? Đọc lại lời của giáo sư Hoàng Xuân Hãn ở trên thì triều đại Lí Thánh-Tông quả là một triều đại oanh liệt, có tinh thần dân tộc cao sáng nhất. Vua Lí Thánh-Tông nuôi mộng xây dựng quốc gia thành một đế quốc hùng cường, xứng danh *"Đại-Việt"*; trong đó bao gồm í tưởng sáng lập một tông phái Phật giáo Đại-Việt đặc thù, hoàn toàn mang màu sắc dân tộc, mặc dù trước đó đã có hai phái thiền Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi và Vô-Ngôn-Thông từ ngoại quốc truyền vào. Và mộng ước ấy đã được thành tựu do một thiện duyên hãn hữu, đó là việc nhà vua đi đánh Chiêm-thành, bắt nhiều tù binh, và trong đám tù binh ấy có thiền sư Thảo-Đường.

Thảo-Đường là một tù binh được cắt đặt làm thị giả cho vị tăng-lục (vị tăng sĩ cao cấp trông coi về tăng sự). Lại do sự khám phá của chính vị tăng-lục mà Thảo-Đường được nhà vua tôn làm quốc-sư. Ấy là vua đã nhặt được viên ngọc vô giá từ trong bùn lầy! Ý vua đã mong ước thành lập một tông phái đặc biệt Việt Nam, nhưng nhà vua là cư sĩ, không thể đứng làm tổ khai sơn cho một môn phái, — *lại không muốn chọn các vị thiền sư đã sẵn có môn phái đương thời*, — nhân cơ hội khám phá được viên ngọc vô giá là thiền sư Thảo-Đường (dù vốn có nguồn gốc từ Trung-hoa), bèn lập tức tôn lập ngài làm Tổ, lấy tên ngài làm tên môn phái, rồi chính nhà vua làm đồ đệ đầu tiên đời thứ nhất. Thật là một cơ hội nghìn vàng để vua thực hiện giấc mộng. Quan tăng-lục là một vị cao tăng, mà viết "ngữ lục" còn bị Thảo-Đường sửa chữa, thì Thảo-Đường quả xứng đáng với sự trông đợi và kính ngưỡng của vua Lí Thánh-Tông.

Vậy thì cái tinh thần đặc biệt của Tổ Thảo-Đường là gì? Đó là một tinh thần tổng hợp Thiền và Tịnh. Theo tinh thần bài *"Kỉnh Sách"* của Tổ thì con đường tu hành không phải chỉ có một, mà phải gồm cả ba phương diện: tham thiền, quán chiếu và niệm Phật. Tham thiền và quán chiếu tức là tập trung

tinh thần nhắm vào một điểm, ngưng đọng tất cả mọi vọng niệm trong tâm, để cho tâm ý thanh tĩnh, không còn vọng động. Lúc đó cả năng tri và sở tri đều mất, trí tuệ phát sinh, kiến tánh giác ngộ. Đó là con đường tự lực đốn ngộ, có thể giải thoát ngay ở đời này, được áp dụng chung cho cả tăng lẫn tục. Nhưng đó là con đường trí thức, chỉ thích hợp cho những bậc thượng nhân; còn đối với kẻ độn căn mà đa số là quần chúng nông dân thì không thích hợp. Do vậy mà Tổ đã đưa ra con đường niệm Phật để dẫn dắt đám quần chúng nông dân đông đảo ấy. Tổ nói: *"Thiền vốn không có cửa vào nhất định, nếu không đủ căn bản tâm linh thì phần nhiều rơi vào lầm lạc, trọn đời trôi nổi, khó mà giác ngộ. Pháp quán tâm thì rất tế nhị, tinh vi, nếu không có trí tuệ bát nhã thì ít có thể tiến bộ trên đường chứng nghiệm. Chỉ còn có lối niệm Phật là rất mau lẹ, tiện lợi. Từ xưa đến nay, người thông minh hay ngu độn đều tu, đàn ông hay đàn bà đều chuộng, muôn người không một sai lầm như bốn lời dạy của phái Lâm-Tế đã tỏ rõ. Chỉ cần tự phân tích lấy tâm mình, chớ nghi ngờ mình làm không được."* (15)

Người nông dân vốn dồi dào tình cảm và giàu tưởng tượng. Hơn nữa, trải qua bao cảnh bạo tàn, đau thương của giặc giã, chiến tranh từ các đời trước, họ chỉ mong được một đời sống thanh bình, an cư lạc nghiệp với sự độ trì của thần linh, cho nên sự tin tưởng vào Phật Bà Quan-Âm với lòng từ bi của Mẹ Hiền cứu khổ cứu nạn đã phổ biến mau lẹ và sâu rộng trong quần chúng bình dân. Tín ngưỡng vào Bồ-Tát Quán-Thế-Âm cứu khổ độ trì là một lòng tin vào tha lực. Bởi thế, con đường niệm Phật dành cho người bình dân đã được đề cao bên cạnh con đường tham thiền và quán chiếu dành cho bậc đại trí tin tưởng vào tự lực; đó là cái chủ tâm của vua Lí Thánh-Tông trong việc thành lập thiền học Thảo-Đường, nhằm tổng hợp tín ngưỡng của toàn dân, làm thành một sức mạnh vô địch để thực hiện cái mộng "Đại-Việt" trong tinh thần dân tộc cao sáng của mình.

Như vậy, đứng về phương diện lịch sử, chúng ta phải công nhận người sáng lập ra phái thiền Thảo-Đường là vua Lí Thánh-Tông. Tinh thần Thảo-Đường chính là tinh thần Lí Thánh-Tông trong ý hướng sáng lập một môn phái đặc biệt dân tộc. Tinh thần Lí Thánh-Tông là một tinh thần cởi mở, sẵn sàng thâu hóa nhiều tín ngưỡng khác nhau. Vua rất sùng thượng Phật pháp nên đã xây cất và tu bổ rất nhiều chùa tháp. Tinh thần từ bi của Phật giáo đã ảnh hưởng sâu đậm nên nhà vua có tiếng là một ông vua nhân từ. Vua đã từng ban chăn chiếu cho tù nhân, cho họ ăn cơm đầy đủ vì nghĩ thương cái hoàn cảnh đói lạnh của họ trong ngục xá; và đối với dân chúng thì: *"Lòng trẫm yêu dân như yêu con trẫm vậy; hiềm vì trăm họ ngu dại làm càn phải tội, trẫm lấy làm thương lắm; vậy từ nay về sau, tội gì cũng giảm nhẹ bớt đi."* (16) Đối với Khổng giáo nhà vua cũng rất chú trọng. Vua là người đầu tiên ở nước ta dựng lập văn miếu, tạc tượng Chu-Công, Khổng-Tử và tứ-phối để thờ phượng (1070). Vua cũng rất hâm mộ âm nhạc Chiêm-thành và tin Thần đạo, xây chùa Nhị-Thiên-Vương thờ Nhật-Thiên (Civa Deva) và Nguyệt-Thiên (Visnu Deva) thuộc tín ngưỡng Ấn-độ giáo.

Vì vậy, khi nhận xét về Lí Thánh-Tông, giáo sư Nguyễn Đăng Thục đã viết: *"Xem thế thì biết rằng khuynh hướng tín ngưỡng của nhà vua cũng như của toàn quốc thời bấy giờ không có tính cách giáo điều, hết sức cởi mở để thỏa hiệp nhiều tín ngưỡng khác nhau."* (17)

3. Quan Âm Nữ

Nói đến Lí Thánh-Tông, chúng ta còn phải đề cập đến một điểm đặc biệt khác nữa, đó là sự liên quan gần như mật thiết giữa nhà vua với hình ảnh Bồ-Tát Quán-Thế-Âm. Hình ảnh Phật Bà Quan-Âm đã ám ảnh dân ta từ lâu, và đã được thể hiện một cách cụ thể kể từ vua Lí Thái-Tông, qua việc xây chùa Một-Cột hình hoa sen để thờ đức Bồ-Tát như chúng ta đã thấy ở trên. Một sự kiện nữa, như sử chép: *"Nhà vua 40 tuổi, chưa có con trai, thường đi các đền chùa để cầu tự. Ngự giá đến đâu, người xem chật đường. Khi đến làng Thổ-lỗi, có người con gái hái dâu đứng dựa vào khóm cỏ lau, nhà vua lấy làm lạ, cho vào cung, lập nàng làm Ỉ-Lan phu-nhân. Đến khi có mang, sinh hoàng-tử Càn-Đức, nhà vua mừng lắm. Ngày hôm sau lập làm thái-tử, đổi niên hiệu, đại xá, phong Ỉ-Lan phu-nhân làm thần-phi, lại gọi là nguyên-phi, đổi làng Thổ-lỗi làm làng Siêu-loại, vì là nguyên quán của nguyên-phi."* (18)

Sử Kí Toàn Thư lại chép: *"Vua thân đi đánh Chiêm-thành, lâu không thắng, trở về đến châu Cư-liên, nghe tin nguyên-phi điều khiển nội trị được lòng dân hòa hợp, trong nước yên ổn, tôn sùng Phật giáo, tục gọi là Quan-Âm-Nữ. Vua tự bảo, 'Kẻ kia là một nữ nhi mà còn có thể được thế, ta là trai còn dùng làm chi!' Bèn quay lại*

đánh mới thắng được." (19)

Trong chế độ quân chủ xưa, việc vua sinh được hoàng nam là một điều vui mừng trọng đại không những cho nhà vua, cho triều đình, mà cho cả nhân dân trong nước. Vua Lí Thánh-Tông đã 40 tuổi mà chưa có con trai, nay gặp được Ỉ-Lan phu-nhân thì sinh hoàng nam, đó chẳng là điều đại phúc cho triều đình và cho cả thiên hạ ư? Vì vậy, từ một cô thôn nữ, Ỉ-Lan đã được bước lên địa vị một nguyên-phi, và đối với nhân dân thì được tôn kính là Quan-Âm Nữ (con gái của Phật Bà Quan-Âm), nàng quả đã được mọi người, mọi tầng lớp trong toàn quốc coi là một cứu tinh của dân tộc. Nàng là cứu tinh của dân tộc không những sinh được vị thái-tử anh minh, mà còn vì ở tư cách lãnh đạo nhân dân, làm cho họ được sống thanh bình trong cảnh an cư lạc nghiệp. Người dân vốn đã sẵn lòng sùng bái Phật Bà Quan-Âm, nay họ có dịp hiện thực hóa Phật Bà Quan-Âm vào đối tượng Ỉ-Lan phu-nhân, chứng tỏ đã có một sợi dây cảm thông, một ý thức nối liền giữa tầng lớp bị trị và tầng lớp thống trị.

Từ trước khi chùa Một-Cột và tượng Phật Bà Quan-Âm xuất hiện, Phật giáo nước ta chỉ biết có Thiền và Mật thần thông, là khuynh hướng tin tưởng vào tự lực, chỉ thích hợp với thiểu số tầng lớp trí thức bác học, giàu nghị lực và ý chí. Từ khi chùa Một-Cột với tượng Phật Bà Quan-Âm ra đời thì hình ảnh Nữ-Thần Quan-Âm đã là đối tượng lí tưởng của đại đa số nông dân tin tưởng vào một tha lực cứu khổ cứu nạn. Và đến Lí Thánh-Tông thì sợi dây nối kết giữa tự lực và tha lực, giữa trí thức bác học và nông dân quê mùa, giữa giới thống trị và giới bị trị, đã được bện thành; và sợi dây đó chính là nàng thôn nữ Ỉ-Lan. Ỉ-Lan đối với nhà vua là hình ảnh Quan-Âm Nữ, không những đã đem đến cho nhà vua hiếm hoi một vị thái-tử anh minh nối nghiệp, mà còn là một động lực phấn khởi nhiệm mầu khiến cho nhà vua thắng trận khải hoàn; còn đối với nhân dân thì Ỉ-Lan cũng là hình ảnh Quan-Âm-Nữ vì đã đem lại cho họ một xã hội an cư lạc nghiệp. Vì vậy, sau khi thắng giặc Chiêm-thành trở về, vua Lí Thánh-Tông đã sáng lập tại kinh đô Thăng-long thiền phái Thảo-Đường, cũng với ý chí thống nhất tín ngưỡng sùng bái của bình dân với tín ngưỡng trí thức của bác học để lấy sức mạnh toàn dân mà thực hiện mộng "Đại-Việt" nói về phương diện quốc gia, và thực hiện một môn phái Thiền "Đại-Việt" nói về phương diện Phật giáo.

4. Một cách tổng quát

Nhìn một cách tổng quát, chúng ta thấy Phật giáo thời Lí quả đã chứng tỏ cái năng lực phi thường trong việc giáo hóa con người về cả hai phương diện, xuất thế cũng như nhập thế. Từ Lí Thái-Tổ đến Lí Chiêu-Hoàng (1224-1225), trải qua chín đời vua, trị vì suốt một thời gian 215 (1010-1225) năm, Phật giáo luôn luôn nắm vai trò chủ động. Mọi phương diện hệ trọng của quốc gia, từ chính trị, quân sự, đến giáo dục, văn học, nghệ thuật v.v... đều mang tinh thần Phật giáo. Ba phái thiền Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi, Vô-Ngôn-Thông và Thảo-Đường cùng nhau hợp tác, truyền bá song hành, và cùng chung qui vào một chí hướng phục vụ quốc gia dân tộc.

Về phương diện xuất thế, các thiền sư cũng như các vua chúa sùng đạo đều căn cứ vào thiền để khai phóng tâm linh, tự mình phát triển trí tuệ mà ngộ đạo. Về phương diện nhập thế, sau khi ngộ đạo, họ đã hòa mình vào đời sống xã hội, từ cung vua, kinh thành, cho đến làng mạc, thôn quê, họ đã mở bao nhiêu đạo tràng, trường học để mở mang văn hóa, giải phóng tâm hồn mông muội cho người đời; ở đâu có người sống là ở đó có ánh sáng đạo lí lan tràn tới. Bao nhiêu tinh hoa của dân tộc được khai triển triệt để, làm cho nền văn minh nước ta vào thời đó thật rực rỡ, sánh ngang hàng với Trung Quốc, khiến cho nước láng giềng to lớn này phải nể sợ.

Tinh thần Phật giáo thời Lí, nhất là từ khi hình ảnh hoa sen với tượng Phật Bà Quan-Âm xuất hiện, không phải là một tinh thần Phật giáo Thiền tông thuần túy, mà là cả một tinh thần dung hóa sáng tạo. Từ thiền sư Vạn-Hạnh với triết lí *"dung tam tế"* đến các thiền sư Từ Đạo-Hạnh, Minh-Không với khuynh hướng tổng hợp Thiền-Mật, sử dụng quyền năng thần thông để giúp đời; rồi các thiền sư Viên-Chiếu, Cứu-Chỉ, Ngộ-Ấn, Thông-Biện, Viên-Thông v.v..., đều khai triển cái học TAM-GIÁO (Phật-Lão-Nho) để phụng sự quốc gia dân tộc, khiến cho cái tinh thần "Bi, Trí, Dũng" của Phật giáo, hay "Nhân, Trí, Dũng" của Nho giáo được các cấp lãnh đạo thực hành triệt để, xây dựng một nước Đại Việt hùng cường, thịnh vượng và nhân ái.

Tinh thần "Bi-Trí-Dũng" ấy lại là một tinh thần toàn dân thống nhất, do công trình nối kết từ tín ngưỡng trí thức quí tộc đến tín

ngưỡng sùng bái bình dân qua các hình ảnh chùa Một-Cột, Quan-Âm Nữ, nhất là sự sáng lập thiền phái Thảo-Đường, đã làm cho Phật giáo Việt Nam thời nhà Lí có một tinh thần tín ngưỡng hợp sáng thật đặc biệt.

Tất cả những sự kiện trên đã làm cho nước ta dưới thời đại nhà Lí thật xứng đáng với danh xưng *"Đại-Việt."* ●

CHÚ THÍCH:

1. **Lê Đại-Hành:** Tên là Lê Hoàn, người làng Bảo-thái, huyện Thanh-liêm, tỉnh Hà Nam; là một vị tướng tài của vua Đinh Tiên-hoàng. Năm 968 được phong chức thập-đạo tướng-quân; năm 979 làm nhiếp-chính cho Vệ-vương Đinh Tuệ (con út của vua Đinh Tiên-hoàng, lên ngôi năm 979, lúc đó mới sáu tuổi). Năm 980, quân Tống xâm lăng, Lê Hoàn cử Phạm Cự Lượng làm đại tướng cầm quân nghênh địch. Trước khi ra quân, Phạm Cự Lượng cùng ba quân đều đồng thanh tôn Lê Hoàn lên ngôi vua (lấy cớ vua Đinh Tuệ còn quá nhỏ dại, chư tướng sĩ đánh giặc không thể biết thưởng phạt công minh). Liền đó, Lê Hoàn lên ngôi, xưng là Đại-Hành hoàng-đế, phế Đinh Tuệ làm Vệ-vương, mở ra nhà Tiền-Lê (980-1009), rồi đích thân cầm quân chống giặc, thắng được cả thủy, lục quân Tống, giết chủ tướng Tống là Hầu Nhân-Bảo (981), nhà Tống phải cầu hòa. Ông ở ngôi được 25 năm (980-1005), thọ 65 tuổi.

2. **Lê Long-Đĩnh:** Là con út của vua Lê Đại-Hành (em của Long-Ngân, Long-Kính, Long-Việt). Vua Lê Đại-Hành mất (1005), Long-Việt lên ngôi (là vua Lê Trung-Tông), nhưng chỉ được ba ngày thì bị Long-Đĩnh cho người ám sát để đoạt ngôi, trở thành vua đời thứ ba của nhà Tiền-Lê. Lê Long-Đĩnh là ông vua nổi tiếng về độc ác, bạo ngược, hiếu sát trong lịch sử nước ta. Ông lại là người hoan dâm quá độ, đến nỗi mắc bệnh không ngồi được, phải nằm mà thính triều, cho nên được người đương thời gọi là "Ngọa-Triều hoàng-đế." Ông ở ngôi được bốn năm (1005-1009), thọ 20 tuổi.

3. **Lí Công-Uẩn:** Vua khai sáng nhà Lí (1010-1225). — Để phân biệt, có người gọi đây là nhà Hậu-Lí, khác với nhà Tiền-Lí (544-602) do Lí Nam-Đế (544-548) sáng lập. — Công-Uẩn người làng Cổ-pháp, huyện Đông-ngạn, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh, không biết cha là ai, được mẹ là bà họ Phạm đem cho thiền sư trú trì chùa Cổ-Pháp là Lí Khánh-Vân làm con nuôi, cho nên lấy họ Lí. Tuổi thơ ông đã sống kham khổ trong chốn thiền môn, nhưng lại được sự dạy dỗ tận tình của thiền sư Vạn-Hạnh, nên lớn lên ông đã trở thành một người tài đức kiêm toàn, được vào triều phụng sự nhà Tiền-Lê, làm quan đến chức tả-thân-vệ điện-tiền chỉ-huy-sứ. Ông được toàn thể đình thần tin yêu và kính trọng, nên sau khi vua Lê Long-Đĩnh băng (1009), ông đã được họ tôn lên ngôi vua (tức vua Lí Thái-Tổ), khai sáng một triều đại nhà Lí huy hoàng, áp dụng tinh thần BI-TRÍ-DŨNG của Phật giáo trong việc trị dân, chấm dứt một giai đoạn tai ách khổ đau cho dân tộc. Sau khi lên ngôi, nhà vua cho dời kinh đô từ Hoa-lư (Ninh-bình) ra La-thành, đặt tên lại là Thăng-long (tức thành phố Hà-nội ngày nay) — vẫn giữ quốc hiệu là Đại-cồ-việt (xin xem chú thích số 13 ở sau). Ông ở ngôi được 18 năm (1010-1028), thọ 55 tuổi.

4. **Vạn-Hạnh:** Vị cao tăng đời thứ 12 thiền phái Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi. Thiền sư họ Nguyễn, người làng Cổ-pháp, huyện Đông-ngạn, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh. Từ thuở nhỏ đã thông minh khác thường, tinh thông cả Nho, Lão, Phật, nghiên cứu hàng trăm bộ kinh luận Phật giáo, không ham danh lợi, không trọng giàu sang. Năm 21 tuổi xuất gia, học với thiền sư Thiền-Ông chùa Lục-Tổ, chuyên cần tinh tấn, đạo hạnh cao dày, lại rất giỏi về sấm vĩ và phong thủy, được thiên hạ tin tưởng là bậc tiên tri. Thiền sư là thầy dạy học cho cả vua Lê Đại-Hành và Lí Thái-Tổ, đã giúp đỡ rất nhiều cho vua Lê Đại-Hành trong các việc cai trị cũng như quân quốc đại sự. Khi đoán biết vận số nhà Tiền-Lê đã hết, thiền sư đã khéo léo vận động đưa Lí Công-Uẩn lên ngôi hoàng đế, chấm dứt thời kì tối tăm đầy đau khổ của dân tộc dưới triều vua Lê Long-Đĩnh tàn ác, dâm loạn, đồng thời ngăn chặn được những biến loạn nguy hiểm sau khi vua Lê Long-Đĩnh băng. Vua Lí Thái-Tổ lên ngôi, mở ra triều đại nhà Lí, phong cho thiền sư làm quốc sư. Nhân cơ hội này, thiền sư đã đem hết khả năng và tinh thần "dung hợp Nho-Lão-Phật" của mình để giúp vua trị quốc an dân, đúng với tư cách của một vị lãnh đạo không những về tâm linh, mà còn về hành động giúp dân an cư lạc nghiệp. Thiền sư tịch vào năm 1018.

5. **Lí Thái-Tông:** Con trưởng vua Lí Thái-Tổ, tên Phật-Mã, nối ngôi năm 1028, là vua đời thứ hai nhà Lí. Ông là một vị quân vương thông minh, giỏi cả về chính trị cũng

như quân sự. Ông cũng thấm nhuần đức độ của vua cha, thâm tín Phật pháp, nên rất thương dân và thường quan tâm đến đời sống của dân. Ông ở ngôi được 26 năm (1028-1054), thọ 55 tuổi.

6. Trong suốt thời gian ở ngôi, vua Lí Thái-Tông đã đặt sáu niên hiệu: Thiên-Thành (1028-1033); Thông-Thụy (1034-1038); Càn-Phù-Hữu-Đạo (1039-1041); Minh-Đạo (1042-1043); Thiên-Cảm-Thánh-Vũ (1044-1048); Sùng-Hưng-Đại-Bảo (1049-1054).

7. Trích từ sách *Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam*, tập II (Sài-gòn: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 1969) của Nguyễn Đăng Thục.

8. Trong suốt thời gian trị vì, vua Lí Thánh-Tông đã đặt năm niên hiệu: Long-Thụy Thái-Bình (1054-1058); Chương-Thánh Gia-Khánh (1059-1065); Long-Chương- Thiên- Tự (1066-1067); Thiên-Huống Bảo-Tượng (1068); Thần-Võ (1069-1072).

9. Lí Thánh-Tông: Vua Thái-Tông băng (1054), thái-tử Nhật-Tông lên nối ngôi làm vua đời thứ ba nhà Lí, tức Lí Thánh-Tông, đổi quốc hiệu là Đại-việt. Ông cũng là một vị quân vương tài trí, nhân từ và đức độ, đã tạo một sự nghiệp hiển hách còn hơn cả các đời trước. Ông ở ngôi được 18 năm (1054-1072), thọ 50 tuổi.

10. Theo giáo sư Nguyễn Đăng Thục, *Sđd.*

11. Hoàng Xuân Hãn, *Lí Thường Kiệt* (Sài-gòn: Ban Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh, 1967).

12. Trần Văn Giáp, *Phật Giáo Việt Nam*, Tuệ Sĩ dịch (Sài-gòn: Ban Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh, 1968).

13. Năm 968, Đinh Bộ-Lĩnh dẹp yên 12 sứ quân, lên ngôi vua, xưng là Tiên-hoàng-đế, đặt quốc hiệu là Đại-cồ-việt (nước Việt lớn), đóng đô tại Hoa-lư (tỉnh Ninh-bình).

14. Nguyễn Đăng Thục, *Sđd.*

15. Nguyễn Đăng Thục, *Sđd.*

16. Thượng-tọa Mật-Thể, *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* (Nha-trang: Phật Học Viện Trung Phần, 1960).

17. Nguyễn Đăng Thục, *Sđd.*

18. Nguyễn Đăng Thục, *Sđd.*

19. Nguyễn Đăng Thục, *Sđd.*

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

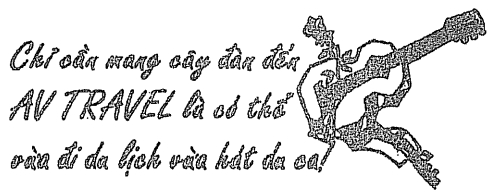

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phương (714) 537-2200

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Xuân Hãn. *Lí Thường Kiệt.* Sài-gòn: Ban Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh, 1967.
- Nguyễn Đăng Thục. *Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam*, tập I, II. Sài-gòn: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 1969.
- Nguyễn Đăng Thục. *Thiền Học Việt Nam.* Sài-gòn: Lá Bối, 1967.
- Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận I.* Paris: Lá Bối, 1977.
- Thượng-tọa Mật-Thể. *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược.* Nha-trang: Phật Học Viện Trung Phần, 1960.
- Trần Trọng Kim. *Việt Nam Sử Lược.* Sài-gòn: Tân Việt, in lần thứ sáu.
- Trần Văn Giáp. *Phật Giáo Việt Nam* (Tuệ-Sĩ dịch). Sài-gòn: Ban Tu Thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, 1968.

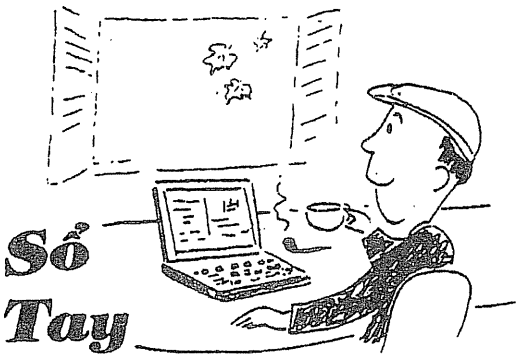

KHI TRIẾT LÝ GIẾT NGƯỜI

Tên tuổi Pol Pot được xếp cùng bảng với Hitler (6 triệu người Do Thái bị giết), Stalin (10 triệu nông dân bị giết và bị chết đói) và Mao Trạch Đông (15 triệu nông dân chết vì Cải cách Ruộng đất, Bước Nhẩy Vọt, v.v..) Tuy đảng Cộng Sản Khờ Me chỉ trực tiếp giết 600 ngàn người, nhưng chính sách kinh tế không tưởng đã làm chết hơn một triệu người nữa. Vậy mà ông Pol Pot không cảm thấy hối hận chút nào!

Năm ngoái, được phỏng vấn, Pol Pot tỏ vẻ ngạc nhiên không tin rằng ông đã làm chết hàng triệu đồng bào của mình. Ông vẫn nghĩ mục đích của ông là giải phóng dân tộc Khờ Me. Năm ngoái, ông vẫn tin vào dự án xây dựng một nước Khờ Me bình đẳng, không giai cấp, không phân biệt nông thôn và thành thị, và trên hết, ông lo chống lại mối đe dọa bị Việt Nam thôn tính. Tóm lại, Pol Pot nghĩ ông chỉ là một người yêu nước. Cũng như nhiều người nghĩ Hồ Chí Minh là người yêu nước.

Khi ông Pol Pot chối bỏ không nhận trách nhiệm đã gây ra cái chết của 1 triệu 700 ngàn người Cam Bốt, hơn 20% dân số khi ông cầm quyền, chắc ông ta thành thật tin mình vô tội. Tại sao người ta lại cảm thấy có tội khi trong lòng chỉ muốn giải phóng đồng bào và xây dựng một thế giới đại đồng?

Pol Pot tin tưởng nhiệt thành vào chủ thuyết của Karl Marx, Lenin và Mao Trạch Đông. Khi Pol Pot nói yêu nước, điều đó có nghĩa là ông muốn giúp cả dân tộc giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lê-Mao, và đem thực hành chủ nghĩa đó cho cả thế giới, như Hồ Chí Minh viết "Tôi dẫn năm châu đến đại đồng." Pol Pot thí nghiệm một cách rốt ráo chủ nghĩa cộng sản mà ông và Khieu Sam Phan đã học ở Paris trong thập niên 1950. Và Pol Pot trở thành cái mốc đánh dấu khúc quanh khi chủ nghĩa Cộng Sản suy vong.

Từ sau đại chiến Thứ Hai đến thập niên 1960- 1970, chủ nghĩa Mác-Lê-Mao lên như thủy triều ở khắp thế giới. Thanh niên trí thức ở các nước Tây phương cũng như các nước nghèo hướng về Nga, Trung Quốc, tìm lời hứa hẹn giải phóng. Chính sách diệt chủng của Pol Pot giúp cho thế giới thấy sự thật, ông ta trở thành một bằng chứng về bản chất tàn khốc của một chế độ muốn đem triết lý của mình bắt nhân loại phải theo.

Pol Pot là một bằng chứng quá hiển nhiên, và được quảng cáo rộng rãi. Vì vậy, trong cơn thoái trào của chủ nghĩa Cộng Sản, sự thất bại của hệ thống sản xuất đã làm cho Moskva và Bắc Kinh thất vọng và thay đổi, thì chế độ Pol Pot là cái mốc đánh dấu sự suy sụp tinh thần của lý thuyết Mác-Lê-Mao trong thế giới trí thức.

Gọi tội ác của Pol Pot là "diệt chủng" thì sai. Hitler có ý muốn tiêu diệt các "chủng tộc thấp kém" như người Do thái và người Gip si. Pol Pot giết đồng bào ông nhưng không định tiêu diệt dân tộc Khờ Me. Ông là một "chiến sĩ của đấu tranh giai cấp." Từ Lê Nin đến Pol Pot, những người cộng sản chân chính tin tưởng rằng đấu tranh giai cấp là tốt, đấu tranh chủng tộc là sai. Niềm tin đó làm chết từ 85 đến 100 triệu người, theo cuốn Hắc Thư mới xuất bản ở Pháp. Chủ nghĩa Nazi về chủng tộc chỉ đủ thời giờ giết 25 triệu. Ngay từ năm 1918, trong hai tháng, số người bị đảng Bôn Sơ Vích ở Nga giết vì lý do bất đồng ý kiến chính trị lớn gấp đôi số người bị các Nga hoàng giết trong cả thế kỷ trước.

Mấy ngàn năm lịch sử của nhân loại cho chúng ta một bài học là loài người không thể dùng điều Ác xây dựng điều Thiện.

TỪ THUỐC LÁ ĐẾN SÚNG

Năm 1996, sau cuộc thảm sát ở một trường tiểu học bên Anh, một đạo luật ra đời cấm bán tất cả các loại súng lục. Tại Úc, mấy tuần sau đó, một vụ bắn giết xẩy ra ở Tasmania, nước Úc cũng làm luật hạn chế việc sử dụng súng. Ở Mỹ thì khác hẳn. Một tháng sau khi hai thiếu niên 11 và 13 tuổi bắn chết bốn bạn cùng trường và một cô giáo ở Jonesboro, Arkansas, hình như dân Mỹ đã quên vụ đó rồi. Người Mỹ tiếp tục mua súng, bán súng, tiếp

tục coi khẩu súng như một món đồ cần thiết, không khác gì chiếc bàn chải răng hay cái xe hơi.

Nước Mỹ đứng đầu trong số 36 nước giầu nhất thế giới, về các vụ chết vì súng đạn. Trong năm 1994, theo "Trung tâm Ngăn ngừa bệnh tật," trung bình trong 100 ngàn dân Mỹ có 14.24 người chết vì súng. Nhật bản là nước chết ít nhất, chỉ có 0.05 người - một triệu người mới có năm người chết vì súng. Lấy năm đó làm chuẩn, mỗi năm ở Mỹ có có 37,000 người Mỹ chết vì súng, từ các vụ sát nhân, tự tử, đến tai nạn. Con số đó gần bằng con số 50,000 binh sĩ Mỹ thiệt mạng trong 10 năm tham chiến ở Việt Nam. Mỗi năm có nửa triệu tội ác từ giết người đến cướp bóc, trấn lột... được báo cho cảnh sát ở Mỹ. Nước Mỹ có 250 triệu người thì cũng có hơn 200 triệu khẩu súng trong tay tư nhân.

Năm 1996 ở Nhật có 15 vụ giết người bằng súng, nếu so dân số Mỹ gấp đôi Nhật thì ở Mỹ chỉ có 30 vụ. Nhưng trong năm đó ở Mỹ có 9390 vụ giết người bằng súng. Nếu tính tương đương dân số Canada bằng một phần chín của Mỹ thì số vụ giết người ở Canada sẽ lên đến 1,040 vụ. Nhưng dù số tội ác ở Canada cao, trong năm 1996 ở đó cũng chỉ có 106 vụ. Một cuộc nghiên cứu năm ngoái cho biết số trẻ em dưới 15 tuổi chết vì súng ở Mỹ cao gấp 16 lần số trẻ em bị giết của 25 nước đã phát triển cộng lại.

Những nhà sản xuất súng, và Hội Súng Toàn quốc (NRA) thường cãi rằng "Súng không giết người, Người giết người." Nhưng có súng thì việc giết người dễ xẩy ra hơn nhiều. Hai em bé ở Jonesboro sẽ không có dịp giết nhiều người như vậy nếu không tập bắn súng từ khi còn nhỏ, và hàng ngày thấy súng ở chung quanh nhà. Tiểu bang Arkansas là nơi người ta thích chơi súng hạng nhất, cũng thuộc vùng các tội bạo hành dùng súng cao nhất nước.

Năm 1968 một đạo luật ở Mỹ đã cấm nhập cảng nhiều loại súng "nếu không dùng cho mục đích thể thao." Năm 1989 Tổng thống Bush đã cấm nhập cảng các loại súng của quân đội như AK-47, Uzi, súng phóng lựu đạn, v.v. Nhưng các nhà sản xuất đã tìm cách sửa nhiều loại súng đó để được xếp hạng như là súng săn! Ngay sau cuộc thảm sát ở Jonesboro, Tổng thống Clinton đã ký lệnh cấm nhập cảng 59 loại súng tự động và bán tự động, dù chúng đã được sửa đổi. Nhưng hội NRA đang dọa sẽ ra tòa kiện lệnh cấm này.

Nếu người Mỹ muốn thay đổi tình trạng này, họ phải học tập kinh nghiệm phong trào chống thuốc lá.

Thuốc lá giết người. Dân Mỹ đã biết điều đó từ gần nửa thế kỷ, nhưng đến nay cuộc chiến giữa dân Mỹ và các công ty thuốc lá vẫn chưa phân thắng bại. Thượng viện Mỹ chưa đem dự luật McCain ra bàn, các hãng thuốc lá đã phản công bằng cách vận động dư luận cử tri chống lại. Cuộc vận động này không khác năm 1994-95 khi các hãng bảo hiểm ở Mỹ tạo dư luận chống dự án cải tổ y tế toàn diện của Tổng thống Clinton.

Nhưng các công ty thuốc lá chỉ cố đánh cầm cự trong khi rút lui. Họ phải rút lui sau các cuộc tấn công liên tục qua các đơn kiện tập thể chống kỹ nghệ thuốc lá, nhất là khi các tiểu bang kiện đòi bồi thường chi phí y tế để chữa trị những người mắc bệnh vì hút thuốc.

Cuối cùng, cũng như phong trào chống thuốc lá, người Mỹ phải phát động một phong trào chống súng. Khi một hãng bán súng quảng cáo loại súng "Báng súng đặc biệt không để lại dấu tay," thì họ đã công khai thú nhận đồng lõa với những kẻ sát nhân, công chúng không thể làm ngơ được. Với 200 triệu khẩu súng ở Mỹ, thị trường đã gần bão hòa, các hãng chế súng đang nhắm mở mang thị trường bằng cách nhắm vào thanh thiếu niên, và chế ra các sản phẩm mới, như các công ty xe hơi đổi kiểu hàng năm! Họ quảng cáo đặc biệt nhắm vào thanh thiếu niên không khác gì hãng thốc lá đưa ra nhân vật Joe Camel.

Người ta sắp tăng thuế thuốc lá để trừ nạn trẻ em hút thuốc, tại sao không tăng thuế súng? Tại sao các hãng thuốc lá phải theo luật đề lên bao thuốc câu "hút thuốc có hại sức khỏe," "hút thuốc gây bệnh ung thư," v.v. mà các hãng chế súng và nhập cảng súng không bị bắt buộc phải làm khóa an toàn hữu hiệu hơn?

Kinh nghiệm của phong trào chống thuốc lá cho thấy phải có nhiều vụ kiện, các hãng bán súng mới chịu thua. Nhiều người đã bắt đầu kiện các hãng chế súng. Cha mẹ của một em bé nạn nhân ở Jonesboro đang kiện các hãng chế súng. Các nạn nhân của súng phải đoàn kết lại để kiện tập thể. Các chính phủ liên bang, tiểu bang và thành phố phải noi gương ông thị trưởng Philadelphia khi ông kiện tất cả các hãng làm súng về các vụ giết người trong thành phố, khiến việc dọn dẹp làm thiệt

hại công quỹ!

CỨU QUỸ HƯU BỔNG MỸ KHỎI PHÁ SẢN

Đây là một vấn đề liên quan đến tất cả những ai đi làm ở Mỹ, mỗi lần lãnh lương bị trừ nghiến 6.2% để đóng góp vào Quỹ An Sinh Xã Hội (Social Security viết tắt SS, Quỹ trả hưu bổng cho các người đã làm việc ở Mỹ, sau một thời gian đóng góp đủ.) Nhiều người Mỹ (và người Việt ở Mỹ) không biết rõ về Quỹ SS, họ tưởng rằng tiền của mình đóng góp được ký thác vào một trương mục mang tên mình, khi về hưu sẽ rút ra từ đó mà sài. Thực sự không phải như vậy. Mỗi năm Quỹ SS trả tiền hưu bổng lấy ra từ số tiền góp vào Quỹ trong năm đó.

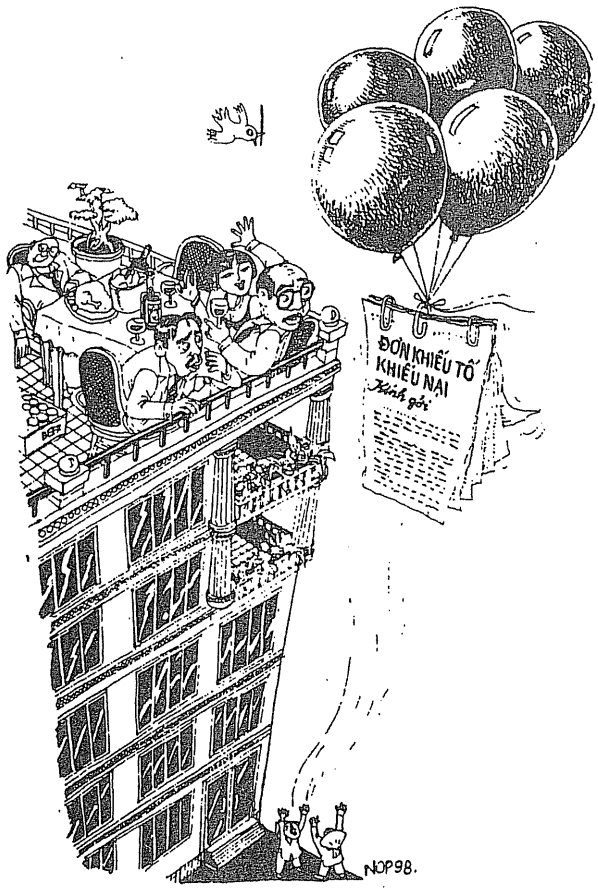

Thấp cổ bé miệng, khiếu nại tới đâu!

(Hí Họa báo trong nước)

Tháng trước, khi tổng thống Clinton đi các nơi nói chuyện với dân Mỹ về tương lai Quỹ An sinh Xã hội thì nhiều người Mỹ biết rằng nếu không có biện pháp nào để cứu chữa, đến năm 1930 Quỹ này có thể không đủ tiền trả lương hưu cho những người đã nghỉ làm việc - nghĩa là phá sản.

Tại sao Quỹ An sinh Xã hội Mỹ có thể thiếu tiền? Lý do ai cũng thấy là vì tuổi tác của dân Mỹ đang thay đổi, tỷ số người già tăng, trong khi lớp trẻ, đang đi làm, giảm bớt. Nghĩa là số người đóng góp ngày càng bớt đi, mà số người sắp nhận tiền từ Quỹ trả ra vẫn tăng lên.

Năm 1940, cứ 1 người lãnh hưu bổng từ Quỹ SS thì có đến 159 người đi làm để đóng góp. Hai chục năm sau, tỷ lệ đã giảm, chỉ có 5.1 người đóng góp vào Quỹ cho một người lãnh ra. Năm 1990, tỷ lệ chỉ còn 3.3/1, và người ta dự đoán đến năm 2030 cứ mỗi người lãnh lương hưu chỉ có hai người đi làm để đóng góp.

Hiện nay số tiền rút ra hàng năm để trả lương hưu còn thấp hơn số tiền đóng góp vào Quỹ SS qua thứ thuế 12.4% lương bổng - người đi làm và chủ nhân chia đôi. Năm 1996 Quỹ SS dư ra 66 tỷ, năm 1997 dư đến 100 tỷ Mỹ kim. Tiền vô Quỹ còn tiếp tục cao hơn tiền rút ra như vậy, cho đến năm 2019 thì tình trạng ngược lại sẽ xẩy ra.

Năm 2019 cũng là năm mà một số lớn những người thuộc thế hệ "Baby Boom" sẽ về hưu. Đó là thế hệ những người Mỹ sinh ra sau Đại chiến Thứ Hai, từ 1946 đến 1964, trong một vụ "nổ bùng sinh sản." Theo tình trạng chăm sóc sức khỏe cho dân Mỹ hiện nay thì đến năm 2019 nhiều người sẽ sống dai, rất dai, trên 80 tuổi là chuyện bình thường! Lúc đó chi phí y tế, sức khỏe và tiền hưu bổng sẽ là một gánh nặng cho công quỹ.

Một khó khăn trong việc quản lý Quỹ SS là số tiền thặng dư hàng năm được đặt vào một Ngân khoản cho chính phủ "mượn đỡ" chi tiêu, trả lãi thấp như trả cho công khố phiếu. Tiền lãi thấp quá nên không đủ để bù cho số

chi sẽ tăng nhanh.

Vì vậy, trong vài năm qua nhiều chính trị gia ở Mỹ đã đề nghị những số tiền thặng dư nên đem đầu tư vào các chứng khoán có lợi suất cao hơn công khố phiếu. Luật lệ hiện nay buộc các Quỹ hưu bổng công và tư phải tránh các thứ chứng khoán rủi ro - cổ phần khi lên khi xuống, rất rủi ro, mà công khố phiếu là thứ an toàn nhất - luật lệ đó cần được Quốc hội thay đổi.

Một đề nghị khác để cứu Quỹ SS là tăng suất thuế lên cao hơn 12.4%, nhưng đề nghị này không chính trị gia nào dám đưa ra. Một phương pháp khác mà ông Clinton sẽ đề nghị là nâng "Mức trần" của số lương bị đánh thuế SS, hiện nay số lương trên 68,400 Mỹ kim không phải đóng thế SS. Nếu đề nghị đó thành luật thì những người lợi tức hơn mức trần này sẽ phải đóng góp thêm.

Một đề nghị của nhiều dân biểu, nghị sĩ đảng Cộng hòa và một số thuộc đảng Dân chủ là "tư nhân hóa" một phần Quỹ hưu bổng. Thay vì đóng góp tất cả vào Quỹ SS của chính phủ, đề án này cho phép người lãnh lương được dành ra một số, đóng vào quỹ đầu tư riêng, do mình lựa chọn, giống như Quỹ IRA hay 401(k) hiện nay. Chỉ cần có lợi suất cao hơn một vài phần trăm thì sau 20, 30 năm kết quả sẽ khác hẳn. Một bài nghiên cứu của Viện Heritage Foundation cho biết một cặp vợ chồng 30 tuổi bây giờ, cả hai đi làm và đóng thuế Quỹ SS, đến khi về hưu thì số tiền đóng góp của họ trong Quỹ SS chỉ sinh lợi 1.2% mỗi năm. Nếu hai người này tự đầu tư số tiền đó, chỉ cần lời 5% một năm thôi, đến khi họ về hưu sẽ có lời thêm 500 ngàn Mỹ kim nữa.

TRUNG HOA ĐANG THAY ĐỔI

Ít khi có nhà lãnh tụ cộng sản nào lại cho họp báo truyền hình trực tiếp như ông Chu Dong Cơ, sau khi nhậm chức Thủ tướng Trung Quốc. Không những thế, ông Chu bảo các nhà báo "muốn hỏi gì cũng được." Ông Chu được nghe những câu hỏi mà bình thường vẫn bị cấm nêu ra, như việc xét lại Vụ án Thiên An Môn, và việc bầu cử trực tiếp các chức vụ lãnh đạo chính phủ. Ông đã trả lời thẳng thắn rằng chưa thể thay đổi gì trong cả hai chuyện đó, nhưng ông không gọi cuộc biểu tình ở Thiên An Môn năm 1998 là "Phản cách mạng" như đảng Cộng Sản Trung Quốc vẫn kết án, mà chỉ nói đó là "những xáo động chính trị." Ít có lãnh tụ cộng sản nào đủ khiêm cung để nói khi nhậm chức, rằng "Tôi lo nhất là để cho nhân dân bị thất vọng."

Dù đây chỉ là những thay đổi bên ngoài, nhưng Chu Dong Cơ cho thấy thái độ của người cầm quyền ở Trung Quốc, cách họ đối xử với nhà báo, với dư luận, và gián tiếp với cả dân chúng, đã thay đổi. Cũng vì vậy một giáo sư ở Đại học Bắc Kinh nói, "Chúng tôi kỳ vọng rất nhiều ở ông ta."

Nhưng điều khiến cho cuộc họp báo của ông Chu Dong Cơ làm tăng giá cổ phần của các công ty Hoa Lục lên gần 6% trên thị trường Chứng khoán Hồng Kông, là các biện pháp cải tổ xã hội, kinh tế, tài chánh mà ông đưa ra. Ông nói thẳng phải cắt bớt một nửa số 20 triệu công chức, kiểm soát nạn các cấp hành chánh tự ý đặt thêm các lệ phí bắt dân đóng góp, thay đổi cơ bản trong quá trình duyệt xét các dự án đầu tư "theo tiêu chuẩn quốc tế," vân vân.

Trong các biện pháp kinh tế có hậu quả lớn và lâu dài trên tương lai Trung Quốc, có việc cải tổ 370 ngàn xí nghiệp quốc doanh, cải tổ hệ thống ngân hàng, nhưng một cải tổ nghe rất nhỏ mà có tầm ảnh hưởng sâu rộng là "thương mại hóa" gia cư. Sau khi công bố chính sách mới, số nhà bán ở Trung Quốc tăng lên 30%.

Đảng Cộng Sản lâu nay lo cấp nhà ở cho hầu hết dân chúng Trung Hoa. Đây không những là một biện pháp chính trị ngõ hầu kiểm soát dân chúng, mà còn là cơ bản của Chủ nghĩa Xã hội, nhằm xóa bỏ quyền tư hữu. Nhưng chính sách này đưa đến sự trì trệ, không những trong lãnh vực xây cất và tu bổ nhà ở, mà còn lây qua các lãnh vực khác.

Khi nhà cửa được tư nhân hóa và thương mại hóa, hàng trăm triệu người Trung Hoa sẽ phải tìm cách trở thành chủ ngôi nhà của họ. Kỹ nghệ xây cất sẽ lên, đưa tới nhu cầu tiêu thụ gia tăng. Nền kinh tế Trung Quốc lâu nay tăng trưởng chủ yếu nhờ xuất cảng, mà hiện nay sự tăng trưởng đó bắt đầu bị hạn chế, cần kích thích tiêu thụ trong nội địa. Khi nhiều người làm chủ căn nhà của mình, nhu cầu tiêu thụ về bao nhiêu thứ khác, như bàn ghế, đồ đạc, các máy điện gia dụng, vật liệu sửa nhà, cho đến cái kìm, cái búa, v.v. sẽ tăng theo. Các công ty sản xuất đồ gia dụng ở Trung Hoa đã bắt đầu đón chờ các khách hàng mới.

Cải tổ gia cư sẽ ảnh hưởng đến lãnh vực tài chánh. Khi người dân muốn mua nhà, thường họ sẽ đi vay. Hệ thống ngân hàng ở Trung

Quốc, chưa quen cho người tiêu thụ vay, nhất là cho vay có thế chấp (mortgage) bằng nhà ở. Với việc thương mại hóa gia cư, các ngân hàng ở Trung Quốc sẽ có một thị trường mới để cho vay, mà việc cứu xét các dự án vay giản dị, dễ làm hơn, so với các con nợ thương mại, kỹ nghệ. Nhờ thế tỷ trọng của các món nợ khó đòi (ước tính chính thức khoảng 20% nhưng thực tế cao hơn nhiều) sẽ giảm đi. Đây là một ngõ thoát cho các ngân hàng thương mại. Mặt khác, khi dân chúng có tiền đem mua nhà và các đồ gia dụng thì họ cũng bớt đem "đánh cá" vào thị trường chứng khoán, đỡ gây cảnh giá chứng khoán được thổi phồng quá đáng, dễ bị xẹp nhanh chóng khi có biến cố bất ngờ.

Tư nhân hóa nhà cửa cũng giúp bớt gánh nặng cho các xí nghiệp quốc doanh và công sở, lâu nay họ vẫn phải lo chuyện nhà ở cho công nhân viên. Chế độ cộng sản đặt các xí nghiệp có nhiệm vụ lo phúc lợi xã hội cho công nhân, tạo ra hai tệ trạng. Xã hội bất công hơn, vì một số công nhân may mắn làm ở xí nghiệp giầu trong khi nhiều người khác bị thiệt chỉ vì không may phải làm ở các cơ sở thua lỗ - dù họ không chịu trách nhiệm về chuyện thua lỗ đó. Hơn nữa, khi để xí nghiệp lo từ nhà ở đến nhà thương, trường học thì chính công nhân mất quyền lựa chọn của người tiêu thụ, lại sinh ra các vụ tham nhũng, lạm quyền. Với biện pháp thương mại hóa gia cư, ông Chu Dong Cơ giúp giải quyết các vấn đề trên, nhờ thế mà kế hoạch cải tổ các xí nghiệp quốc doanh dễ dàng hơn.

Tuy nhiên, ông Chu Dong Cơ có lý do sợ mình làm cho dân chúng thất vọng. Liệu các ngân hàng có thay đổi lối làm việc, có thể tách rời quyết định kinh tế ra khỏi ảnh hưởng của các quan chức đảng địa phương hay không? Liệu hệ thống an sinh xã hội mà ông tuyên bố sẽ thành lập, đặc biệt là khoản bảo hiểm thất nghiệp và y tế, có được bộ máy hành chánh cho ra đời kịp thời để bù vào khoảng trống để lại của các xí nghiệp quốc doanh hay không?

Nếu cuộc cải tổ của ông Chu Dong Cơ bị guồng máy quan chức Đảng trì hoãn thì chỉ có một cách để thúc đẩy nó tiến tới. Đó là một phong trào đòi dân chủ hóa Trung Hoa mạnh bạo hơn, rộng lớn hơn những cải tiến gần đây, xuất phát từ Quốc hội và nhân dân. Quốc hội Trung Quốc trong những năm gần đây đã tự giành lấy nhiều quyền quyết định, dù còn yếu ớt. Trong mấy tháng qua, giới trí thức, xuất phát từ các đại học và viện Khoa học Xã hội, đã công khai đòi hỏi dân chủ hóa, trên các tờ báo chuyên môn về kinh tế, xã hội. Điều đặc biệt là giới lãnh đạo ở Bắc Kinh không những làm ngơ không đàn áp, mà còn khuyến khích các cuộc thảo luận đó.

Những dấu hiệu trên cho thấy giới lãnh đạo Trung Hoa, có trình độ học vấn cao hơn hẳn các người cầm đầu đảng Cộng Sản Việt Nam, đang thực sự thay đổi đất nước họ. Trong khi đó, phản ứng của báo Nhân Dân ở Việt Nam đối với Tướng Trần Độ cho thấy họ vẫn muốn dùng lối lấy thịt đè người như cũ.

NHỮNG CHỊ QUYẾN Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM

Báo Tuổi Trẻ ở Việt Nam đã đăng câu chuyện chị Võ Thị Quyến, người phụ nữ sống ở một ngôi làng ở ba cây số cách huyện lỵ Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Câu chuyện đó có thể giúp ta hiểu tại sao ở những thôn làng tỉnh Thái Bình người dân đã nổi dậy.

Chị Quyến là một người nghèo nhất xã Quế Minh, theo lời giới thiệu của ông chủ tịch xã. Căn nhà ba mẹ con chị Quyến ở chỉ là mấy tấm tranh xiêu vẹo trên những cây cọc dựng tạm. Trong lều chỉ có một chõng tre đủ một người nằm, và mấy cái nồi gang sứt quai. Tài sản đó được coi là khá giả so với mấy năm trước, khi mẹ con chị chỉ có một chiếc nồi gang, dùng để nấu nướng đủ thứ. Chị Quyến có ba sào ruộng, làm không đủ ăn, ngoài việc làm ruộng chị "chằm" nón. Mỗi ngày chị chằm được một cái nón, bán được 1 ngàn 900 đồng Việt Nam, trừ 500 đồng mua lá, 300 đồng mua chỉ cước, và 300 đồng mua tre, mỗi ngày chị kiếm được 800 đồng (6 cent Mỹ), bằng giá một điếu thuốc lá ba số 555 ở Sài Gòn.

Con lớn của chị 14 tuổi học hết lớp Ba thì phải nghỉ, đứa bé lên bảy tuổi đang học lớp một, và trường làng đã gửi giấy yêu cầu chị Quyến đóng "Quỹ học đường" 16 ngàn đồng - tiền công 20 ngày làm nón, nếu nhịn ăn, nhịn uống! Chị nói, "Chắc thằng Khoa cũng phải nghỉ học thôi!" Phái viên nhà báo đưa tặng chị tờ giấy bạc 50 ngàn đồng (hơn ba Mỹ kim) để đóng tiền học cho con, chị hỏi, "Đây là mấy nghìn em?" Chị chưa bao giờ nhìn thấy tờ giấy bạc lớn như vậy!

Chị Võ Thị Quyến là người thế nào mà lại nghèo khổ đến như vậy? Năm 1972, mới 16 tuổi chị đã thoát ly gia đình, "nhẩy núi" theo bộ đội trong tỉnh Quảng Nam, làm công tác vận tải. Sau năm "giải phóng" 1975, khi cha

mẹ anh em đã chết, chị xin "ra quân," về nhà trông nom bà nội mù lòa. Người phụ nữ đã hy sinh tuổi thanh xuân cho chế độ, bây giờ sống với hai đứa con trong cảnh khốn cùng như vậy.

Bài phóng sự viết về làng Quế Minh còn kể đến trường hợp anh Nguyễn Phước Minh. Mươi năm trước đây, anh Minh là người được "biểu dương kiện tướng lao động" hàng ngày trên loa truyền thanh của công trường Đại Thủy lợi Phú Ninh, Tam Kỳ, khi đảng Cộng Sản còn đang "xây dựng Chủ nghĩa Xã hội" bằng tay chân. Thành tích của anh là đào đắp cả chục khối đất mỗi ngày. Với sức lực đó, anh trở về xã Quế Minh nhưng không làm gì đủ nuôi vợ con! Nhà anh cũng sơ sác như nhà chị Quyến, vợ anh bị bệnh nằm liệt giường.

Xã Quế Minh đã nổi tiếng vì trận đói năm 1993, dân làng phải đào những củ sắn non lớn bằng chiếc đũa lên ăn. Hiện nay thanh niên trai tráng trong xã hầu hết đã bỏ đi kiếm ăn ở phương xa, đến nỗi có đám tang không tìm đủ số thanh niên khênh quan tài. Chủ tịch xã cho biết có 30% dân xã sống trong cảnh nghèo cùng cực như anh Minh, chị Quyến. Và nhà báo tiết lộ rằng "Ở miền Trung này không ít những xã như Quế Minh." Người phóng viên viết những dòng chữ đó là một người đầy lòng trắc ẩn.

Nói chị Quyến là người nghèo nhất xã Quế Minh chưa chắc đúng, vì cũng theo lời ông Chủ tịch xã thì mức sống trung bình của người dân ở đây là 150 ngàn đồng Việt Nam một năm, tức hơn 12 ngàn một tháng (chưa được một Mỹ kim). Nếu Chị Quyến "chằm nón" hàng ngày không nghỉ, chị có thể kiếm được mỗi tháng hơn 20 ngàn đồng, một năm được 17 Mỹ kim. Khi bị đưa ra tòa ba năm trước đây, ông Hoàng Minh Chính lên tiếng kể tội đảng Cộng Sản Việt Nam làm cho dân nghèo đói, ông đã nói đến mức sống cùng khổ của nông dân miền Bắc là 40 đô la một năm. Nhưng so với xã Quế Minh thì lợi tức 40 đô la còn khá, vì 150 ngàn đồng bây giờ chỉ đổi được hơn 10 đô la. Làm cách nào người ta có thể sống với 12 Mỹ kim một năm? Đó là điều không thể hiểu được, khi có những nhóm cán bộ như ở Công ty Dệt Nam Định đã tham nhũng đến vài chục triệu Mỹ kim. Nhưng chị Quyến không biết những chuyện gì xảy ra ở Công ty dệt Nam Định. Cả làng chị chỉ có hai tờ báo của đảng.

Điều thảm thương cho những người như Chị Quyến, anh Minh là họ đã hy sinh tuổi thanh xuân cho đảng Cộng Sản, người ra chiến trường, người làm lao động. Và kết quả của những hy sinh đó là cuộc đời cùng khổ không biết bao giờ thoát. Chúng ta có thể tưởng tượng hàng triệu, hàng triệu người như họ, ở các vùng nông thôn Thái Bình, ở Thanh Hóa, ở Quảng Nam,... Khi một phóng viên từ Sài Gòn ra tận Quảng Nam nghe chuyện và viết về Chị Quyến, điều đó cho chúng ta một hy vọng: những người no đủ và được học hành ở thành phố cũng thiết tha quan tâm đến đời sống của những người nghèo đói ở nông thôn.

Ở nước ngoài, khi chúng ta tiêu vài chục đô la cho một nữa ăn hàng, chúng ta biết nếu có thêm 12 đô la thôi, nhiều người ở xã Quế Minh sẽ tăng gấp đôi lợi tức hàng năm. Làm cách nào để những người ở Hà Nội, Sài Gòn khi mua một chai rượu giá hàng trăm đô la cũng thấy như vậy? Khi nào những người nông dân nghèo khổ chịu đựng không nổi cảnh cùng cực và bất công, và khi những người có học ở thành phố dám biến mối quan tâm của mình thành hành động cụ thể, khi đó gió sẽ chuyển.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót; vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

"CHÚNG TA HIỆN HỮU ĐỂ ĐEM LẠI CHO VŨ TRỤ MỘT Ý NGHĨA"

ĐẶNG HOÀNG
Dịch và giới thiệu

Lời Tòa Soạn: *Nhật báo* Libération *ở Paris hôm 6-1-1998 đăng tải bài phỏng vấn nhà vật lý học thiên thể Trịnh Xuân Thuận nhân dịp cuốn sách mới nhất của ông, nhan đề* Le Chaos et l'harmonie, la fabrication du réel (Hỗn mang và hài hòa, sự sáng tạo thực tại), *do nhà xuất bản Fayard ấn hành, được phát hành ở Pháp ngày 7-1-1998. Dưới đây* Thế Kỷ 21 *xin hân hạnh gởi tới bạn đọc bài giới thiệu G.S. Trịnh Xuân Thuận, cùng bản dịch (và một số chú thích riêng) của Đặng Hoàng toàn bài phỏng vấn đó do Dominique Leglu thực hiện. Trong bản dịch, những chữ trong ngoặc đơn vuông [...] là của người dịch.*

*

Một duyên, hai nợ, ba tình. Là cái duyên của tôi khi, tình cờ, trên mạng lưới siêu lộ thông tin, tôi được đọc bài phỏng vấn Giáo sư Trịnh Xuân Thuận của tờ *Libération* về một cuốn sách mới ra của ông. Sách viết về những đề tài khoa học chuyên môn, như thiên hà, hố đen, vũ trụ hạ nguyên tử, thời gian và không gian, những lý thuyết mới nhất về thế giới vật lý như *"big bang," "big crunch,"* v.v., nhưng tất cả lại được tác giả đem gắn liền với những vấn đề của nhân sinh, với ý nghĩa của vũ trụ, với siêu hình học và Phật giáo: Ta từ đâu tới đây, ở đây làm gì, và mai sau sẽ đi về đâu? Đó là những câu hỏi của muôn thuở, là những đề tài tri thức tôi thường ước ao một ngày nào được lãnh hội. Do đó có bản dịch và giới thiệu này. (Và hy vọng sẽ có một bài điểm sách về cuốn sách mới của tác giả trong một số báo sau.)

Sinh tại Hà Nội năm 1948, giáo sư Trịnh Xuân Thuận hiện nay dạy môn Thiên văn học (*Astronomy*) tại Phân khoa Thiên văn học, Đại học Virginia ở Charlottesville, tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ. Mặc dù giảng dạy môn này bằng Anh ngữ (theo ông là *"ngôn ngữ của khoa học"*), phần lớn các sách của ông đều viết bằng Pháp ngữ và xuất bản ở Pháp. Là một chuyên gia về thiên văn học ngoại thiên hà (*extragalactic astronomy*), ông đã viết nhiều về địa hạt này, và mấy cuốn sách xuất bản tại Pháp của ông đã được độc giả Pháp đón nhận nồng nhiệt, như: *La Mélodie secrète* (*Giai điệu bí mật*; Nxb. Fayard, 1988), *Le Destin de l'univers* (*Số phận của vũ trụ*; Nxb. Gallimard, 1992) và *Un Astrophysicien* (*Một nhà vật lý học thiên thể*; Nxb. Beauchesne-Fayard, 1992). Phần lớn những chi tiết *"bio"* dưới đây đã được trích từ cuốn sau cùng vừa nhắc tới.

Sau khi đất nước chia đôi theo Hiệp định Genève năm 1954, ông theo gia đình vào Sài Gòn, và theo học tại trường trung học Pháp Chasseloup Laubat (sau này đổi tên là Jean-Jacques Rousseau). Đậu tú tài Pháp với hạng tối ưu (*mention "très bien"*) năm 1966, ông dự định qua Pháp du học. Là con trai duy nhất trong gia đình, ông đã được hoãn dịch để tiếp tục học (sự việc này về sau khiến ông không ngớt day dứt, cho là bất công, vì trong lúc cả một thế hệ thanh niên thuộc lứa tuổi ông đang phải thi hành nghĩa vụ quân sự ở Việt Nam, và chết như sung ngoài chiến trường, thì lại có những người đã được yên ổn

theo đuổi học vấn như ông). Nhưng dự tính qua Pháp đã không thành vì chính phủ De Gaulle hồi đó có những chính sách không thân thiện với VNCH, khiến Sài Gòn đã cắt mọi liên hệ ngoại giao với Paris, kể cả việc gửi sinh viên sang học. Do đó ông qua Thụy Sĩ theo học tại Trường Bách Khoa (*l'Ecole Polytechnique*) tại Lausanne, vì ở đó có vùng dùng Pháp ngữ trong lúc Anh ngữ của ông còn chưa vững. Và rồi vì thấy trường này chỉ có khuynh hướng đào tạo kỹ sư chứ không phải khoa học gia, ông bèn nộp đơn cho ba trường nổi tiếng nhất thế giới về khoa học và kỹ thuật ở Hoa Kỳ, là M.I.T., Caltech, và Princeton. Cả ba trường đều nhận ông vô học, và cả ba đều hứa sẽ cấp học bổng cho ông. Yếu tố thời tiết (gần nhiệt đới) đã khiến ông quyết định vô học tại Caltech (Viện Đại học Kỹ Thuật California), với những thiên tài khoa học như (1) Richard Feynman, Murray Gell-Mann, William Fowler và Maarten Schmidt. Sau khi hoàn tất chương trình *"undergraduate"* của Caltech năm 1970, ông được nhận vô một chương trình tiến sĩ tại Đại học Princeton (nơi Einstein đã từng làm việc và dạy học từ năm 1934). Năm 1974, ông tốt nghiệp Tiến sĩ ngành vật lý học thiên thể (*astrophysics*).

Giáo sư Trịnh Xuân Thuận

Sau khi miền Nam bị cộng sản chiếm đóng, thân phụ ông, cụ Trịnh Xuân Ngạn, nguyên thẩm phán tại Tối Cao Pháp Viện chính phủ VNCH, bị cộng sản bắt đi học tập cải tạo gần ba năm. Nhờ sự can thiệp của một nhà vật lý học thiên thể Pháp từng quen biết nguyên Thủ tướng CHXHCN Việt Nam, năm 1979 cha mẹ ông qua được xứ này. (Cụ thân sinh ông đã qua đời, và cuốn sách mới xuất bản này được đề tặng cụ). Năm 1993, nhân chuyến viếng thăm VN, Tổng Thống Pháp quá cố Mitterrand đã mời đích danh hai người VN duy nhất tháp tùng phái đoàn chính thức của chính phủ Pháp là ông, và Trần Văn Khê (nhà nghiên cứu cổ nhạc VN).

Theo người thực hiện cuộc phỏng vấn, thì cuốn sách mới phát hành của ông đã nảy sinh từ một bực bội. Sau khi đọc xong những sách khoa học của người khác, tác giả luôn luôn cảm thấy bực mình. Ông nói: *"Những cuốn sách đó cho tôi đầy đủ mọi dữ kiện [cần thiết], nhưng không hề có một nỗ lực nào đi tới tổng hợp cả. Tại sao có những qui luật này nọ? Tại sao có thế giới này? Nhiều khoa học gia dừng lại ở ngưỡng cửa khoa học và không chịu bước thêm một bước nữa."* Và vì thế, sau mười năm làm việc, ông đã *"muốn nhảy thêm một bước nữa. Làm một cuộc tổng hợp giữa thiên văn học, sinh vật học, vật lý học hạt nhân... một chút của tất cả những gì ta đã học được trong thế kỷ này."* Nhưng không phải như một tích lũy những kiến thức rồi để bắt người ta phải theo. Đúng hơn là một *"thông điệp về hy vọng."*

Bởi lẽ, đối với tác giả đã từng thành công ở Pháp từ 10 năm nay với cuốn *La Mélodie secrète, "khoa học có thể soi sáng cho ta, làm cho ta bớt khổ đau đi một chút."* Và bởi Trịnh Xuân Thuận muốn nhắc cho những ai đã không nhớ tới hồi (2) ông đã làm một *"vụ đánh cuộc kiểu Pascal"* (xin xem phần phỏng vấn). Là một Phật giáo đồ, quyết định muốn *"hài hòa với lối nhìn sự vật qua lăng kính Phật giáo" mà "Vũ trụ có một ý nghĩa."* Do đó, ông lấy một lập trường khác với giới khoa học gia là *"thông tục hóa, phổ biến những kiến thức khoa học nhưng cũng khẳng định rằng vũ trụ có một ý nghĩa."* Đó là một cuộc đánh cá khá liều lĩnh, vì, theo ông, hoặc chỉ làm cho giới đồng nghiệp mình chê cười, hoặc tệ hơn nữa có thể sẽ mất sự nghiệp giảng dạy trong một viện khoa học cơ bản tin tưởng hoàn toàn vào tính chất khách quan.

Được báo *Libération* hỏi là với hào quang khoa học của mình, liệu rồi đây ông sẽ có lái sang con đường trở thành một guru [lãnh tụ tinh thần] hay không, ông cười: *"Tôi muốn mang tới khoa học những yếu tố để suy tư. Và trình bày những quan niệm cá nhân vững chắc của tôi. Tôi hy vọng rằng sự thật đã rõ ràng là khoa học không hề bao giờ chứng minh được những lòng tin đó."* Và ông còn khẳng định là ông sẽ *"thất vọng nếu như độc giả nghĩ là tôi đã tới kết luận duy nhất có thể có được."* Cũng như là ông sẽ thất vọng nếu như thiên hạ lên án là ông chạy theo "mốt," nhất là ở một Hollywood mấy hồi này đang nhao nhao sùng tín đạo

Phật: *"Tôi không hề hít thở không khí thời đại để viết một* best-seller. *Đó là những điều xuất phát từ chính nơi tôi."* Ông còn thú thực với người phỏng vấn rằng điều mong ước lớn nhất của ông hiện nay là *"viết về đạo Phật và khoa học với Matthieu Ricard (3), một cựu khoa học gia đã từng nghiên cứu những văn bản Tây Tạng."*

Trong bài phỏng vấn dưới đây, tác giả nói về sự tổng hợp *"những bước tiến của khoa học trong thế kỷ 20,"* đi từ lịch sử thái dương hệ cho tới tình trạng phức tạp của não bộ, qua giả thuyết về vụ Nổ Vũ Trụ (*Big Bang*), những hạt quác (quarks), thuyết tương đối hoặc thuyết hỗn mang. Đó là một tổng hợp *"thông tin ở những giới hạn của tri thức"* ông gởi tới *"cho tất cả những ai, không hành trang kỹ thuật đặc biệt, muốn được thấy những thông tin đó đặt trong liên hệ với một dọ hỏi về triết học và thần học."*

*

Dominique LEGLU: Với nhan đề *Hỗn mang và hài hòa*, và không quên nhiều nhan đề các chương sách như "chân và mỹ," "ngẫu nhiên và tất yếu," cũng như câu đề tặng "thân sinh tôi và tất cả những ai đang đi tìm cái đẹp và sự hài hòa," cuốn sách của ông tích lũy những quan niệm có âm hưởng triết học Platon. Tại sao?

TRỊNH Xuân Thuận: Những chữ đó hoàn toàn mô tả thiên nhiên. Tôi không thấy chữ nào khác ngoài những chữ đó: cái đẹp, cái hài hoà, cái chân lý của những qui luật [thiên nhiên]. Theo tôi, chúng đóng những vai trò quan trọng trong sự tạo thành thực tại. Tôi tin vào một thế giới Platonic [lý tưởng thuần khiết] của những Ý Niệm. Những Ý Niệm này xác định một vải bạt để thiên nhiên thêu dệt trên đó tác phẩm của mình. Tôi thuộc phái "hiện thực chủ nghĩa," nghĩ rằng những qui luật [thiên nhiên] hiện hữu độc lập với ta, nằm bên trong thế giới Ý Niệm, và chờ đợi ta khám phá. Và không thuộc phái "cấu trúc chủ nghĩa," cho rằng những qui luật thiên nhiên chỉ có trong trí tưởng tượng phong phú của giới vật lý học và chỉ có một hiện hữu thật sự trong những dây thần kinh và khớp dây thần kinh con người mà thôi.

D.L.: Mùa thu văn học [ở Pháp] năm nay [1997] có những nhan đề sách khiến người ta nghĩ tới cuốn của ông, như *Les Voleurs de beauté* [*Những kẻ đánh cắp cái đẹp*] của Pascal Bruckner (Giải Văn học Renaudot), hay *Chaos* [*Hỗn mang*] của Marc Weitzmann. Như thế là ông đang nằm trong không khí thời đại rồi.

T.X.T.: Ấy, chớ viết rằng tôi là kẻ chạy theo thời thượng nhé! Cái hỗn mang mà tôi nói tới [trong cuốn sách mới ra] không phải là cái hỗn mang của giới tiểu thuyết gia đâu. Cái [quan niệm về] hỗn mang của tôi rất là chính xác và có nghĩa là sự bất khả dự kiến [*imprévisibilité*]: nếu ta thay đổi đi một chút xíu những điều kiện tiên khởi, sự việc này sẽ đưa tới những hậu quả thảm họa. Một minh họa cổ điển về hiện tượng vừa nói là "tác dụng cánh bướm" nổi tiếng: cánh bướm đập nhẹ ở Brésil khiến cho một vài nguyên tử động đậy, rồi tình trạng biến động lan truyền, tự khuếch đại, và rồi một cơn giông tố có thể ầm ầm trút xuống Paris. Điều này có nghĩa là quả không cân xứng với nhân.

D.L.: Theo ông, thì chính cái hiện tượng hỗn mang này đã mang tới cho thiên nhiên "tự do" chăng?

T.X.T.: Đúng, hỗn mang trong thế giới nhìn thấy được bằng mắt [*macroscopique*] và đặc tính nhạt nhòa lượng tử [*flou quantique*] (4) trong thế giới hạ nguyên tử... Những lý thuyết của thế kỷ 20 đã tháo gỡ cho thiên nhiên khỏi cái gông cùm mang tính quyết định luận của những luật Newton và cho phép nó đổi mới để sáng tạo ra sự phức tạp. Để lập lại một hình ảnh của Hubert Reeves: thiên nhiên tấu nhạc jazz. Thiên nhiên chơi ngẫu hứng những chất liệu đã có sẵn. Nhưng chính khúc nhạc jazz thì không hề hỗn loạn chút nào.

D.L.: Trong cuốn *La Mélodie*, đặc biệt ông đã gợi ra "nguyên lý nhân chủng/nhân sinh" [*"anthropique"*], theo đó thì tất cả mọi thứ đã được "sắp đặt" từ buổi ban đầu của Vũ Trụ đặng một đời sống, một ý thức có thể xuất hiện. Đó là nguyên lý đã từng bị một số đồng nghiệp ông cực lực bác bỏ, bởi theo họ thì một khẳng định như thế không khoa học chút nào!

T.X.T.: Chính đó là cuộc "đánh cá kiểu Pascal" (5) của tôi: một vũ trụ vô sinh thì chắc là sẽ vô nghĩa. Con người có một vai trò để chơi khi hiểu biết vũ trụ và đem cho nó một ý nghĩa. Tại sao lại sáng tạo ra tất cả cái đẹp ấy, cái hài hòa ấy, nếu như không có ai để mà nhận thức? Tất nhiên, luận cứ của tôi cũng có thể áp dụng cho một trí thông minh ngoại địa cầu nữa. Nhưng cho tới chừng nào một sự kiện mới xảy đến thay đổi tình trạng, hiện nay chúng ta vẫn là hình thức duy nhất của ý thức được biết là hiện hữu trong vũ trụ, và chúng ta

có trách nhiệm phải đem cho nó một ý nghĩa. Điều tôi muốn làm cho độc giả, đặc biệt là những ai không quen thuộc với khoa học, hiểu được hơn trong cuốn sách mới ra này của tôi, là khi nói "tất cả mọi thứ đã được sắp đặt rất tinh vi từ buổi ban đầu," câu này không hề có nghĩa là tự do đã mất, là tự do lựa chọn không còn nữa. Những qui luật vật lý quy định phạm vi của khả năng. Chúng chỉ cống hiến những tiềm năng mà thôi. Vai trò của thiên nhiên là thực hiện chúng và xác định tương lai cho mình.

D.L.: Thiên nhiên đổi mới nhờ gì? Nhờ sự bất hoàn chỉnh chăng?

T.X.T.: Chẳng hạn bằng sự tan vỡ tính đối xứng, là hiện tượng hết sức quan trọng. Thiên nhiên sử dụng những nguyên lý đối xứng một cách tinh tế để áp đặt lên thế giới vật lý một tính đồng nhất xâu xa. Tôi luôn luôn kinh ngạc bởi những tinh thể tuyết [*cristaux de neige*], bởi sự đối xứng tuyệt vời của chúng, nhưng chính những qui luật của thiên nhiên cũng mang tính đối xứng. Những nguyên lý về đối xứng này đã cho phép hợp nhất điện với từ, thời gian với không gian. Nhưng, may thay, không hẳn là toàn hảo, bởi nếu không sẽ trở thành vô sinh. Chính vì mất đi tính đối xứng, vì sự thiếu hoàn chỉnh, mà sinh ra tính đa dạng. Thiên nhiên cần đến nó, và điều này được thấy trong vật lý học cơ bản nhất. Như vậy, không phải chỉ có một lực duy nhất mà thôi, như ngay từ buổi sơ sinh của vũ trụ, mà có bốn lực: trọng lực, lực điện từ với tác dụng mang lại một hình dáng cho mọi vật, "lực yếu" làm cho những hạt nguyên tử tự phân hủy, và "lực mạnh" giữ chúng lại với nhau. Nếu chỉ có một siêu lực duy nhất, thì sẽ không thể có được cái đẹp và tính đa tạp của thế giới. Nếu như chỉ có trọng lực mà thôi, thì mọi vật đã chỉ có hình dạng quả cầu. Nếu như không có lực điện từ thì đã không thể có được những đường nét thanh tú của những pho tượng Rodin! Cũng vậy, nếu như đã có một sự hoàn toàn đối xứng giữa vật chất và phản vật chất (6), thì vũ trụ chắc đã chỉ tràn ngập ánh sáng. Vật chất hiện hữu và chúng ta có mặt bởi vì, ngay từ buổi đầu, thiên nhiên đã thiên vị rồi: cứ một tỷ hạt phản-quác, lại có một tỷ hạt quác cộng thêm một, có nghĩa là sau khi hủy diệt sẽ còn lại một quác. Sự tan vỡ đối xứng này là cơ sở hiện sinh của chúng ta vậy.

D.L.: Liệu có phải rằng, thật ra, chúng ta có mặt ở đây là do tình cờ chăng?

T.X.T.: Giả thuyết về tình cờ luôn luôn có giá trị. Nhưng riêng tôi, tôi loại bỏ nó ngay, hoàn toàn theo bản năng riêng, ấy là không nói gì tới hậu quả của nó là tình trạng tuyệt vọng. Tất nhiên, loại bỏ như thế chính là một cuộc đánh cá, là một lựa chọn của riêng tôi. Khoa học chẳng thể giải quyết được. Đối với tôi, mọi thứ đều có một ý nghĩa. Một thiên hà diễm lệ, một ngôi sao... Khi tôi trông thấy một thiên hà ở đầu ống kính viễn vọng, tôi không nghĩ rằng tất cả cái diễm lệ đó có được là vì tình cờ.

D.L.: Cái "Nguyên nhân thứ nhất" mà ông mặc nhiên công nhận là có đó, là cái gì?

T.X.T.: Rất giản dị: nó là cái gì vượt khỏi ta. Lý trí có những giới hạn của nó, cũng như trong toán học, luận lý có những giới hạn của nó, như Godel đã chứng minh bằng định lý nổi tiếng (7) của ông ta. Tôi quan niệm cái đó như một nguyên lý sáng tạo, sau khi nó đã sắp đặt ngay tức thì những điều kiện để cho Vũ Trụ tự có được ý thức về chính mình. Đây là một nguyên lý có tính cách phiếm thần theo nghĩa nhà Phật, hơn là một đấng Thượng Đế được nhân cách hóa như trong đạo Thiên Chúa. Ta có thể tiếp cận được từ nguyên lý này, nhưng nếu như có "giai điệu bí mật," thì đó là bởi vì có những điều luôn luôn sẽ vượt khỏi chúng ta.

D.L.: Cái "nguyên nhân thứ nhất" này có xác định tất cả mọi thứ ngay từ hồi đầu hay không?

T.X.T.: Nếu như cái gì cũng đã được xác định từ trước (đại loại: cuộc phỏng vấn này giữa chúng ta đã được tiên đoán ngay từ những giây phút đầu của Big Bang!) thì thế giới này chắc hẳn đã mất hết đi khả năng sinh sản và thiếu sót khả năng tự quyết, khả năng tự lựa chọn. Thế nhưng chúng ta và thế giới luôn luôn có tự do lựa chọn. Nếu tôi nghĩ rằng, ngay từ buổi đầu, cái chiều hướng tổng quát của vũ trụ đã là đi về hướng đời sống, rằng tâm thức đã có ghi trong đó rồi, thì ngược lại, cái ngẫu nhiên luôn luôn giữ được vị trí của nó. Có chín hành tinh chung quanh hệ thống mặt trời, nhưng con số đó cũng đã có thể là 8 hay 15. Sự kiện đời sống xuất hiện trên Quả đất này cũng là do ngẫu nhiên. Chẳng hạn, phải cần có một thiên thạch (*astéroide*) [rớt xuống trái đất] tiêu diệt loài khủng long 65 triệu năm trước đây mà một thiên thạch khác mới giật lấy được một mảnh vỏ trái đất và tạo thành mặt Trăng, để rồi mặt

Trăng làm ổn định trục quay của Trái đất.

D.L.: Ông đã cống hiến nhiều trang rất đẹp về Trăng...

T.X.T.: Trăng không những là một nguồn cảm hứng cho nhà thơ mà thôi, nàng còn có trách nhiệm đối với sự sinh tồn của ta nữa. Người ta nói nhiều tới Mặt Trời. Tất nhiên Mặt Trời là ngọn suối nguyên thủy cho đời sống trên Trái Đất. Nhưng Mặt Trăng đã đóng một vai trò ổn định quan trọng trên hành tinh chúng ta. Không có nó, trục quay của Trái Đất đã có thể thay đổi độ nghiêng, thời tiết đã bị làm đảo lộn, khiến cho đời sống và ý thức không thể xuất hiện được.

D.L.: Ông cũng nói về cái đẹp của các lý thuyết?

T.X.T.: Khi nào tôi nghĩ tới một lý thuyết đẹp, là tôi nghĩ ngay tới thuyết Tương đối Tổng quát của Einstein. Bởi vì nó có một cái vẻ gì có tính cách không thể tránh được. Nếu ta làm bất cứ một thay đổi nào trong thuyết đó, nếu ta sửa đổi các phương trình chỉ một chút xíu thôi, thì tình trạng tuyệt mỹ, tuyệt hảo sẽ tan biến và tất cả đều sụp đổ. Cũng giống như một khúc fuga của Bach, ta không thể thay đổi cho dù chỉ một nốt nhạc. Chính Einstein cũng ý thức được sự việc ấy. Ông nói: "Thuyết Tương Đối đẹp tới cái độ mà chính Thượng Đế chắc cũng đã đáng thương nếu như ngài đã không áp dụng giản đồ đó." Tất cả những ai từng nghiên cứu thuyết tương đối đều không thể thoát khỏi cái ma lực của nó. Chính đó là cái đẹp: cái vẻ giản dị và phổ biến. Chính bởi thế mà ta tin là nó có thực. Cái đẹp và sự hài hòa đi đôi với chân lý.

D.L.: Bộ óc loài người rõ ràng là có khả năng hiểu được vũ trụ. Tại sao, theo ông?

T.X.T.: Kiến thức trí tuệ về những quy luật của thiên nhiên không cần thiết cho sự sinh tồn của chúng ta. Tất nhiên, luôn luôn sẽ có những hậu quả kỹ thuật [tai hại] xuất phát từ những kiến thức của chúng ta. Thuyết Tương Đối đã cho ta nguyên tử năng, và, bất hạnh thay, cũng cho ta cả bom nguyên tử nữa. Nhưng khi Einstein hay Newton làm việc để tìm hiểu Vũ Trụ, thì đó đã chẳng phải là một vấn đề sinh tồn theo thuyết Darwin. Khi ta làm cử động né tránh cho một vật gì khỏi rớt vào đầu ta, thì ta đâu cần phải biết tới những luật trọng lực. Ta phản ứng theo bản năng, giống như loài vật vậy. Kiến thức của ta về những hố đen [*trous noirs*], về những siêu tân tinh [*supernovæ*] chẳng hề giúp chút gì cho cuộc tranh đấu để sinh tồn của ta. Đối với tôi, tư tưởng hiện hữu để mang lại cho vũ trụ một ý nghĩa. Chúng ta có được năng khiếu hiểu biết bởi vì vũ trụ chẳng đơn thuần chỉ là một tập hợp những hạt vật chất trơ lì. Nó là sự biểu hiện một Nguyên Lý tinh tế và tao nhã vô cùng tận.

D.L.: Giới đồng nghiệp khoa học của ông, những người rất thường hay tránh tuyên bố trước công chúng về những đề tài tương tự, họ sẽ có cho ông là quá táo bạo chăng?

T.X.T.: Tôi nghĩ rằng ta có thể đề cập đến những vấn đề của triết học khi ta làm một công việc có chất lượng cao. Người ta không thể tới bảo tôi là một nhà khoa học New Age (8) [rất thích] phát ngôn về bất cứ chuyện gì. Tôi sống một cuộc đời đại học khá nghiêm khắc. Quả thực có những khoa học gia cực lực bác bỏ [triết học]. Như Steven Weinberg chẳng hạn, ông ta bác bỏ triết học và nghĩ rằng nó làm chậm bước tiến của khoa học. Nêu lên [những vấn đề] triết học còn có thể nguy hiểm tới sự nghiệp mình nữa. Nhưng ta không thể nào đem giấu dưới thảm mãi mãi những vấn đề quan trọng, vì như vậy chúng sẽ không bao giờ được mang ra bàn cãi cả. Riêng tôi, tôi lại mong muốn đưa ra những cuộc tranh luận.

Chú thích

1. **Richard Feyman** (1918-88), nhà vật lý học, chia Giải Nobel Vật lý học năm 1965 cho công trình về điện động lực học lượng tử (*quantum electrodynamics*). **Murray Gell-Mann** (1929-), nhà vật lý học lý thuyết, Giải Nobel Vật lý học năm 1969 do công trình nghiên cứu những hạt hạ nguyên tử (*subatomic particles*), đặc biệt là hạt quác (*quarks*) là những hạt vi lượng được đề nghị như những đơn vị cơ bản của vật chất. **William Fowler** (1911-), nhà vật lý học thiên thể, chia Giải Nobel Vật lý năm 1983 về đóng góp trong lý thuyết tổng hợp hạt nhân (*nucleosynthesis*: sự phát sinh những nguyên tố hóa học do những phản ứng hạt nhân tại những tinh cầu). **Maarten Schmidt**, người khám phá ra chuẩn tinh (*quasars*). (Đ.H.)

2. G.S. Thuận đã viết năm 1992 "... *nói rằng chúng ta có mặt ở vũ trụ này vì tình cờ thì giống như nói rằng vũ trụ không có ý nghĩa và điều này đưa tới tình trạng tuyệt vọng. Chẳng hạn câu nói chán chường sau đây của Steven Weinberg, nhà vật lý học Giải Nobel:* 'Càng hiểu biết vũ trụ bao nhiêu thì ta lại càng thấy nó vô nghĩa bấy

nhiêu.' *Như vậy thì tại sao không đặt tiền đánh cuộc cho ý nghĩa và hy vọng? Nhưng, tôi nhắc lại, tôi đánh cá trong tư cách một con người có đức tin hơn là một con người của khoa học."* Trích từ *Một nhà vật lý học thiên thể* (*Un astrophysicien*), Nxb. Champs-Flammarion, *ed. de poche*, 1995, tr. 98. Xin coi tiếp chú thích 5. *(Đ.H.)*

3. Là tác giả, cùng với Jean-Francois Revel, cuốn *Thiền sư và nhà triết học: Đạo Phật hôm nay* (*Le Moine et le philosophe: Le bouddhisme auhourd'hui*, Nxb. Nil éditions, 1997). Cuốn sách được viết dưới hình thức một cuộc đối thoại giữa hai người về những lý do khiến nhiều người tại Tây phương đang theo đạo Phật. "Thiền sư" ở đây là Matthieu Ricard, con trai của Jean-Francois Revel (bút hiệu), "nhà triết học." Nguyên tiến sĩ sinh vật học phân tử (*molecular biology*), Ricard về sau bỏ sự nghiệp khoa học để qua Á châu theo học đạo Phật với các nhà tu Tây Tạng, và rồi trở thành một nhà sư. Ông thường đi tháp tùng đức Đạt-lai La-ma để thông dịch, đã dịch nhiều kinh Phật Tây Tạng, và là tác giả các sách về đạo Phật, trong đó *Tâm thức Tây Tạng* (*L'esprit du Tibet*, Nxb. Editions du Seuil, 1996) là cuốn mới nhất. Jean-Francois Revel, thuộc truyền thống duy lý (*rationalist*) thế kỷ 18 Pháp, nhà bất khả tri chủ nghĩa (*agnostist*), chống siêu hình học trong mọi văn hóa, là tác giả nhiều sách về triết học và chính trị Tây phương, trong đó phải kể hai cuốn nổi tiếng quốc tế của ông là *Chẳng Marx chẳng Giê-xu* (*Ni Marx ni Jésus*, 1970) và *Cám dỗ chuyên chế* (*Tentation totalitaire*, 1976). Năm ngoái, nhà Plon vừa xuất bản tập hồi ký của ông nhan đề *Kẻ cắp trong căn nhà trống* (*Le Voleur dans la maison vide*). *(Đ.H.)*

4. Theo thuyết bất định (*indetermination principle*), còn gọi là thuyết "không chắc" (*uncertainty principle*), nổi tiếng của Werner Heisenberg, một nhà vật lý học Đức (1901-1976), thì tại bất cứ một thời điểm nào, trong thế giới hạ nguyên tử, ta không thể xác định được một cách chính xác *cùng một lúc* vị trí và tốc độ của một điện tử, mặc dù ta có được dụng cụ chính xác đến mấy. Giáo sư họ Trịnh đặt cho hiện tượng, hay đặc tính, này của thiên nhiên một danh từ rất nên thơ là *"flou,"* mà tôi xin mạn phép được dịch một cách cũng có vẻ thơ là "nhạt nhòa." *(Đ.H.)*

5. *"Pari de Pascal"*: Một luận chứng mà Blaise Pascal (1623-62), nhà toán học, vật lý học, thần học và văn học Pháp đưa ra để chứng minh tính hợp lý của lòng tin vào Thượng đế. Pascal cho rằng lý trí con người không thể quyết định được là Thượng đế có hay không có, vì Thượng đế, nếu có, vượt khỏi tới vô hạn tầm hiểu biết của ta. Nhưng ta hãy thử đánh cuộc xem là Thượng đế có hay không có. Nếu ta có lòng tin và cá là Thượng đế có, và nếu Thượng đế có thật, thì ta sẽ được rất nhiều, nào Chân, Thiện, Mỹ, nào Hạnh phúc, nào Thiên đàng, vv. Còn nếu ta cũng vẫn có lòng tin nhưng lại thua cuộc (vì kết cục là Thượng đế không có), thì ta có mất mát gì đâu! Do đó (và ngoại trừ sự hiện hữu của Thượng đế mang một xác suất vô cùng nhỏ) lòng tin hữu thần, và lối sống theo lòng tin đó, là điều hợp lý vậy. (Coi Blaise Pascal, *Pensées* [*Tư tưởng*], Số 418). *(Đ.H.)*

6. *Matter* và *antimatter*. Phản vật chất là một hình thức vật chất có tính cách giả thuyết, tương tự với vật chất nhưng những nguyên tử cấu thành nó gồm phản điện tử, phản proton, và phản neutron. *(Đ.H.)*

7. Theo định lý bất toàn [*théorème d'incomplétude*] nổi tiếng, thì trong một hệ thống số học sẽ luôn luôn có những định đề không thể chứng minh được duy bằng những tiên đề trong hệ thống đó mà thôi: vì chính hệ thống này đã tự nó không đầy đủ rồi. *(D.L.)*

8. "Thời Đại Mới," tên đặt hồi thập niên 80 cho một tập hợp những phong trào tâm linh và "nâng cao ý thức" ("consciousness raising", như trong lối chữa bệnh tập thể, tìm cách ý thức được rõ hơn nhu cầu của mình đặng phát triển được hết tiềm năng của mỗi người), bao trùm nhiều loại chủ đề: từ lòng tin vào thuyết duy linh (tin vào khả năng nhận được thông điệp của linh hồn người chết) và sự hiện thân (tin rằng linh hồn đầu thai vào một thể xác mới sau khi chết), tới những cách tiếp cận có tính cách toàn bộ (*holistic*) về sức khỏe và môi sinh. *(Đ.H.)*

9. Giải Nobel vật lý, tác giả cuốn sách nổi tiếng *Ba phút đầu của vũ trụ*, hiện làm việc tại Đại học Texas. *(D.L.)*

* Nếu một đứa bé vừa nói dối, hãy nói với nó: "Em vừa nói dối," đừng bao giờ nói "Mầy là một đứa nói dối." Lên án một đứa trẻ là hủy diệt lòng tự tin của nó.

Pichter

MÀU SẮC

Nhận định của VÕ ĐÌNH

Nói đến nghệ thuật tạo hình, chúng ta nghĩ ngay đến màu sắc. Ngắm bức tranh mà có điều thích thú, ít ai nói "Bố cục đẹp quá" hay "Đường nét đẹp quá!" Được dịp, chúng ta thường trầm trồ: "Màu sắc đẹp quá!"

Với số đông, màu sắc đẹp thường là màu sắc của *những cái đẹp. Son* của môi, đẹp. *Trắng* của lê, của mai, của tuyết, đẹp. "Cát *vàng* cồn nọ, bụi *hồng* dặm kia," đẹp. "Nụ tầm xuân nở ra *xanh biếc*," đẹp. "*Tím* cả chiều hoang biền biệt," đẹp.

Cồn cát (mênh mông), dặm đường (mờ bụi) trải dài sự cách trở vời vợi, nỗi khoắc khoải triền miên. Sắc xanh biếc của nụ tầm xuân cứa vào lòng anh con trai niềm nuối tiếc lỡ làng. Màu tím của buổi chiều hoang đìu hiu như thân phận sinh ly tử biệt của đôi vợ chồng trẻ. Có màu đó, có sắc đó, nhưng đây là chuyện của tiếng nói, của chữ nghĩa, của ngôn ngữ trong cuộc sống và hệ lụy con người. Không phải chuyện của màu sắc.

Chuyện của màu sắc có những rắc rối khác. Giả thử, cũng màu xanh biếc đó, thay vì đậu trên nụ tầm xuân, dưới vườn cà, lại là lớp sơn óng ánh trên một... chiếc xe hơi mới toanh, dáng dấp xì-po. Người đàn ông tuổi năm mươi,

trưởng thành ở Việt Nam, ắt đón nhận màu xanh đó một cách rất khác cậu thanh niên tuổi hai mươi lớn lên ở Âu Mỹ.

Trong một xã hội nông nghiệp như Việt Nam mấy chục năm trước đây, nhà cửa, đồ đạc, áo quần, đâu đâu trong làng xóm cũng chỉ là những màu nâu, màu đen, màu đất. Cho nên ma lực của màu sắc mãnh liệt dị thường: Cây đèn sáp *đỏ* trên bàn thờ, tấm àng mã những ngày kỵ giỗ, rồi rất hiếm hoi, một góc chiếc yếm *đào,* tà áo lụa *thanh thiên,* âm điệu thánh thót mà lộng lẫy trong bản hòa tấu màu sắc u trầm kia. Trong thế giới đó, người con trai "bước xuống vườn cà" có nụ tầm xuân, giật mình chú ý ngay.

Ngày nay, màu sắc không còn hiếm hoi nữa. Thiên nhiên thì vẫn tự tại, triệu năm này qua triệu năm khác, màu sắc tưởng chừng không thay đổi. Chỉ con người mới sinh ra cái nạn lạm phát màu sắc. Tây phương màu sắc tưng bừng. Đông phương, màu sắc tưng bừng. Khắp thế giới, màu sắc tưng bừng. Con người tứ bề thọ... màu sắc.

Trẻ thơ, chưa biết gì, đã bị lụt ngập bởi màu sắc. Từ cái núm vú giả cho đến chiếc xe tập đi, đồ chơi nhỏ, đồ chơi lớn, màu sắc ê hề, chói chang. Rồi từ đó, cả đời tràn trề màu sắc. Ngày nay, người ta có thể pha chế, một cách khoa học, bất cứ màu gì, sắc gì, ở bất cứ cường độ nào. Những ai đã từng đi mua một lon sơn đều biết như vậy. Màu sắc tách ra khỏi thực tại gợi cảm. Ra khỏi toàn cảnh của tình, của ý, của liên tưởng, của ký ức.

Màu sắc hoành hành khắp nơi. Nơi ăn ở, nơi làm việc, nơi mua bán, nơi nghỉ ngơi, nơi du hí, nơi thờ phượng, ở đâu cũng có màu sắc thiên hình vạn trạng kích thích con người. Giới kinh doanh thương mại, hễ có quần chúng làm đối tượng là nắm chặt lấy chỗ yếu của đối tượng, không buông thả. Con người dao động, khả năng tập trung tư duy giảm thiểu, trở thành dễ cuốn hút hơn, dễ mời gọi hơn, dễ xúi giục hơn. Chúng ta không phải chỉ đương đầu với cuộc mưu sinh. Chúng ta còn phải đương đầu với màu sắc những khi chúng ta không sẵn sàng thưởng thức tí nào.

....

Câu nói khen ngợi thường nghe, "màu sắc đẹp quá!" vì thế, thật ra, mang một ý nghĩa quá mập mờ.

Màu xanh biếc của nụ tầm xuân đẹp là vì nỗi cảm xúc của chúng ta khi nhớ đến câu ca dao hay là vì màu xanh biếc đó, tự nó đẹp? Nếu màu xanh biếc đó tự nó đẹp thì khi nó là màu của chiếc xe hơi mới toanh nói trên, nó vẫn là đẹp dưới mắt người đàn ông trung niên ấy chứ? Nếu màu ấy tự nó đẹp thì có thể nói rằng có những màu khác, tự chúng, không đẹp ư? Trời Đất lại có thể sinh ra những màu sắc "không đẹp" ư?

Nhìn những đồ chơi trẻ em ngày nay ở Âu Mỹ, ngay cả ở Việt Nam bây giờ, đặc biệt những thứ "gồ ghề" như nhà giả, cầu tuột, bàn ghế, bếp núc, cả cái máy điện thoại, đúc bằng nhựa (hóa học) thường thường là màu sắc rực rỡ, vàng, đỏ, lục, tím, không ai hồ hởi ca ngợi là đẹp. Ấy vậy mà khi cũng những màu sắc đó nằm trong một họa phẩm, chẳng hạn, Van Gogh, cũng xanh, vàng, đỏ, lục, tím, cũng ở cường độ chói chang đó, có khi còn rực rỡ chói chang hơn, chúng ta lại trầm trồ: "Trời, màu sắc đẹp quá!"

Có sự bất bình đẳng ở đây. Bất bình đẳng giữa những sản phẩm công nghệ được gian máy sản xuất hàng vạn, hàng triệu cái, hình thù được đúc ra như hệt nhau, với màu sắc là một cùng chất liệu, giữa những thứ đó và những nghệ phẩm được cấu tạo bởi bàn tay con người. Màu sắc tự chúng, không phải là những gì đẹp, hay chứa đựng cái đẹp. Chúng đẹp là vì chúng được choàng lên, phủ lên những hình tượng nghệ thuật.

Cái áo xấu, người đẹp khoác lên, có thể làm cho cái áo có vẻ bớt xấu đi (Phải chăng vì chúng ta có xu hướng nể nang người đẹp?) Tuy nhiên, kẻ tinh mắt vẫn nhận ra đó là một người đẹp mặc cái áo xấu. Ngược lại, cái áo đẹp, người xấu khoác lên, cái áo vẫn đẹp, và người xấu vẫn xấu. Đó là vì cái áo có thể đẹp, hay xấu, tự thân. Vì phẩm chất của vải vóc, lụa là, của đường kim mũi chỉ, vì các yếu tố kiểu mẫu, thời trang v.v...

Màu sắc không vậy. Màu sắc không xấu, đẹp, tự thân.

* Những vĩ nhân bị ám ảnh bởi những tư tưởng. Trong khi đó những người thường lại bị ám ảnh bởi những vĩ nhân.

Coleridge

* Thế nào là thằng điên? Đó là một người nghĩ quá nhiều chuyện trong một lúc, hay là chỉ nghĩ có mỗi một chuyện trong tất cả mọi lúc.

Voltaire

Có những buổi chiều, trời trong vắt, xanh nhạt, mây hồng lơ lửng. Màu xanh ấy, đi với màu hồng ấy, chỉ có ông (hay bà) Trời mới dám mặc vào. Một người đàn bà biết ăn mặc, tinh tế và sang cả, không đời nào khoác lên mình hai sắc xanh và hồng ấy. Vậy mà chúng ta vẫn tấm tắc: "Trời chiều đẹp quá!" Ấy bởi vì thiên nhiên có cái quyền đó. Rất võ đoán. Các họa sĩ không có cái quyền đó, cho nên họ khó khăn hơn trong việc chọn lựa. Suốt thời kỳ gọi là "Lập Thể Phân Tích" (tiền bán thập niên 10, thế kỷ XX), Picasso sử dụng toàn là những màu sắc "chết," màu đất, đen, nâu, xám, tối, "buồn," những màu sắc tưởng không ai, đàn ông cũng như đàn bà, có thể ưa thích. Vậy mà trong tác phẩm Picasso, những "gam" tối tăm buồn bã ấy đẹp vô kể.

.....

Thật ra, không cần phải mời các tổ sư như Van Gogh, Gauguim, như Picasso, Matisse... ra đây. Cứ xét vài thí dụ bạn đọc có sẵn trong tay, rất dễ bề tra cứu.

Hợp Lưu số tháng 4 & 5, năm 1996 có bìa trước mang tranh Đỗ Quang Em.

Toàn bộ họa phẩm mang một màu nâu (đà) cũ kỹ nghèo nàn. Cái thang tre, màu vàng khô khốc của vỏ tre già. Trong toàn họa phẩm chỉ có ba điểm màu mời gọi sự lưu ý của chúng ta: Màu xanh chai của cái bình đèn. Màu đỏ của hai viên gạch ống. Các màu ấy, tuy rất khiêm tốn và lặng lẽ, sống động hẳn trong không gian tĩnh lặng và cô quạnh của toàn bộ bức tranh. Bạn đọc hãy nhìn kỹ ba điểm màu ấy đi. Nhìn thật kỹ đi. Và lắng lòng xuống. Lắng lòng xuống. Bạn có thấy hai mắt bạn bắt đầu nong nóng, rồi rưng rưng không? Có phải thiếu điều bạn ứa nước mắt rồi không?

Một thí dụ khác: *Hợp Lưu* số 39, Tân Niên Nhâm Dậu, tháng 2 & 3 năm 1998. Bìa sau có in một tranh tĩnh vật của Khánh Trường.

Một con cá, còn nguyên đầu và đuôi (và hình như cũng còn cả vảy?) nằm trên cái dĩa. Xuống một tí, bên phải, là cái ly tròn (?), cao. Nằm sát cái ly là hai trái cam (?). Toàn bức tranh hầu chỉ có trắng, xám, đen. Nhiều nhất là trắng. Tỉ lệ trắng có thể đến 90%. Một thứ trắng nhờ nhờ, gồ ghề, lợn cợn. Bóng tối, không biết do từ đâu, của dĩa cá, cái ly, và hai trái cam (?) không mờ ảo, mịt mùng, mà cứng rắn, sắc nét, đậm đặc. Trong toàn bức tranh chỉ có hai khối màu nổi bật: Hai trái cây (?), đúng hơn, hai hình tròn, màu đỏ cam. Trong toàn bộ họa phẩm trắng nhờ nhờ, nổi bật những góc cạnh đen đúa, hai khối màu ấy rực lên như hai ngọn đèn pha. Như hai con mắt đỏ. Bạn đọc thấy sao? Bản thân người viết bỡ ngỡ, bất an. Màu sắc như vậy là đẹp.

Màu đỏ của hai viên gạch ống (ở Đỗ Quang Em), màu đỏ của hai trái cam (?) (ở Khánh Trường) có thể rất giống với màu son nào đó của đôi môi người nữ nào đó. Tuy nhiên, màu son nào đó cần đôi môi đẹp của một người đẹp, nó mới thành một màu son đẹp. Trong khi ấy, hai viên gạch ống của Đỗ Quang Em chỉ là hai viên gạch Việt Nam tầm thường, rẻ tiền, lăn lóc đâu đó ở Saigon cũng có. Còn hai trái cam (?) của Khánh Trường, thật ra chẳng có gì là trau chuốt. Vậy mà những thứ tầm thường đó, trong toàn cảnh họa phẩm, lại mang một sức sống bên trong, đẹp. Đẹp hình tượng. Đẹp bố cục. Đẹp màu sắc. Đẹp vì cái cách được sử dụng.

....

Thế giới ngày nay, thừa mứa màu sắc. Người vẽ, nghệ sĩ của hình tượng và màu sắc, lại càng đắn đo, dè sẻn, "khắc nghiệt" với chúng hơn.

Thói đời, nghệ sĩ thường nghèo tiền bạc, của cải. Nhưng hào phóng. Riêng người họa sĩ, mang tiếng ngang bướng đã quen, hào phóng với đời thì được, có cần hào phóng với cả màu sắc không?

Chung quanh ta, màu sắc ê hề. Ở đâu cũng có, đi đâu cũng thấy. Phải chăng người họa sĩ ngán ngẩm thấy rằng mình không còn muốn chơi cái trò đã đến"khi mãn rượu, lúc tàn canh" này nữa. Cho nên người họa sĩ trở nên "chắt chiu" tối đa, nếu không với tiền bạc, thì với muôn màu muôn sắc đã có sẵn trong tay. Phải thế chăng?●

* Không phải là nói dối đâu, mà chỉ là sự thiếu chính xác về ngôn từ.

Alexander Haig

* Tội lỗi có nhiều khí cụ của nó, mà sự dối trá là một cái cán tra vào món khí cụ nào cũng vừa cả.

O.W. Holmes

* Trong xứ sở của tôi sự dối trá không còn là một phạm trù đạo đức mà là một cột trụ chống đỡ quốc gia.

Solzhenitsyn (Nhà văn Liên Xô)

TRẢ LẠI NHÂN TÍNH CHO SỰ CHẾT: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI THẦY THUỐC

BÁC SĨ NGUYỄN TIẾN CẢNH

Không ai biết được trong giờ lâm chung, những giây phút cuối cùng của cuộc đời, con bệnh sẽ sợ hãi ghê gớm hay bằng an thanh thản sẵn sàng ra đi. Nhưng hiển nhiên khi con người phải ra đi, giã từ tất cả những gì thân yêu nhất của mình mà không bao giờ trở lại, chắc chắn có những bịn rịn, luyến tiếc, đôi khi hốt hoảng như mất mát một bảo vật mà mình biết chắc chẳng bao giờ có lại được. Sự an ủi vỗ về cảm thông với con bệnh của người thầy thuốc bên cạnh bệnh nhân lúc đó thật vô giá và cần thiết.

Khoa học kỹ thuật tân kỳ hiện đại đã cho phép người y sĩ không cần phải ở bên cạnh bệnh nhân đang cơn hấp hối mà vẫn có thể điều khiển/kiểm soát thời gian và tình trạng sống chết của con bệnh. Hồi xưa khi y khoa chưa đạt tới mức siêu đẳng như ngày nay, người y sĩ là trung gian giữa những hiện tượng tự nhiên như sống và chết. Ngày nay, họ trở thành trọng tài của những kỹ thuật nhân tạo. Sự chết do đó đã được quan niệm dưới những góc cạnh khác. Tử thần đã được y khoa hóa. Xã hội, người y sĩ và bệnh nhân đã bắt đầu nhận thấy có một giới hạn hay một khoảng cách giữa văn hóa và y đạo. Họ bắt đầu tìm kiếm một phương thức mới về trách nhiệm của người y sĩ đối với bệnh nhân trong khi hấp hối. Câu truyện sau đây cho ta thấy hậu quả của việc y học hóa tử thần và những khuyết điểm của sự thay đổi ấy.

Bà M., 57 tuổi, bị ung thư vú ở thời kỳ cuối cùng, đã phải nhập viện nhiều lần vì tình trạng hô hấp bê bết. Bà ta không bao giờ chính thức ký giấy từ chối trị liệu để được chết, nhưng không rõ lý do tại sao bà lại từ chối nhập viện điều dưỡng để cho người ta dễ dàng săn sóc bà. Trị liệu hóa học đã thất bại, mà giải phẫu thì không thể được mặc dù gốc ung thư chưa chạy đi nơi khác (Metastases). Bà vẫn sinh hoạt hàng ngày bình thường và không đau đớn nhiều. Tuy nhiên gia đình cảm thấy không còn có thể tiếp tục chăm sóc và phụng dưỡng cho bà được nữa, đã yêu cầu bác sĩ khuyên bà ký giấy "Không cứu sống" nếu bị nguy kịch hôn mê. Bà không hoàn toàn chấp nhận tình trạng hết thuốc chữa của bà. Bà vẫn muốn được cứu sống để nhìn ngắm con cháu bà càng lâu càng tốt.

Một hôm bà trở bệnh bất tử. Gia đình bà đưa bà vào bệnh viện cấp cứu. Con gái bà đã thảo luận với bác sĩ về tình trạng của bà và giấy yêu cầu "Đừng cứu sống" đã được ký. Nhưng khi tình trạng hôn mê của bà sáng sủa trở lại, bà nhất mực xin hủy bỏ giấy giao kèo. Bác sĩ nói cho bà hiểu bệnh của bà vô phương cứu chữa, bà đang trong tình trạng coi như hấp hối. Chữa trị chỉ là tạm bợ và vô ích. Bác sĩ không có bổn phận phải cứu sống bà. Thế rồi tình trạng của bà M. tiếp tục khả quan, không có dấu hiệu gì chứng tỏ tử thần gần kề. Chuyên viên y đạo đã được tham khảo ý kiến và cắt nghĩa cho bà hiểu rằng nếu có tiếp tục chữa trị cho bà cũng không thể cứu sống bà được, do đó mục đích của y học không còn ý nghĩa, vì vậy bác sĩ không buộc phải thi hành

ước nguyện của bà. Đoạn bà được chuyển về phòng riêng và ngày hôm sau bà qua đời. Trong lúc hấp hối, bà luôn luôn yêu cầu: "Tôi biết bác sĩ không bắt buộc phải cứu sống tôi, nhưng làm ơn hãy để cho tôi sống."

Câu chuyện bà M. đặt ra nhiều thắc mắc nan giải liên quan đến ý niệm về sự chết gần kề trong phạm vi y khoa. Người ta tự hỏi "Cái gì đã xảy ra lúc đó?" "Có điều gì sai quấy?" "Người thầy thuốc có phải làm cái gì khác thường không?"

Phần chia sẻ dưới đây chỉ là cố gắng giải đáp phần nào những vấn nạn ấy. Hiểu rõ chuyện "y học hóa tử thần" trong y đạo là ta có thể thấy cái chết của bà M. quá thê thảm và mất hết tình người.

Y đạo là kim chỉ nam giúp người y sĩ làm sáng tỏ và giải quyết những vấn đề khó khăn của trường hợp bà M. Tuy nhiên chính những khúc mắc về cái chết của bà lại cho ta thấy rằng những quan niệm y đạo như quyền tự chết và những phương cách trị liệu bằng thuốc và khoa học kỹ thuật tân kỳ hiện đại cũng chẳng có thể giải quyết được những lý luận tranh cãi về giá rị của sự sống: ngay cả những nguyên tắc y đạo cũng không bảo đảm được phương cách trị liệu có tính nhân bản cho bệnh nhân trong những giờ phút lâm chung. Sự Sống, Đau Khổ và Sự Chết là những thắc mắc mà Dostoyevsky gọi là "Vấn nạn muôn thuở" mà con người không bao giờ có thể giải quyết được một cách hoàn hảo. Có lẽ điều tốt nhất mà chúng ta có thể làm được là cố gắng giải đáp những vấn nạn đó với hết ý thiện, lòng trắc ẩn cảm thông và nhiệt tình nồng cháy của lương tâm, chấp nhận may rủi trong sai lầm, luôn luôn cởi mở sẵn sàng đón chờ những cảm nhận mới đến từ tâm tư khắc khoải về sự sống và sự chết. Người y sĩ thường không mấy thỏa mãn với những giải đáp với điều kiện rồi từ đó đi tìm những nguyên tắc luật lệ dựa trên những chỉ dẫn có sẵn để tạo ra những bó buộc y đạo đối với bệnh nhân. Trong những trường hợp như vậy, người ta thường nại cớ "luật bắt buộc thế" hay "luật cho phép làm." Lúc đó thực ra người y sĩ đã vượt qua cái bổn phận mà người ta gọi là "luật cho phép." Họ đã không phải chỉ dựa vào những chỉ dẫn của nhà thương mà còn nại cớ nguyên tắc y đạo biểu làm. Họ quên, trong trường hợp bà M., rằng chính họ đã vi phạm những nguyên tắc chỉ dẫn có sẵn là "phải tôn trọng ước nguyện trị liệu của người bệnh" trong những giờ phút cuối cùng của đời bà.

Bà M. đã được chữa trị một cách tuyệt hảo mà y khoa hiện đại đã có thể cung ứng hầu đương đầu với tử thần. Đó là *Kỹ thuật, Y đạo và Luật pháp.* Tuy nhiên cả ba cái đó đều thất bại, đã không thể giúp người bệnh chết một cách an lành với đầy đủ nhân cách của một con người nhân bản. Đem phân tích, chúng ta sẽ thấy có những thiếu sót cơ bản:

Thứ nhất, sự chết thường được coi như một SỰ KIỆN (an event) trong khi thật sự nó là cả một TIẾN TRÌNH (Progress) âm thầm lâu dài. Theo E. Kubler - Ross trong "On Death and Dying" xuất bản năm 1969 thì chết là một tiến trình năng động xảy ra một cách liên tục trong đời sống và có những giai đoạn rõ ràng. Đời người là sự sống đang đi lên, đồng thời cũng là sự chết đang đi xuống. Đa số những người săn sóc bệnh nhân không là chứng nhân của nhưng giây phút chết chóc ấy, nên họ không cảm nhận được giá trị của những tình cảm thắm thiết mà bấp bênh mơ hồ trong tiến trình sự chết. Do đó nếu không có sự giúp đỡ an ủi của người thầy thuốc, của gia đình và xã hội thì phương cách trị liệu chưa được hoàn hảo. Gia đình bà M. đã mệt mỏi vì phải săn sóc bà quá lâu. Riêng bà cũng đã mất sự thân mật, tình liên đới với những người có trách nhiệm săn sóc bà vì họ phải làm việc quá cực nhọc trong một hoàn cảnh quá bận rộn, không phải một lần mà dòng dã năm này qua năm nọ. Do đó, chẳng ai còn để ý đến ước vọng chối từ hoặc muốn sống của bà. Chính những giai đoạn trong tiến trình sự chết đó lại có thể giúp họ cùng với bệnh nhân cảm nhận được bước đường dẫn đến sự chết một cách hữu lý và đầy tình nhân ái. Cũng chẳng ai thèm tìm hiểu lý do tại sao có lúc vì quá buồn nản, thất vọng, bà đã từ chối sự chăm sóc của mọi người trong khi vẫn còn muốn sống.

Thứ đến, phương pháp trị liệu hiện đại cho người bệnh trong cơn hấp hối nói lên sự đáp ứng cố tình và có sắp đặt một cách máy móc của người y sĩ mà không đếm xỉa đến mặt tình cảm. Khi được hỏi cái gì làm cho người sắp chết sợ hãi nhất, thì người y sĩ thường trả lời là ĐAU ĐỚN. Theo thiển nghĩ và theo Pearlman thì không phải là đau mà chính là sợ sẽ là gánh nặng cho gia đình xã hội, sợ vì mất chức năng, sự tự lập và tình liên đới. Ngoài ra bệnh nhân còn phải vật lộn với những lo lắng, thắc mắc về tình cảm và cuộc sống tinh thần đời sau, sự thất vọng và cuộc sống vô nghĩa

của đời người trong những giây phút cuối cùng điên loạn hoặc vật vờ vô tri giác. Những vấn đề tâm lý xã hội này, kể cả sự đau đớn, có lẽ chẳng bao giờ có thể giải quyết một cách thỏa đáng và hữu lý tận gốc rễ...

Chính tính cách chủ quan về nhiều khía cạnh của sự chết đã tạo nên nền sinh-y-học khách quan để rồi chính nó lại không muốn hay không có thể đối đầu được với tử thần. Khi phân tích ý nghĩa uẩn khúc đàng sau những câu "Đừng cứu sống" (Do not resuscitate), "Chích cho một mũi ân huệ" (Administer an injection) và "Hãy cắt đứt hệ thống trợ sinh" (Terminate life support), ta thấy rõ ràng người y sĩ tiên khởi chỉ nhằm vào ý nghĩ và hành động tức thời hơn là ý nghĩ thầm kín trong câu nói hoặc những lý do thúc đẩy họ khi phải đương đầu với tử thần. Ngay cả khi người y sĩ thực sự muốn ở bên cạnh người bệnh để dìu họ đến gần sự chết một cách êm đềm thì thường cũng có những lẫn lộn giữa những điểm căn bản của y đạo, bởi vì chính những điều kiện và chỉ dẫn có sẵn cũng không được rõ ràng như đã xảy ra trong trường hợp bà M. Hơn nữa, hiển nhiên là sợ hãi, chán nản, mặc cảm tội lỗi, bối rối pha lẫn với hy vọng, yêu thương là những động lực chính đi đến quyết định tự tạo ra cái gọi là y đạo của những người can dự vào nội vụ kể cả người thầy thuốc và cố vấn. Dù vậy, những thúc đẩy và nhu cầu vô lý này cũng không bao giờ được đề cập đến và bàn luận một cách công khai xây dựng. Hình như thái độ "tôi vô can, thờ ơ và duy luật lệ" đó của người y sĩ đối với cái chết đã khiến họ dửng dưng không muốn hiểu và cảm thông những nỗi niềm của người bệnh trong cơn hấp hối.

Sau cùng, người y sĩ trong trường hợp này, đã chia sẻ nghề nghiệp chuyên môn của họ với bệnh nhân một cách lệch lạc. Họ nghĩ rằng họ chỉ thi hành những chỉ dẫn có sẵn và như vậy họ đã hoàn thành trách nhiệm luân lý của họ. Họ đã không nhận biết rằng chăm sóc bệnh nhân trong cơn hấp hối là bổn phận của người thầy thuốc, kỳ vọng của tình liên đới người với người giữa bệnh nhân và người y sĩ. Thực ra mà nói, chính những chỉ dẫn có sẵn cũng có nhiều thiếu sót như ngôn ngữ mơ hồ, quan niệm lệch lạc, nhất là thiếu tính cách uyển chuyển. Mỗi chỉ dẫn, mỗi câu nói có thể được hiểu một cách khác nhau tùy theo người, ngay cả những người trong cùng một gia đình như trường hợp bà M. Sự tin tưởng vào những chỉ dẫn, nguyên tắc và tài liệu một cách máy móc đã làm giảm mất nhiệm vụ và cơ hội chữa lành con bệnh của người y sĩ. Trong khi đó tử thần tự nó nói lên sự cấp bách của bệnh nhân là đòi hỏi người thầy thuốc phải hành động. Dĩ nhiên ước vọng khẩn thiết của người bệnh là muốn ông bác sĩ chú ý lắng nghe những ao ước của họ, tôn trọng lời hứa và giúp đỡ an ủi họ. Nếu những đòi hỏi này có thật trong đời sống con người thì chắc nó cũng cấp thiết khi con người đang trong cơn hấp hối. Có lẽ điều tuyệt hảo và dễ dàng nhất mà các bác sĩ có thể làm cho bà M. là đơn thuần hiện diện bên cạnh bà như người với người, biết cảm thông, thực tâm mong muốn chia sẻ tiến trình của tử thần và những nỗi niềm đớn đau của bệnh hoạn và sự chết.

Đôi lời bàn

Trường hợp bà M. cho ta thấy nếu chỉ đơn thuần đem khoa học kỹ thuật đến với bệnh nhân trong cơn hấp hối thì vô tình đã tạo ra một sự cách biệt giữa con người và khoa học bởi vì khoa học chỉ có ý nghĩa thực sự khi nó phối hợp liên kết với con người. Phải chăng khi người bệnh nói lên hoặc đòi hỏi "Quyền được chết" (Right to die) là chính lúc họ đang phản đối chống lại loại săn sóc trị liệu máy móc vô nhân tính ấy. Với nhãn quan đó, ý của D.Humphry trong Final Exit, sách bán chạy phá kỷ lục, và ý kiến của nhiều người cũng như của một số nhà lập pháp có khuynh hướng nghiêng về phía đồng ý để bác sĩ giúp bệnh nhân chết/tự tử (physician assisted suicide) thực ra không nhất thiết là muốn người thầy thuốc trở thành những kẻ sát nhân, mà điều thúc bách hơn cả là muốn người y sĩ và mọi người/xã hội hiểu rằng, có những lúc tâm trạng cảnh huống của người "đang chết" bê bết, tồi tệ, thảm thê hơn cả sự chết. Con người là linh ư vạn vật, là một phần chi thể Chúa Kito, có xác thịt, có hồn và trí khôn. Do đó bản tính của những ước mơ/băn khoăn thắc mắc của người bệnh trong cơn hấp hối cũng là hỗn hợp của cả xác lẫn hồn và đặc thù cá biệt tùy theo từng người. Thời gian hấp hối có thể là lúc kinh hoàng bấn loạn nhất của kiếp người, sự hiện diện của người thầy thuốc bên cạnh bệnh nhân hiển nhiên sẽ là những an ủi vỗ về, là bảo đảm chắc chắn cho những giá trị tuyệt hảo thâm sâu cùng kín của người bệnh và là người bạn chí thân đáng tin cậy nhất có khả năng dẫn đưa người bệnh về cõi chết một

cách an bình. Bệnh nhân có thể muốn tìm cái chết, nhưng có lẽ chỉ với một ý nghĩa tiêu cực nào đó. Họ chỉ không muốn phải liên tục bước qua ngưỡng cửa tử thần đầy gian nan khốn khổ ấy. Những thành công vượt bực trong phương pháp trị liệu của y khoa hiện đại với mục đích giúp người bệnh hết kinh hãi đớn đau và giảm thiểu số người muốn tìm cái chết (tự tử) hẳn cũng chỉ muốn hướng đến những viễn tượng thâm sâu đó.

Chết là đi vào thế giới mung lung vô định vượt khỏi tầm tay của con người, cho nên người y sĩ sẽ cảm thấy thoải mái dễ chịu và tự tin vào những hiểu biết và phương cách trị liệu của mình. Hỏi những người bệnh đang hấp hối cảm tưởng về sự chết thì đa số cho rằng họ linh cảm là sẽ đi vào thế giới kỳ lạ chưa ai biết. Đi rồi sẽ chẳng bao giờ trở lại. Do đó thực sự chẳng có ai biết thế giới bên kia của tử thần nó như thế nào.

Cũng chẳng ai trong chúng ta có thể biết được con bệnh phải chuẩn bị những hành trình gì trong những ngày giờ cuối cùng của cuộc đời để sẵn sàng cho cuộc hành trình đó. Chúng ta là những người có niềm tin tôn giáo. Chúng ta tin vào Chúa/Phật. Chết là đi vào thế giới đời sau, thế giới vĩnh cửu: Sinh ký tử qui. Thế giới đó là hiện thân và hậu quả của thế giới hữu hình phù du mà chúng ta đang sống. Làm tốt, sống thiện thì được hưởng lành. Sống độc làm ác thì phải chịu tội. Nhưng còn những người không có niềm tin tôn giáo, không tin vào đời sau thì sao? Thực vậy, không hiểu sao khi tử thần kề người bệnh thì ông bác sĩ thường tê cứng, mất hết cảm xúc? Chính lúc đó lại là lúc mà người bệnh cần có sự hiện diện của người thầy thuốc như sự hiện diện của linh mục linh hướng. Hình như là người y sĩ đã được huấn luyện hoặc tự tạo cho mình một sự cách biệt tình cảm đối với bệnh nhân, bởi vì nếu người y sĩ và bệnh nhân có những liên đới tình cảm với nhau thì khi người bệnh hấp hối qua đời người y sĩ sẽ khó tránh khỏi những xúc động hốt hoảng. Tuy nhiên đối với bệnh nhân thì lại khác, nhất là khi người bệnh trong cơn đau đớn khủng khiếp thì chính cái nhân tính con người tự nhiên của người y sĩ lúc đó lại là những liều thuốc có quyền năng vô hạn.

Khi mà sự chết không còn được coi như một biến cố, một sự kiện có tính cách máy móc kỹ thuật như rút ống thở, ngừng trợ sinh (withdrawal of life support) hoặc chuyện thi hành ước nguyện của bệnh nhân có tính cách pháp luật (living will) mà được coi là một sự chuyển tiếp thần bí từ thế giới phù du sang thế giới đích thực thì lúc đó thần chết sẽ có sức chuyển thông trách nhiệm y đạo của người y sĩ đến cho người bệnh. Hiện nay người ta đang cố gắng giải quyết sự chết bằng pháp luật. Nhưng xét cho cùng lẽ lương tâm, chẳng có luật lệ khách quan nào lại có thể ngăn cản người thầy thuốc trách nhiệm đến với người bệnh trong cơn hấp hối. Ý niệm đó đã được Kierkegaard, ông tổ của thuyết hiện sinh, gọi là "sự thật chủ quan," trong đó người thầy thuốc và bệnh nhân gặp nhau với tư cách là những người khốn khổ cảm thông nhau mà không ai có thể chê trách làm tổn thương được, không có phương cách trị liệu nào, y học nào có thể ngăn cản cấm đoán nổi. Đó là sự tương phùng giữa con người với con người (không phải tương phùng y học kỹ thuật). Đó là nhiệm vụ chính của người thầy thuốc trong y khoa cổ điển. Hippocrates 400 năm trước Thiên Chúa, đã viết trong Aphorism: "Nghệ thuật trị liệu gồm ba vấn đề: Bệnh tật, người Y sĩ và Bệnh nhân. Bệnh nhân và người thầy thuốc là những người bạn đồng hành luôn luôn cùng nhau sát cánh chống lại bệnh tật." Người thầy thuốc là chứng nhân và sứ giả của thần chết. Thời của Lương y như Từ Mẫu trong y học Đông Phương.

Buồn thay, thời của tình người với người không còn nữa. Chính cái tình người đó mới là nhiệm vụ y đạo đích thực, ngàn đời và tối quan trọng của người thầy thuốc đối với bệnh nhân trong cơn hấp hối. Câu nói cuối cùng của bà M: "Tôi biết bác sĩ không buộc phải cứu tôi sống, nhưng làm ơn hãy để tôi sống" đáng cho ta suy nghĩ. Sự sống là do Thiên Chúa ban cho con người, không ai có quyền hủy bỏ nó, kể cả chính bản thân mình.

"Lương y như Từ Mẫu."

Amelia Island, Florida
Dec 6-1997

* Ngủ trên tay lái là cách rất tốt để mình khỏi bị già.

* "Hãy nhớ là đừng mang những phiền muộn vào giường ngủ."

"Nhưng thưa bác sĩ, vợ tôi nó lại không chịu ngủ một mình!"

LẠI CHUYỆN NƯỚC NON

NGUYỄN MINH CẦN

(Tiếp theo và hết)

Kinh nghiệm của phong trào dân chủ ở Liên Xô trong hai thập niên 70 và 80 cũng có thể là những bài học đáng cho ta suy ngẫm. Trong những năm 70, tập đoàn thống trị cộng sản Liên Xô đã hành động vô cùng quyết liệt để đè bẹp bằng được mọi sự chống đối trong nước. Hồi đó, chúng tôi có cảm giác dường như tất cả những người đối lập đều bị bắt bớ, giam cầm trong các nhà tù, các trại tập trung, trong các bệnh viện tâm thần, hoặc bị trục xuất ra nước ngoài, bị lưu đày ở nơi xa xôi, bị bao vây, cô lập cả rồi. Cuộc vận động dân chủ thời đó bị lao đao khốn đốn, tưởng chừng như không bao giờ có thể vươn dậy được nữa. Thế mà phong trào đã không bị tiêu diệt: nó đã chuyển từ công khai vào bí mật, thậm chí rất bí mật, nó chuyển từ hoạt động lộ liễu sang hoạt động ngấm ngầm, nặng về chiều sâu để bảo toàn lực lượng, chờ đợi thời cơ với tinh thần kiên trì, không chán nản, không manh động, để rồi sang những năm 80 dần dần trở thành một phong trào to lớn, rộng khắp nước Nga có đủ sức làm sập đổ cả một chế độ cực quyền cộng sản cực kỳ hùng mạnh đã bám chặt vào lãnh thổ rộng đến một phần sáu địa cầu trong thời gian dài trên 73 năm.

Có lẽ rồi đây ai đó ở nước Nga sẽ viết lại những kinh nghiệm hay của họ trong thời kỳ này mà người viết những dòng này có dịp quan sát, suy nghiệm. Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu một trong những kinh nghiệm đó, tạm gọi là *kinh nghiệm chuyển từ chính trị xó bếp ra chính trị hè phố, rồi chính trị xuống đường.*

Ai đã từng ở Nga, đều nhận thấy một nét độc đáo của dân Nga là họ rất thích kể chuyện tiếu lâm và rất có tài đặt chuyện tiếu lâm. Chuyện tiếu lâm Nga rất hay, về đủ mọi chuyện trên trần đời, đủ kiểu, đủ loại, thô có, thanh có, chơi chữ tế nhị có, đối đáp hóm hỉnh có, nhẹ nhàng có, chua cay, độc địa có... Mỗi thời đều có chuyện tiếu lâm của nó, mỗi vấn đề đều có chuyện tiếu lâm của nó, các lãnh tụ đều là *đối tượng* của chuyện tiếu lâm... Chính các chiến sĩ dân chủ vô danh nước Nga đã truyền vào dân chúng cái tinh thần chống đối chế độ cộng sản qua hàng ngàn chuyện tiếu lâm đủ loại, từ xa xôi, bóng bảy đến thẳng thừng, kịch liệt. Lẽ cố nhiên, KGB, tổ chức công an Liên Xô gian manh và độc ác có tiếng, lùng bắt nhiều người kể chuyện tiếu lâm chính trị, nhưng dân Nga cũng không thiếu người gan dạ, nên tiếu lâm chính trị vẫn lan tràn khắp nơi, trước tiên trong xó bếp thuộc phạm vi gia đình, rồi đến nhóm ba người nhậu rượu với nhau (một kiểu uống rượu đặc biệt Nga, gọi là *na traitkh*), rồi đến các nhóm bạn bè thân thích, v.v...

Chuyện tiếu lâm nhẹ nhàng, ngắn gọn, cùng với vô số hoạt động khác, đã chuyển tải tinh thần chống đối chế độ cộng sản xô-viết rất nhanh, làm tinh thần đó thấm nhập vào trong mọi lớp người. Và thực tế là ở Liên Xô, chuyện tiếu lâm đã góp phần làm cho chính trị chống đối đi từ các xó bếp, lan ra các hè phố, rồi dần dần lôi kéo dân chúng xuống đường đấu tranh chống chế độ độc tài cộng sản. Đấy là một ví dụ nhỏ để thấy rằng thậm chí trong điều kiện tưởng chừng vô vọng, phong trào chống đối chế độ cộng sản dường như đã *mất đầu*, nhưng thực tế vẫn còn có những chiến sĩ vô danh âm thầm hoạt động không mệt mỏi,

rất khôn khéo. Và phong trào tiến lên chính từ những bước *thấp*, *nhỏ nhoi* như vậy đó. Chúng tôi nghĩ rằng dân Việt Nam ta cũng không thiếu kinh nghiệm linh hoạt về mặt này, như những "hãng thông tấn" kiểu quán cà phê đen, những *đài phát thanh* kiểu chị Năm Đòn Gánh, *cổ động viên* của báo *Người Sài Gòn*...

Vài độc giả đề nghị nói thêm về kinh nghiệm ở nước Nga hậu cộng sản. Đề tài thật lớn, ở nước Nga chưa thấy ai tổng kết, nên những điều chúng tôi trình bày trong bài trước cũng như nói thêm lần này chỉ là những ý kiến chủ quan của chúng tôi mà thôi. Trong bài trước, đã nói đến cái sai lầm không biết nhân thắng lợi của phong trào dân chủ mà triệt để giải giáp các thế lực cộng sản ngoan cố, trước nhất là giải tán Xô-viết Tối cao Nga (tức là quốc hội Nga), được bầu theo luật cực kỳ bất công dưới chế độ cộng sản, do đó tạo điều kiện cho các thế lực chống đối cộng sản dựa vào cơ quan lập pháp này để tăng cường phá hoại chính quyền dân chủ, làm cho các cuộc cải cách dân chủ được tiến hành cực kỳ khó khăn và chậm chạp, và cho đến nay xã hội nước Nga vẫn chưa hoàn toàn có tính chất dân chủ thật sự. Lần này, chúng tôi xin nói thêm vài điều khác, có thể sẽ có ích cho ta:

Trước khi bắt tay xây dựng chế độ dân chủ đích thực, các chiến sĩ dân chủ phải ý thức đầy đủ và sâu sắc những khó khăn cực kỳ to lớn đang chờ đón họ để tự chuẩn bị cho mình và cho dân tinh thần dấn thân và tinh thần đảm trách cao độ để về sau không bị động.

Những khó khăn đó thể hiện chủ yếu trên ba mặt: 1/ những hậu quả rất trầm trọng mà chế độ cực quyền cộng sản đã để lại về mọi mặt, kinh tế, chính trị, xã hội, và đặc biệt là về đạo đức, ý thức, tinh thần, tâm linh, không phải dễ dàng khắc phục được trong một thời gian ngắn; 2/ chế độ dân chủ là một tổ chức chính trị cao, nó đòi hỏi những thành viên trong chế độ đó phải có ý thức chính trị, trình độ đạo đức, tinh thần trách nhiệm nhất định khả dĩ góp phần xây dựng nó và hưởng thụ tự do dân chủ, thế nhưng ở những xã hội chưa có truyền thống dân chủ, như Nga, Trung Quốc, Việt Nam... thì đa số người dân chưa được chuẩn bị để trở thành thành viên tích cực của chế độ đó, đấy là chưa nói đến những lớp người, loại cặn bã xã hội, thực ra không xứng đáng được hưởng chế độ đó, cho họ hưởng thì họ chỉ làm hỏng chế độ đó, mà không cho cũng chẳng được. Cho nên việc giáo dục chính trị, đặc biệt là giáo dục về đạo đức, luân lý, tinh thần, tâm linh cho nhân dân là công việc cực kỳ cấp thiết, phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian và phải huy động mọi lực lượng, trước hết là các tôn giáo truyền thống, các cơ quan giáo dục, văn học, nghệ thuật, báo chí... tham gia tích cực; 3/ giai cấp cầm quyền cũ bị *hạ bệ* sẽ phản ứng điên cuồng với ý chí phục thù, ra sức chống phá mọi cải cách dân chủ, gây tình trạng bất ổn định, thậm chí bạo động... tạo ra những tình thế nguy hiểm khó lường trước. Thực tế là ở Nga, sau khi *hạ bệ* chế độ cộng sản, các chiến sĩ dân chủ lúc đầu không thấy hết khó khăn, *chủ quan*, để phạm phải những sai lầm lớn (chẳng hạn, không giải tán quốc hội cộng sản), rồi đâm ra bị động, và phải chịu hậu quả xấu về sau.

Khi phong trào dân chủ lên mạnh, thế nào cũng sẽ xuất hiện rất nhiều kẻ giả danh dân chủ, hôm qua họ là người cộng sản ngoan cố, còn chống quyết liệt phong trào dân chủ, nhưng hôm nay họ quay phắt 180 độ, chạy theo phe dân chủ, nói toàn giọng điệu dân chủ để tranh cử giành ghế trong chính quyền, rồi chỉ vài tuần lễ sau họ lại quay phắt cũng đúng 180 độ để chống lại dân chủ, theo gót chân của những tàn dư cộng sản hoặc phát xít mới. Cần chuẩn bị cho dân chúng có tinh thần cảnh giác với hạng người như thế, cố gắng phân biệt giả, thật và kịp thời vạch mặt bọn giả danh dân chủ. Chính bọn này phá hoại phong trào dân chủ rất mau vì chúng gieo sự thất vọng lớn trong dân chúng đối với những người dân chủ.

Khi chưa thắng lợi thì những người dân chủ đoàn kết với nhau, nhưng khi lật đổ chế độ cộng sản rồi, thì phong trào dân chủ rất dễ bị suy yếu vì sự chia rẽ nội bộ. Cái *cố tật* của những người dân chủ là mỗi người một ý, không ai chịu ai, ai cũng muốn chỉ huy, rồi đi đến tình trạng tồi tệ là chia rẽ nhau. Đó là bệnh ấu trĩ của nền dân chủ non yếu thường thấy ở những nước chưa có truyền thống dân chủ lâu năm. Cho nên ở nước Nga hậu cộng sản đã để xảy ra nhiều tình trạng đau lòng: có những khu vực bầu cử mà ở đó phe dân chủ đông và mạnh hơn phe cộng sản, nhưng vì những người dân chủ không nhất trí được với nhau, nên mỗi nhóm đều có người ra ứng cử mà không chịu thống nhất với nhau để dồn phiếu cho một người, trong lúc đó thì đảng cộng sản tuy ít lại hợp nhất nhau và chỉ đưa ra một ứng cử viên để dồn phiếu cho người đó, kết quả là ở những nơi đó cộng sản đã thắng!

Cái căn bệnh này quả là khó chữa, chính nó là nguồn gốc thất bại của các tổ chức dân chủ trong nhiều cuộc bầu cử, nhất là cuộc bầu cử dân biểu *Duma* Quốc gia hồi cuối năm 1996.

Quyền lực có thể tha hóa rất nhanh những ai ở trong chính quyền, bất kể cộng sản hay dân chủ. Vì thế, dưới chế độ dân chủ, các cơ quan truyền thông bao giờ cũng phải độc lập để thực hiện chức năng kiểm soát chính quyền, nghĩa là ủng hộ chính quyền dân chủ trong mọi cải cách dân chủ, nhưng đồng thời sẵn sàng đấu tranh mạnh mẽ, không nhân nhượng với chính quyền khi nó đi trệch con đường dân chủ. Nói một cách khác các cơ quan truyền thông phải đóng đúng vai trò *đệ tứ quyền*, không bao giờ được gượng nhẹ khi chính quyền không làm đúng chức năng của nó, khi những nhà cầm quyền bị tha hóa. Đồng thời, ngay bản thân các nhà báo và báo chí cũng có thể bị tha hóa, cho nên sự đấu tranh tự do giữa các báo chí cũng là điều rất cần thiết.

Chúng tôi không muốn đi sâu vào vấn đề hậu cộng sản để không làm lệch trọng tâm của bài viết, nên chỉ đề cập vài điều trên mà thôi. Xin các bạn thông cảm.

5. Vài độc giả nêu vấn đề: nên nhận định

BÙI MINH QUỐC

THƠ VỤT HIỆN TRONG PHÒNG THẨM VẤN

(Tặng Vũ Thư Hiên, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự)

Xuân hổn hển ngực đồi cỏ thắm
Đà lạt dậy mùa hoa
Anh nghiến răng trong phòng thẩm vấn
Giữa ban ngày mà ngập đêm đen.
Những câu hỏi làm anh lộn mửa
- Bài thơ này anh gửi cho ai?
- Ai gửi cho anh bài này bài nọ?
Trái tim thơ muốn nổ chuỗi cười dài !...
Thật dễ quá đầu môi yêu Tổ Quốc
đây tình yêu như máu cuộn không lời
Người quằn quại người nát thây lầm đất
Vẫn người đi, người tiếp mãi bên người.
Tổ Quốc hỡi tình chi đau đớn vậy
Con yêu người, ngục tối nuốt trời xanh
Ôi Tổ Quốc vào tay quỉ dữ
Tiếng hát tự do uất nghẹn khắp thân mình.
Con đối diện những tia nhìn cú vọ
Cả một thời xung trận lại trào sôi
đôi cánh thơ vẫy vùng trong bão tố
Tiếng hát tự do trong biếc mãi dâng đời.

Xuân hè 1997

HƯƠNG TƯỜNG VI

Tôi bước ra khỏi nhà
Hương tường vi ngào ngạt
Hai cớm rà theo sát
Hương tường vi lan xa

Hai cớm gằm mặt lạnh
Kèm hai bên lối mòn
Hương tường vi ương ngạnh
Vẫn thơm cùng núi non

Cám ơn tường vi nhé
Em nuôi nấng hồn ta
Giữa thời quân đồ tể
đang dẫn cổ thơ ca.

1997

thế nào về triển vọng của tình hình đất nước? Đó là một vấn đề vô cùng phức tạp, nó tùy thuộc rất nhiều nhân tố, nên không ai có thể làm *thầy bói nói mò* được. Ở đây chỉ xin nêu ra vài điểm gợi ý để cùng nhau suy ngẫm.

— Trước hết, cần nhận rõ vị trí nước Việt Nam trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là trong vùng Đông Nam Á, là nơi mà nhiều thế lực lớn trên thế giới đang tranh giành phạm vi ảnh hưởng rất quyết liệt, đồng thời có những mối quan hệ chằng chịt nhau cực kỳ phức tạp. Ở đây có những thế lực chính:

1/ Trung Quốc, nước cộng sản lớn nhất còn lại và đông dân nhất thế giới; sau khi tiếp nhận Hồng Kông đã trở thành một nước có tiềm năng tài chính rất lớn, có nền kinh tế đang phát triển, nhưng vì ở dưới chế độ cực quyền đảng trị, lại đang thực hiện cải cách, nên không thể loại trừ được nguy cơ những bùng nổ về xã hội và chính trị trong tương lai; nước này đang ra sức tăng cường tiềm năng quân sự với ý đồ bành trướng xuống phương Nam và làm bá chủ khu vực, là mối nguy trực tiếp và lâu dài đối với Việt Nam, dù nước ta ở dưới bất cứ chế độ nào;

2/ Hoa Kỳ, cường quốc dân chủ đứng đầu thế giới về tiềm lực kinh tế, tài chính, quân sự cũng đang muốn giành vị trí đứng đầu ở Thái Bình Dương, đang muốn quay trở lại Việt Nam; nước này vừa muốn cạnh tranh với Trung Quốc, Nhật Bản, tìm cách cản trở sự bành trướng ảnh hưởng của Trung Quốc, lại vừa muốn quan hệ buôn bán với Trung Quốc;

3/ Nhật Bản, nước lớn với tiềm lực tài chính cực mạnh, tuy thiếu tài nguyên, nhưng vẫn có vị thế kinh tế rất hùng hậu, cũng muốn tăng nhanh phạm vi ảnh hưởng trong khu vực, tranh giành với Hoa Kỳ và Trung Quốc;

4/ Cộng đồng Âu châu, nhất là Pháp, cũng muốn tăng cường ảnh hưởng mình trong khu vực, nhất là với Việt Nam, Lào, Căm Bốt vốn là những nước xưa kia *thuộc Pháp*; nước này cũng muốn tranh giành ảnh hưởng với Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nhật Bản;

5/ Nga, tuy trước mắt có những khó khăn về kinh tế, nhưng cũng không chịu bỏ lỡ cơ hội để gây lại ảnh hưởng trong khu vực, nhất là với Việt Nam, là nước vốn đã từng có quan hệ nhiều năm; Nga cố giữ quan hệ tốt với Trung Quốc, nhưng đồng thời không muốn Trung Quốc bành trướng xuống phương Nam;

6/ Các nước đang phát triển trong khu vực này, nhất là các nước mệnh danh những con rồng châu Á, cũng không chịu bỏ lỡ cơ hội để tác động đến tình hình khu vực, đồng thời một số nước đang tìm cách cố kết với nhau trong tổ chức ASEAN để chống lại ảnh hưởng các nước lớn, nhất là Trung Quốc.

Đấy là các thế lực chính đang tác động mạnh mẽ đến cục diện chính trị ở khu vực này, và lẽ dĩ nhiên, tình hình này có ảnh hưởng lớn đến Việt Nam. Thế thì nước ta, dù ở dưới chế độ nào đi nữa, vì quyền lợi Tổ quốc và nhân dân, cũng phải biết tiến hành một chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo, lựa chiều, nói một cách khác phải biết *đi dây*, giữ thế cân bằng giữa các thế lực để bảo tồn nền độc lập quốc gia cũng như quyền lợi của dân tộc. Phải dứt khoát vứt bỏ cái chính trị đối ngoại dựa trên ý thức hệ mà nhà cầm quyền cộng sản nước ta đã thi hành trước đây trong một thời gian dài mãi đến tận đầu những năm 90, vì trong tình thế hiện nay, nếu vẫn cứ tiếp tục nó thì sẽ gây tai họa cho Tổ quốc, sẽ đi vào con đường công nhiên phản quốc và phản dân.

— Trong điều kiện nước ta còn ở dưới quyền của tập đoàn cầm quyền đảng trị, mọi sự thay đổi, nhất là thay đổi về mặt chính trị, nếu không có sự tham gia tích cực của dân chúng, nếu không có phong trào dân chủ rộng lớn làm đối trọng, thì chỉ có thể đem lại một chế độ *dân chủ bánh vẽ*, giả hiệu để che đậy và duy trì quyền thống trị của tập đoàn độc tài đảng trị. Hãy cảnh giác với cái thủ đoạn *treo đầu dê bán thịt chó* của kẻ cầm quyền.

Xét cho cùng, *rau nào, sâu nấy*, trình độ người dân thế nào thì họ có người cầm quyền như thế đó. Nếu dân ta cứ mê muội mãi thì chớ hòng có được những thay đổi tốt đẹp ích nước lợi dân, chớ hòng thoát khỏi chế độ độc tài đảng trị. Đó là điều chắc chắn.

Còn nếu dân Việt Nam có ý thức dân chủ, nếu phong trào dân chủ đủ mạnh thì có thể làm áp lực đối với tập đoàn thống trị, bắt buộc tập đoàn này phải thực hiện những đổi mới căn bản có lợi cho việc dân chủ hóa đất nước, tạo nên những thiết chế dân chủ thực sự, qua đó các tầng lớp, các nhóm phái, các tổ chức có thể cùng đảng cộng sản cầm quyền tranh đua nhau trong những cuộc bầu cử dân chủ và trung thực. Cũng có thể sau những cuộc bầu cử đó, đảng cộng sản lại cầm quyền, cũng không sao, miễn là đảng cộng sản cũng như các tổ chức khác phải cùng đua tranh trong

một cuộc bầu cử thực sự dân chủ, thực sự trung thực, và cuộc bầu cử đó phải được các quan sát viên quốc tế vô tư công nhận là không có gian lận. Đó là trường hợp thuận lợi nhất không gây sự xáo trộn không cần thiết, tức là trường hợp đảng cầm quyền chấp nhận và tiến hành đổi mới thực sự về mặt chính trị.

Còn trường hợp kém thuận lợi hơn là đảng cầm quyền vẫn cứ ngoan cố, không chịu đổi mới thực sự về mặt chính trị, không chịu dân chủ hóa đất nước, mà phong trào dân chủ rộng lớn lại thật mạnh và toàn dân đầy đủ quyết tâm thì chế độ cực quyền có thể bị xóa bỏ bởi cuộc đấu tranh chính trị, hòa bình, bất bạo lực, nhưng rất căng thẳng. Và lúc đó thì đảng cộng sản chắc chắn sẽ bị thất bại thảm hại và chế độ dân chủ thực sự sẽ được thiết lập với sự tham gia của quảng đại dân chúng. Tóm lại, dù triển vọng chuyển biến thế nào đi nữa thì điều kiện căn bản vẫn là phong trào dân chủ của nhân dân phải mạnh. Lòng dân quyết định tất cả!

Hiện nay, tập đoàn thống trị đang gặp nhiều khó khăn to lớn, nan giải. Trước hết là sự bất mãn, thậm chí sự phẫn nộ, của số đông dân chúng đang dồn nén, đôi nơi đã bột phát thành những biến động cục bộ, mà những nguyên nhân gây nên sự bất mãn đó thì tập đoàn thống trị khó lòng xóa bỏ được. Chẳng hạn, việc nhà nước cộng sản bóc lột nặng nề nông dân, nhất là bằng chính sách độc quyền thu mua lúa gạo với giá rẻ mạt, làm đời sống của nông dân thật khốn đốn; sự vơ vét, hà lạm, tham nhũng của bọn cường hào mới ở mọi cấp, dù kẻ cầm quyền có thừa nhận là *quốc nạn*, nhưng vẫn vô phương giải quyết; sự chèn ép, bóp nặn dân nghèo của bọn quan chức hãnh tiến và tham lam; sự câu kết giữa bọn tội phạm, bọn mafia với những kẻ lũng đoạn chính quyền cũng đầy tội lỗi; nạn thất nghiệp ở nông thôn và thành thị đã trầm trọng và sẽ còn trầm trọng hơn khi phải giải quyết các doanh nghiệp quốc doanh thua lỗ, khi có những cơ sở bị thu hẹp hoặc phá sản, khi sinh viên học sinh tốt nghiệp không có việc làm; sự phân cực trong xã hội ngày càng sâu sắc đến mức nguy kịch giữa một bên là quảng đại dân chúng nghèo khổ, thậm chí đói rét thực sự, và bên kia là một số ít tư bản *đỏ*, cường hào mới, những kẻ giàu có, phè phỡn, kênh kiệu, xa hoa, dựa vào quyền thế mà ăn cắp của công, cướp đoạt của dân, tham nhũng, làm nhiều điều bất lương khác để giàu lên, v.v...

Như đã nói, khó có thể xóa bỏ được những nguyên nhân gây sự bất mãn của quảng đại dân chúng hiện nay, và chúng đang tạo thành thùng thuốc súng dưới các *ghế* của giai cấp cầm quyền. Thêm vào đó, những khó khăn do nền kinh tế khựng lại đang đòi hỏi thêm vốn đầu tư, đòi hỏi tiến lên cải tổ đợt mới, trong lúc đó thì giới lãnh đạo đảng giáo điều, bảo thủ đang cố thủ không muốn tiến lên nữa vì sợ *đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa*; trận *bão tố* tài chính ở mấy nước trong khu vực làm nhiều công ty các nước đó rút hẹp hoạt động ở Việt Nam, làm cho đồng tiền Việt Nam vốn non yếu lại thêm bấp bênh, ảnh hưởng đến đời sống dân nghèo; và với đường lối kinh tế như hiện nay của giai cấp cầm quyền, thì trong tương lai Việt Nam sẽ khó tránh khỏi những chấn động tài chính ác liệt đem lại những hậu quả khó lường, v.v... Tình hình này *đánh* mạnh vào đời sống đại đa số dân chúng và do đó. tạo thêm những ngòi nổ làm bùng lên nhiều cuộc đấu tranh mới quyết liệt hơn của dân chúng và thúc đẩy hơn nữa sự thức tỉnh của người dân đối với quyền lợi của họ, cũng như đối với khát vọng dân chủ. Khó mà biết được tia lửa nào sẽ rơi vào thùng thuốc súng!

Tình hình này cũng ảnh hưởng mạnh vào nội bộ đảng cộng sản, làm hàng ngũ đảng thêm phân hóa, đồng thời thức tỉnh những cán bộ, đảng viên còn có lương tâm, dần dần *cấp tiến hóa* và cố kết họ lại thành hạt nhân dân chủ cấp tiến trong đảng và làm cô lập thêm cánh bảo thủ ngoan cố trong tập đoàn cầm quyền.

Chắc chắn là các chiến sĩ dân chủ nhận thức được tình thế, đi sâu vào dân chúng, thận trọng, dần dần triển khai hoạt động khi có điều kiện, vận động đấu tranh từ thấp lên cao, qua đó mà giáo dục dân và rèn luyện mình để chuẩn bị cho những thời cơ mới.

Trước những khó khăn mà chế độ hiện tồn gặp phải, các nhà cầm quyền cộng sản hy vọng vào sự giúp đỡ của các nước, nhưng cái lối vay nợ để trả nợ chỉ làm cho đất nước càng chui đầu vào thòng lọng các nước khác và để lại gánh nặng nợ nần cho các thế hệ mai sau, vả lại, chớ hòng các nước trên thế giới sẽ sẵn sàng giúp đỡ mãi cho nước Việt Nam dễ dàng thoát hiểm. Ngay như Trung Quốc lục địa, nước-đồng-chí-cùng-ý-thức-hệ với nước Việt Nam cộng sản, cũng không mặn nồng *như môi với răng* để giúp nước ta, thế thì còn nói chi các nước khác. Chỉ có một cách, hơi khó

nhưng mà tốt nhất, là đồng bào cùng một nước, một dân tộc cùng ngồi nói chuyện với nhau để cùng tìm đường thoát hiểm cứu nước!

Mới đây, bạn Chu Vũ Ánh ở Hamburg, nước Đức, biên tập viên tạp chí *Dân Chủ & Phát Triển*, có đưa ra đề nghị: ... *nên đánh tiếng cho những nhân vật cao cấp của đảng cộng sản Việt Nam ý thức kịp thời, can đảm chấp nhận thay đổi: nói chuyện với các đoàn thể đối lập trong nước và các đoàn thể Việt Nam ở hải ngoại, tiến tới một chế độ dân chủ tự do....* Chúng tôi có góp ý với anh là trong tình hình hiện nay, đặt vấn đề như vậy là ảo tưởng, não trạng của kẻ cầm quyền chưa thay đổi và tình thế chưa chín muồi cho một đề nghị như vậy. Đến giờ chúng tôi vẫn nghĩ thế. Nhưng viết đến đây, chúng tôi lại thành thật mong ý kiến của mình là sai, tức là giai cấp cầm quyền biết điều và khôn ngoan hơn chúng tôi tưởng. Vậy dựa trên ý kiến của bạn Chu Vũ Ánh, chúng tôi xin trình bày đề nghị như sau.

— Trước những khó khăn của đất nước, những người dân chủ kêu gọi các người cầm quyền trong nước hãy thức thời làm mấy việc cấp thiết này, có tính chất bước ngoặt cực kỳ quan trọng đối với vận mệnh của Tổ quốc, mà sử sách sẽ đời đời ghi nhớ: trả tự do ngay cho các tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm, giải tỏa ngay những người bị quản chế phi pháp, mở cuộc đối thoại thẳng thắn với các nhà cách mạng và các trí thức-sĩ phu dân chủ, với các người đứng đầu các tôn giáo truyền thống đã bị trù dập, giam cầm bất công, nhằm chuẩn bị cho một cuộc hội nghị bàn tròn của các tổ chức trong và ngoài nước để cùng nhau bàn bạc, hoạch định phương cách dân chủ hóa đất nước, những bước cụ thể để thực sự hòa giải hòa hợp dân tộc, cũng như những kế sách đưa đất nước vượt qua khó khăn, ra khỏi lúc hiểm nghèo. Để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc hội nghị bàn tròn đó, cần sớm thỏa mãn những đòi hỏi trước mắt của nhân dân ta về quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do lập hội... Làm được như vậy, chắc chắn sẽ tạo nên một bầu không khí hồ hởi, hào hứng trong toàn quốc, động viên được lực lượng của toàn dân Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Với tiềm lực to lớn của toàn dân, kể cả tiềm lực đáng kể của cộng đồng người Việt hải ngoại, nước ta chắc chắn sẽ có đủ khả năng và nhiều cơ may vượt qua những khó khăn bằng chính sức dân ta, mà không phải cầu cạnh các nước khác để họ vin cớ, lấn ép quyền lợi của Tổ quốc ta. Được thế thì vận may của dân tộc đã đến và tiền đồ của đất nước thật sáng sủa.

Tóm lại, triển vọng đất nước ta sẽ như thế nào khi bước vào thế kỷ 21 là do dân ta, do các lực lượng dân chủ và một phần nữa, do những người đang cầm quyền trong nước quyết định. Nếu mọi người đều sáng suốt, biết đặt quyền lợi của Tổ quốc trên hết mà ngồi lại với nhau để bàn việc nước thì chắc chắn là sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh sẽ có nhiều thắng lợi lớn.◉

Moskva 21.12.97

Nguyễn Minh Cần

Đề nghị cuối bài: Xin đề nghị các bạn trong và ngoài nước tha thiết với tự do dân chủ 1/ bằng mọi cách (văn, thơ, nhạc, kịch, v.v... và nhiều sáng kiến khác) vinh danh xóm Dân Chủ, thôn Ô Cách, thuộc xã Quỳnh Xá, huyện Quỳnh Phụ, coi như biểu tượng của phong trào dân chủ nước ta, vì đó là xóm thôn đầu tiên từ cuối những năm 80, đến năm 1994, đã phất cao lá cờ phản kháng chống cường quyền áp bức bóc lột của bọn cường hào mới, đã chịu bao nhiêu sự đàn áp, trù dập của cường quyền, nhưng vẫn kiên cường giữ vững tinh thần phản kháng và đầu năm nay lại đứng lên, khơi nguồn cho cả một cao trào đấu tranh rộng lớn trong xã, trong huyện, rồi trong cả tỉnh Thái Bình từ tháng Tư 1997; đây quả là một sự trùng hợp kỳ diệu, vì Dân Chủ là tên xóm đồng thời cũng là bản chất và mục đích của phong trào phản kháng chế độ cực quyền, đòi hỏi tự do dân chủ hiện nay; 2/ hằng năm lấy tháng Tư tháng Năm làm những tháng kỷ niệm cuộc đấu tranh của nhân dân Thái Bình để phát động cao trào tranh đấu chống cường quyền áp bức bóc lột đòi tự do dân chủ trong cả nước.

Các bạn đọc chắc có nhiều sáng kiến khác cũng xin nêu lên cùng bàn.◉

* Muốn biết thế nào là bình thường, cách tốt nhất là tìm hiểu, khảo sát sự bất bình thường.

William James

* Đầu óc của một người cố chấp cũng như đồng tử của con mắt: càng nhiều ánh sáng, nó càng thu nhỏ lại!

O.W. Holmes

BI KỊCH CỦA MỘT TÂM HỒN VĨ ĐẠI

INNA MALKHANOVA

(Tiếp theo)

Không tìm được lời giải đáp trong tri thức, tôi bắt đầu tìm nó trong đời sống, hy vọng tìm được nó trong những người chung quanh tôi. Và tôi bắt đầu quan sát những người giống như tôi: họ sống như thế nào quanh tôi và họ có thái độ như thế nào đối với câu hỏi ấy đã từng làm tôi thất vọng.

Và đây là những điều tôi đã thấy được ở những người cùng hoàn cảnh như tôi về trình độ học vấn và lối sống.

Tôi thấy rằng đối với những người cùng một tầng lớp như tôi, thì có bốn lối thoát khỏi hoàn cảnh khủng khiếp mà tất cả chúng ta bị lâm vào.

Lối thoát thứ nhất là lối thoát của sự không chết. Tức là không biết, không hiểu rằng cuộc đời là tai họa và vô nghĩa. Những người thuộc loại này phần lớn là phụ nữ, hay là những người còn rất trẻ, hay là quá ngu độn - họ chưa hiểu câu hỏi về cuộc đời mà Schopenhauer, Salomon, đức Phật đã đặt ra rồi. Họ chẳng thấy cả con rồng đang rình họ lẫn hai con chuột đang gặm bụi cây mà họ vin vào, và cứ liếm những giọt mật (10). Nhưng họ liếm những giọt mật này chỉ một thời gian thôi: sẽ có cái gì đấy bắt họ phải chú ý đến con rồng và mấy con chuột, và thế thì hết liếm mật. Ở những người loại này, tôi không thể nào học được cái gì hết, vì không thể ngừng biết những điều mà mình đã biết rồi.

Lối thoát thứ hai là lối thoát hưởng lạc. Tức là dù biết cuộc đời là vô vọng vẫn cứ tạm thời hưởng những phúc lạc có sẵn, không nhìn cả con rồng lẫn mấy con chuột mà cứ liếm mật một cách rất có hiệu quả, nhất là khi gặp được bụi cây có nhiều mật. Salomon nói về lối thoát này như sau:

"Và ta đã ngợi khen cuộc vui chơi, vì đối với con người trên thế gian nà không có gì tốt hơn là ăn uống và vui chơi; những thứ đó đi theo con người trong lao động của họ, trong những ngày họ sống mà trời đã ban cho họ trên thế gian này.

"Vậy thì cứ ăn đi và cứ ăn cái bánh mì của mình một cách vui vẻ và cứ uống rượu với niềm hân hoan trong tim mình... Cứ hưởng lạc thú trên đời cùng với *người phụ nữ* mà mình yêu mến trong tất cả những ngày bận rộn của cuộc đời của mình, trong tất cả những ngày bận rộn ấy, vì đó là số phận của mình trong cuộc đời và trong lao động của mình trên thế gian này... Tất cả những gì mà mình đủ sức làm - thì cứ làm đi, vì trong nấm mồ nơi mà mình sẽ tới thì không có công việc, không có suy tư, không có tri thức, không có cả trí anh minh."

Đa số những người trong tầng lớp chúng tôi theo kết luận thứ hai. Hoàn cảnh sinh sống của họ tạo cho họ nhiều phúc lạc hơn tai họa, còn sự kém cỏi về mặt đạo đức làm cho họ có thể quên rằng hoàn cảnh thuận lợi của họ là ngẫu nhiên, rằng tất cả mọi người không thể nào có 1000 người phụ nữ và cung điện như vua Salomon, rằng cứ một người có 1000 vợ thì có 1000 người không vợ, và cứ mỗi một cung điện thì có 1000 người đổ mồ hôi sôi nước mắt để dựng xây nên cung điện ấy. Họ quên rằng sự ngẫu nhiên hôm nay biến tôi thành vua Salomon thì nay mai có thể biến tôi

thành nô lệ của Salomon. Còn sự kém cỏi về trí tưởng tượng của loại người này cho phép họ quên điều hằng làm bận tâm trí đức Phật - bệnh tật, tuổi già và cái chết không thể nào tránh khỏi được nay mai sẽ phá hoại tất cả những khoái lạc đó. Điều mà một số trong loại người này nói rằng sự kém cỏi về tư tưởng và trí tưởng tượng của họ chính là một lối triết lý mà họ gọi là triết học thực chứng, thì theo tôi điều đó không làm họ khác với những người hoàn toàn không thấy vấn đề mà cứ cắm cúi liếm mật. Và tôi cũng không thể bắt chước loại người này được; vì vốn không có sự kém cỏi về trí tưởng tượng như họ, vì tôi không thể gieo cấy nó một cách nhân tạo trong đầu óc mình được. Cũng như mọi người sống khác, tôi không thể nào rời mắt khỏi mấy con chuột và con rồng một khi đã thấy chúng rồi.

Lối thoát thứ ba là lối thoát của những người mạnh mẽ và có nghị lực. Tức là sau khi đã hiểu rằng cuộc đời là tai họa và vô nghĩa, thì tiêu diệt nó. Những người mạnh mẽ và nhất quán đã làm như vậy. Một khi hiểu được rằng họ bị đánh lừa độc ác, một khi hiểu được rằng người chết được hưởng phúc lạc nhiều hơn người sống và tốt nhất là không tồn tại, thì họ hành động như vậy ngay, chấm dứt cái trò chơi ngu xuẩn này bằng đủ cách: cái thòng lọng, nước, con dao để đâm vào tim, tai nạn trên đường sắt. Và trong đám người cùng hoàn cảnh chúng tôi, số người hành động như vậy ngày càng nhiều. Và hành động như vậy phần lớn trong thời buổi tốt đẹp nhất của đời mình, khi tâm hồn đang còn ở tuổi thanh xuân, còn những thói quen làm nhục nhã trí tuệ của con người thì chưa có nhiều. Tôi thấy rằng đây là lối thoát xứng đáng nhất và cũng đã từng muốn hành động như thế.

Lối thoát thứ tư là lối thoát nhu nhược. Tức là đã hiểu cuộc đời là tai họa và vô nghĩa, mà vẫn cứ tiếp tục sống, dù biết trước rằng cuộc đời sẽ không đem lại cái gì cả. Loại người này biết rằng cái chết tốt hơn đời sống, nhưng không đủ sức mạnh để hành động hợp lý trí, tức là chấm dứt ngay lối đánh lừa này và tự tử - hình như họ vẫn cứ chờ đợi cái gì đó. Đó là lối thoát nhu nhược, bởi vì nếu tôi biết điều tốt hơn và điều đó nằm trong tầm tay tôi thì tại sao lại không hướng tới điều tốt hơn ấy? Tôi đã nằm trong loại thứ tư này.

Như vậy, những người thuộc hoàn cảnh như tôi cố gắng thoát khỏi mâu thuẫn khủng khiếp bằng bốn con đường như vậy. Dù tôi hết sức động não mình nhưng vẫn không thấy lối thoát nào khác ngoài bốn lối thoát này. Một lối thoát là không hiểu rằng cuộc đời là vô nghĩa, hư không và tai họa và tốt hơn hết là không sống. Tôi không thể nào không biết điều này, và một khi đã biết rồi thì không thể nhắm mắt làm ngơ được nữa. Lối thoát thứ hai là tận hưởng cuộc đời đúng như nó đang có mà không nghĩ đến tương lai. Và điều này tôi không thể làm được. Giống như Thích Ca Mâu Ni, tôi không thể đi chơi (11) được, khi đã biết là có sự già nua, sự đau khổ và chết chóc. Trí tưởng tượng của tôi quá nhạy cảm. Hơn nữa, tôi không thể vui mừng với một cơ hội thoáng qua đã ban cho tôi lạc thú trong giây lát. Lối thoát thứ ba là sau khi đã hiểu rằng cuộc đời là đau khổ và ngu xuẩn thì chấm dứt nó, tự giết mình. Tôi đã hiểu như vậy, nhưng chẳng hiểu vì sao tôi vẫn chưa tự tử. Lối thoát tứ tư là sống theo cách của Salomon, Schopenhauer, tức là biết rằng cuộc đời là một trò đùa độc ác đối với mình, nhưng vẫn cứ sống, vẫn rửa mặt, mặc áo, ăn cơm, nói chuyện và thậm chí vẫn viết lách. Kiểu này tôi cảm thấy kinh tởm, đau đớn, nhưng rồi tôi vẫn cứ ở trong tình trạng này.

Bây giờ tôi thấy rằng sở dĩ tôi đã không tự tử là vì tôi hiểu một cách mơ hồ rằng những ý nghĩ của tôi không đúng. Mặc dù cách suy nghĩ của tôi và cách suy nghĩ của những hiền triết anh minh đã chứng minh tính chất vô nghĩa của cuộc đời, có vẻ hiển nhiên và có sức thuyết phục như thế nào đi nữa, nhưng trong tôi vẫn còn đọng lại một mối nghi ngờ mơ hồ về sự đúng đắn của điểm xuất phát trong lập luận của tôi.

Lập luận của tôi như sau: Tôi, trí tuệ của tôi đã thừa nhận rằng cuộc đời là không hợp lý trí. Nếu không có lý trí tối thượng (dĩ nhiên, không có nó và không có gì chứng minh được rằng nó tồn tại) thì lý trí là đấng sáng tạo cuộc đời của tôi. Nếu không có lý trí thì đối với tôi sẽ không có cả cuộc đời nữa. Thế thì làm sao lý trí này phủ nhận cuộc đời, trong khi đó bản thân nó là đấng sáng tạo cuộc đời? Hay là mặt khác: nếu như không có cuộc đời thì cả lý trí của tôi cũng không có - như vậy thì lý trí là con đẻ của cuộc đời. Cuộc đời là tất cả. Lý trí là kết quả của cuộc đời, thế mà cái lý trí ấy lại phủ nhận chính cuộc đời. Tôi cảm thấy rằng trong lập luận này có cái gì không ổn.

Cuộc đời là một tai họa vô nghĩa, điều đó hiển nhiên rồi, - tôi tự nhủ mình. - Nhưng tôi

đã sống, còn đang sống, toàn nhân loại cũng đã sống và đang sống. Sao lại thế nhỉ? Vì sao nhân loại còn sống trong khi có thể không sống nữa? Thế thì chỉ có tôi và Schopenhauer mới thông minh đến mức đã hiểu được sự vô nghĩa và tai họa của cuộc đời hay chăng?

Lập luận về sự hư không của cuộc đời không phức tạp mấy, hơn nữa cả những người bình thường cũng đã từng đi tới kết luận này, thế mà họ đã sống và còn đang sống. Sao họ vẫn cứ sống và không hề nghi ngờ gì về tính chất hợp lý của cuộc đời?

Tri thức của tôi do trí anh minh của các bậc hiền triết đã xác nhận, cho tôi biết rằng tất cả mọi thứ trên thế gian này - cả hữu cơ lẫn vô cơ - đều có kết cấu hết sức hợp lý, chỉ riêng tình trạng một mình tôi là vô lý thôi. Còn bọn ngu ngốc này - tức là đám đông những người bình thường - hoàn toàn không biết gì về kết cấu của vật chất hữu cơ và vật chất vô cơ trên thế gian này, thế mà họ vẫn cứ sống và họ cảm thấy dường như cuộc đời của họ được an bài rất hợp lý!

Và tôi nảy ra ý nghĩa: hay là tôi vẫn chưa biết cái gì đấy chăng? Vì sự không hiểu biết cũng hoạt động chính là theo kiểu như vậy. Sự không hiểu biết bao giờ cũng nói như vậy, một khi nó không biết cái gì đấy thì nó cứ bảo rằng điều mà nó không biết là sự ngu xuẩn. Thực ra, tình hình như thế này: có toàn thể nhân loại đã sống và đang sống, dường như hiểu được ý nghĩa cuộc đời của mình. Vì nếu không hiểu ý nghĩa này thì nhân loại không thể nào sống được. Còn tôi nói rằng cả cuộc đời này đều vô nghĩa thì tôi không thể nào sống được.

Không ai gây trở ngại cho tôi và Schopenhauer khi chúng tôi phủ nhận cuộc đời. Nhưng nếu vậy thì hãy tự tử đi - thì sẽ không còn lập luận gì nữa. Không thích cuộc đời thì cứ tự giết mình đi. Nếu sống mà không hiểu được ý nghĩa cuộc đời thì cứ chấm dứt nó đi, chứ đừng có loay hoay trong cuộc đời này, chớ đừng có kể lể và mô tả rằng mình không hiểu được cuộc đời. Nếu đã đến một đám đông vui vẻ, mọi người đều rất thoải mái, ai cũng biết họ đang làm gì, còn riêng mình cảm thấy buồn tẻ và chán ngấy thì cứ về đi.

Đúng vậy, chúng tôi là những người tin chắc rằng phải tự tử mà không dám tự tử thì chúng tôi là cái gì, nếu không phải là kẻ nhu nhược nhất, không nhất quán nhất, và nói thẳng ra là những người ngu ngốc, cứ ấp ủ sự ngu ngốc của mình như mẹ gà ấp trứng?

Vì trí anh minh của chúng tôi, dù chắc chắn là nó đúng, nhưng đã không cho chúng tôi hiểu về ý nghĩa cuộc đời của chúng tôi. Thế mà toàn thể nhân loại đang tạo ra cuộc sống, hàng triệu người, không chút nghi ngờ về ý nghĩa cuộc đời cả.

Thực ra, từ xưa từ xưa, khi có cuộc đời, cuộc đời mà tôi biết được chút ít, thì con người đã sống rồi, những người ấy đã từng biết lập luận về sự hư không của cuộc đời, lập luận này đã chứng minh cho tôi tính chất vô nghĩa của cuộc đời, thế mà họ vẫn cứ sống và tìm được ý nghĩa nào đó cho cuộc đời của họ. Kể từ khi cuộc đời nào đó của con người đã bắt đầu, thì họ đã nắm được cái ý nghĩa đó của cuộc đời mà họ cứ nối tiếp cuộc đời này mãi cho đến thế hệ của tôi. Tất cả những cái gì có trong tôi và quanh tôi đều là kết quả của tri thức về cuộc đời mà họ đã nắm được. Những khí cụ tư duy mà tôi dùng để bàn luận và phê phán cuộc đời này, những khí cụ ấy chính do họ đã làm ra chứ không phải tôi. Bản thân tôi đã sinh ra, được nuôi dưỡng và trưởng thành nhờ họ. Họ đã đào quặng sắt, biết dẫn cây, thuần dưỡng bò ngựa, học được cách gieo lúa, biết chung sống với nhau và đã sắp xếp đời sống của chúng ta. Họ đã dạy cho tôi suy nghĩ và nói năng. Thế mà tôi, tác phẩm của họ, do họ nuôi dưỡng, do họ dạy dỗ, biết suy nghĩ bằng ý tứ và lời lẽ của họ, tôi lại chứng minh cho họ rằng họ là vô nghĩa! "Ở đây có cái gì không ổn - tôi đã tự nhủ mình như vậy - Chắc là tôi đã sai lầm ở chỗ nào đó." Nhưng tôi sai lầm ở chỗ nào, tôi vẫn không tìm ra được.

*

Tất cả những nghi vấn này mà hiện nay tôi đủ khả năng nói ra ít nhiều mạch lạc thì lúc đó tôi chưa trình bày được. Lúc đó tôi chỉ cảm thấy rằng dù những kết luận của tôi về hư không của cuộc đời mà các nhà tư tưởng vĩ đại nhất đã khẳng định, đã tỏ ra có tính lô gích thế nào đi nữa, thì chúng vẫn có cái gì đấy không ổn. Không ổn trong bản thân lập luận hay là về cách đặt vấn đề, thì tôi không hiểu. Tôi chỉ cảm thấy rằng về mặt lý trí thì cách lập luận rất hoàn thiện, nhưng như thế vẫn chưa đủ. Tất cả những lý lẽ trên không thể nào thuyết phục được tôi để tôi làm điều kết luận rút ra từ lập luận của tôi, tức là để tôi tự tử. Và tôi sẽ nói dối, nếu nói rằng bằng lý trí tôi đã đi đến kết luận của tôi mà vẫn không tự giết mình. Lý trí đã hoạt động, nhưng đã có cái

gì đấy khác nữa cũng đã hoạt động, mà cái khác ấy thì tôi chỉ có thể gọi là ý thức của cuộc đời. Tức là còn có một lực bắt tôi phải quan tâm đến điều này, chứ không phải điều kia, cái lực ấy đã hoạt động và chính lực này đã kéo tôi ra khỏi tình trạng thất vọng và bất lý trí của tôi hướng về phía hoàn toàn khác. Cái lực đó đã bắt tôi phải chú ý rằng tôi và hàng trăm người giống tôi vẫn chưa phải là toàn thể nhân loại, và rằng cuộc đời của nhân loại thì tôi vẫn chưa biết.

Khi nhìn lại những người chung quanh thân cận tôi và cùng trạc tuổi, tôi chỉ thấy các loại người như sau: hoặc là không hiểu vấn đề, hoặc là đã hiểu mà cố làm át vấn đề bằng cách nghiện rượu, hoặc là khi đã hiểu rồi thì chấm dứt cuộc đời, hoặc là đã hiểu mà do nhu nhược vẫn cứ sống nốt cuộc đời thất vọng. Và tôi không thấy loại người khác. Lúc đó tôi nghĩ rằng nhóm người ít ỏi có học vấn, giàu có và nhàn rỗi mà tôi đã thuộc loại đó, là toàn thể nhân loại, còn hàng tỉ người đã sống và đang sống thì *không đáng kể*, họ giống súc vật hơn là con người. Còn hiện nay, tôi thấy rất lấy làm lạ, hết sức lạ và không thể nào hiểu được, làm sao khi lập luận về cuộc đời mà tôi lại có thể làm ngơ cuộc sống của nhân loại nhộn nhịp khắp chung quanh tôi, làm sao tôi có thể sai lầm một cách lố bịch đến thế, làm sao tôi nghĩ rằng cuộc đời của tôi và của những Salomon và những Schopenhauer là

TẠ TỴ

HÃY GIỮ DÙM TÔI

(Tặng Anh Chị Nguyễn Trọng Liệu)

Hỡi ai đó, giữ dùm tôi Xuân trước
Cả Xuân này cùng với những Xuân sau
Để tôi níu thời gian ngăn nhịp bước
Của thời gian làm bạc trắng mái đầu

Nhưng tôi biết sức người đâu có thể
Chẳng làm gì để kéo được xuân xanh
Tôi cứ nói, cứ dài dòng kể lể
Mà giữ nguyên trong dạ cũng không đành

Cứ tuần tự, từng mùa năm tháng hết
Hạ qua rồi, Thu biếc, lại vào Đông
Rồi Xuân đến, hoa bay đầy khắp ngả
Cuốn trôi theo bao mơ ước trong lòng

Tôi như một tượng hình trong cơn lốc
Đứng trơ vơ gió đẩy tối Hư Vô
Ngàn năm trước hay bây giờ vận tốc
Vẫn y nguyên như chửa có bao giờ!

Nếu đời sống chỉ có ăn rồi ngủ
Để chờ ngày trôi giạt cõi U Minh
Tôi gói trọn ước mơ trong tình cũ
Bỏ quên đi những năm tháng vô hình...

Tôi cứ sống như một loài cỏ dại
Mọc lan tràn trên mặt đất rong rêu
Ôi, tiếng đời nghe rộn ràng êm ái
Chợt nhớ ra, nhịp sống vẫn quay đều...

Thời gian vẫn luân hành theo mỗi tiết
Triệu triệu năm rồi vẫn một hướng đi
Và sống chết cứ coi như không biết
Chẳng ăn năn cũng chẳng tiếc thương gì!

Tôi hằng ước đừng bao giờ Xuân trở lại
Vì mùa Xuân là tuổi của thời gian
Để cho tôi trẻ hoài và mãi mãi
Không bao giờ phải cất tiếng phàn nàn!

cuộc đời thực sự, cuộc đời hiện nay tôi cảm thấy rằng điều đó hết sức lạ lùng, nhưng lúc ấy tình trạng đúng như đã nói trên. Khi trí tuệ của mình lầm lạc và tự cao tự đại, tôi tin chắc rằng tôi, Salomon và Schopenhauer, chúng tôi đã đặt vấn đề hết sức đúng đắn và phù hợp với chân lý đến nỗi không thể nào nghĩ khác được và tôi cũng tin chắc rằng hàng tỉ con người ấy chưa đủ trình độ để hiểu thấu toàn bộ sự sâu sắc của vấn đề, tôi đã từng tìm ý nghĩa cuộc đời mình mà chưa hề nghĩ ra rằng: "Thế thì hàng tỉ người đã sống và đang sống trên thế gian này, đã và đang nghĩ gì về ý nghĩa cuộc đời của họ?"

Tôi đã sống khá lâu trong tâm trạng điên rồ ấy (không phải trên lời nói mà trên thực tế) thật đặc trưng đối với chúng tôi - là những người có học vấn và có tinh thần tự do nhất. Nhưng nhờ lòng thương yêu về thể xác lạ lùng nào đó của tôi đối với nhân dân lao động chân chính, lòng thương yêu này bắt tôi hiểu được nhân dân lao động và thấy rằng họ không phải ngu si như chúng tôi tưởng. Hay là nhờ lòng tin của tôi là tôi không thể biết gì cả, thế thì điều tốt nhất mà tôi có thể làm được là tự treo cổ mình, nên tôi vẫn cảm thấy là chừng nào tôi muốn sống và muốn hiểu ý nghĩa cuộc đời thì phải tìm ý nghĩ cuộc đời này không phải ở những người đã mất ý nghĩa cuộc đời rồi và muốn tự tử, mà phải tìm ở hàng tỉ con người đã sống và đang sống, là những người tạo thành cuộc sống và đang gánh vác cả cuộc đời của họ lẫn cuộc đời của chúng tôi nữa. Khi tôi đã nhìn lại khối lượng khổng lồ những người đã sống và đang sống là những người bình thường không có học vấn, không giàu có, thì tôi đã thấy được những điều khác hẳn. Tôi đã thấy rằng hàng tỉ người đã sống và đang sống ấy, tất cả họ - trừ một số người rất ít - đều không phù hợp với cách chia của tôi. Vì tôi không thể nào coi họ là không hiểu vấn đề, bởi vì bản thân họ đã từng đặt câu hỏi này và từng trả lời câu hỏi đó hết sức rõ ràng. Coi họ là những người hưởng lạc cũng không được, vì cuộc đời của họ phần lớn là thiếu thốn, đau khổ hơn là hưởng lạc. Còn coi là họ đang sống nốt cuộc đời vô nghĩa thì lại càng không thể được. Vì bất cứ hành động nào trong cuộc đời của họ và sự chết của họ thì họ đều giải thích cả. Còn việc tự tử thì họ coi đó là một tội đại ác. Té ra toàn thể nhân loại có sự hiểu biết nào đó về ý nghĩa cuộc đời, mà loại trừ cuộc đời. Còn ý nghĩa cuộc đời mà hàng tỉ con người, toàn thể nhân loại, gán cho cuộc đời thì dựa vào một loại tri thức bị khinh bỉ và giả tạo nào đó.

Tri thức duy lý của các nhà bác học và các hiền triết phủ nhận ý nghĩa cuộc đời, còn vô số người, toàn thể nhân loại thì thừa nhận ý nghĩa ấy qua tri thức không duy lý. Và tri thức không duy lý ấy chính là tín ngưỡng mà tôi không thể không từ bỏ được. Đó là Thượng đế nhất thể và ba ngôi, đó là việc sáng thế trong sáu ngày, là quỷ sứ và thiên thần, và tất cả những thứ mà tôi không thể thừa nhận được, nếu tôi chưa bị mất trí.

Tình trạng của tôi kinh khủng thật. Tôi đã biết rằng trên con đường trí thức duy lý, tôi sẽ không tìm được gì hết, ngoài sự phủ nhận đời sống, còn trong tín ngưỡng - không tìm được cái gì ngoài việc phủ nhận lý trí, mà sự phủ nhận này thì càng không thể nào chấp nhận được, so với sự phủ nhận đời sống. Theo tri thức duy lý thì cuộc sống là tai họa; con người biết được điều đó, con người có khả năng không sống nữa, thế mà họ đã sống và đang sống, và bản thân tôi cũng đang sống, mặc dù tôi đã biết từ lâu rằng cuộc đời là không có ý nghĩa, cuộc đời là tai họa. Theo tín ngưỡng thì: muốn hiểu ý nghĩa cuộc đời - tôi phải từ bỏ lý trí, mà chính lý trí ấy đang cần hiểu biết ý nghĩa cuộc đời.

*

Như thế là đã nảy ra mâu thuẫn. Chỉ có hai cách giải quyết mâu thuẫn này: hoặc là cái mà tôi gọi là hợp lý trí thì không phải là hợp lý trí đến mức như tôi tưởng; hoặc là cái mà tôi cảm thấy không hợp lý trí thì không phải là không hợp lý trí đến mức như tôi nghĩ. Và tôi bắt đầu kiểm nghiệm cách lập luận của tôi về tri thức duy lý của tôi.

Khi kiểm nghiệm cách lập luận về tri thức duy lý thì tôi thấy rằng nó hoàn toàn đúng. Kết luận rằng cuộc đời là hư vô thì không thể tránh khỏi. Nhưng tôi đã thấy chỗ sai. Sai ở

* Cô ta đọc quá nhiều sách về hậu quả xấu của việc hút thuốc, cuối cùng cô ta quyết định... ngưng đọc.

* Người ta nói hút thuốc làm cho đời sống ngắn lại. Nó cũng làm ngắn luôn điếu thuốc của bạn.

chỗ là tôi lập luận không đúng theo câu hỏi mà tôi đặt ra. Câu hỏi như thế này: tôi phải sống để làm gì, nghĩa là cuộc đời hư ảo, hữu tận của tôi sẽ đem lại cái gì đó tính chất thực sự và bất diệt, sự tồn tại hữu tận của tôi trên thế giới vô cùng này có ý nghĩa gì? Và để trả lời câu hỏi này, tôi đã nghiên cứu đời sống.

Như thế, rõ ràng là câu trả lời cho tất cả các câu hỏi về cuộc đời tất nhiên không thể làm tôi hài lòng, là vì câu hỏi của tôi - dù ban đầu có vẻ rất đơn giản - đòi hỏi chúng ta phải giải thích sự hữu tận bằng phạm trù vô cùng và ngược lại.

Tôi đã hỏi: cuộc đời của tôi có ý nghĩa gì trong phạm trù ngoài thời gian, ngoài nhân quả, ngoài không gian? - Thế mà tôi đã trả lời câu hỏi như sau: cuộc đời của tôi có ý nghĩa gì trong phạm trù thời gian, nhân quả và không gian? Thế là sau khi tư duy thật lâu và vất vả, tôi đã trả lời: không có ý nghĩa nào cả.

Trong lập luận của tôi, tôi luôn luôn đặt dấu bằng (và không thể làm khác được) giữa phạm trù hữu tận với phạm trù hữu tận và phạm trù vô cùng với phạm trù vô cùng, do đó đã rút ra kết luận không tránh được là: lực lượng là lực lượng, vật chất là vật chất, ý chí là ý chí, tính vô cùng là tính vô cùng, hư vô là hư vô, rồi sau đó không rút ra được kết luận nào nữa.

Tình trạng này hơi giống trong toán học khi ta muốn giải một phương trình thế mà lại giải đồng nhất thức. Cách lập luận thì đúng, nhưng rốt cuộc ta chỉ được giải đáp là: a = a, hoặc là x = x, hoặc là 0 = 0. Cách lập luận của tôi về ý nghĩa cuộc đời của tôi cũng lâm vào tình trạng như vậy. Vì những câu trả lời của toàn bộ khoa học cho câu hỏi trên đều chỉ là những đồng nhất thức.

Và đúng như vậy, tri thức duy lý nghiêm ngặt, tức là tri thức bắt đầu từ sự hoài nghi hoàn tòn về tất cả, bác bỏ mọi tri thức dựa vào tín ngưỡng, xây dựng lại tất cả dựa vào quy luật lý trí và thực nghiệm - như Descartes (13) đã từng làm - thì tri thức đó không thể đưa ra câu trả lời khác được cho câu hỏi về cuộc đời ngoài câu trả lời mà tôi đã nhận được - tức là câu trả lời vô định. Lúc đầu tôi chỉ mới có cảm giác rằng tri thức đã cho câu trả lời tích cực - câu trả lời của Schopenhauer: cuộc đời không có ý nghĩa, cuộc đời là tai họa." Nhưng, sau khi phân tích kỹ tôi đã hiểu rằng đó không phải là câu trả lời tích cực, rằng chỉ có cảm giác của tôi mới diễn đạt câu trả lời theo cách như vậy. Còn câu trả lời diễn đạt chính xác giống câu trả lời đã diễn đạt cả của các vị Bà la môn, cả của Salomon, lẫn của Schopenhauer, thì chỉ là câu trả lời vô định, hay là đồng nhất thức: 0 = 0, cuộc đời mà tôi cho là hư vô chính là hư vô. Như vậy tri thức triết học không phủ định gì hết, mà chỉ nhận xét rằng nó không thể trả lời câu hỏi này, rằng đối với tri thức triết học câu trả lời vẫn còn có tính chất vô định.

Sau khi hiểu được điều này, tôi cũng đã hiểu luôn rằng trong tri thức duy lý không thể nào tìm được câu trả lời cho câu hỏi của tôi, rằng câu trả lời do tri thức duy lý đã đưa ra chỉ có tính chất chỉ dẫn là câu trả lời đó chỉ có thể tìm được khi đặt câu hỏi theo cách khác, chỉ khi đưa tương quan giữa cái hữu tận và vô cùng vào lập luận của mình. Và tôi cũng hiểu rằng dù những câu trả lời của tín ngưỡng là vô lý và kỳ quặc thế nào đi nữa, nhưng chúng có một ưu điểm là chúng đưa tương quan giữa cái hữu tận và cái vô cùng vào mỗi câu trả lời - nếu không làm như vậy thì không thể nào tìm được câu trả lời. Dù tôi đặt câu hỏi theo cách nào: tôi phải sống như thế nào? - thì vẫn được trả lời: sống theo luật của Thượng đế - Cuộc đời của tôi sẽ có kết cục thực sự như thế nào? - Đau khổ vĩnh viễn hay là phức tạp vĩnh viễn. - Ý nghĩa nào không bị cái chết tiêu diệt? - Sự hòa nhập với Thượng đế vô cùng, thiên đường.

Như vậy, ngoài tri thức duy lý mà trước đây tôi coi là tri thức duy nhất, tôi không thể tránh khỏi phải thừa nhận rằng toàn thể nhân loại sống còn có một tri thức nào khác nữa, tri thức không duy lý, tức là tín ngưỡng, nó tạo nên khả năng sống. Tôi vẫn thấy rõ như trước toàn bộ tính chất không hợp lý trí của tín ngưỡng, nhưng tôi phải thừa nhận rằng chỉ một mình nó mới cho nhân loại những câu giải đáp về cuộc đời, và do đó tạo nên khả năng sống.

Tri thức duy lý đưa tôi đến việc phải thừa nhận rằng cuộc đời vô nghĩa, cuộc đời của tôi đã dừng lại, và tôi muốn tự tiêu diệt mình. Khi nhìn lại những con người, toàn thể nhân loại, tôi đã thấy là người ta đang sống và quả quyết rằng họ biết ý nghĩa cuộc đời. Tôi nhìn lại mình: tôi đã từng sống chừng nào tôi đã biết ý nghĩa cuộc đời. Giống như những người khác, tín ngưỡng đã cho tôi ý nghĩa cuộc đời và khả năng sống.

(Còn tiếp)

PHÙ THẾ

Vèo trông lá rụng đầy sân
Công danh phù thế có ngần ấy thôi
TẢN ĐÀ

TRẦN MỘNG TÚ

TRUYỆN CỦA ÔNG CỤ

Hai mẹ con đứng ở ngưỡng cửa sau của Viện Mất Trí Nhớ. Trước mặt họ là một khu vườn thật rộng, bãi cỏ xanh ngát, những vòm hoa được trồng rải rác trong một xếp đặt rất mỹ thuật, những chiếc ghế dài để sát cạnh hoa hoặc dưới những thân cây có bóng râm. Một vài người ngồi ở ghế, một vài người đang đi bách bộ trên những lối trải xi măng. Có người đi một mình, có người đi với thân nhân, có người đi với y tá. Họ là những người lớn tuổi bị bệnh mất trí nhớ được đưa vào đây.

Bà cụ đưa tay chỉ vào một chiếc ghế đặt dưới gốc cây liễu, nơi đó có một người ngồi quay lưng lại phía họ.

"Cha con đấy hình như ông đang ngắm con sóc dấu thực phẩm trong đất. Con thử đến nơi xem cha có nhận ra con không?"

Người đàn ông trung niên im lặng, ông vừa bước đi một bước xuống bực thềm thì đứng dừng lại. Đã có hơn ba năm rồi ông không về thăm gia đình, trước đó thì một năm ông mới về một lần. Sự liên lạc với cha mẹ chỉ bằng điện thoại, quà gửi qua bưu điện và những hứa hẹn chẳng bao giờ có thời giờ mà thực hiện. Bệnh lãng trí của cha ông một ngày một trở nặng, bà cụ cho biết là ông cụ đã không nhận ra rất nhiều người thân quen chỉ có người anh cả của ông là người cụ thỉnh thoảng còn nhận được vì người đó từ nhỏ tới lớn lúc nào cũng ở cạnh, và rất thân với cụ. Còn cụ bà thì cụ không nhận ra được nữa, mặc dù hai cụ đã lấy nhau hơn 50 năm. Nhưng ngược lại cụ ông lại nhớ rất rõ cô thiếu nữ 20 tuổi mà cụ yêu hồi cụ còn rất trẻ. Cụ bà đã có lần kể lại cho ông con nghe qua điện thoại.

"Cha con kể cho mẹ nghe cô thiếu nữ em gái của người bạn học cùng trường, lần đầu tiên cụ đưa đi chơi cô mặc áo mầu gì, cô thích nghe bản nhạc nào, thích ăn món gì nhất và cái cách ông cụ kể làm mẹ khóc mãi. Con có biết không cha con bảo: 'Bà ngồi xuống đây. Bà biết cô Loan chứ? Cô Loan con cụ Phán Mai ở phố hàng Ngang, Hà Nội đó. Tôi học cùng với anh cô Loan ở trường Bảo Hộ nên tôi được đến nhà chơi. Cô ấy vừa đẹp, vừa ngoan. Hồi đó nhiều người theo cô mà không được. Cô ấy thương tôi vì tôi nghèo hơn những người bạn khác của anh cô.' Cha con kể như kể cho một người xa lạ nào khác, mẹ cứ vừa nghe, vừa khóc, thì cha con lại hỏi: 'Tại sao bà khóc, câu chuyện tình của tôi làm bà cảm động bà khóc phải không?' Có hôm mẹ bưng thức ăn vào cho cha con thì cha con lại bảo 'Cám ơn bà, mời bà ngồi chơi, nhà tôi đi chợ chưa về, nhà tôi cũng thích ăn món này lắm.' Mẹ phải thu hết can đảm đưa cha con vào ở trong này, vì tháng trước cha đi lạc mất nguyên ngày lúc tìm được ông cụ thì ông cụ đang nằm trong dãy hàng rào cây của nhà hàng xóm, quần áo lấm lem vừa lạnh vừa đói phải vào bệnh viện mất năm ngày vì sưng phổi. Một lần khác cha con đi ra tận nhà thờ St Thomas ngủ ngay trước bực nhà thờ, tay vẫn còn cầm một khúc bánh mì. Lúc đó cha con đúng là hình ảnh của một người không có nơi cư trú."

Người con tiến về phía cha, ông đến trước mặt cụ, ngồi khuỵu xuống thảm cỏ để mắt ông có thể nhìn vào mắt cụ, ông nói:

"Thưa cha, con là Hải đây, con về thăm cha."

Ông cụ đang nhìn ra cái vòi phun nước trước mặt, nhìn con lạnh nhạt như nhìn một người không quen biết, người con nhắc lại:

"Con là Hải đây."

"Ông tên Hải à, tôi có quen ông không nhỉ, ông ở đâu sang chơi đấy?" Cụ hỏi lại không

được thân thiện lắm. Người con nghe nghẹn cứng ở cuống họng, ông gục đầu vào lòng cha rưng rưng không nói được một câu. Bà cụ đặt tay lên vai con nói nhẹ nhàng

"Chắc tại con ít khi về thăm nhà nên cha con không nhận ra con. Ngay như mẹ đây mà cũng có lúc cha con tưởng là người dưng không liên hệ gì đến cụ cả."

"Thế cha con có nhận ra những người bạn cũ không?"

"Lúc có, lúc không. Tuần trước Bác Tham Đồng với Bác Đốc Hòa vào thăm cha con cũng không nhận ra ai, làm hai người đó buồn bã lắm."

Người con nghe mẹ nhắc đến những tiếng ông Tham, ông Đốc mà ngậm ngùi trong dạ. Trong thời thơ ấu ông đã sống trong cái hào quang của cha và những bạn hữu của cụ. Cha ông trước đây thời Pháp thuộc làm Phó Sở Cẩm ở Hàng Đậu, Hà Nội, cụ đã một thời oai quyền, bắt bớ, giam cầm, ra ơn cho biết bao nhiêu người. Trong nhà cụ lúc nào cũng kẻ ra người vào khúm núm nhờ vả, chào hỏi lễ phép. Khi vào Nam cụ đổi xuống tận Bạc Liêu làm ông Cò của Sở Cảnh Sát. Những người buôn bán lại đi cửa trước, lén cửa sau vào nhờ vả cụ bà nói hộ với cụ ông khi trong gia đình họ có người bị bắt vì lý do này hoặc lý do khác. Ông nhìn thấy rõ cái oai quyền cũng như lòng nhân đức của cụ ông khi cụ lợi dụng sự rối loạn của Tết Mậu Thân mở cửa nhà giam thả những người tù bị tình nghi (một cách không rõ rệt) về một tội phạm nào đó. Ông cũng còn nghe cụ bà kể lại: Vào năm 1945, đảo chính Nhật, cụ ông đã chạy ra khỏi Hà Nội rồi, lại chạy trở lại để mở cửa nhà giam thả tội nhân ra vì sợ họ sẽ bị quân Nhật giết mặc dầu cụ biết chạy trở lại vào một chỗ giam cầm như thế là nguy hiểm cho tính mạng của mình.

Bây giờ cụ ngồi đây, đầu óc trắng như một tập hồ sơ chưa lấy cung của tội phạm, cụ không còn nhớ nữa bất cứ một điều gì, chuyện 50, 60 năm cũ hay chuyện mới ngày hôm qua. Ngày sanh hay tên tuổi, tên phố, tên đường, cần chi phải nhớ những điều đó. Cụ sanh 80 năm về trước hay cụ mới chào đời buổi sáng hôm nay nào có khác gì nhau! Vợ cụ tên gì? Cụ có bao nhiêu người con? Cụ đang ở trên quê hương mình hay đang ở trên một phần đất lạ thì nơi chốn nào cũng chỉ là một trạm nghỉ chân, một sân ga. Người thân yêu nào cũng đến lúc phải chia tay. Cụ quên những kỷ niệm đẹp, những người bạn tốt nhưng may mắn là cụ cũng không còn nhớ những tai ương, những kỷ niệm buồn, những người đã đối xử không tốt với cụ.

Bây giờ cụ bình thản, vô tư như một trẻ thơ!

CHUYỆN CỦA VỢ NGƯỜI NHẠC SĨ

Chị nhìn đồng hồ, đã tám giờ tối, anh vẫn chưa đi làm về, chị nhấc điện thoại gọi Tòa báo nơi anh làm. Không có ai trả lời, chỉ có máy nói. Tòa báo đã đóng cửa. Đây không phải là lần đầu anh về trễ, chuyện này đã xảy ra rất thường xuyên từ bốn tháng nay. Nhà của anh chị ở chỉ cách Tòa báo có ba ngọn đèn đỏ, anh lái xe chỉ cần mười phút là về tới nhà. Nhưng anh đã đánh mất trí nhớ trong một khoảng thời gian nào đó nên anh không định được hướng về nhà. Anh đi vòng ngang, rẽ dọc, tìm một ngã rẽ quen thuộc mà anh không còn nhớ nữa. Chị lo lắng mở cửa căn chung cư ra tận ngoài đường đón anh. Chị hy vọng anh nhìn thấy chị anh sẽ nhớ ra người đàn bà đang đứng đó là vợ mình, chị sẽ chỉ cho anh đường rẽ vào ngõ, chỗ đậu xe.

Buổi tối mùa thu, trời se lạnh, chị mặc chiếc áo khoác của thằng con trai, chiếc áo ngắn ở hai tay nên chị phải cho cả hai tay vào túi. Chị nhìn những ngọn đèn xe băng băng qua trước mặt chị, hy vọng nhìn thấy anh ở trong đám xe cộ đó. Chị đứng đã mỏi chân mà không dám bỏ vào chỉ sợ hụt mất anh, nhỡ anh đi qua mà không nhìn thấy chị ở đó. Làm sao mà anh đoán được đã về tới nhà! Trong gió hình như có mang theo hơi nước, chị thấy lạnh lạnh ở trên mặt, hay là chị đang khóc, chị đưa tay lên quẹt ngang má, lưng bàn tay chị ướt đẫm, chị đang khóc thật, chị tủi thân khóc nức lên thành tiếng.

Chị mới sang Mỹ với thằng con 10 tuổi được sáu tháng nay do anh bảo lãnh. Anh đi cải tạo năm năm về, vượt biên, đem theo cô con gái lớn, chị ở lại vì lúc đó mới sanh. Chị không dám theo anh không phải vì sợ con còn đỏ hỏn mà chỉ sợ không đi lọt thì cả nhà sẽ không có chỗ về vì anh đã bị bắt đi bắt lại về tội vượt biên rất nhiều lần, lần nào cũng vào tù vài tháng. Trong bốn năm anh bị bắt đến sáu lần. Khi anh buông tay không còn nghĩ đến chuyện đi nữa thì lại là lúc anh đi lọt. Chị và đứa con mới sanh chờ anh bảo lãnh, đúng 10 năm sau chị mang sang cho anh thằng con 10 tuổi và gồm 100 bản nhạc của anh viết từ khi còn ở quê nhà. Những bản nhạc anh viết

khi anh đi dạy học, khi anh vào quân đội, những bản nhạc cho chiến tranh, cho các bạn tù, những bản nhạc viết sau khi anh ra khỏi tù: Trường, phấn, bảng đen, học trò. Súng, đạn, tang tóc, đổ nát. Tù đầy, tủi nhục, thù hận, thất vọng. Hơn 30 năm viết nhạc, gần 100 bài. Chị đã gom góp cất dấu, mang theo cho anh. Chị để lại tất cả, chỉ đem theo thằng bé lên 10 và gần 100 bản nhạc của anh sang Mỹ đoàn tụ với chồng. Khi nhìn thấy anh đón tập nhạc ở tay chị, mắt anh đỏ hoe, tay anh rung lên vì xúc động, chị biết là mình đã nghĩ đúng.

Bây giờ thì hầu như anh đã quên gần hết những gì anh viết. Tuần trước chị đã phải quay mặt đi để anh khỏi nhìn thấy chị khóc khi chị nghe anh hỏi:

"Thằng Tý hát bài gì mà hay thế, sao anh chưa hề nghe bài đó bao giờ?"

Chị chùi thật nhanh giòng lệ sau tay áo, nhỏ nhẹ nhắc anh.

"Con nó đang hát bài "Những Dòng Sông Cạn" anh viết khi ở trong tù, anh nhớ không?"

Anh nhìn chị dửng dưng, vừa đi vừa nói:

"Thế à?"

Anh quên nhiều lắm, quên tên, quên mặt những bạn thân, anh quên cả tên tuổi của chính mình. Bác sĩ và những người bạn của anh đã đề cập với chị về việc sắp đến lúc phải đưa anh vào ở trong một Viện dành riêng cho người mất trí nhớ, chị vẫn chần chờ chưa dám làm. Cái ý nghĩ đưa anh vào ở hẳn trong đó làm chị trở nên hốt hoảng. Mười năm đằng đẵng chờ đợi, chị mới sang đoàn tụ với anh được sáu tháng, còn lạ lẫm, còn dò dẫm từng bước một vào đời sống mới, vợ chồng gặp lại nhau hãy còn bàng hoàng anh bỗng chốc trở nên một người rất lạ. Chị nhớ lại cái cảm giác bốn tháng trước đây khi chị bắt đầu khám phá ra anh bị mất trí nhớ. Đó là một buổi tối cuối tuần, cô con gái lớn của anh chị đi dự đám cưới người bạn thân ở tận Texas, thằng Tý thì xin được ngủ lại ở nhà bạn sau tiệc sinh nhật, anh chị có nguyên một buổi tối cho nhau, anh bảo chị:

"Tối nay anh mời em đi ăn phở gà ở Nguyễn Huệ, hay là ăn bò bảy món ở Ánh Hồng, em thích ăn gì?"

"Ăn phở gà cho nhẹ bụng anh ạ."

Trên đường đến tiệm phở, anh vừa lái xe vừa hát. Anh hát cho chị nghe những bài hát cũ của anh, cả những bài anh làm ở Mỹ trong thời gian không có chị, chị ngồi im lắng nghe anh hát trong lòng cảm động lắm, thỉnh thoảng chị lại đưa tay sang đặt tay mình trên bàn tay anh, anh trêu chị

"Em để anh lái xe, đừng có âu yếm anh, anh tông vào xe đằng trước bây giờ!"

Lúc ở trong tiệm ăn, anh nói huyên thuyên một cách hạnh phúc, anh gắp thịt ở bát anh sang bát chị, mời mọc

"Em ráng ăn nhiều thịt vào, em gầy quá!"

Nhưng đến lúc ra xe, trên đường về nhà anh bỗng trở nên im lặng, anh chăm chú nhìn về phía trước, anh tạt ngang, rẽ dọc anh không tìm được ngã vào xa lộ, nét mặt lúc nghiêm trang căng thẳng, lúc như người thất thần, chị lo lắng hướng dẫn anh tạt vào lề đường rồi đề nghị lái xe thay anh, mặc dầu chị mới biết lái xe, tay lái còn non lắm. Anh lẳng lặng ngồi sang ghế bên cạnh nhường chỗ cho chị, lúc về đến nhà anh cũng đứng im lặng nhìn vào hai cánh cửa mặc dù chìa khóa nhà ở trong túi anh, và tối hôm đó anh đi ngủ với đôi giầy còn nguyên hai chiếc ở trong chăn. Chị tháo giầy hộ chồng giúp anh thay đồ ngủ, anh không có vẻ gì là một người bị cảm, cúm, cũng không có vẻ gì là người bị mất sức nhưng anh hay ngừng lại giữa chừng ở một động tác, anh cởi khuy áo thì chưa cởi hết anh đã lo tháo áo ra và anh không biết làm thế nào để tháo được cái sơ mi ra khỏi người. Nửa đêm anh thức giấc, anh cho tay sang đánh thức chị, anh ôm chị vào lòng, chị nằm im, nghe ngóng, anh luồn tay vào lưng chị vuốt ve, chị đoán là anh muốn gì. Chị nằm im chờ đợi. Bàn tay anh vuốt dọc theo sống lưng chị rồi ngừng lại ở vòng eo chị, có đến một khoảng thời gian khá dài anh vẫn không nhúc nhích. Chị nghĩ hay là mình đoán lầm, chị lùi xa một chút khỏi anh, giơ tay vặn nút đèn ngủ lên một nấc. Ánh sáng vừa đủ để chị nhìn rõ nét mặt anh, hai con mắt nồng nàn đắm đuối đang đăm đăm nhìn lại chị. Chị tắt đèn, ôm sát đầu anh vào ngực chị khuyến khích. Anh phản ứng vụng về lúng túng, hình như anh không nhớ là phải bắt đầu như thế nào, chị nhẹ nhàng nương theo anh, anh vẫn như lạc ở một ngã ba, và cuối cùng chị phải chủ động để giúp anh. Khó khăn lắm anh mới hoàn tất được điều anh muốn. Chị lau những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán chồng, đắp mền lại cho anh, nằm im lặng nghe anh tìm lại giấc ngủ. Nước mắt chị ứa ra, chị lo lắng không biết mình đang đối diện với trạng huống gì, nhưng chị biết rõ là một trạng huống rất nghiêm trọng.

Những chiếc đèn xe đỏ quạch vun vút băng ngang trước mặt chị, anh vẫn chưa về tới nhà. Mưa bắt đầu nặng hạt chị biết là mình không đợi được nữa, chị quay vào nhà, nhờ người bạn thân gọi cho cảnh sát tìm anh đi lạc. Hai tiếng sau cảnh sát tìm được anh ngay một ngã ba ở sát cạnh nhà, anh đang ngồi trong xe trước một trạm đổ xăng, không tìm được đường về.

Bạn bè của anh thuyết phục chị đi đến chỗ ưng thuận đưa anh vào Viện dành riêng cho người đánh mất trí nhớ. Đưa anh vào đó, chị quay về thu hết tất cả gần 100 bản nhạc của anh mà chị đã đem theo ngày đoàn tụ, châm lửa đốt. Chị đứng lạnh lùng nhìn ngọn lửa tan thành khói, tất cả bây giờ với chị chỉ là con số không!

*

VUÔNG VẢI MỰC

"Em có nghĩ là đã đến lúc chúng ta nên làm đám cưới chưa?"

Người thanh niên nhìn vào mắt người yêu hỏi. Họ đang ngồi trong cafeteria của trường học. Cô gái vừa cắn một miếng bánh sandwich vừa lắc lắc cái đầu, cô chậm rãi nhai xong miếng bánh, uống một ngụm sữa ở trong cái hộp giấy nhỏ rồi mới trả lời anh

"Ba em nói anh phải lấy xong cái Ph.D rồi mới làm đám hỏi và lúc đó em cũng phải xong cái MA rồi mới tính đến chuyện đám cưới."

"Tại sao lại phải đợi lâu thế, anh đã học xong sáu năm rồi, anh có thể đi làm, anh không có ý định học thêm nữa và em thì anh nghĩ là em chẳng cần đem theo cái bằng MA về nhà chồng làm của hồi môn."

"Tại sao lại không? Một cô dâu có bằng cao học nghe vẫn có giá hơn mới có cử nhân chứ!"

"Ai nói với em là giá trị của em dựa vào bằng cấp em có."

"Ba em, ba em bảo ở bên Mỹ này ai cũng có nhà, cũng có xe, chỉ hơn nhau cái bằng cấp thôi. Vì người làm việc lao động bảy ngày một tuần cũng mua được xe đẹp, nhà đẹp. Nhưng anh sẽ được nể trọng hơn nếu anh có thêm bằng cấp cùng với cái nhà cái xe đó."

"Anh không nghĩ là ba em hoàn toàn đúng đâu. Người ta được nể trọng về tư cách và cách hành xử với nhau trong đời sống chứ không phải là nể nhau vì những cái người đó có."

"Em không biết, anh đến mà cãi lý với ba em, anh cũng nên nhớ là ba em không có bao giờ là không đúng đâu."

Người thanh niên im lặng, anh cúi xuống ăn phần ăn trưa của mình, miếng bánh hôm nay hình như cứng và khô hơn mọi ngày, anh uống hai ba ngụm nước vẫn còn thấy nghẹn ở cuống họng. Tiếng ly, đĩa chạm vào nhau, tiếng cười, nói của sinh viên trong cafeteria không lôi anh ra khỏi được những ý nghĩ trong đầu anh. Tối hôm qua anh đã đọc một bài báo nói về vị Tổng thống Mỹ, người lãnh đạo quốc gia hai nhiệm kỳ. Tổng thống Ronald Reagan được đưa vào Viện dành riêng cho người mất trí nhớ. Những người săn sóc cho ông vẫn nhớ ông đã một thời là Tổng thống của họ, đã một thời làm Thống đốc, làm tài tử màn bạc. Nhưng ông, ông không còn nhớ được ông là ai? Thượng Đế đã cho ông những khả năng nào? Những phim nào ông đã đóng, những bài diễn văn nào ông đã đọc, những cung đình nào ông đã sống trong đó, những quốc gia nào ông đã đi qua và cuối cùng là những hào quang, danh vọng nào ông đã nhận. Cái quá khứ lẫy lừng đó đã hao tổn bao nhiêu là công sức của ông giờ đây đã được xóa đi hoàn toàn trong trí nhớ ông, chẳng khác nào như một vuông vải in được nhúng trong một bình thuốc tẩy qua đêm, đến sáng hôm sau không còn một dấu mực mà thớ vải cũng không còn một sức mạnh nào nữa, người ta phải rất gượng nhẹ vì sự tàn mục của nó sẽ không còn để lại một dấu vết gì, nó sẽ tan ra như nước.

Người con gái đặt tay mình lên tay người yêu

"Anh nghĩ gì mà thừ người ra thế?"

"Anh đang nghĩ đến một chuyện liên quan đến bằng cấp và danh vọng."

"Thôi anh đừng nghĩ nữa, cuối tuần này anh đến gặp ba em để ông cho anh biết những gì anh sẽ phải làm nếu anh muốn lấy em."

Anh không nói gì nữa, đứng lên thu xếp mấy cái hộp giấy trên bàn rồi theo cô ra khỏi cafeteria. Hai người chia tay nhau ở sân đậu xe, anh cho đầu vào hẳn trong cửa xe của cô, hôn lên môi cô trước khi cô mở máy. Anh đứng nhìn theo cô cho đến khi xe cô khuất ở một ngã ba.

Cuối tuần này anh sẽ không đến gặp ba cô và anh cũng sẽ không dự trù ghi tên học để lấy cho xong cái Ph.D, anh sẽ nghĩ đến một việc làm có ích lợi cho người khác trước khi những khả năng Thượng Đế cho anh trở thành một vuông vải mực.●

VÀI Ý KIẾN CỦA VŨ HOÀNG CHƯƠNG VỀ THI NGHIỆP NGUYỄN DU

THIỆN HỶ

Mùa hè năm 1964, sau khi đọc *Lửa Từ Bi* của Vũ Hoàng Chương (tập thơ nầy được ấn tống nên không được bày bán tại bất cứ tiệm sách nào tại Nam Việt Nam), tập thơ ca ngợi việc lấy thân làm đuốc hy sinh cho Phật pháp, chống báng cường quyền bạo lực, của Thượng Tọa Thích Quảng Đức, đồng thời ngợi ca trái tim Bồ Tát bất diệt của Ngài, tôi tìm đến Vũ Hoàng Chương.

Tôi lắng nghe thi sĩ nói về ý thơ trong *Lửa Từ Bi*. Thi sĩ ngâm cho tôi nghe đoạn kết của tập thơ ấy. Sau đó Vũ Hoàng Chương nói với tôi:

"Tập thơ *Cành Mai Trắng Mộng* của tôi cũng đang được in và cũng thuộc loại sách ấn tống. Để tôi tìm bản thảo *Cành Mai Trắng Mộng* ngâm cho anh nghe vài bài thơ Đường luật."

Tôi lắng nghe thi sĩ ngâm vài bài thơ trong *Cành Mai Trắng Mộng* nhuốm đầy đạo vị. Vũ Hoàng Chương nói:

Vũ Hoàng Chương với Tôn Nữ Hỷ Khương trong đêm xem hoa quỳnh nở tại nhà nữ sĩ Mộng Tuyết Saigon, mùa thu 1973

"Anh nên nhớ kỹ rằng văn minh, văn hóa Việt Nam là văn minh, văn hóa Phật giáo. Văn hóa Phật giáo ấy đã thấm nhập vào tâm hồn dân tộc Việt từ cả ngàn năm về trước. Những tư tưởng của Khổng Tử, Lão Tử không in đậm nét trong văn hóa Việt Nam bằng triết lý Phật giáo."

Sau khi nhấp một ít trà, thi sĩ hỏi tôi:

"Anh có giảng dạy triết lý Phật giáo?"

"Thưa bác có, đã từ hai niên khóa nay cháu giảng Phật pháp cho học sinh ban C (ban Văn chương, lớp 12) tại trường trung học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho. Trong chương trình ghi: Phật giáo: Tóm lược cuộc đời đức Phật Thích Ca, Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Cứu Cánh Niết Bàn." Vũ Hoàng Chương lắc đầu:

"Chưa ăn thua, anh chỉ nghiên cứu vài tài liệu giáo khoa về Phật giáo rồi đem giảng cho học sinh. Anh chưa thực sự sống và hít thở

hương thơm của Thiền Tông, của Phật pháp. Tôi chỉ ngại anh cứ loay hoay trong triết lý Tây phương rồi lạc đường lạc nẻo trong ấy."

Trầm ngâm giây lâu, Vũ Hoàng Chương nói:

"Tư tưởng và triết lý Phật giáo thấm nhuần trong tận tâm hồn của Nguyễn Du nên Nguyễn Du đã sáng tác, ngoài Truyện Kiều, hơn bốn trăm bài thơ phần nhiều là thơ đường luật trong *Thanh Hiên Thi Tập, Nam Trung Tạp Ngâm, Bắc Hành Tạp Lục*... Anh chỉ cần đọc kỹ *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, Truyện Kiều,* cũng đủ thấy triết lý Phật giáo tràn ngập trong cõi thơ Nguyễn Du."

"Bác đã từng giảng về thơ Nguyễn Du trong lớp?"

"Vâng, từ hàng chục năm nay. Rất tiếc, trong lớp học vì còn phải giảng về vài thi sĩ Việt Nam khác nên tôi chỉ giảng khoảng chừng mười đoạn thơ trong Truyện Kiều, không có nhiều thì giờ để giảng kỹ về thơ Nguyễn Du."

Như dõi về cõi xa xăm nào, thi sĩ nói tiếp:

"Lúc tôi khoảng chừng mười sáu, mười bảy tuổi tôi rất thích hai câu thơ này của Nguyễn Du mà cho đến ngày hôm nay tôi vẫn còn quí trọng: *'Dã túc phùng tiều giả, Tương liên bất tại đồng.'* Để tôi tóm tắt bài thơ ấy có nhan đề *Phượng Hoàng Lộ Thượng Tảo Hành* trong *Nam Trung Tạp Ngâm* cho anh nghe: 'Người đi đường nghĩ đến đường dài trước mặt; đêm xuống sắc trời hãy còn mờ mờ. Khi trăng lặn có tiếng vượn hú từ xa vọng lại. Người đi dõi theo dấu chân cọp. Sương khuya làm lạnh thân già, tóc tuy ngắn nhưng không ngại gió buốt thổi. Tối ngủ gặp người tiều phu. Hai người bỗng thương nhau tuy rằng không cùng cảnh ngộ.'"

Vũ Hoàng Chương nói tiếp:

"Vâng, hai người bỗng thấy thương nhau tuy rằng không cùng cảnh ngộ, không cùng chí hướng: một đằng đi đốn củi, một đằng lên đường nhận chức quan. Nguyễn Du và gã tiều phu cùng chịu cảnh giá buốt, đều sợ cọp dữ, đều rợn mình nghe vượn hú nhưng cả hai cũng phải cùng đi cho hết đoạn đường... Những lúc tôi cùng bạn bè vui thú nơi miền Cao Bằng, Lạng Sơn vào những buổi xế chiều rét buốt, cái rét khô, lạnh đến xương, ngâm khe khẽ hai câu thơ cuối của bài *Phượng Hoàng Lộ Thượng Tảo Hành* mới thấy thấm thía... Tuổi đời càng chồng chất tôi càng cảm thấy hương thơm Phật pháp tỏa ra trong suốt bài thơ ấy nhất là trong hai câu kết. Còn nhiều nữa và nhiều nữa... Hôm nào tôi sẽ đọc và sẽ dịch cho anh nghe vài bài thơ đường luật rất thâm viễn của Nguyễn Du."

Vì sinh kế quá thúc bách, cái *"hôm nào"* ấy không bao giờ đến với tôi. Cho đến ngày hôm nay tôi rất lấy làm tiếc.

Bà Vũ Hoàng Chương chen vào:

"Anh biết không, ông nhà tôi đã có lúc muốn cưới một cô gái Thái miền thượng du Bắc Việt đấy!"

Vũ Hoàng Chương cười xòa:

"Phải, tuổi trẻ của tôi rất lãng mạn và cũng rất bạt mạng."

(Vài năm sau, nhân dịp phỏng vấn Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn có kể lại sự kiện này. Bài phỏng vấn này được đăng trên nguyệt san *Văn* do Nguyễn Đình Vượng làm chủ nhiệm).

Lâu sau, tôi nói:

"Hai tập thơ *Lửa Từ Bi* và *Cành Mai Trắng Mộng* của bác cũng đượm nhuần Phật vị."

"Chưa ăn thua, chưa thấm vào đâu nếu so với Nguyễn Du. Anh để ý cái tựa của tập thơ *Cành Mai Trắng Mộng:* những bài thơ trong tập thơ này chỉ thoang thoảng hương mai. Còn toàn thể thơ Nguyễn Du đều dào dạt hương liên, mùi thơm thanh khiết, thoát tục của hoa sen.

"Bác khiêm tốn quá!"

"Nhiều lúc tôi muốn sáng tác một truyện thơ như Truyện Kiều nhưng tôi không sao viết được. Tôi chỉ sáng tác được kịch thơ mà không sáng tác được truyện thơ. Vào đầu thập niên ba mươi tôi sáng tác được kịch thơ *Thằng Cuội.* Kịch thơ này đã được trình diễn tại các nhà hát lớn Hà Nội vào khoảng năm 1932, thi sĩ Đinh Hùng thủ vai Hằng Nga. Từ hai thập niên bốn mươi và năm mươi tôi sáng tác được hai vở kịch thơ nữa: *Vân Muội* và *Tâm Sự Kẻ Sang Tần.* Hai kịch thơ này chưa được duyên may trình diễn trên sân khấu. Ngoài ra tôi chỉ sáng tác được một bài thơ lục bát khá dài vài trăm câu về lịch sử oai hùng của Việt Nam. Thế thôi. Như vậy chúng ta đủ thấy cái thiên tài, lỗi lạc xuất chúng của Nguyễn Du. Đọc *Truyện Kiều,* ngâm vịnh *Truyện Kiều,* đọc tất cả thơ chữ Hán của Nguyễn Du, đọc *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, Văn Tế Trường Lưu Nhị Nữ* chúng ta thấy rằng Nguyễn Du quả là một Thiền Sư, một đại Thiền Sư. Rồi cứ suy đi nghĩ lại cứ so sánh Nguyễn Du với thi sĩ này, thi sĩ nọ từ cổ chí kim, từ đông sang tây thì

không những Nguyễn Du là đại thi hào của Việt Nam mà còn của cả vùng Đông Nam Á Châu và cả thế giới nữa... Riêng Truyện Kiều, hơn ba ngàn năm trăm câu thơ, thực không có một câu nào 'non'."

"Còn bác, bác cũng là một thi sĩ lớn từ thời tiền chiến đến nay cũng có đến hàng chục năm rồi. Đâu đó bác đã viết: *Ai là Thi Bá với Thi Vương?"*

Vũ Hoàng Chương khoát tay, cười rất giòn:

"Ấy, ấy, anh đừng phổ biến câu thơ ấy. Chỉ là câu thơ thù tạc giữa tôi và Tchya và vài thi sĩ khác thôi mà! Bông đùa chút chơi ấy mà, chứ tôi đâu dám nhận mình là Thi Vương!"

(Tchya là bút hiệu của văn sĩ và thi sĩ thời tiền chiến, tác giả truyện dài *Ai Hát Giữa Rừng Khuya.* Tchya là chữ viết tắt của *Tôi Chẳng Hề Yêu Ai* hoặc *Tôi Chưa Hề Yêu Ai.* Nhiều cô sửa lại: *Tôi Chẳng Hề Yêu Anh,* cho anh lủi thủi một mình đến trọn đời).

"Bác dặn cháu đừng phổ biến nhưng mà Đinh Hùng đã ngâm câu thơ ấy cách nay không lâu trong mục Tao Đàn trên đài phát thanh Sàigòn."

"Ờ nhỉ, nhưng mà ít người để ý, ít người nghe mục Tao Đàn, còn người đọc sách, đọc báo thì nhiều."

Vào đầu thập niên bảy mươi nhà sách Khai Trí xuất bản tập tùy bút của Vũ Hoàng Chương trong đó có câu thơ: *"Ai là Thi Bá với Thi Vương?"*

Tiễn tôi ra cửa, Vũ Hoàng Chương còn ân cần dặn dò, nhắc nhở một lần nữa:

"Anh nên nhớ rằng văn minh và văn hóa Việt Nam chính là văn minh và văn hóa Phật giáo cho chí đến cuối thế kỷ hai mươi và mãi mãi sau nữa."

Carrolton, Texas, tháng 11, 1997

Sau đây xin chép lại bài *Phượng Hoàng Lộ Thượng Tảo Hành* của Nguyễn Du với bản dịch của Thiện Hỷ:

Phượng Hoàng Lộ (1) Thượng Tảo Hành

Chinh phu hoài vãng lộ (2)

Dạ sắc thượng mông mông
Nguyệt lạc viên thanh ngoại,
Nhân hành hổ tích trung.
Lực suy thường úy lộ, (3)
Phát đoản bất câu phong.
Dã túc phùng tiểu giả,
Tương liên bất tại đồng. (4)

Nguyễn Du

Chú thích của Quách Tấn trong Tố Như Thi (An Tiêm Paris tái bản, năm 1995 trang 116, 117)

Bài này tác giả làm lúc vào Huế làm quan

(1) *Phượng Hoàng:* Từ Hà Tĩnh đi vào núi Phượng Hoàng. Năm Giáp Tý (1804) Nguyễn Du đương làm Tri phủ Thường Tín thì bị bệnh, xin từ chức. Về quê nghỉ được hơn một tháng lại có chỉ gọi vào Kinh. Bài này làm trên đường lai Kinh và mở đầu cho tập thơ Nam Trung Tạp Ngâm.

(2) *Vãng lộ:* con đường sắp đi qua.

(3) Chữ *Lộ* ở đây là sương móc.

Có chỗ chép lộ là đường. Chép như thế không đúng, vì ở câu đầu đã nói đến "Vãng lộ" rồi.

(4) *Bất đồng:* Thường thường thì *"đồng bệnh tương liên."* Nhưng đối với trường hợp này thì không đồng cảnh ngộ, không đồng tâm sự, nhưng vẫn thương nhau.

Trên Đường Phượng Hoàng

Kính dâng hương linh Vũ Hoàng Chương

Đường xa vời vợi nghĩ thêm lo
Đêm xuống mây giăng ánh tỏ mờ
Trăng lặn ngoài kia nghe vượn hú
Trên đường chân cọp dấu còn in
Sương móc thấm lạnh thân già yếu
Tóc ngắn ngại gì gió buốt cơn
Đêm ngủ gặp người đi đốn củi
Thương nhau tuy cảnh huống không đồng.

***

Trông đường xa thẳm thêm lo,
Màn đêm vừa xuống ánh mờ mờ soi.
Trăng chênh vượn hú nơi nơi,
Cỏ men dấu cọp chân người bước đi.
Sương đêm giá buốt thân suy,
Tóc tuy thưa ngắn sá gì gió tung.
Qua đêm ngủ tạm xóm trong,
Sáng ra cùng với tiều ông một đường.
Thương nhau da diết khôn lường,
Không đồng cảnh huống vẫn cùng mến thương.

Thiện Hỷ *dịch*

* "Nghe nói bà nhà chỉ hút thuốc sau bữa ăn, có đúng không?"

"Đúng. Sau bữa ăn của bà ấy, sau bữa ăn của tôi, sau bữa ăn của tất cả mọi người."

Giới thiệu sách:

HỒ CHÍ MINH TẠI TRUNG QUỐC

THƯỢNG HUYỀN

(Tiếp theo kỳ trước)

Hồ Chí Minh dùng chiêu bài *chủ nghĩa dân tộc* để chính thức tiếp xúc với Trung Quốc Quốc Dân Đảng. Trong thời gian Trung Quốc Quốc Dân Đảng tổ chức đại hội đại biểu toàn quốc kì 2 tại Quảng-châu vào tháng 1.1926, với cái tên giả Lí Thụy, và tự xưng là một người Việt-nam lưu vong, ông đã gửi văn thư xin tham dự đại hội để được trần tình về hiện trạng đau khổ của Việt-nam và xin đại hội nghiên cứu giúp đỡ, đúng theo phương châm mà đảng ấy đã đề ra là giúp giải phóng các dân tộc bị áp bức. Nguyên văn bức thư như sau:

"Kính thưa Quí Đồng Chí Chủ Tịch Đoàn Đại hội Đại biểu Toàn quốc Trung Quốc Quốc Dân Đảng kì 2! Tôi là một người Việt-nam lưu vong, bôn ba tới đây, may mắn được gặp lúc Quí Đảng tổ chức đại hội nhằm nêu rõ phương châm trợ giúp công cuộc giải phóng các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Tôi vô cùng vui mừng. Nhưng, "muốn cho thuốc, trước phải biết bệnh", cho nên, xin Quí Đảng, trước hết cho tôi được đến trình bày hiện trạng đau khổ của nước tôi, ngỏ hầu Quí Đảng có thể giúp tôi nghiên cứu tìm phương pháp. Thật là may mắn cho nước tôi! Thật là may mắn cho cách mạng! Rất mong nhận được phúc đáp của Quí Vị. Kính chúc, cách mạng Trung-quốc muôn năm! Trung Quốc Quốc Dân Đảng muôn năm!

Lí Thụy.

Nơi thông tin: Công quán Borodin (nhờ ông Trương Xuân Mộc chuyển).

Trung-hoa Dân-quốc năm thứ 15, ngày 6 tháng 1."[36]

Văn thư của ông đã được Đàm Bình Sơn phê chú: *"Khi thảo luận đến đề án dân tộc thì mời người này phát biểu."* Đồng thời, cứ theo địa chỉ liên lạc ghi trong văn thư thì có thể thấy rõ, giữa Hồ Chí Minh - Borodin với Trung-cộng, đã có mối quan hệ vô cùng mật thiết. Ngày 14 tháng 1, Hồ lại dùng một tên giả mới là "Vương Đạt Nhân" để trần tình trước đại hội. Ngoài đề tài *"Những thống khổ dân tộc An-nam đang chịu đựng"*, Hồ còn đặc biệt nhấn mạnh đến mối quan hệ về lịch sử, văn hóa và cách mạng giữa hai dân tộc Trung-quốc và Việt-nam. Ngày hôm ấy, phát biểu trước đại hội, còn có các "đồng chí" Triều- tiên và Ấn-độ. Hồ phát biểu bằng tiếng Pháp, có Lí Phú Xuân thông dịch.[37] Lí là một nhân viên Trung-cộng từng du học tại Pháp; cho nên, có thể là hai người đã quen biết nhau hồi còn ở Pháp. Và từ sau đại hội này thì Lí và Hồ càng thân cận nhau hơn.[38]

Ông Hồ tiếp xúc với Trung Quốc Quốc Dân Đảng, hiển nhiên cũng giống như kế hoạch của Trung-cộng, là cố nắm trong tay cuộc vận

động *chủ nghĩa dân tộc*. Nhân đó, một mặt ông dùng Đồng Chí Hội làm cơ sở để thu hút các thanh niên Việt-nam; mặt khác, ông phát triển tổ chức của ông dưới sự trợ giúp của Trung-cộng.

Cơ sở Đồng Chí Hội nguyên là Tâm Tâm Xã, do một bộ phận của Việt Nam Quốc Dân Đảng lưu vong tại Trung-quốc tổ chức nên. Các thành viên cơ bản, ngoài Phạm Hồng Thái ra, còn có Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong, Tán Anh v.v...[39] Sau khi xâm nhập vào tổ chức này, Hồ Chí Minh liền sắp xếp cho Hồ Tùng Mậu gia nhập đảng Cộng Sản Trung Quốc, có nhiệm vụ giữ vững mối quan hệ với Trung-cộng.[40] Bản thân Hồ cũng nhận công tác do Trung-cộng giao cho.[41] Lê Hồng Phong, sau này được Hồ giới thiệu sang Mạc-tư-khoa học quân sự, rồi chuyển vào trường đại học Lao Động Đông Phương; năm 1935 tham dự đại hội thế giới lần thứ bảy của cộng sản quốc tế, được chọn làm ủy viên dự khuyết ban chấp hành quốc tế và phái về Việt-nam để lãnh đạo Việt-cộng.[42] Những người trên đây đều là những nhân vật có trách nhiệm trong Đồng Chí Hội đương thời tại Quảng-châu, và là những cánh tay đắc lực của Hồ Chí Minh. Trụ sở của Đồng Chí Hội được đặt tại số 13, đường Văn-minh, Quảng-châu, — cũng tức là nơi cư trú của Hồ. Cơ cấu huấn luyện của Đồng Chí Hội là *ban huấn luyện chính trị đặc biệt*. Đối diện với Đồng Chí Hội là Tổng Hội Nông Dân Trung Quốc, tức là kí túc xá của các học viên học tập về kế hoạch vận động nông dân của Trung-cộng, do Mao Trạch Đông chủ trì. Các thành viên trong ban huấn luyện chính trị đặc biệt của Hồ đều ăn cơm tại đây, một phần các sở phí là do Trung- cộng đài thọ.[43] Hồ cũng đảm nhiệm công việc phiên dịch các tài liệu nội bộ cho cơ sở giảng dạy vận động nông dân *(do một kí giả báo Anh ngữ viết, liên quan đến vấn đề vận động công- nông)*, cùng công tác tuyên truyền đối ngoại.[44]

Để phát triển Đồng Chí Hội, Hồ Chí Minh phải dựa vào sự trợ giúp của Trung-cộng để thu hút các thanh niên Việt-nam có nhiệt huyết, nhất là các nhân viên hàng hải. Chức vụ của những nhân viên này thật là tiện lợi để đảm trách các nhiệm vụ đi lại và xâm nhập lén lút vào Việt- nam để hoạt động. Trong khi đó, tại Quảng-châu, ông thu nạp các thanh niên Việt-nam lưu vong và huấn luyện họ trong thời gian sáu tháng. Khoảng cuối năm 1925, ông đã tuyển chọn được một số nhân viên ưu tú làm ủy viên trung ương lãnh đạo Đồng Chí Hội, số còn lại được phái về Việt- nam hoạt động. Họ tổ chức thành những tiểu tổ bí mật, tuyên truyền và tuyển mộ các phần tử mới để lén đưa sang Quảng-châu thụ huấn.[45]

Cái quá trình mà Trung-cộng đã giúp Hồ kết nạp người Việt vào tổ chức, theo hồi kí của một nhân vật đương thời, đầu tiên là do sự tiếp xúc trong các sinh hoạt hàng ngày mà tìm hiểu nhau, rồi lợi dụng sự kiện Phạm Hồng Thái để khích động lòng hận thù đối với người Pháp và khơi dậy ý thức chính trị, sau đó đem giới thiệu cho Hồ Tùng Mậu, cuối cùng cho gặp Hồ Chí Minh để nói chuyện, khảo sát, huấn luyện, và cho gia nhập làm hội viên Đồng Chí Hội. Sau đây là lời thuật lại của một hội viên Đồng Chí Hội:

"Tôi gặp Cẩm Thuận, một người bạn Hoa kiều vốn đã quen biết khi còn ở Việt-nam. Ông ta nói tiếng Việt vô cùng lưu loát. (Về sau tôi mới biết ông vốn là hội viên của hội Công Nhân Hàng Hải do Trung-cộng lãnh đạo.) Qua những tiếp xúc trong sinh hoạt hàng ngày, ông ta biết rõ lòng tôi rất căm hận người Pháp, cho nên đã mau chóng đối xử với tôi hết sức thân mật..... Một hôm, ông ta hẹn tôi đến Hoàng-hoa-cương để viếng mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái, hi vọng rằng cái ý niệm về hoạt động cách mạng sẽ khởi dậy mạnh mẽ trong lòng tôi. Sau đó không lâu, do sự giới thiệu của Cẩm Thuận, tôi được quen biết với đồng chí Lão Ích (tức Hồ Tùng Mậu) trong Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội..... Rồi do sự quan hệ của Lão Ích, sau đó tôi lại được làm quen với đồng chí Lão Vương (tức Hồ Chí Minh)..... Đồng chí Lão Vương hỏi tôi về tuổi tác, về tình hình công tác, về các binh sĩ Việt-nam trên chiến hạm Pháp, cũng như về tình hình quốc nội..... Như chạm đúng mạch, tôi bèn đem tất cả lòng căm phẫn của mình mà tuôn ra hết. Lão Vương chăm chú lắng nghe tôi nói. Nghe tôi nói xong, ông mới nói với tôi về nhiều vấn đề, mà chủ yếu là nhấn mạnh nhiệm vụ chống Pháp, và tiến hành giáo dục tôi về tư tưởng của chủ nghĩa ái quốc."[46]

Những hội viên đã được Hồ thu nạp và huấn luyện, căn cứ vào chức nghiệp của họ mà giao phó nhiệm vụ. Điều đó rất tiện lợi. Tại các bến cảng thì đặt giao liên; trên các tàu bè thì đặt tuyến giao thông. Một mặt thì xâm nhập vào nội địa Việt-nam; một mặt thì tiếp đón các thanh niên đào thoát. Đến Quảng-châu thụ huấn, các thanh niên này, trước hết được các tiếp viên của "Tỉnh Cảng

Bãi Công Ủy Viên Hội" tại Quảng-châu tiếp đón, sau đó thì được đưa sang cho Hồ và các nhân viên phụ trách của Đồng Chí Hội để khảo sát. Loại hoạt động này đã được thực hiện tích cực nhất trong năm 1926. Một người Việt đương thời đã kể lại:

"Khoảng tháng 7 năm 1926, tại Sài-gòn, tôi gặp hai đồng chí vừa từ Quảng-châu trở về là Phạm Trọng Bình và Lão Lợi. Họ kể cho tôi nghe về hành trình của họ..... Vào một đêm tháng 9, chúng tôi mặc trang phục công nhân, đến tàu Đại Phúc Tinh (chạy bằng hơi nước) đậu tại bến Khánh-hội. Các thủy thủ trên tàu đang đợi chúng tôi..... Khi đến Quảng-châu, chúng tôi được đưa đến một nơi có nhiều công nhân..... Đó là những người đình công ở Hương-cảng. Chính quyền tỉnh Quảng- đông đã đưa họ đến đây để học tập..... Về sau có một, hai đồng chí đến tìm chúng tôi để hỏi thăm về tình hình quốc nội. Có thể là họ lấy cớ hỏi thăm để dò xét chúng tôi chăng?"[47]

Sau cuộc khảo sát của nhân viên ông Hồ, đương sự sẽ được xử lí một trong hai trường hợp, hoặc là được chấp thuận cho gia nhập ngay vào Đồng Chí Hội, rồi sau sẽ tham dự khóa huấn luyện chính trị đặc biệt; hoặc là sau khi đã hoàn tất chương trình huấn luyện rồi mới được cho gia nhập Đồng Chí Hội. Trường hợp trước, như nhân viên hàng hải Nguyễn Lương Bằng chẳng hạn, là qua sự giới thiệu của Trung-cộng;[48] còn trường hợp sau đại đa số là áp dụng cho các thanh niên đến trực tiếp từ Việt-nam.[49] Cho nên, Đồng Chí Hội và ban huấn luyện chính trị đặc biệt chính là hai mặt của một bản thể. Những nhân vật lãnh đạo của hai bên cũng không phân biệt rạch ròi. Theo như một người thụ huấn thuật lại thì đặc trưng của những nhân vật này như sau:

- Hồ Chí Minh, mọi người đều gọi là đồng chí Vương, mỗi ngày đều mặc bộ quần áo trung- sơn[(k)], không bao giờ thay đổi. Ông người cao cao, trán rất rộng, mắt sáng, nói năng thong thả và ôn nhu, tính cách rất lạc quan, nhưng rất ít khi cười. Trong ban huấn luyện, ông giảng dạy nhiều nhất. Ông giảng rất dễ hiểu. Bất kì con số nào ông cũng nhớ rất rõ ràng; cho nên, những giáo viên khác, con số nào không nhớ thì cứ hỏi ông. Cái hay của ông là chỉ dùng một vài con số cụ thể là có thể thuyết giải những vấn đề phức tạp; do đó, các học viên đều có thể hiểu vấn đề một cách dễ dàng.[50]

- Hồ Tùng Mậu, thường mặc quần áo kiểu học sinh Trung-quốc, khoảng ngoài 30 tuổi, mắt sáng, lưỡng quyền cao, tính cách hoạt bát, thông minh, nói năng lưu loát, hùng biện, thường gọi là Lão Lương,[51] cũng gọi là Lão Ích.[52] Trong ban huấn luyện, ông là người trực tiếp chỉ đạo việc học tập và giải đáp các thắc mắc cho học viên.[53]

- Lão Hoài, khoảng 20 tuổi, chuyên học về trang điểm, dáng vẻ lanh lợi, hoạt bát, cùng nhiệm vụ với Lão Lương trong ban huấn luyện, là trực tiếp chỉ đạo việc học tập và giải đáp các thắc mắc cho học viên.[54]

- Lão Trương, mặt mũi đầy đặn, thường mang kính, người béo mập, thích mặc Âu phục, điều hành tổng quát mọi việc trong ban huấn luyện.[55]

Chương trình của ban huấn luyện chính trị đặc biệt gồm hai phần: lí luận và thực dụng. Phần *lí luận* gồm các môn: lịch sử tiến hóa của nhân loại — mà chủ yếu là học về giai đoạn phát triển từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa đế quốc; lịch sử các cuộc vận động giải phóng của các nước, như Trung-quốc, Triều-tiên, Ấn-độ, và lịch sử nước Việt-nam bị xâm lược; các chủ nghĩa như chủ nghĩa Gandhi, chủ nghĩa tam dân (học tập phê phán), chủ nghĩa Mác-Lê và cách mạng Nga. Về phần *thực dụng* có lịch sử và phương pháp của các tổ chức quốc tế — trong đó có đệ nhất, đệ nhị và đệ tam quốc tế, liên hiệp phụ nữ quốc tế, liên hiệp thanh niên quốc tế, hội cứu tế đỏ, hiệp hội nông dân quốc tế v.v...; công tác phát động và tổ chức quần chúng, như phát động công nhân, nông dân, thanh niên, học sinh v.v... và tổ chức các đoàn thể công nhân — trong đó có phần diễn tập công tác phát động quần chúng, cùng học tập về tuyên truyền và xử lí các đại hội quần chúng như thế nào. Mỗi tuần, các tiểu tổ đều phải "báo cáo học tập", lại phải

* Tuổi già tước đoạt đi của chúng ta một thứ quan trọng: đó là chúng ta không còn những bằng hữu cùng trang lứa để mà đánh giá chúng ta nữa.

Goethe

* Tại sao người già lại thích khuyên bảo người khác? Họ làm vậy để tự an ủi, vì họ không còn là trẻ con để làm chuyện nhảm nhí nữa.

La Rochefoucauld

làm bích báo, rồi phải phê bình và tự phê bình.[56] Tập sách *Đường Cách Mạng* của Hồ Chí Minh cũng là một trong những tài liệu huấn luyện.[57]

Công tác phát động và tổ chức quần chúng, thật ra là một môn huấn luyện về kĩ thuật đấu tranh cách mạng, do chính Hồ Chí Minh chủ trì. Ông dạy cho học viên các cách thức làm truyền đơn, điều khiển đại hội quần chúng, xúi giục bãi công v.v...[58] — vừa học lí thuyết và vừa thực tập. Trong buổi diễn tập, một học viên làm người tuyên truyền, những người khác làm thính chúng; thính chúng có thể nêu ra những vấn đề và yêu cầu người tuyên truyền giải đáp. Sau đó, mọi người cùng ngồi lại để rút tỉa kinh nghiệm và cho ý kiến bổ túc. Đến như cách làm thế nào tiếp cận với quần chúng để tiến tới việc phát động và tổ chức quần chúng, thì ông Hồ bảo họ phải giữ thái độ nhất trí với quần chúng; nếu không thì thật khó mà gần gũi quần chúng.[59] Cách tốt nhất để tiếp cận quần chúng là đi tìm những bạn bè thân thích thật gần gũi với mình, và khi tuyên truyền với họ thì: *"Dù với vấn đề gì, cũng phải khéo léo dẫn đến sự kiện nhân dân Việt- nam ta đang bị thực dân Pháp áp bức, bóc lột."* Đối với chủ điểm này, nếu được đối phương đồng tình thì sẽ tiến tới khích động: *"Vậy chúng ta có thể nào cứ chịu để cho chúng đè ép mãi mãi như thế sao?"* Nếu đối phương bày tỏ là *"Không thể nào!"* thì hãy dùng danh nghĩa của "liên nghị hội" hoặc "hỗ tế hội" để dần dần đưa họ vào tổ chức. Những phần tử tích cực, hãy thu nạp họ vào hội ngay; số còn lại sẽ từ từ thu nhận sau. Cứ tiếp tục áp dụng phương pháp này để phát triển và mở rộng tổ chức; nhưng trong khi tiến hành công tác thì phải giữ hoàn toàn bí mật. Đại khái, cách thức xâm nhập và phát triển tổ chức của Hồ Chí Minh là lấy *chủ nghĩa dân tộc* làm cái áo che bên ngoài, rồi lợi dụng tâm lí quần chúng mà hạ thủ. Và khi người ta đã vào tròng rồi thì mới đưa ra phương pháp cùng *chủ nghĩa cộng sản*. Như thế là ông Hồ đã đặt cơ sở trên luận điểm của hai giai đoạn cách mạng.

Hồ Chí Minh đã rập khuôn theo các giáo điều của cộng sản quốc tế, đem cuộc vận động cách mạng Việt-nam chia làm hai giai đoạn: **giai đoạn một**, dùng *chủ nghĩa dân tộc* làm chiếc áo che ngoài và thiết lập chính quyền dân chủ của giai cấp tư sản; **giai đoạn hai**, thực sự đi vào *cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Nhân đó, báo *Thanh Niên* do Đồng Chí Hội phát hành cũng chỉ là tiếng nói của "giai đoạn một". Nó không hề nói đến chủ nghĩa Mác-Lê một cách trực tiếp, mà các luận đề đều thảo luận trước tiên về *chủ nghĩa dân tộc*, rồi khéo léo xen vào một vài giáo điều cơ bản cùng quan điểm của Lênin, để chuẩn bị chuyển hướng đến "giai đoạn hai". Nhưng trong tác phẩm *Đường Cách Mạng*, dùng làm tài liệu học tập cho cán bộ, ông Hồ đã công khai nói rõ về chủ nghĩa Mác-Lê, đặc biệt nhấn mạnh đến ba quan điểm cơ bản:

"1) Nhiệm vụ của cách mạng không phải vì một thiểu số người nào mà chính vì quảng đại giai cấp công nhân và quần chúng nông dân, do đó, cần phải tổ chức quần chúng. - 2) Cách mạng tất yếu phải chịu sự chỉ huy của chủ nghĩa Mác-Lê. - 3) Cuộc vận động cách mạng ở trong mỗi quốc gia phải được kết hợp chặt chẽ với giai cấp vô sản quốc tế, công nhân và quần chúng nông dân phải phân biệt rõ giữa đệ tam và đệ tứ quốc tế."[60]

Số người thụ huấn tại ban huấn luyện chính trị đặc biệt, mỗi khóa nhiều ít không đều, có khóa chỉ vài người, có khóa đông đến vài chục người. Thời gian huấn luyện cũng dài ngắn khác nhau, tối thiểu là khoảng 6 tháng.[61] Nhưng trong khoảng từ 1926 đến 1927 thì thời gian này chỉ vào khoảng 3 hay 4 tháng. Sau khi hoàn tất huấn luyện, các học viên phải tuyên thệ gia nhập Đồng Chí Hội. Địa điển tuyên thệ là trước mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái. Trong lời thề có câu: *"Nguyện hiến thân cho tổ quốc, dù phải hi sinh tính mạng cũng không từ."* Sau đó thì nhận nhiệm vụ do tổ chức giao phó. Đại đa số là trở về Việt-nam công tác, một số ít được phái sang hoạt động ở Xiêm-la, hoặc một địa khu nào khác nhằm vận động các khối Việt kiều.[62] Từ hạ bán niên 1926 đến đầu năm 1927, số cán bộ được huấn luyện ít ra cũng đến 250 người, trong đó, khoảng 200 người đã được phái về Việt-nam. Vì vậy, tổ chức Đồng Chí Hội tại quốc nội đã phát triển vô cùng nhanh chóng. Tháng 5 năm 1929, khi Đồng Chí Hội tổ chức đại hội đại biểu toàn quốc tại Hương-cảng, theo thống kê của cảnh sát Pháp, số hội viên và cảm tình viên tham dự có đến một ngàn người. Đồng Chí Hội tại Việt-nam, mỗi kì đều có một ủy hội riêng: ở Bắc-kì, số hội viên công nhân chiếm đa số; ở Trung-kì và Nam- kì, hội viên gồm đủ các thành phần công nhân, giáo sư, học sinh và nông dân. Các cán bộ được huấn luyện tại Quảng-châu đều nắm các chức vụ trọng yếu

trong tổ chức.[63] Đến năm 1930, **Đồng Chí Hội mới được đổi thành đảng Cộng Sản Việt Nam.**

Hầu như đa số những cán bộ xuất thân từ các khóa huấn luyện chính trị đặc biệt đều chấp hành công tác ở hạ tầng cơ sở; còn những cán bộ lãnh đạo cao cấp hoặc các nhân vật trọng yếu thì không phải xuất thân từ các khóa huấn luyện này. Trần Phú, bí-thư Việt-cộng năm 1930 chẳng hạn, đã xuất thân từ trường võ bị Hoàng- phố rồi được đào luyện tiếp ở Mạc-tư-khoa.[64] Đương nhiệm(l) Phó-chủ-tịch kiêm Thủ-tướng Bắc-Việt, ông Phạm Văn Đồng, cũng xuất thân từ trường võ bị Hoàng-phố.[65] Theo lời thuật lại của viên cố vấn Nga tại Quảng-châu, ông Alexander Ivanovich Cherepanov, Hồ Chí Minh giữ được đường dây liên lạc với các học sinh Việt- nam tại trường võ bị Hoàng-phố là nhờ xuyên qua sự quan hệ của Trung-cộng.[66] Lê Hồng Phong, người lãnh đạo Việt-cộng từ 1935 đến 1939, nguyên là một nhân viên cơ bản của Đồng Chí Hội, được sang Mạc-tư-khoa học về không quân, sau lại được chuyển vào trường đại học Lao Động Đông Phương.[67] Các nhân viên trong ban huấn luyện chính trị đặc biệt đương thời, đối với lí lịch thật của Hồ Chí Minh, cũng không biết rõ. Họ chỉ biết gọi ông là đồng chí Lão Vương. Họ cũng không hề biết ông chính là Nguyễn Ái Quốc.[68] Điều đó cho thấy, những người được ông huấn luyện và gia nhập Đồng Chí Hội, chỉ được coi là những phần tử ngoại vi mà thôi.

CHÚ THÍCH:

36. Thư của Lí Thụy gửi cho chủ tịch đoàn đại hội đại biểu toàn quốc Trung Quốc Quốc Dân Đảng kì 2, ngày 6.1 năm Dân-quốc thứ 15 (Quảng-châu, nguyên kiện).
37. Biên bản đại hội đại biểu toàn quốc Trung Quốc Quốc Dân Đảng kì 2, ngày 14.1 năm Dân-quốc thứ 15.
38. Đầu năm 1930, Hồ đến Thượng-hải, giới thiệu vợ của Lí Phú Xuân là Thái Sướng (cũng là nhân viên Trung-cộng du học tại Pháp) với các cán bộ bí mật Việt-cộng. (Hồ Thư, trang 57.)
39. Trường Chinh, trang 7.
40. J. Lacouture, trang 49.
41. Hồ Chí Minh, "Tôi và Trung Cộng" (bán nguyệt san Triển Vọng, số 183).
42. Hồ Thư, trang 118 (Nguyễn Khánh Toàn thuật).
43. Hồ Thư, trang 90-91 (Lê Mạnh Trinh thuật).
44. Hồ Chí Minh, "Tôi và Trung Cộng".
45. Ellen J, Hammer, trang 78; Hoàng Văn Chí, trang 43-44.
46. Hồ Thư, trang 49-51 (Nguyễn Lương Bằng thuật).
47. Như trên, trang 87-90.
48. -nt-, trang 91.
49. -nt-, trang 93.
50. -nt-, trang 89, 92.
51.-nt-, trang 89.
52. -nt-, trang 51.
53. -nt-, trang 92.
54. -nt-, trang 88, 92. "Lão Hoài", có thể là Nguyễn Lương Bằng.
55. -nt-, trang 89. Tâm Tâm Xã còn có Tán Anh; vậy "Lão Trương" có phải là Tán Anh chăng? Đợi khảo cứu thêm.
56. -nt-, trang 91-92.
57. -nt-, trang 51.
58. Hoàng Văn Chí, trang 43.
59. Hồ Thư, trang 91, 93.
60. -nt-, trang 52.
61. J. Lacouture, trang 48-49, trích từ The Selected Works of Ho Chi Minh, trang 53 (Hà-nội: Foreign Language Publishing House, 1961).
62. Hoàng Văn Chí, trang 43.
63. Hồ Thư, trang 92-93.
64. Ellen J. Hammer, trang 80.
65. Hồ Thư, trang 41.
66. J. Lacouture, trang 50.
67. Alexander Ivanovich Cherepanov, Notes of a Military Advisor in China, trang 120, A Draft Translation by Alexandre O. Smith, Office of Military History, HQ MAAG Taipei, 1970.
68. Hồ Thư, trang 90-91.
69. Như Nguyễn Lương Bằng tự thuật, năm 1930 ông bị bắt tại Thượng-hải thì mới biết "Lão Vương" tức là Nguyễn Ái Quốc. Xem Hồ Thư, trang 49.(m)

Phụ chú của người dịch:

(k) Quần áo trung-sơn: đó là kiểu quần áo đặc biệt do Tôn Trung Sơn mô phỏng theo bộ đồ đồng phục của thiếu sinh quân mà chế ra.
(l) Sách này được in lần đầu vào năm 1972 tại Đài-bắc.
(m) Chú thích số 69 này không thấy tác giả ghi trong bài, nhưng ở phần "CHÚ THÍCH" này lại có. Có lẽ đây là chú thích cuối cùng cho câu cuối cùng.

* Không một nhà hiền triết nào lại muốn mình trẻ đi thêm vài tuổi cả.

Swift

* Tuổi trẻ lầm lẫn, tuổi trưởng thành tranh đấu, đến tuổi già thì nuối tiếc, ân hận.

Disraeli

* Cả tin là một nhược điểm của người lớn, nhưng lại chính là một đức tính của trẻ con.

Lamb

MỒ CÔI

HỒ MINH DŨNG

Khác với mọi năm, năm nay ông Ngọ về quê vợ ăn giỗ bốn ngày mới lên. Lên theo ông có một người đàn bà. Người đàn bà nầy cố đi chậm lại, ông đã vào mái hiên, bà còn ngoài sân.

Nguyệt hỏi cha:

"Ai thế?"

Ông cầm tay con nói nhỏ:

"Bố có lỗi với con."

Giữa lúc Nguyệt trố mắt ngạc nhiên, ông nói thêm:

"Lỗi với mẹ con nữa. Người nầy, con gọi bằng dì. Bố đem người nầy về để đỡ đần công việc nhà, giúp cho bố và con một tay, con đỡ vất vả, có thì giờ để học."

Nguyệt hiểu và gật đầu chào người lạ.

Người đàn bà nói:

"Nhà nầy, tôi hình dung trong trí không khác mấy."

Ông Ngọ đưa chiếc khăn tay cho bà:

"Lau bụi trên mặt đi, không chuyện gì phải áy náy. Cứ coi chúng nó như con sẽ êm thấm. Sau vườn nhà nầy có nhiều cây, ngày xưa bà nhổ trong vườn bà cho tôi bằng gang tay, nay đã thành cổ thụ."

Bụi mà cha gọi lau đi đó Nguyệt không thấy, chỉ thấy lớp phấn son đã nhòa đi.

Rồi ông nói với hai người:

"Đây dì Lài, đây Nguyệt, con gái tôi, còn thằng út Lân nữa."

Ông quay lại hỏi Nguyệt:

"Em đâu?"

"Nó qua chơi bên nhà thím Thường Ba."

Cả ba người vào nhà. Bà Lài liếc mắt lên bàn thờ, thấy cái hình mẹ Nguyệt còn tươi rói, chột dạ:

"Đáng lẽ tôi không nên đến nhà nầy."

Nhìn người đàn bà khi buồn cũng có một vài nét gì giống mẹ mình ngày xưa, Nguyệt nói:

"Cháu hiểu rồi. Cháu không như người

khác. Mẹ cháu cũng không như người khác, lúc sống cũng thế, chết cũng thế. Dì đừng ngại."

Nguyệt chạy xuống bếp lo cơm nước. Tối hôm ấy ba cha con và bà Lài ăn uống hòa thuận, vui vẻ. Trước đó, bà Lài xin phép thắp cho mẹ Nguyệt cây nhang. Ông Ngọ bật hộp quẹt lên để bà Lài thắp, rồi ông cũng thắp một cây. Hai cây nhang cắm song song trong bát nhang cũng giống như hai người đứng trước bàn thờ, không tựa vào nhau mà tựa vào nhau. Bà gọi người quá cố bằng chị. Cả hai người đều chấp tay trước ngực khấn vái hồi lâu. Nguyệt biết hai người xin mẹ những gì. Trong bữa ăn, bé Lân nói:

"Nay có dì Lài, nhà vui. Nhà thím Thường Ba nhờ đông người mà vui. Con không thích nhà vắng người. Chị Nguyệt đi học, ở nhà một mình con sợ lắm. Trên bàn thờ mẹ có ma."

Ông Ngọ vuốt tóc con:

"Hồi bằng tuổi con, bố cũng mồ côi, nhưng thích ở nhà một mình để dễ bề tự tiện."

Mấy ngón tay của bà Lài cũng gỡ những sợi tóc rối trên trán bé. Âu yếm nhìn ông chồng:

"Ngày mai ông chỉ đường cho tôi đi chợ mua thịt cá, hoa quả về làm cơm cúng chị."

Bé Lân hưởng ứng:

"Để cháu đi với dì, đây vô chợ Cống gần."

Ông Ngọ vui ra mặt:

"Nên làm luôn vài mâm mời bà con đến dự luôn thể. Việc bà về với tôi không cần phải dấu."

Không ngờ Nguyệt đốc vô:

"Phải đấy. Mẹ con qua đời đã mười tám năm, bố ở vậy là quá đủ rồi, không ai chê trách vào đâu được. Thiên hạ có nói ngược nói xuôi cũng không ai xê vai gánh vác sự cô quạnh của bố. Mai kia con cũng đi lấy chồng."

Nguyệt nói thế là vì quá thương cha, thương cả mẹ và em. Nói tận đáy lòng mình, ở thời điểm đó.

Tối ấy, bà Lài dành cả một khoảng thì giờ để nói chuyện riêng với Nguyệt:

"Miệng thế gian nói dì ghẻ không mấy đời thương con chồng là sai, hay ít ra không đúng với lòng dì. Trước khi về đây, dì cũng đắn đo, do dự lắm, nhất là sợ các cháu không vui. Không ngờ các cháu đối xử với dì tình nghĩa thế nầy. Trước hết, dì thành thật cám ơn cháu. Dì với bố cháu cũng lớn tuổi cả rồi. Sống với nhau đây vì nghĩa, không phải vì tình. Nghe bố cháu nói cháu là một người con có hiếu, dì mừng. Dì lên đây, giúp được gì cho cháu thì dì hết mình, nhất là ngày nay cháu đang còn học hành. Con gái không học dễ hư hơn con trai."

Nguyệt cũng thành thật:

"Cám ơn dì, nếu dì quả thật thương bố cháu thì các cháu coi dì như mẹ."

"Mẹ cháu là bạn dì. Hồi nhỏ ở cùng làng, đi học, đánh cò, nhảy dây với nhau. Thuở hai người đám cưới, dì có đưa dâu đến bờ đầm. Chờ đò đi xa dì mới về. Nhìn những con đò nối nhau đi, ruột dì như có dao cứa."

Dĩ vãng sống lại, bà nói luôn một hồi:

"Cháu ạ, không phải khi không mà dì đến đây, âu cũng là chuyện không phải là loài người thu xếp với nhau, hồi còn trẻ như cháu, dì cũng tưởng là mình quyết định cho mình, nhưng không phải thế đâu. Bố cháu về ở lính đóng đồn ở làng dì, quen hàng chục cô gái trong làng, thế mà chỉ cưới mẹ cháu. Khi dì lên Huế học nghề chằm nón lá ở Tây Lộc, lần nào ba cháu về phép cũng có ghé thăm, lúc nào cũng ôm theo một bó cọ non để chằm nón, nghe đâu hái từ vùng thượng nguồn sông Bồ. Hồi ấy ai cũng tưởng bố cháu với dì sẽ lấy nhau. Dì còn nhớ những lần bố cháu đem dì đi mãi dưới chân thành như cả hai cùng tìm kiếm một cái chi. Tại sao ông lúc đó không nói với dì một lời nào. Mỗi lần ghé thăm, cứ ngồi nhìn dì chằm chằm mà không đả động chi đến chuyện tình cảm cả. Cho đến một hôm, từ đồn về, hối hả đưa cho dì hai câu thơ nhờ chằm vào trong một chiếc nón. Dì mừng quýnh lên, tưởng là đã đến lúc không thể sống thiếu dì nữa rồi. Hai câu ấy, dì còn nhớ: 'Sông lở thì có cát bồi, lòng ta hạn hán biết hồi nào trời mưa.' Ca dao thì đúng hơn thơ. Nhưng dì đã lầm, bố cháu đặt nón để tặng cho mẹ cháu, chứ không phải dì. Buồn quá, dì bỏ về quê luôn. Đối với dì, bố cháu là một người ác đức, dì nói đây là nói đối với thời xuân xanh của riêng dì. Bây giờ thì lòng bố cháu đã khác rồi, ít nhất với dì."

Bà Lài ngừng lại không nói nữa, Nguyệt tiếp:

"Con cũng nghe mẹ cháu nói, bố cháu không phải làm khổ một hay vài người. Mẹ cháu nói nhiều, hồi ấy con còn nhỏ, lâu quá nay không nhớ."

"Đàn ông rất thích làm khổ đàn bà. Người nào cũng thế cả, cho đến khi họ xuống huyệt mới thôi. Nếu ai không làm khổ đàn bà người ấy là thánh. Dì không phải bố cháu làm khổ thôi đâu, nhiều người lắm, có đến hàng chục. Nhưng cũng do bố cháu thuở ban đầu mà ra."

"Đến nay dì hết khổ rồi phải không?" Nguyệt hỏi.

"Dì chỉ hy vọng thôi. Bốn mươi tuổi rồi, có khổ cũng dễ chịu đựng."

Mím môi suy nghĩ một hồi, Nguyệt nói:

"Nghe dì nói dễ sợ quá, không biết đến bao giờ đến phiên cháu phải đương đầu..."

Hai người nói với nhau như thế rồi đi ngủ. Đêm ấy, Nguyệt không sao chợp mắt, trằn trọc từng canh khuya nhớ tới mẹ. Đời sống ngắn ngủi của mẹ trên đời có còn ai nhớ đến không? Thằng cu Lân, nằm bên cạnh, cũng không ngủ, lâu lâu nó chìa ngón tay trỏ qua mắt chị xem chị ngủ chưa. Nguyệt thở dài nó cũng thở dài, Nguyệt vắt tay lên trán nó cũng làm như thế. Thường đêm nó nằm thẳng đuột, nay nó nằm cong cong giống y như chị. Nó khều ngón tay vào cổ chị, hỏi: "Chị có sợ ma không?" Nguyệt đáp: "Ma chỗ khác thì sợ, trên bàn thờ thì không." Suy nghĩ một hồi nó lại hỏi: "Ma trên bàn thờ hiền hơn à?" "Ừ, chỗ đó ma mà không phải ma." Bé Lân chẳng hiểu gì nên thở ra. Đến khuya lắm, nó vùng dậy, vui mừng vỗ vào vai chị, la lớn lên: "Gà gáy rồi chị ơi, dậy thôi."

Hai chị em đem nhau ra hè, trời sương xuống nhiều làm cho khu vườn thăm thẳm như dòng sông đặc quánh lấp lánh dưới ánh trăng mờ. Lân hỏi:

"Vì sao chị không ngủ?"

"Buồn."

"Em cũng buồn."

Trời lạnh quá, Lân đứng sát vào chị, hỏi nữa:

"Không ngủ, chị thấy đêm lâu không?"

"Lâu?"

"Em cũng thấy lâu."

Lâu sau, Lân cầm bàn tay lạnh buốt của chị:

"Trời còn tối quá, không thì em leo hái thanh trà cho chị ăn. Có người nói với em, trái cây hái buổi sáng khi mặt trời chưa mọc ăn ngon hơn buổi chiều. Ngày rằm nầy, chị có gánh hoa ra chợ bán không?"

"Có."

- Chị cho em đi theo với. Em ngồi sau lưng chị, chợ còn rộng chỗ mà. À, bán xong, về nhà, chị làm chi?

"Học."

"Em cũng học."

Nguyệt hôn lên mái tóc ướt đẫm sương của em, rồi cúi lưng xuống cho em đeo lên, cõng vào nhà.

Chiều hôm đó, đến phiên Nguyệt và cha nói chuyện với nhau:

Nguyệt hỏi trước:

"Bố có nguồn an ủi bên cạnh, có vui thêm chút nào không?"

"Có."

"Dì ấy nói, trong lúc cúng, dì có cầu nguyện mẹ cho con và cu Lân em giỏi."

"Không ai cầu, mẹ con cũng phù hộ."

"Mẹ con lúc sinh thời có hiền không?"

"Có."

Nguyệt thở dài:

"Người hiền quá thì không sống lâu."

"Đừng nghĩ thế, sống với chết không liên quan gì đến hiền với ác. Sau khi chết mới có."

"Con thấy những người trong dòng họ mình không ai sống lâu. Dường như hiền với ác cũng có cái gien. Như bố mẹ hiền để các con

TIỂU SAN

THĂM LẠI SAIGON

Thuở thiếu thời đã xa
Những mưa cùng nắng hạ,
Thành phố lớn lên
Thay đổi tầm nhìn.

4/98

NƠI TÔI Ở CŨ

Khi những tuyên truyền tạm ngưng
Trong một đêm cúp điện,
Thì từ một góc sân thượng:
Cây ngọc lan lặng lẽ thơm
Dưới trăng
Nhún mình, tiếng chân mèo
Qua rào đêm.

4/98

ra không thể nào ác. Người ta nói, muốn ác cũng không dễ gì ác. Sách vở cũng không dạy điều ác, tự nó phát sinh ở những người cha mẹ sinh ra đã có mầm ác rồi, không phải như loài vi trùng bay lãng đãng giữa trời chỗ nào thuận tiện thì tấp vào gây mầm bệnh đâu. Chủ nhật nầy ba bố con mình lên thăm mộ mẹ con nhé."

"Bố cũng định nói với con như thế, để cho dì ấy đi luôn thể. Không phải lúc nầy dì mới thương mẹ con đâu, từ ngày mẹ con qua đời đến nay, lúc nào bố về ngoại, dì ấy cũng hỏi thăm con và nhắc đến mẹ con. Dì ấy là người có tình."

"Sao lâu nay bố không đem dì về, mà nay mới tính chuyện nầy?"

"Vì trước đây bố sợ con buồn."

"Còn bây giờ không sợ con buồn sao?"

"Bây giờ con lớn rồi, cũng đủ trí khôn để biết việc làm của bố. Khi còn tuổi thơ ấu, con sẽ buồn, tủi. Như thế có tác hại đến tuổi thơ của con. Bố muốn cho con có một tuổi thơ đẹp như những đứa trẻ khác. Người ta thường cho rằng, nỗi khổ bám riết, đeo đẳng theo con người từ lúc còn nằm trong nôi."

"Thế bây giờ bố không thương tuổi thơ của út Lân sao?"

"Con nuôi không thương bằng con ruột."

"Khéo kẻo nó biết, lâu nay nó vẫn tưởng là con của bố mẹ."

Một lát, ông Ngọ lại hỏi:

"Con có biết ai cho con bú hồi mẹ mới chết không?"

"Không."

"Chính dì Lài đấy. Hồi mẹ mất, con còn bồng ngửa, ai cũng nói trẻ con không có mẹ tuổi ấy thì khó sống. Bố liền bồng con về quê ngoại gửi nhờ dì ấy nuôi."

"Nuôi con bằng sữa của dì ấy à?"

"Không, dì ấy còn con gái làm sao có sữa. Hàng ngày dì đi khắp làng trên xóm dưới xin sữa những người có sữa về bỏ vào bình cho con bú. Dì vừa chằm nón sinh sống, vừa nuôi con như thế gần ba năm. Khi con đã biết đi, biết chạy, bố mới đem về. Hồi ấy bố còn ở lính. Bố đem con vào ở trong đồn luôn."

Cảm động, Nguyệt nhìn bố:

"Sao bố không nói gì với con chuyện nầy cả."

"Sợ con nhớ mẹ, ảnh hưởng không tốt đến việc học hành."

"Khi bố đi đánh giặc con cũng theo à?"

"Không, thấy bố có con dại, ông đồn trưởng thông cảm cho ở lại trong đồn để lo việc ẩm thực. Có một đêm địch tấn công đồn, đạn bay vèo, bố phải bồng con ra chiến hào, may quá, địch tấn công vào được thì cả hai bố con không còn ngồi đây."

"Khi ấy con có khóc không?"

"Không. Thấy hỏa châu bắn rực trời, súng to súng nhỏ nổ như bắp rang, con vui nữa là khác. Trận ấy đồn phản công lại, giết nhiều địch bên ngoài hàng rào phòng thủ, sư đoàn về gắn huy chương cho bố. Trong bản tuyên dương bố có ghi thêm: 'Vừa cõng con dại trên lưng, vừa cùng đồng đội chiến đấu kiên cường.'"

"Thế là con cũng là chiến sĩ tí hon rồi. Nếu thấy tình thế nguy ngập thì chắc con cũng hóa phép thành một Thánh Gióng thứ hai của đời Hùng Vương tức khắc, nhưng con không bỏ áo bào dưới gốc cây đa ở núi Vệ Linh để bay lên trời đâu, mà ở với bố thôi."

Ông Ngọ hớn hở:

"Trận ấy bố cũng vì có con trên lưng mà chiến đấu hết mình. Các bạn bố thấy con, cũng hết mình. À lạ quá, sao bom đạn ghê rợn thế mà con không khóc. Trong đồn ai cũng nói sau nầy con làm nữ tướng cứu nước."

Nguyệt cười tươi:

"Họ thất vọng hết rồi. Tìm đường cứu mình còn chưa nổi nữa là cứu nước. Thế con 'ở lính' đến mấy tuổi?"

"Đến sáu tuổi thì bố bồng con về ở với bà ngoại để đi học mẫu giáo trường làng."

"Ngoại có dắt con đi học không?"

"Ngoại không dắt thì còn ai nữa. Hôm nào trời mưa lụt hay gió bão, ngoại già yếu không đảm nổi, thì nhờ dì Lài đến dắt con đi. Lúc ấy dì Lài lấy chồng rồi."

"Chồng dì ấy là ai thế. Sao trước đó bố không cưới dì ấy luôn, như thế tiện lợi hơn không, bố khỏi bồng con vào đồn phiền phức?"

"Ai cũng khuyên bố như thế, chính dì Lài cũng yêu bố và mong như thế. Nhưng bố vì thương mẹ con không nỡ. Khi mẹ con hấp hối, bố có hứa là sẽ ở góa một thời gian lâu chờ con khôn lớn. Chồng dì Lài cũng là bạn lính trong đồn của bố. Chẳng may mấy năm sau anh ấy chết trong một trận địch phục kích. Thế là dì ấy góa bụa từ thuở còn trẻ."

"Từ đó dì không tái giá à?"

"Không."

Câu chuyện của hai cha con chỉ chừng đó. Chiều xuống làm vệ cỏ hai bên đường trước nhà vàng tươi lên. Rừng núi ở phía xa và dòng

sông nằm im. Chỉ có những âm thanh kỳ quặc từ xóm Lò Trâu bên kia sông đưa sang. Cuộc đời đang đi qua. Đi qua rất vội. Những gì không thể đi qua được đang chìm xuống, lặng lẽ.

*

Từ khi có bà Lài về, Nguyệt có nhiều thì giờ hơn để học hành và tham gia những công tác hữu ích cho xã hội do nhà trường tổ chức, như cứu trợ thiên tai lụt bão, thăm hỏi an ủi những người neo đơn, cùng cực hay ốm đau ngặt nghèo trong các bệnh viện. Ngoài những công việc đó, Nguyệt còn nghĩ đến tình yêu của mình. Tức là nghĩ đến Chiêm.

Chiêm cũng nghĩ đến Nguyệt. Hai người chưa nói yêu nhau, nhưng tình yêu đâu cần nói ra. Họ không nói ra vì sợ nói ra không đủ, không hết. Bé Lân không thích chị làm người yêu của Chiêm. Xưa nay, chị thích chi thì bé thích nấy. Bé không thích việc nầy vì sợ mất chị. Xét rộng ra, trong nhà không ai thích Chiêm cả. Mỗi người có một nguyên do khác nhau, nhưng mặt ngoài cố làm cho Nguyệt hiểu, rằng quen với bọn con trai mà ăn nói ngọt ngào, đầu môi chóp lưỡi thì coi chừng mang họa, rằng gần cánh đàn ông mà ăn rồi đi lêu bêu thì có ngày chui bụi ở với chim bìm bịp.

Thật ra, Chiêm không phải thế. Không giống ai, nghênh ngang tự đắc chỉ vì trời sinh, tâm hồn Chiêm nào ai biết được. Ông Ngọ cho rằng hồn trâu bò đã nhập vào đó rồi. Bà Lài khôn ngoan hơn, chờ những hôm ăn chay mới đem chuyện đâm trâu, mổ lợn ra lên án. Bản chất hai người nầy đều tốt. Khi họ thành vợ chồng thì điều tốt ấy đã có phần suy giảm. Cả hai người đều biết thế và cho là vì sự hội ngộ tình duyên muộn màng. Định mệnh trói họ không bằng tơ hồng mà bằng thân cây tầm gửi. Xót xa không phải vì ký sinh mà sợ thân dây leo chóng úa khô. Cái gì đã đưa họ đi từ chỗ tốt nhiều đến chỗ tốt ít. Và ai dám ai bảo sẽ có ngày cái tốt ít sẽ thành không tốt?

Ngày trước, bé Lân có nói với chị:

"Ngồi trên lưng trâu thả diều sướng lắm, nhưng em sợ hai cái sừng nhọn."

Ngày nay, nó nói:

"Mỗi lần em đi bắt dế, ngang qua xóm Lò Trâu ngửi có mùi máu trâu hôi."

Bất đắc dĩ, Nguyệt phải phân bua:

"Em đừng nghĩ thế. Máu trâu thấm xuống đất làm cho cỏ tốt, cỏ tốt dế mới có chỗ mà nương thân ngon lành chứ."

Một câu nói như thế làm sao đứa bé tám tuổi hiểu nổi?

Giữa bữa cơm chay khác, bà Lài nói với chồng:

"Độ nầy đi chợ, ngang qua hàng thịt, thấy thịt trâu treo lẫn lộn với thịt bò. Vì sợ thịt trâu nên người ta sợ lây qua thịt bò. Ế lắm. Ruồi bu đen. Có người hàng thịt bỏ nghề xây qua bán tương chao, đậu phụ."

Ông Ngọ hiểu ý vợ, đưa tay lên đầu gãi:

"Nghĩ cũng lạ, trong đời chán chi nghề mà làm nghề mổ trâu. Đẻ con cháu ra đứa nào cũng có bệnh sùi bọt mép."

Đang nuốt miếng cơm mới vào đến cuống họng thì nghẹn lại. Nguyệt bỏ đũa xuống không ăn nữa.

Một ngày Chiêm đến thăm, bà Lài lắng tai nghe tiếng trống tế ở đình làng, nói với chồng, cố ý cho Chiêm nghe:

"Trống làng nầy đánh không có tiếng vang."

Ông Ngọ hưởng ứng liền:

"Vì da trâu làng nầy không được tinh khiết."

Khi Chiêm về, Nguyệt không nhịn được:

"Bố với dì đã chì chiết với con hôm trước đủ rồi, sao bây giờ lại còn nặng nhẹ với anh ấy. Nếu có lỗi thì lỗi của con. Anh ấy có lỗi là lỗi yêu con, chứ không phải tại cha mẹ anh ấy làm nghề giết trâu. Con nghĩ, đã là da trâu thì da trâu nào cũng thế thôi. Vang hay không vang là do cái tâm của người đánh trống. Gia đình có vấn đề gì cứ cho con biết để con lo liệu, không nên đem chuyện trâu, bò ra ám chỉ."

Nghe Nguyệt nói, bà Lài xuống giọng:

"Bố và dì không có ý như con nghĩ. Đừng đổ oan cho người khác. Con có tình yêu, nếu tình yêu ấy tốt đẹp thì cả bố dì đều mừng."

Sau mấy cái gật đầu tán đồng, ông Ngọ nói:

"Dì con nói đúng."

*

Bé Lân bỏ đi từ buổi sáng, đến chiều cả nhà mới hay. Nguyệt qua nhà thím Thường Ba và đi khắp xóm, rồi đến trường học cũng như nhà các bạn của em tìm không thấy. Ông Ngọ và bà Lài chia nhau, đi ra bờ sông, giếng hồ, cống rãnh, chợ búa, đình chùa để tìm cũng không thấy. Về nhà ngồi suy nghĩ, cô càng thấy đau lòng. Em đi đâu, vì sao em đi? Em còn nhỏ quá biết nương tựa vào ai.

Đến gần tối, Nguyệt lục tìm trong cặp và

giở hết các sách vở, xem em có viết chữ nào để lại không. Bỗng thấy nơi trang bìa sau của tập vở toán, em có vẽ một ụ đất với mấy cây khô ngoằn ngoèo bao quanh. Bức vẽ đơn sơ nguệch ngoạc nầy dù vẽ đã lâu cũng giúp cho linh tính cô nghĩ đến ngôi mộ của mẹ dưới chân núi Ngự Bình. Cô liền phóng xe đạp lên đó vừa tìm em, vừa thắp hương xin với mẹ thương em còn thơ dại, mặc dù cô biết em không phải là con ruột mẹ, và lúc mẹ còn sống nó chưa sinh ra trên đời nầy. Nó là một đứa bé bị vất bỏ trước cửa nhà cô, mà cha cô là người mở mắt ra đã thấy nó cùng một lúc với ánh bình minh rạng rỡ đầu ngày, không nỡ lại đem quăng nó đi. Cứu nhất nhân đắc vạn phúc. Không cứu người thì ai cứu mình. Đó là lòng cha cô lúc dì Lài chưa về làm vợ.

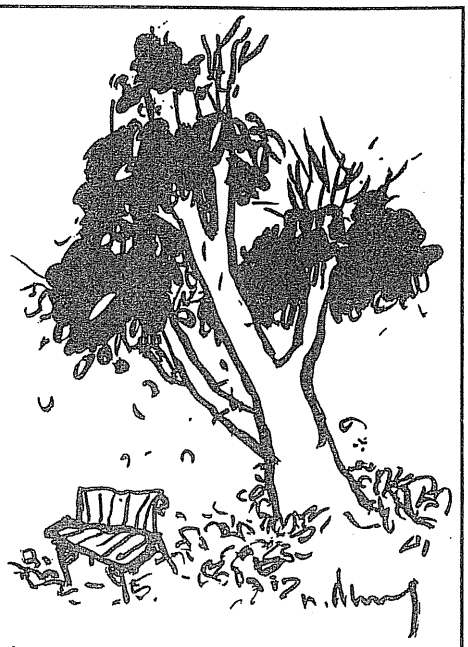

Y DỊCH

NỢ EM

Nợ em một sáng mù sương
Một trưa lộng gió, một đường lá bay
Nợ em hơi ấm bàn tay
Nợ em tóc xõa phủ đầy vai đêm.

Từ đầu xa, Nguyệt đã thấy bên mộ mẹ có lù lù một đống đen. Cô mới cất tiếng gọi tên em lần thứ nhất, đã có tiếng trong trẻo đáp lại:

"Em đây, chị ơi!"

Nguyệt chạy xà tới ôm em vào lòng. Sương ướt đẫm mái tóc em thấm qua má cô lạnh buốt. Không chờ chị hỏi nguyên do, Lân đã mếu máo:

"Dì Lài đuổi em đi."

"Em phạm tội gì?"

"Em dòm vô phòng dì có bố trong đó mà bố không bênh em."

"Trời đất ơi, sao em dại thế. Phòng riêng của người ta dòm vô làm chi?"

"Vì con dế trong túi em phóc ra chạy nhanh vào trong đó, em chụp không kịp. Lỗi con dế, không phải lỗi em."

Nguyệt lấy vạt áo lau nước mắt và sương trên mặt em, rồi cúi lưng xuống cõng em ra đường cái. Nguyệt đèo em về. Trời tối đen như mực. Những ánh lân tinh chấp chới bay lên từ những ngôi mộ lạnh lẽo bên kia đồi lau. Ánh sao trời sa xuống cùng một màu với ánh sáng từ xương cốt người chết đã lâu bay lên.

Về đến An Cựu, bé Lân vỗ nhẹ mấy cái vào lưng chị:

"Chị chở em qua nhà anh Chiêm."

Nguyệt phì cười:

"Em không sợ người ta đánh giá chị em mình à?"

"Nhà anh ấy có nhiều dế, em muốn xin một con."

"Không được. Mai chị em mình ra đồng bắt chán chi."

Lân nép mặt sát vào lưng chị:

"Trời giông chớp thế nầy, đêm nay chắc mưa lớn, mai đồng lút mất."

Vừa nói xong câu nói ấy trời đổ mưa lớn. Thành phố chỉ còn hai chị em trên mặt đường. Bão về sau cơn mưa làm sập nhiều nhà cửa.

Atlanta, Xuân Mậu Dần 1998

CON GÁI BÌNH ĐỊNH

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Phụ nữ ở Bình Định được học võ đến nơi đến chốn để trở thành bậc cao thủ, đem tài võ nghệ làm nên lịch sử như nữ tướng Bùi Thị Xuân người đất Tây Sơn cũ, quán làng Xuân Hòa xã Bình Phú quận Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn) thì xưa nay chưa có người thứ hai. Nhưng con gái Bình Định được cha mẹ cho học võ phòng thân, nhất là trước năm 1945, thì hầu như cô gái nào cũng biết qua hai môn võ căn bản:

Ai về Bình Định mà coi,
Con gái Bình Định múa roi, đi quyền
(Ca dao)

Tuy nhiên, đôi lúc cũng có những cô gái học võ không chỉ để phòng thân mà muốn phát huy cái đẹp của võ truyền thống như trường hợp Thanh Tùng, hoặc còn đi xa hơn, thi thố với đời, trở thành cao thủ trong làng võ. Điển hình có bà Mân sống vào thời chúa Nguyễn, cô Quyền vào giữa thế kỷ 19 và sang đầu thế kỷ 20 lại có Tám Cảng.

Bà Mân chưa phải là nhân vật lịch sử nhưng với tài võ nghệ, bà được dân Bình Định ca tụng qua bài vè Chú Lía dài 1434 câu thơ lục bát và được lưu truyền khắp các tỉnh miền Nam Trung phần.

Theo bài vè, bà Mân ở gần vùng Truông Mây, nơi sào huyệt của một đảng cướp lớn do cha Hồ chú Nhẫn và sau có thêm chú Lía cầm đầu, nay thuộc xã Ân Đức huyện Hoài Nhơn. Một hôm hai tên Hồ, Nhẫn đem cả lực lượng hùng hậu đến bắt heo nhà bà, cả làng khiếp sợ không ai dám tiếp cứu:

Lân la bốn chục theo rày
Thẳng đường xuống xóm chặt đầy đường quan

Trong tay bà chỉ có cây roi ngắn nhưng với lòng can đảm và tự tin, bà xông ra cự địch với một đảng cướp mạnh khét tiếng trong vùng:

Mụ Mân độ khoảng bốn hai
Làu thông võ nghệ ít ai sánh bì
Thình lình chưa biết việc chi
Tiện tay mụ với tức thì đoản côn
Bước ra thấy rõ thiệt hơn
Mụ không thèm hỏi hươ côn đánh liền.

Ai cũng tưởng phen này bà Mân bị nát thây vì hai tên Hồ, Nhẫn không những võ nghệ phi thường mà còn hung bạo chưa từng có. Nhưng không may cho chúng, thế võ của bà sâu hiểm vô cùng, áp đảo được ngay đối thủ:

Cả ba vùng vẫy đua tranh
Mụ Mân quả thực liệt oanh ai tày

Chỉ mới so tài ở hiệp đầu mà bọn cướp đã bị ngọn roi thần của bà cuốn người như bão táp, chúng phải đổi từ thế công sang thế thủ rồi tìm đường tháo lui:

Phút thôi Hồ, Nhẫn cả hai
Đuối tay kéo chạy như bay khác nào!

Thân đàn bà mà đánh đuổi bọn cướp đông đảo để bảo vệ tài sản là điều hiếm có. Nhưng cũng tại huyện Hoài Nhơn còn một cô gái khác, trong tay chỉ có con dao mà hai lần đánh thắng cọp để cứu mẹ, mới là chuyện phi thường.

Trần Thị Quyền, cái tên do cha mẹ đặt gắn liền với võ nghệ, âu đó là cái nghiệp tiền định làm nên kỳ tích mà chính cô cũng không ngờ được. Nhà nghèo, cha mất sớm, không có anh em, cô là người duy nhứt sớm hôm với người mẹ. Cô có nhan sắc, nhiều người đến xin cưới nhưng nhất mực từ chối để làm tròn chữ hiếu.

Thường ngày hai mẹ con vào núi chặt củi đem ra chợ bán kiếm tiền nuôi thân. Một hôm cô Quyền đang chặt cây để cho mẹ gom thành bó, bỗng có một con cọp nhảy ra vồ người mẹ, bà phải lăn người mới kịp né tránh. Cô Quyền đang cầm cái rựa, thấy thế vội xông đến cứu

mẹ. Nhờ có võ nghệ và bình tĩnh, cô tránh được tầm nanh vuốt của mãnh thú và chém trả lại nhiều nhát chính xác, cọp đau quá đành bỏ chạy.

Câu chuyện đánh cọp tưởng đã lãng quên theo năm tháng, không ngờ cọp luôn luôn rình rập quyết báo thù. Một đêm bà mẹ có việc phải ra sân, như có linh tính, cô Quyền cầm dao theo mẹ phòng thú dữ. Thình lình cọp nhảy bổ ra vồ hai mẹ con, cô vội kéo mẹ dạt sang một bên để tránh rồi dùng dao chống trả. Cọp được lợi thế nhờ đêm tối, còn cô Quyền cũng có lợi điểm đánh cọp nơi quang đãng, tiện bề công thủ. Hai bên quần thảo với nhau, cọp vồ hụt nhiều lần đâm ra mệt trở nên hung dữ, liều lĩnh lao tới, cô tràn bộ (1) né tránh. Cọp đang tầm phóng chưa kịp xoay mình lại, nửa phần thân sau của nó là mục tiêu ngon lành cho mũi dao của cô cắm phập vào hông cọp. Tuy bị thương nhưng cọp còn thừa sức quay đầu lại chồm lên, chuyển hết thần lực vào hai chân trước để trả đòn. Lanh như chớp, cô Quyền hoành bộ (2) rồi phóng mạnh lưỡi dao ngọt xớt vào lồng ngực nở nang của đối thủ, trước khi nhảy trái tránh cú vồ sinh tử. Khi dân làng đèn đuốc kéo đến tiếp cứu, con cọp to lớn chỉ còn là một cái xác giãy giụa trên vũng máu.

Nếu bà Mận tên tuổi sống mãi trong văn học dân gian, chuyện cô Quyền giết cọp được truyền tụng trong làng võ của tỉnh nhà thì trường hợp của bà Tám Cảng là một bài học đáng suy ngẫm.

Ông Hương mục Ngạc, kế tổ của phái quyền An Vinh mà phương ngôn đã có câu truyền tụng "Roi Thuận Truyền, quyền An Vinh" có ba người con: Bảy Lụt là trai trưởng, kế là Tám Cảng và út nam là Chín Giác. Tuy là gái nhưng Tám Cảng có sức mạnh hơn người và ham mê võ thuật nên được cha cưng chiều truyền dạy chu đáo. Tiếng đồn con gái ông Hương mục Ngạc mới 18 tuổi, trong tay chỉ có cây đòn gánh mà đánh bạt cả hàng trăm thanh niên cầm gậy bủa vây tại sân chùa Bà An Thái trong ngày lễ hội Đổ Giàn càng làm thiên hạ phục sát đất lò võ của ông Hương mục Ngạc nhưng đồng thời càng không ai dám tính chuyện trăm năm với cô. Năm Tám Cảng 20 tuổi vẫn chưa được nơi nào dạm hỏi dù rất có nhan sắc. Ông Hương mục Ngạc thông cảm nỗi khổ tâm của con, tuyên bố với mọi người rằng nếu ai đánh bại được Tám Cảng thì ông sẽ gả con gái cho mà không đòi hỏi một lễ vật gì. Có ba người đến xin đấu võ với Tám Cảng. Người thứ nhất bị Tám Cảng cho một cú đá văng vào hàng rào. Người thứ hai, võ nghệ khá hơn, kịt ngựa (3) nhanh nhẹn, công thủ song hành nên cầm cự được hiệp đầu, sang đến hiệp thứ hai thì bị Tám Cảng dùng ngón gia truyền ép vào bể cạn, đánh gục. Người thứ ba là Dư Hựu (không phải tên Hựu, quân sư trong đảng cướp của Dư Đành) bị Tám Cảng đạp nhào vào hồ cá, đành bỏ ra về tầm sư học đạo. Một năm sau lại đến xin đấu, lần này Tám Cảng tung cước bị Dư Hựu tóm được chân, ném trả vào hồ cá.

Dư Hựu thắng. Giữ lời hứa, ông Hương mục Ngạc làm lễ vui qui cho con gái. Năm ấy Tám Cảng 22 tuổi. Nhưng cũng chỉ sống chung với nhau được ba năm. Một hôm vợ chồng lời qua tiếng lại, Tám Cảng quen thói bướng bỉnh, trả lời khinh khỉnh làm Dư Hựu điên tiết. Anh thuận tay chụp cái bình hoa chưng trên sập gụ ném mạnh vào mặt vợ. Nếu là người khác thì đã nát mặt, nhưng Tám Cảng nhẹ nhàng đưa tay bắt lấy đem đặt trên bàn và mỉa mai: "Bình xưa mà làm ngơ không bắt, để bể cũng uổng." Dư Hựu càng giận, với lấy cái chày đâm tiêu bằng đá ném mạnh vào đầu vợ. Tám Cảng cũng đưa tay chụp cười gằn giọng châm chọc: "Cái đầu mà quáng mắt lầm cái cối đâm tiêu hả?" Dư Hựu giận lắm, mất hết trí khôn, chụp con dao phay, bằng thế võ rất lợi hại, phóng thẳng vào ngực vợ. Đường dao quá mạnh, Tám Cảng không thể chụp được, đành phải té ngửa để tránh. Con dao ngon trớn cắm phập vào vách đất ngập đến cán. Dư Hựu sực tỉnh thì mọi việc đã xảy ra rồi, suýt nữa gây nên án mạng. Tám Cảng lồm cồm ngồi dậy, còn Dư Hựu bỏ chạy một mạch đến nhà cha vợ. Gặp ông Hương mục Ngạc, anh ta sụp lạy kể lại đầu đuôi câu chuyện và nhất quyết xin trả Tám Cảng mà không đòi hỏi một điều kiện nào.

Chuyện Dư Hựu trả vợ nhanh chóng lan truyền khắp vùng. Nhân đó câu ca dao trên được sửa lại:

Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Định cầm roi rượt chồng

Các bậc phụ huynh ở Bình Định rút kinh nghiệm, thôi không dám chiều ý con gái cho học nhiều võ nghệ nữa, sợ bị ế chồng như Tám Cảng. Họ chỉ luyện con gái vài thế võ thủ thân, thế cũng đủ cho đối phương kinh hồn rồi. Sau đây là một trong hàng trăm chuyện về phản ứng tự vệ của các cô gái Bình Định.

Ai đến Tuy Phước cũng biết câu ca dao về các phiên chợ trong quận: "Chợ Huyện liệng Cây Gia, Cây Gia xa chợ Mới, chợ Mới tới chợ Dinh, chợ Dinh rinh Bồ Đề, Bồ Đề kề chợ Huyện." Phiên Huyện nhằm các ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26 âm lịch, là phiên chợ lớn nhất của huyện nhà nhưng lại cách thị trấn Tuy Phước hơn ba cây số. Ngày phiên, không những dân trong vùng tập trung về mà còn đủ mặt dân buôn từ xa đến mua gom sản phẩm địa phương và bán hàng hóa ở nơi khác mang tới. Con đường quốc lộ 1 từ huyện lỵ đến chợ Huyện người mua kẻ bán đi lại tấp nập có cả những chàng trai đi dạo chợ để tìm ý trung nhân:

Trai khôn tìm vợ chợ đông
Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.

(Ca dao)

Tuy nhiên cũng có kẻ lợi dụng đám đông để giở trò xằng bậy. Từ sáng, tại cổng Lý Môn có hai thanh niên ăn mặc chải chuốt, cười nói rổn rảng, chốc chốc lại trông ra đường. Nhìn dáng điệu biết ngay là dân ăn chơi từ tỉnh thành lạc đến. Trong dòng người từ chợ về, có một thanh nữ cao lớn, bước đi chậm chạp, hai tay xách hai giỏ nặng đầy ắp thức ăn.

Đợi cho cô gái rẽ vào con đường đất dẫn vào cổng làng, hai "công tử" bước tới đón đàng, buông lời chọc ghẹo và giở trò sàm sỡ. Nhanh như chớp, cô gái buông hai giỏ thức ăn, xoay nghiêng né tránh tầm tay của kẻ vô hạnh đang sấn tới ngực, rồi đưa tay đánh phất qua một chiêu. Bị phản ứng bất ngờ, một trong hai tên né sang bên nhưng hắn đã lầm vì đó là hư chiêu. Cô gái thấy hắn trúng kế, thuận chân tung cước trúng thẳng vào hông làm hắn lăn xống ruộng, bùn bê bết từ đầu đến chân. Tên thứ hai mất tinh thần nhưng trước đám đông hắn tự ái liều mạng xông tới. Cô gái trong tư thế đứng ngựa (4), đón hắn bằng ngón võ gia truyền, chiếc khăn quàng cho ấm cổ trở thành roi nhuyễn tiên quất mạnh vào mặt đối thủ làm hắn không kịp tránh cú đá song phi, lảo đảo cắm đầu xuống ruộng.

Thanh nữ ấy là con gái út nhà họ Đào, quan Trung nghị Đại phu Quang lộc Tự khanh người làng Vinh Thạnh, nay bà đã giữa tuổi thất tuần thường kể lại câu chuyện năm xưa lúc bà chưa lập gia đình. Và ngón võ phòng thân ấy do ông cậu Năm Hương ở thôn Dương An nay thuộc xã Phước An huyện Tuy Phước truyền dạy cho bà lúc tuổi trăng tròn.

Vào đầu thập niên một chín bảy mươi, một ngôi sao lóe sáng trên vòm trời Võ học Bình Định: nữ võ sĩ Thanh Tùng của miền sông Côn. Cô được phong võ sĩ và được làng báo Sài Gòn tặng biệt danh "Hổ Cái Miền Trung" không phải vì cô đã thắng trên võ đài hoặc đã từng tranh tài cao thấp với ai; người ta chỉ thấy Thanh Tùng ở điện thờ Quang Trung trong ngày hội Đống Đa biểu diễn các bài quyền như Lão Mai Độc Thọ hay bài roi như

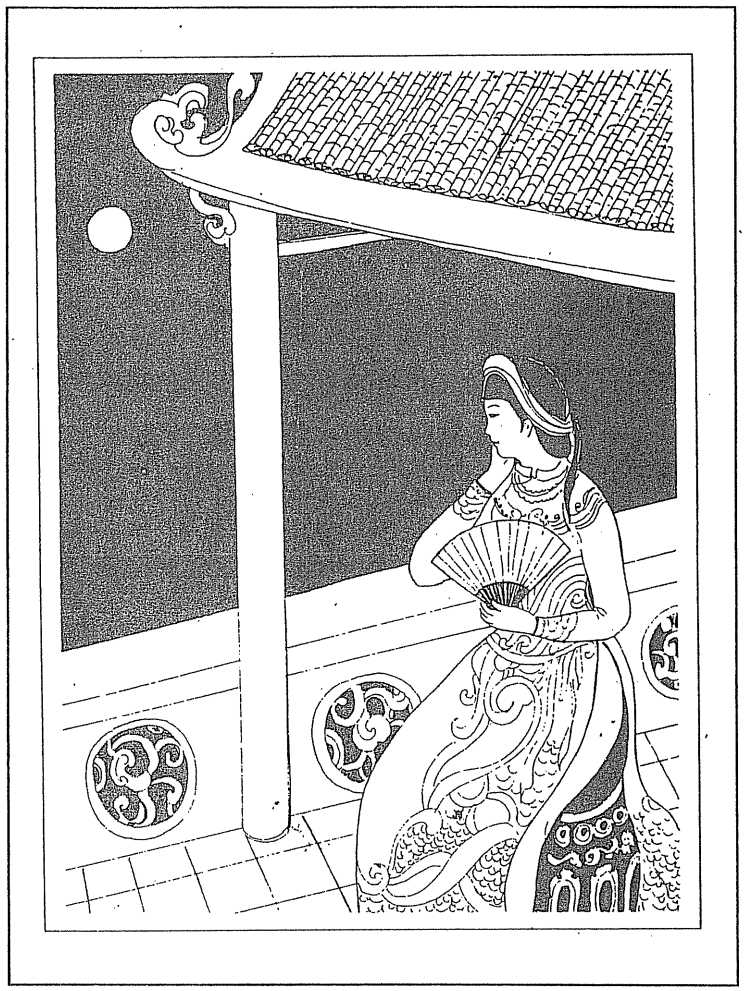

Tấn Nhất Ô Du với thế thủ như cản gió che mưa và thế công dồn dập như bão táp là đã đủ khiếp.

Xét cho cùng, điều ấy là lẽ dĩ nhiên. Thanh Tùng là con nhà võ, đời đời nối nghiệp và thừa hưởng các ngón bí truyền của một dòng họ cao thủ. Ông nội của Thanh Tùng là một tay roi quỉ khiếp thần kinh, người đồng thời và xứng tài với Hồ Ngạnh (1891 - 1976, kế tổ của phái roi Thuận Truyền). Thân sinh cô vẫn nối nghiệp nhà, giữ vai trò đứng đầu hàng võ tại địa phương. Rồi đến Thanh Tùng, tuy là gái, cô vẫn tiếp nối thừa hưởng tinh hoa của con nhà võ. Nhưng với bản chất kín đáo và nhũn nhặn, Thanh Tùng ngoan hiền về nhà chồng như bao cô gái Bình Định khác, ngày ngày chăm chỉ bên chiếc máy may, nhỏ nhẹ với khách hàng. Trông dáng dấp liễu yếu đào tơ, không ai thấy ở Thanh Tùng một dấu vết gì về võ nghệ, một thời nổi tiếng biểu diễn quyền roi. Chớ lầm! Khi cần tự vệ, "con người võ" của Thanh Tùng nổi dậy. Đôi mắt hiền lành sẽ rực sáng như gươm bén và đôi tay mềm mại sẽ biến thành thanh sắt.

Nhưng trên hết, người đàn bà Bình Định đáng nói hơn cả là nữ tướng Bùi Thị Xuân. Võ nghệ của bà vào bậc siêu phàm, ngang tài với các danh tướng mày râu của Tây Sơn như Nguyễn Huệ sở trường về roi, Nguyễn Lữ sáng chế và xuất sắc môn Hùng kê quyền, Võ Văn Dũng giỏi về đao, Đặng Văn Long quán thông cả cương quyền và miên quyền, còn Bùi Thị Xuân không ai sánh kịp về độc kiếm và song kiếm. Tài thao lược, bà xứng là đấng nữ kiệt. Gương dũng cảm, bà đáng bậc anh thư làm cho Nguyễn Ánh khiếp sợ và căm tức. Còn đức độ của bà, không những trong hàng ngũ Tây Sơn mến phục mà ngay cả kẻ thù cũng thầm kính nể.

Bà Bùi Thị Xuân có họ hàng với vua Quang Toản, nhưng về thứ bậc gia tộc lại có nhiều sách chép khác nhau: Theo tài liệu của Vương Bích Thu, viết trong giai phẩm Tây Sơn Xuân Quí Dậu (1993), trang 148, Bùi Thị Xuân là chị ruột của quan Thái sư Bùi Đắc Tuyên và là con của Bùi Đắc Kế. Còn bà chánh cung Hoàng Hậu họ Phạm sinh ra Nguyễn Quang Toản theo Việt sử Tân biên của Phạm Văn Sơn, quyển 4, trang 204, bà này là con của Bùi Đắc Tuyên, không rõ là em cùng mẹ khác cha hay anh em thúc bá bên ngoại? Nếu vậy vua Nguyễn Quang Toản gọi Bùi Đắc Tuyên bằng cậu và Bùi Thị Xuân bằng dì. Nhưng theo sách "Những vì sao đất nước" (truyện danh nhân lịch sử của nhiều tác giả) tập 5, trang 204, Quỳnh Cư chép "Bùi Đắc Tuyên là anh cùng cha khác mẹ với vua Cảnh Thịnh (?), là cậu Bùi Thị Xuân."

Nữ kiệt Bùi Thị Xuân có bốn lần đối đầu với Nguyễn Ánh sau là vua Gia Long. Lần thứ nhất vào mùa hạ năm 1797, Đại Nam Thực Lục Chính Biên, bản dịch, tập 2, trang 261 có chép, tóm lược như sau: Nguyễn Ánh đem binh thuyền đánh Thị Nại, rồi đích thân đem hơn 100 chiếc thuyền ra đánh cửa Đà Nẵng nhưng vì Trương Phúc Luật không tiếp tế thuyền lương thực kịp thời vì bị gió ngược, trong quân chỉ còn năm ngày lương nên vua tạm đem quân về Gia Định và cố nhiên không thể lấy mạnh yếu mà luận. Đó là lời biện bạch của sứ thần nhà Nguyễn, nhưng theo Quỳnh Cư thì ban đầu Nguyễn Ánh định đem quân đánh Thị Nại, nhân lúc triều đình Phú Xuân chia rẽ nội bộ (phe Bùi Đắc Tuyên bị phe Võ Văn Dũng sát hại) nắm bắt thời cơ, đích thân ông đem binh thuyền ra đánh Đà Nẵng, nơi Bùi Thị Xuân đang trấn nhậm, với ý định phá tan căn cứ quan trọng nằm sát nách kinh đô Phú Xuân. Nhưng đội thám mã Tây Sơn từ Bản Tân (5) đã kịp thời báo về Tổng hành dinh của bà về cuộc hành quân bất thần của Nguyễn Ánh. Nhân có chiếu chỉ của vua Cảnh Thịnh hối thúc bà hồi triều để dàn xếp nội bộ, tương kế tựu kế, Bùi Thị Xuân phao tin ba ngày nữa sẽ kéo đại binh về Phú Xuân, cốt làm kiêu lòng giặc. Quân Nguyễn hăm hở tiến tới thành Quảng Nam nhưng đã bị 5000 quân của Bùi Thị Xuân phục đánh đúng chỗ. Trận ấy, may cho Nguyễn Ánh đi đoạn hậu nên thoát chết. Thua cả tài lẫn trí đàn bà, Nguyễn Ánh vừa thẹn vừa tức, thu tàn quân về Gia Định, giấu nhẹm việc bại trận, nại cớ hết lương phải rút quân.

Lần thứ hai Nguyễn Ánh đụng độ với Bùi Thị Xuân tại mặt trận Trấn Ninh (6). Theo hai bộ chính sử của Trần Trọng Kim và Phạm Văn Sơn, quân Tây Sơn cả thủy bộ gồm ba vạn, chia làm ba đạo tấn công. Tháng 12 năm Tân Dậu (tháng 1-1802) quân Tây Sơn vượt sông Linh Giang (sông Gianh), lực lượng tiền phương quân Nguyễn đang đóng ở đây do các Tướng Nguyễn Văn Trương, Tống Phúc Lương và Đặng Trần Thường chỉ huy, phải lui binh về Đồng Hới. Được tin cấp báo, Nguyễn Ánh thân chinh đem cả đại binh ra tiếp ứng, sai Phạm Văn Nhân và Đặng Trần Thường giữ

mặt bộ, giao Nguyễn Văn Trương giữ mặt biển.

Ngày mùng Một tết Nhâm Tuất (3-2-1802) Nguyễn Quang Thùy tiến đánh lũy Trấn Ninh bị hỏa lực của quân Nguyễn cầm chân lại. Bùi Thị Xuân lãnh chức Đại tướng đem 5000 quân bản bộ tấn công lũy Đồng Hới, địch quân bắn ra như cát vãi nhưng cờ lệnh của bà vẫn chúc hẳn xuống, dấu hiệu quyết chiến không lùi. Đang chiến đấu anh dũng, vua Cảnh Thịnh ra lệnh lui binh, bà không chịu, vua phải nghe theo. Suốt ngày hôm ấy bà ngồi trên bành voi xông xáo trận tiền đôn đốc binh sĩ; tuy thế trận chưa nghiêng hẳn bên nào nhưng Nguyễn Ánh đã núng thế, định tháo lui.

Bỗng nghe tin thủy quân Tây Sơn ở cửa Nhật Lệ bị Nguyễn Văn Trương phá tan lại thêm tướng Nguyễn Văn Kiên ra hàng địch làm cho vua Cảnh Thịnh và các tướng tá nản lòng. Trước tình thế ấy bà vẫn quyết chiến, sai một đội quân đến điền khuyết bọn làm phản rồi giành lấy dùi trống thúc quân liên hồi. Được lệnh xung phong quân của bà ào ạt trèo tường chiếm thành. Thế trận này nếu kéo dài thêm hai tiếng đồng hồ nữa, bà hạ được thành Trấn Ninh rồi, Nguyễn Ánh và tướng tá hoảng hốt liền sai thủy quân liều chết vượt sông đánh bọc hậu để chia lực lượng, hòng giảm bớt mũi nhọn tấn công của Tây Sơn, ngõ hầu mở đường máu thoát thân. Nhưng Nguyễn Quang Thùy nhát gan, thấy thủy quân của Nguyễn Ánh ở mặt sau đánh tới, sợ bị vây, vội rút quân. Một lúc sau Bùi Thị Xuân mới biết trên mặt trận chỉ còn quân dưới quyền bà đang đơn độc chiến đấu, các cánh quân khác đã hỗn loạn tháo chạy. Bà vẫn bình tĩnh giữ vững hàng ngũ, bảo vệ vua Cảnh Thịnh rút lui an toàn.

Lần thứ ba, Nguyễn Ánh đối diện với Bùi

TRẦN MỘNG TÚ

KHI EM VỀ

Khi em về tháng Giêng trên cuống lá
Phố hai bên vàng dát những cành mai
Nắng xuân rắc trên vai từng hạt bụi
Hồn em như khăn lụa phất phơ bay

Em quanh quẩn đi trong vuông sân nhỏ
Vỏ hạt dưa rơi vào cả trong giầy
Bụi cúc vàng như mâm xôi mới rỡ
Vừa chạm vào hương đã giắt móng tay

Khi em về trời đang trưa giấc nắng
Mặt đất nồng tưởng đứng giữa chiêm bao
Gió hà tiện chỉ thổi bên hàng xóm
Đóa hoa chanh rơi lạc cạnh hàng rào

Cây bàng giữa sân có con chim nhỏ
Đang nghiêng mình ngắm bể cá đầy rêu
Chiếc võng xanh mắc ở bên chái bếp
Có người yêu đang ru một người yêu

Khi em về tưởng mình rồi sẽ lạ
Nào ngờ đâu hơi thở cũ còn nguyên
Trái tim rung khi bàn chân chạm đất
Con dế nào dũi kỷ niệm thân quen

Ôi! Đời như sông em qua từng khúc
Ai đổ nền xóa vội dấu thuyền đi
Em muốn khóc như hồi còn rất bé
Nói dối mình chưa có cuộc phân ly

Mồng bốn tết ở Sài Gòn
2/98

Thị Xuân khi bà cùng gia đình bị quân Nguyễn bắt ở huyện Thanh Chương, Nghệ An và giải về Phú Xuân. Sự kiện này có nhiều sách kể lại nhưng chi tiết lại khác nhau đôi chút. Nếu theo hai tài liệu của Vương Bích Thu và Quách Giao viết trong Giai phẩm Tây Sơn Xuân Quí Dậu (1993) và Xuân Ất Hợi (1995) thì lời đối đáp giữa Nguyễn Ánh và Bùi Thị Xuân như sau:

Khi quân hầu dẫn Bùi Thị Xuân vào, Nguyễn Ánh với giọng tự đắc hỏi:

"Ta và Nguyễn Huệ, ai hơn?"

Bùi Thị Xuân ung dung đáp:

"Nói về tài ba, tiên đế ta bách chiến bách thắng, hai bàn tay trắng dựng nên cơ đồ. Còn nhà ngươi bị đánh phải trốn chui trốn nhủi, phải cầu viện ngoại bang, hết Xiêm đến Pháp. Chỗ hơn kém như ao trời nước vũng. Còn về đức độ, tiên đế ta lấy nhân nghĩa mà đối xử với kẻ trung thần thất thế như đã đối với Nguyễn Huỳnh Đức, tôi nhà ngươi. Còn nhà ngươi lại dùng tâm của kẻ tiểu nhân mà đối với những bậc nghĩa liệt đã hết lòng vì chúa, chẳng nghĩ rằng ai có chúa nấy, ái tích kẻ tôi trung của người khác, tức là khuyến khích tôi mình trung với mình. Chỗ hơn kém cũng rõ ràng ban ngày và đêm tối. Nếu tiên đế ta đừng thừa vong sớm, dễ gì nhà ngươi trở lại đất nước này."

Nguyễn Ánh cười gằn:

"Nhà ngươi có tài sao không giữ ngai vàng cho Cảnh Thịnh?"

Bùi Thị Xuân đáp:

"Nếu có thêm một nhi nữ như ta thì cửa Nhật Lệ không dễ gì mà lạnh. Cửa Nhật Lệ không dễ lạnh thì nhà ngươi cũng khó đặt chân lên đất Bắc Hà."

Nguyễn Ánh nén giận hỏi với giọng mỉa mai:

"Ngươi có muốn ta ân xá không?"

Bùi Thị Xuân đáp:

"Ta đâu có sợ chết mà phải chịu nhục, hạ mình trước một kẻ tiểu nhân đắc thế!"

Nguyễn Ánh căm gan, dằn từng tiếng:

"Không chịu nhục. Ta sẽ làm cho ngươi biết nhục..."

Lần thứ tư, vua Gia Long lại đối đầu với bà Bùi Thị Xuân tại pháp trường.

Trước đó, Nguyễn Ánh gặp Bùi Thị Xuân ba lần đều lãnh ba vố thua đau. Lần một, đấu trí thua tài, lần hai đấu lực thua dũng, lần ba đấu khẩu thua lý. Vì thế, sau Quang Toản, Bùi Thị Xuân là kẻ thù số một của Gia Long, nhà vua dành cho gia đình bà cực hình thảm khốc nhất và đích thân chứng kiến cuộc hành quyết này. Gia Long hả hê nghĩ rằng phen này bà phải chịu đau đớn tột cùng về thể xác lẫn tinh thần, dù có gan đồng da sắt cũng không thể cầm được nước mắt. Thế nhưng Gia Long lại một lần nữa thua cuộc.

Theo tài liệu của Giáo sĩ De la Bissachère viết năm 1807 (7) do một người thân tín đã chứng kiến rồi tường thuật lại, tại pháp trường hôm ấy, dân chúng khắp kinh thành Phú Xuân được huy động đến xem đông nghẹt. Trên khán đài các quan và khách ngoại quốc đã tề tựu đông đủ, khi kiệu nhà vua đến nhiều phát đại bác nổ vang làm tăng thêm uy nghi của ngày lễ hiến phù. Kế bên khán đài là chòi phát thanh cao lêu nghêu vang lên bài chiếu của Gia Long, nghe câu được câu không:

"Vì chín đời mà trả thù... Chợt nửa chừng gặp lúc gian truân, để ngoan dân gây nên biến loạn... Chống giặc bắt xong tội nhân được hết... Yết tế thái miếu, làm lễ hiến phù... Phanh xác tán xương, trả thù miếu xã, rửa hận thần dân..." (8)

Tiếng loa vừa dứt, một hồi thanh la vang lên báo hiệu giờ phút thi hành án bắt đầu. Hàng vạn người như nín thở, mắt đăm đăm nhìn mẹ con bà Bùi Thị Xuân, không khí nghiêm trọng bao trùm cả pháp trường. Từ xa, một thớt voi to lớn, đen đủi, lù lù tiến tới tử tù theo lệnh của quản tượng. Cô con gái của bà mới 18 tuổi xuân, bị lột hết quần áo đang co ro trong thân thể tiều tụy, bỗng nàng hét lên thất thanh rồi toàn thân biến sắc trắng bệch như một bóng ma, quay lại cầu cứu mẹ.

Bà Bùi Thị Xuân nén xúc động, nghiêm nét mặt nói với con lần cuối: "Con gái của mẹ, con không được làm thế, phải chết anh dũng để xứng đáng là con nhà tướng Tây Sơn. Mẹ đây còn làm thế nào cứu con được!"

Con voi hung hãn dùng vòi quấn chặt cô gái, đu đưa lấy trớn tung mạnh nạn nhân lên cao rồi nhảy bổ lên dùng ngà hứng lấy và lại tung lên lần nữa, cao hơn lần trước. Lần này cô gái rơi xuống đất chỉ còn là một cái xác mềm nhũn bê bết máu. Bây giờ voi dùng chân trước chà đạp lên xác nạn nhân cho đến khi nát bấy thành đống bùn màu đỏ.

Đến lượt Bùi Thị Xuân, bọn đao phủ mới phát hiện trong lớp áo quần bà đã quấn chặt thân thể bằng lụa để tránh sự lõa lồ khi bị voi giày. Chúng định tháo gỡ nhưng không kịp nữa rồi vì con voi đang hăng máu xồng xộc

chạy tới toan làm phận sự như lần trước. Bà vẫn đứng bình thản, nét mặt không hề biến sắc, đợi voi đến gần bỗng thét lên một tiếng thật lớn, nhái theo khẩu lệnh dùng để nạt những con voi bướng bỉnh. Voi giật mình lùi bước rồi cong vòi quay đầu lại.

Một sự kiện bất ngờ! Dân chúng lại càng thán phục người nữ tướng Tây Sơn trước cái chết vẫn còn biết tiên liệu và vẫn còn oai quyền khiến voi dữ cũng phải khiếp sợ. Gia Long ngự trên khán đài đang hí hửng bỗng sầm mặt lại khiến viên Đề Đốc chỉ huy cuộc hành hình tái mặt, run lập cập, truyền loa giục đao phủ thi hành án lệnh gấp. Viên quản tượng hốt hoảng dùng cây sào nhọn đâm vào miệng voi và quát to bảo bà phải quì xuống cho voi khỏi sợ. Còn bọn giáp sĩ cũng vội vàng bắn hỏa pháo vào đít voi, buộc nó phải tiến tới phía tội nhân. Con voi bị kích thích cùng cực trở nên hung tợn và như điên dại, chạy bổ tới vội vã quấn lấy bà, tung lên cao rồi cong đuôi chạy quanh pháp trường, rống lên những tiếng đầy sợ hãi, làm hàng vạn người hoảng hốt theo.

Về cái chết của bà, giáo sĩ Bissachère còn cho biết trong đám vua quan Tây Sơn bị Gia Long hành hình tại Phú Xuân chỉ có ba người gồm em vua Quang Toản (9), quan Thiếu Phó Trần Quang Diệu và vợ là nữ Đại tướng Bùi Thị Xuân là vẫn bình thản, mặt không biến sắc trong lúc bị hành hình.

Ông Nguyễn Huyền Anh, trong Việt Nam Danh Nhân từ điển, đã nhận xét về bà: "Có tài binh bị, bà thường tòng chinh chống địch, lập được nhiều chiến công. Là một nữ tướng rất dũng cảm và có độ lượng, bà không bao giờ giết những quân đã chạy hay đầu hàng."

Trong Từ điển Nhân vật Lịch sử Việt Nam có bài thơ vịnh bà:

Vận nước đang xoay chuyển
Quần thoa cũng vẫy vùng
Liều thân lo cứu chúa
Công trận quyết thay chồng
Khảng khái khi lâm nạn
Kiên trinh lúc khốn cùng
Ngàn thu gương nữ kiệt
Gương sáng hãy soi chung

Ông Nguyễn Bá Huân (1848-1899), một danh sĩ Bình Định có chân trong phong trào Cần Vương của tỉnh nhà, chuyên nghiên cứu sử Tây Sơn để viết liệt truyện qua các tác phẩm như *Tây Sơn tiếm long lực, Cần quắc anh hùng truyện, Tây Sơn danh tướng chinh nam truyện*... Ông còn để lại bài thơ vịnh Bùi Thị Xuân (Vịnh phu nhân Bùi Thị Xuân)

Cân quắc do tư báo quốc cừu
Khả liên di hận phó đông lưu
Dạ lan mỗi độc Tây Sơn sử
Phảng phất phương dung hiện án đầu

Việt Thao dịch:

Phận gái lo tròn chuyện nước non
Thương thay mối hận chảy về đông
Đêm khuya lần đọc Tây Sơn sử
Phảng phất dung nhan trước án còn

Và trên vùng đất quê hương của bà, miền sông Côn, người đời sau có bài thơ hết lời ca tụng, rất phổ biến:

Xưa nay khăn yếm vượt mày râu,
Bùi Thị phu nhân đứng bậc đầu.
Chém tướng, chặt cờ, khoe kiếm sắc,
Vào thần, ra quỷ, tỏ mưu sâu.
Quên nhà, nợ nước, đem toan trước,
Vì nước, thù nhà, để tính sau.
Tài đức nghìn thu còn nức tiếng,
Non còn chảy ngọc biết vì đâu?

Với tài đức và gương dũng cảm ấy, anh thư Bùi Thị Xuân đáng đứng riêng một danh sách và vượt hẳn các nhân vật nữ ở Bình Định đã nêu trên.◉

Chú thích:

1. Tràn bộ: xê dịch nhanh sang bên trái hay bên phải để tránh đòn của đối thủ.

2. Hoành bộ: quay ngược trở lại để tấn công vào chỗ sơ hở của đối thủ.

3. Kị ngựa: thế võ tiến thẳng tới hoặc tiến sang bên phải, bên trái của đối thủ mà bàn chân không rời mặt đất.

4. Đứng ngựa: thế đứng mà bắp đùi song song với mặt đất để bảo vệ phần hạ bộ.

5. Bản Tân: tức Bến Ván, tên của bến sông Trầu ở làng An Tân phía nam cửa Đại, thuộc tỉnh Quảng Nam.

6. Trấn Ninh: thuộc xã Trấn Ninh, sau đổi là Phù Ninh, huyện Phong Lộc phủ Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình.

7. Theo *Thiên Nam nhân vật chí* bà Bùi Thị Xuân bị xử lăng trì. Các sách sau này viết về cái chết của bà đều dựa vào một trong hai thuyết ấy.

8. Theo tài liệu của Quỳnh Cư trong *Những vì sao đất nước*, tập 5, trang 228.

9. Vua Nguyễn Quang Toản có bốn người em: Quang Thùy tự tử ở ngoài Bắc, còn Quang Bàn, Quang Duy và Quang Thiệu cùng bị bắt với vua anh và bị đóng cũi giải về Phú Xuân chịu cảnh gia hình.◉

NỐT RUỒI SON

PHƯƠNG BỐI

Tâm nhìn người đàn bà trong chiếc áo ngủ màu hồng nhạt. Nàng còn khá trẻ, khoảng gần 30. Khuôn mặt nàng gầy gầy, đôi mắt nàng sâu vời vợi. Nếu vô tình gặp nàng ngoài phố, chàng có thể nghĩ nàng là người vợ thảo, người mẹ hiền. Mắt chàng dán chặt vào đôi đầu ngực to tròn của nàng, một dấu tích không thể chối cãi được của một người đàn bà sau một vài lần sinh nở. Dáng nàng mảnh mai nên ra vẻ không cân xứng lắm với đôi bầu ngực căng tròn, đầy đặn của một người đàn bà đang ở trong thời kỳ nẩy nở trọn vẹn. Nàng hơi ngập ngừng, có cả chút e thẹn nữa khi bắt gặp chàng. Nàng bước đến cạnh mép giường, nơi Tâm đang ngồi. Tâm lấy tay kéo nàng vào lòng mình. Chàng nhanh nhẹn mở lấy những chiếc cúc áo trước ngực nàng. Cả một vùng da thịt trắng ngần... Tâm nghe căng cứng một nỗi nôn nao. Chàng gục đầu vào. Chàng mân mê, chàng mơn trớn... Có tiếng nàng rên nhẹ...

*

Tâm dạy học ở một tỉnh lỵ miền Nam. Vào khoảng những năm đầu 70, khi một số các bạn học của chàng đang điêu đứng vì lịnh tổng động viên, lịnh đôn quân, thì chàng may mắn được vào trường sư phạm để chuẩn bị cho cái nghề gõ đầu trẻ sau này. Gia đình chàng thở phào nhẹ nhõm. Chàng thì cũng có đôi lúc cảm thấy chút mặc cảm tội lỗi vì gần như một nửa số bạn của chàng đã phải khăn gói đến quân trường để chuẩn bị làm nghĩa vụ của người trai thời chiến, và đã có đứa đã trở về với lá cờ phủ trên quan tài. Chàng ra trường và được chuyển về tỉnh lỵ này, chỉ một vài tháng trước cái ngày tháng Tư định mệnh.

Có lẽ cuộc đời chàng gắn liền với vận mệnh của đất nước. Vào năm 54, khi chàng mới biết đi chập chững, gia đình chàng di cư vào Nam trên chiếc tàu há mồm, đánh dấu một trong những ngã rẽ quan trọng nhất của gia đình chàng. Rồi sau cuộc đổi đời mới đây, chàng linh cảm cuộc đời chàng cũng sẽ rẽ qua một khúc quanh khác, như bao triệu con người Việt đang sống vật vờ trên quê hương. Cuộc sống của chàng sau những ngày đầu tiên của cuộc đổi đời thật chật vật, lại vất vả nữa. Chàng thuê một căn gác nhỏ. Đồng lương của chàng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chỉ giúp chàng sống thoải mái trong tuần lễ đầu, sau đó

chàng phải tử thủ với thùng mì gói và uống nước lạnh cầm hơi để chờ kỳ lãnh lương kế tiếp. Cũng đủ để nuôi cái thân xác của chàng, để nó có sức mà đứng trên bục giảng bài tiếp. Đôi lúc cái bao tử của chàng cũng làm reo, cũng hành hạ con người chàng ghê gớm lắm. Đó là lúc mì gói đã hết mà kỳ lãnh lương chưa tới, mà chàng thì lại ngại mở miệng nhờ mượn bạn bè. Chỉ khổ nỗi cái đói đó chỉ đủ hành hạ chàng, làm chàng sống vật vờ như những động vật thuở sơ khai, suốt cuộc đời chỉ có biết đi tìm mồi để giải quyết một trong những nhu cầu sơ đẳng nhất của loài động vật biết đi, nhưng cái đói chưa đủ sức để hủy diệt cái mầm sống còn đang rất mãnh liệt trong con người chàng. Mỗi tháng chàng cũng có lãnh phiếu thực phẩm. Đôi lúc nhìn những bạn đồng nghiệp so kè từng miếng thịt, từng củ khoai, chàng thở dài ngao ngán. Tuy nhiên, là đàn ông con trai, lại độc thân, nên chàng không lệ thuộc gì cho lắm vào việc chia chác này, nên chàng luôn là người nhận phần cuối cùng, thường là miếng thịt bầy nhầy, có khi chàng không còn nhận ra được nữa đó là thịt gì. Trong khi những người đi làm ở những công ty xí nghiệp khác còn có thể kiếm chác chút đỉnh. Cái nghề gõ đầu trẻ của chàng chỉ có thể khiến chàng hít thở thêm bụi phấn, càng tăng thêm nguy cơ vướng bịnh ho lao. Sau này, nhờ nhận dạy kèm toán thêm tại nhà nên cuộc sống chàng cũng thoải mái hơn đôi chút.

Có tiếng nói lẫn tiếng cười thật dòn của người con gái vọng lại, có lẽ con bà chủ nhà vừa về. Đã lâu lắm rồi, chàng cũng không nhớ bao lâu nữa, chàng chẳng có bạn gái ghé thăm căn gác này. Tâm nghĩ đến Lan, người con gái mà có một thời chàng tưởng sẽ là vợ chàng. Tâm nghe nhói nơi lồng ngực. Cái đêm cuối cùng chàng gặp Lan, dường như chẳng có gì để nói.

"Ngày mai em sẽ rời thành phố này."

Giọng nàng như những âm thanh rã rời, lạc lõng giữa màn đêm dầy đặc.

"Anh đang nghĩ gì vậy?"

Tâm cố sắp xếp lại những tư tưởng trong đầu chàng.

"Sao anh không nói gì cả?"

Nàng khẩn khoản.

"Hiện giờ anh chẳng có chút ý tưởng gì trong đầu cả."

Chàng nhìn sâu vào mắt Lan, chàng thấy hình ảnh chàng trong đôi con ngươi to tròn của nàng. Chàng nhủ thầm không biết rồi đây hình ảnh chàng có còn trong đôi mắt này nữa không? Không biết bóng dáng chàng có còn chiếm một vị trí nào trong tâm hồn nàng nữa hay không?

Tâm rít mạnh điếu thuốc. Chàng nhìn vào khoảng không trước mặt, cái sân trước nhà như rộng mênh mông, dàn hoa đen thẫm đang rũ cành lá xuống, buồn hiu, mùi dạ lý hương phảng phất đâu đây.

Một khoảng im lặng - hơi lâu.

"Thôi em về."

Giọng nàng như nghẹn lại.

"Vâng em về."

Chàng lập lại như một cái máy.

Đó là lần cuối cùng chàng còn được thấy nàng. Tin cuối cùng chàng nhận được, nàng theo chồng về một vùng cao nguyên heo hút để làm bà phó quận trưởng. Rồi những ngày khói lửa lan tràn, những cuộc tản cư vội vã từ những vùng cao nguyên nơi tuyến địa đầu về thành phố, rồi cái tháng Tư định mệnh bủa xuống khắp quê hương, Tâm bặt tin nàng từ đấy.

Lan đứng giữa đồi gió lộng. Dáng nàng nhỏ bé, mảnh mai trong chiếc áo trắng càng làm nàng nổi bật trên nền cỏ xanh mướt. Nàng như chờ đợi ai. Mắt nàng vẫn dõi nơi xa đâu. Tâm khẽ gọi tên nàng. Nàng dường như không nghe tiếng chàng. Tâm nhẹ nhàng bước đến gần nàng. Nàng quay người lại. Chàng thấy khuôn mặt nàng xanh xao đến tội nghiệp, lại có chút nét gì ma quái nữa. Đôi mắt nàng nhìn chàng mà như nhìn vào khoảng không. Tâm chợt kinh ngạc, chàng cố nhìn thẳng vào mắt nàng để tìm hình ảnh của chàng, nhưng lạ kìa, Tâm chẳng thấy hình bóng mình đâu. Lan bất ngờ quay đầu về hướng cũ và nhẹ bước về căn nhà ở phía xa. Tâm định thần nhìn kỹ, nàng như lướt trên đám cỏ xanh, dáng nàng ẻo lả, như những nhân vật nữ trong chuyện liêu trai. Tâm chạy theo, chàng thét lớn tên nàng, nàng vẫn lướt đi.

Tâm giựt mình tỉnh dậy. Chàng nghe cổ họng mình khô rát, mồ hôi chàng rịn ướt cả trán, cả tóc, chàng nghe tim mình đập liên hồi. Liếc nhìn đồng hồ, chỉ mới hơn một giờ đêm, chàng chỉ vừa thiếp đi đôi chút. Cuộn băng cassette đang nghe dở dang vẫn chưa dứt, đang vang lên tiếng hát của Châu Hà:

Nửa đêm thức giấc nghe tim thấy bàng hoàng
Tưởng chừng đã thấy tiên nga với địa đàng
Ngồi lên chỉ thấy âm u cõi hoang tàn

TRẦN HỒNG CHÂU

CHỈ CÒN NỤ CƯỜI EM

một bóng ta một mình
đèn khuya mờ giấy trắng
tấc lòng người xưa
trăn trở hôm nay

quá khứ ngàn cân
trùng điệp vẫn vòng vây
tương lai mịt mờ
đường hầm không lối sáng

đời khép kín
trắng đôi tay
hồn ngắt lạnh

chỉ còn nụ cười em
mặt trời bình minh
rực rỡ
hiển hiện
trên nền cuộc sống
không sắc, không vị
không một thanh âm

chỉ còn nụ cười em
mỗi buổi sớm em mời anh
chén trà xanh đầu ngày!

Đành đưa mộng lãng trôi sâu vào thênh thang.

Buổi trưa hè của một ngày cuối tuần, Tâm lăn trở hoài mà vẫn không sao dỗ được giấc ngủ dù đêm qua chàng đã thức đến gần sáng để chấm bài cho học trò. Không hiểu sao, hình ảnh nốt ruồi son vẫn ám ảnh trong tâm trí chàng. Tâm nhớ đến người đàn bà trong chiếc áo màu hồng nhạt, qua một tình cờ nào đó của cuộc đời, đã phơi bày cho chàng thấy những gì thầm kín nhất của một người đàn bà. Chàng nhớ rõ như in, khi nàng ngồi dậy sờ soạng tìm chiếc áo, chàng bật đèn lên, chàng chỉ thấy một phía người nàng, chiếc lưng thon dài dưới ánh đèn vàng mỏng, chàng thấy cả một nốt ruồi son nằm ở một bên bầu ngực căng tròn của nàng. Nàng đã đến với chàng, đã trở thành một mắt xích của những chuỗi đan kết nên đời chàng, đã đem đến cho chàng những giây phút tuyệt vời, đã tô điểm cho cuộc đời chàng. Hình ảnh nàng ám ảnh chàng trong cả mọi sinh hoạt thường nhật. Như sáng hôm nay, trong khi ngồi giảng bài cho học trò, chàng nhìn đồ thị với hình parabol và liên tưởng đến gò ngực cùng nốt ruồi son đỏ của nàng. Chàng ngừng lại mặt nóng bừng. Chàng liếc nhanh xuống đám học trò. Nhìn những khuôn mặt đang ngây thơ đang chăm chú theo dõi lời chàng giảng.

*

"Em tên chi?"

"Hỏi chi vậy?"

"Cho biết."

"Ngọc."

"Em làm đây được bao lâu?"

"Hơn tháng nay. Mà chắc sẽ đổi nghề khác."

Giọng nàng như phân bua. Chàng nghĩ thầm, có biết bao người con gái đi vào con đường của nàng đã nghĩ như nàng hiện giờ, và đã bao nhiêu người vẫn còn đeo theo cái nghề này như một thứ nghiệp chướng khó thể rũ bỏ được.

Chàng nghe trong lòng thôi thúc cái ý tưởng muốn gặp lại nàng. Tâm bật ngồi dậy. Chàng tắm, thay đồ và đi đến cái xóm hôm nào. Chàng được một cô gái còn trẻ tiếp. Cô ta mặc chiếc áo bó sát, phấn son rất kỹ.

"Tôi muốn gặp cô Ngọc."

"Ở đây không có ai tên Ngọc hết."

"Tôi mới gặp cô ta hai tuần trước đây thôi. Cô ta người gầy gầy, trắng trẻo."

"Ở đây từ nào đến giờ không có ai tên Ngọc hết."

"Cô ta có nốt ruồi son bên ngực trái."

Con nhỏ chu cái miệng tròn vo:

"Thôi đi tía, làm sao tôi biết được."

Tâm ra về, tự trách mình. Phải chi chàng trở lại gặp nàng ngày hôm sau. Chàng chợt nghe dấy lên một chút tội lỗi. Chẳng lẽ niềm bất hạnh của nàng đã đem đến cho chàng những giây phút thần tiên tuyệt vời? Tâm tự hỏi không biết đã có bao nhiêu người đàn ông nhìn thấy được nốt ruồi đỏ thẫm này của nàng. Tâm ghé cái xóm đó mấy lần nữa, nàng vẫn biệt tăm.

Rồi cuộc đời chàng lặng lẽ trôi, như những mắt xích được nối lại với nhau bởi những mảnh đời rời rạc, không định trước, và đầy những bất trắc nữa, kết thành một chuỗi vụng về, không liên tục, một đời buồn hiu. Mấy hôm nay trở trời, chàng bịnh nằm liệt. Nhìn những giọt mưa tí tách ngoài hiên, những âm thanh rã rời, lạc lõng, đều đều như một đời của chàng. Cuộc sống vẫn không ngừng trôi, mà chàng vẫn đứng dậm một chỗ nên ngày càng cảm thấy cách biệt với cái thế giới loài người này. Biết bao biến động, đổi thay mà chàng chẳng hề quan tâm đến. Nhìn thấy chồng vở học trò mà chàng ngao ngán. Mấy hôm nay rong chơi quá đổi nên chàng chẳng ngó ngàng gì bài vở học trò. Tâm thở dài, thêm một vài cuộc tình, rồi một ngày dài trôi qua, rồi một đời người cũng qua...

Tâm đang đứng trước một cửa hàng quốc doanh thì nghe một giọng vang lên sau lưng chàng:

"Tâm phải không?"

Chàng quay lại và nhận ra Lộc, một người bạn cùng học ở Chu Văn An thuở nào. Tâm mừng rỡ.

"Lúc này anh làm gì?"

"Tôi vẫn đi dạy học."

"Anh có vợ con gì chưa?"

"Tôi cũng vẫn còn lông bông. Còn gia đình anh thì sao?"

"Cũng khỏe cả. Chắc khoảng vài tháng nữa, gia đình tôi sẽ đi qua Mỹ theo diện H.O."

"Thế là mừng cho anh. Mà làm thế nào anh lại trôi giạt mãi nơi đây?"

"Đây là quê vợ tôi. Sau khi tôi đi cải tạo, nhà tôi vẫn ở lại thành phố lo phụng dưỡng mẹ tôi. Nhưng sau khi bà cụ qua đời, nhà tôi bồng bế con về bên đây. Cũng vất vả ghê lắm."

Chàng nhìn bạn, ánh mắt Lộc sáng ngời, có chút gì kiêu hãnh trong giọng nói của bạn. Tâm mừng cho bạn. Chàng đã từng chứng kiến biết bao gia đình tan vỡ sau một cuộc đổi đời. Chàng nhớ đến thời gian còn ở bậc trung học, đã xa xưa lắm rồi. Có bao giờ chàng ngờ sẽ gặp lại bạn ở cái tỉnh lỵ heo hút này.

Ngôi nhà gạch nho nhỏ nằm cạnh bờ sông. Chàng nghe gió thổi dìu dịu, mang theo cả làn không khí đồng nội thật dễ chịu. Chàng đứng trước cái cổng bằng gỗ, có tiếng chó sủa. Một đứa con gái khoảng mười ba, mười bốn tuổi mở cửa bước ra. Tâm nhìn đứa con gái đang ở tuổi trổ mã, chàng thấy có nét gì quen quen.

Rồi Lộc bước ra:

"Gớm nhỉ, hôm nay rồng đến nhà tôm."

Lộc chỉ đứa con gái:

"Cháu lớn của tôi."

Đứa con gái khẽ gật đầu chào chàng.

Tâm nhìn khuôn mặt nhỏ nhắn, trẻ trung của con bé. Chàng thấy thật tương phản với khuôn mặt cương nghị với chiếc cằm hơi vuông của Lộc. Con bé chẳng có nét gì giống Lộc cả. Lộc vồn vã:

"Nhà tôi đang bận tay. Anh chưa gặp nhà tôi bao giờ phải không?"

Không đợi Tâm trả lời, Lộc kéo bạn vào trong nhà. Chàng thấy vợ bạn đang đứng trước bếp. Dáng nàng nhỏ nhắn, mái tóc nàng có lẽ quấn vội nên vẫn còn vài sợi rũ xuống chiếc gáy thon gầy. Nàng mặc chiếc áo sát cánh để lộ đôi cánh tay trắng ngần.

"Có anh Tâm đến chơi này em."

Vợ Lộc quay đầu lại. Nàng có khuôn mặt gầy gầy, đôi mắt nàng vời vợi, thoáng long lanh. Tâm nhủ thầm, nàng chẳng có gì thay đổi cho lắm, ngoại trừ mái tóc phía trước được uốn ngắn lên, có lẽ vì thế mà trông nàng vẫn còn trẻ so với dòng thời gian nhiều biến động. Thấm thoát đã gần mười năm rồi còn gì, nàng đã đến với chàng, khuấy động bởi những làn gió chướng bất ngờ, rồi thôi. Có lúc chàng ngỡ nàng đã vô tình đi lạc vào một chiều thứ tư nên mất hút trên cái cõi trần gian này, nên chàng có hoài công tìm kiếm mà cũng chẳng thấy tăm hơi nàng đâu. Giờ chàng tưởng đã quên, mặt hồ tưởng chừng đã phẳng lặng, đã yên bình, thì bỗng nhiên gặp lại nàng trong giây phút này. Ước gì chàng đừng gặp lại Lộc, ước gì chàng không ghé thăm nhà bạn. Những hình ảnh tưởng chừng đã nhạt nhòa trong một góc tận cùng nào đó của ký ức chàng, giờ lại hiện lên thật rõ nét, thật linh động, theo cả những háo hức rất tầm thường của một thằng đàn ông như chàng. Rốt cuộc, không đợi chờ, không trông ngóng, chàng đã gặp lại nàng, người đàn bà có nốt ruồi son trên gò ngực trái.

ANH THÀNH & NGUYÊN PHƯƠNG

QUẬN CAM

Chiều thơ nhạc với Xuân Điềm

Gần một trăm nghệ sĩ, thân hữu đã đến Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) dự buổi sinh hoạt thơ nhạc với nhạc sĩ Xuân Điềm và bạn hữu qua chủ đề "Những Chặng Đường Kỷ Niệm," chiều Thứ Bẩy 21 tháng Ba năm 1998.

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu đã nhắc đến kỷ niệm từ cá nhân cho đến kỷ niệm chung của cả nước sau ngày 30 tháng Tư 1975: Đó là những kỷ niệm trong đau thương nhưng cũng mang một cái gì tốt đẹp, nhìn qua một khía cạnh nào đó. Điều đó chứng tỏ rằng những người sáng tác thơ nhạc không phải chỉ ngồi than khóc dĩ vãng. Những sáng tác đó đã thể hiện lòng khao khát tự do và những điều tốt đẹp cho quê hương Việt Nam.

Nhạc sĩ Xuân Điềm nhắc lại những kỷ niệm đã qua với những sáng tác thơ ca ở trong tù. Nhưng không phải để khơi gợi lại hận thù. Tù ca chỉ đánh dấu một giai đoạn đau thương của lịch sử. Nhân dịp này, Xuân Điềm cùng với các bạn cũng muốn để cho các bạn trẻ hiểu được những hy sinh của cha anh mình.

Một chương trình văn nghệ với những sáng tác thơ và nhạc của một số thi sĩ nhạc sĩ đã sáng tác trong thời gian ở các trại giam. Trong những sáng tác trên có những tác giả hiện có mặt ở vùng trời tự do, có những người còn ở lại quê nhà và cũng đã có những người nằm xuống trong các trại tù từ Nam ra đến Bắc. Mỗi bài thơ, mỗi bản nhạc là một dấu tích mà tác giả đã ghi lại sau một xúc động của mình trong một hoàn cảnh đau thương, nghiệt ngã của chính mình hay của đồng đội. Mỗi câu thơ ngâm lên có đọng những giọt nước mắt, mỗi nốt nhạc ấn lên thấy nhói cả con tim, từng giọt máu, giọt mồ hôi của những người tù và của vợ con như đang trở về. Nhưng đằng sau những giọt mồ hôi, giọt máu và giọt nước mắt đó là sự chịu đựng, ý chí kiêu hùng vươn lên chứ không cúi đầu bi lụy và than thở cho số phận.

Nhạc sĩ Xuân Điềm đã giới thiệu bản hợp ca Anh Vẫn Sống, một bản nhạc do ông sáng tác. Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng kể lại trường hợp ông sáng tác bản "Hành ca trên nọng trường quan nghiệt" khi bị ở tù ở U Minh. Nữ ca sĩ Khánh Ly cùng với bạn hữu hát bản "Lưu Vong Khúc của người Việt Nam," nhạc Exodus của Ernest Gold, lời Việt của Trầm Tử Thiêng, đã khơi dậy trong lòng người hiện diện những mối cảm hoài...

QUẬN CAM

Ra mắt tiểu thuyết Ngày Tận Thế và Thơ Chu Tất Tiến

Hơn một trăm tân khách và văn nghệ sĩ đã đến dự buổi ra mắt hai tác phẩm mới của tác giả Chu Tất Tiến tại Hội quán Lạc Hồng đường Westminster (Garden Grove) vào chiều Chủ Nhật ngày 29 tháng Ba năm 1998.

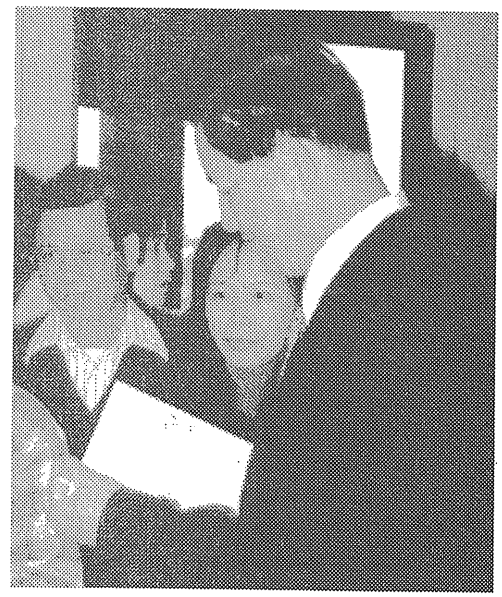

Nhà văn Chu Tất Tiến đang ký sách.

Ông Nguyễn Đình Cường trong phần giới thiệu tác giả, cho biết Chu Tất Tiến Ông tốt nghiệp Quốc Gia Hành Chánh, đã nhập ngũ vào trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức khóa 25 và đã từng sang Mỹ du học, sau 1975 đã bị đi

tù Cộng Sản. Trong tù Chu Tất Tiến đã học nhạc với nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông và cũng có sáng tác nhạc. Ông cũng có khiếu về hội họa và vẫn tiếp tục sáng tác trong bộ môn nghệ thuật này.

Nhà văn nữ Bích Huyền nói về truyện dài Ngày Tận Thế, nhận xét rằng Chu Tất Tiến đã có một kiến thức dồi dào về khoa học cùng với một trí tưởng tượng phong phú của một tâm hồn lãng mạn để diễn tả những tình tiết éo le trong một khung cảnh tàn phá của trái đất một cách dữ dội.

Nữ thi sĩ Cao Mỵ Nhân đã lên diễn đàn giới thiệu tập thơ của thi sĩ Chu Tất Tiến. Theo bà thì càng về sau, các thế hệ trẻ càng đa tài và có thể thể hiện tài năng phong phú của họ qua nhiều bộ môn mà Chu Tất Tiến là một điển hình. Ông vừa làm thơ, vừa viết văn, vừa làm nhạc và cả vẽ nữa. Nhân dịp nầy, bà Cao Mỵ Nhân còn tiết lộ là thi sĩ Chu Tất Tiến sắp sửa bước sang lãnh vực điện ảnh nữa và ông đang chuẩn bị đưa cuốn truyện Ngày Tận Thế thành phim.

Theo bà Cao Mỵ Nhân tập thơ Chu Tất Tiến gồm có ba phần: yêu thương, phẫn nộ, phần còn lại là phần Anh ngữ. Cao Mỵ Nhân nhận xét thơ Chu Tất Tiến chân thành trong thể hiện những tiếng sáo diều, tiếng ru của mẹ...

Nhà thơ Du Tử Lê bày tỏ ý kiến, ông lấy làm mừng rỡ về những thành công của Chu Tất Tiến. Và ông nói rằng chính người nghe và người đọc đã làm thành văn chương. Ông không đi vào chi tiết của từng bài thơ vì ông cho rằng mỗi bài thơ là một nhan sắc, mỗi bài thơ là một định mệnh thì bằng những kinh nghiệm riêng của từng người đi vào cái nhan sắc đó và đi vào cái định mệnh đó để mà thưởng thức.

Một chương trình thi nhạc với các nghệ sĩ Vũ Anh, Bích Thuận, Ngọc Nôi, Phượng Vũ và hai thần đồng Minh Trí và Minh Thông cùng với một số nghệ sĩ trình bày xen kẽ với các phát biểu. Nhà văn Chu tất Tiến cũng lên cảm tạ sự hiện diện của tân khách và các văn nghệ sĩ.

Trước hai tác phẩm trên, Chu Tất Tiến đã xuất bản truyện dài Chuyện Tình Lá Me năm 1992 và A Fairy Tale, 1992.

QUẬN CAM

Đêm Phan Văn Hưng

Đêm thứ tư 8 tháng Tư 1998 là một đêm lạ đối với sinh hoạt văn học nghệ thuật tại quận Cam. Không phải là đêm cuối tuần mà Phòng Sinh Hoạt Thế Kỷ đã đầy người đến để tham dự chương trình Phan Văn Hưng. Điều lạ nữa là thành phần tham dự gồm những người đang hoạt động trong nhiều lãnh vực và tổ chức khác nhau. Cộng đồng, chính trị, kinh doanh, văn hoá, truyền thông, thanh niên... Có lẽ nhạc của người nhạc sĩ đấu tranh đến từ Úc Châu đã có một sức cuốn hút người ở những lãnh vực rất khác nhau cùng đến và nghe anh hát.

Giáo sư Trần Văn Ân, người tổ chức chương trình, đã giới thiệu Phan Văn Hưng và cho biết đây không phải là một buổi trình diễn mà là một buổi sinh hoạt của những người yêu nhạc Phan Văn Hưng đến để nghe và trình bày những suy nghĩ về người nhạc sĩ này. Những bài ca nhiều người biết đến đã được chính tác giả trình bày trong phần mở đầu chương trình. "Bạn bè của tôi" cảm hứng từ một đoạn thơ của Trần Vàng Sao, một tác giả trong nước, nói về cả một thế hệ bị phá huỷ bởi những lằn ranh. "Ai Về Xứ Việt" với chính tác giả của bài thơ được phổ nhạc, Minh Đức Hoài Trinh, có mặt trong số người đến tham dự, là một lời nhắc nhở cho những ai đang sống trên xứ người đừng quên những bạn bè còn lại "bao giờ được thả, biết bao giờ ăn được miếng cơm tươi." * Một bài thơ của Hoàng Cầm qua dòng nhạc của Phan Văn Hưng nói lên tính nhân bản vốn vượt qua nh bến bờ ý thức hệ. "Hai Mươi Năm" tác phẩm viết trong một đêm tháng tư năm chín lăm mà mỗi lời ca là một sự kiện đồng thời cũng là một biểu tượng cho hành trình khổ nạn của cả dân tộc bởi những "kẻ mộng du lên bạo chúa."*

Đến chia xẻ những suy nghĩ với người nhạc sĩ là các nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, Phạm Duy, Nghiêm Phú Phát, và bác sĩ Nguyễn Trọng Việt. Những lời trân trọng của nhạc sĩ du ca Nguyễn Đức Quang đối với Phan Văn Hưng đã cho thấy rõ sự đồng cảm của những người viết nhạc để đặt vấn đề, để thao thức cho một quê hương triền miên hoạn nạn. Nhạc sĩ Phạm Duy cho rằng nhạc của Phan Văn Hưng là những lời than và nhắc tới thiên lương của người nghệ sĩ dù viết nhạc đấu tranh. Bác sĩ Nguyễn Trọng Việt cám ơn nhạc sĩ Phan Văn Hưng đã nói lên nỗi đớn đau cũng như niềm hy vọng của dân tộc. Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát đã đàn dương cầm phụ họa cho Phan Văn Hưng trong bài "Nếu Em Nghe

Được," những lời nhắn gởi của một người tù cải tạo cho vợ của mình. Nhân dịp này ông cũng đã kể về những kinh nghiệm cải tạo thực chứng của ông và hát một bài ca đấu tranh theo lời yêu cầu của Phan Văn Hưng. Rất tiếc là những người tham dự đã không có dịp nghe ý kiến của giới trẻ từ ít nhất là năm tổ chức khác nhau có mặt trong đêm này.

Tiếp nối chương trình, những bài dân ca quen thuộc 'Trống Cơm," "Cây Trúc Xinh," "Lý Giang Nam" đã được Phan văn Hưng hát lên với những tiết tấu mới lạ.

Phan văn Hưng lại hát tiếp "Việt Nam Vinh Quang." Bài hát trang trọng như một bài quốc ca nói lên niềm tin của người nhạc sĩ về một đất nước đầy nỗi tự hào. "Thằng Bé Tát Dầu," bài hát đã nổi tiếng nhiều năm trước đã được yêu cầu để nói lên thân phận tuổi thơ Việt Nam. Cả phòng sinh hoạt đã cùng vỗ tay theo nhịp phấn khởi của "Bài Ca Tuổi Trẻ," bài ca về thế hệ trẻ cho một đất nước ngày mai.

Trong đêm sinh hoạt, Phan Văn Hưng đã cho giới trẻ tham dự thấy hình ảnh một người nhạc sĩ chân thành, giản dị và khiêm tốn mà cuộc sống riêng đã hoà nhịp với tác phẩm cũng như hoạt động đấu tranh. Anh không nói về mình mà chỉ nói về những kỷ niệm và lòng biết ơn của anh với những người nhạc sĩ đàn anh đã làm cho anh yêu dân ca, yêu nhạc Việt, đã khuyến khích anh trong những ngày đầu sáng tác tại Pháp. Khi ra về, tuy còn nhiều tiếc nuối muốn được nghe anh nhiều hơn nữa, nhưng chắc hẳn mọi người đến tham dự đã yêu mến thêm nhiều nhạc của anh và thao thức chung cho những tâm sự mà anh đã gởi gắm qua dòng nhạc của mình.

* Lời ca khúc Phan Văn Hưng

QUẬN CAM

Đêm Sang Ngang Hoài Cảm nhạc sĩ Đỗ Lễ

Trong đêm thứ Sáu 13, mưa gió trong mùa bão El Nino sụt sùi nhưng cũng đã có đến hơn 300 tân khách, thân hữu và người yêu nhạc đã đến Vũ Trường Pha Lê Ritz, thành phố Anaheim để dự buổi nhạc có chủ đề Đêm Sang Ngang Hoài Cảm Đỗ Lễ do một nhóm thân hữu và gia đình cố nhạc sĩ Đỗ Lễ tổ chức đánh dấu một năm ông tạ thế tại Việt Nam.

Nhạc sĩ Trần Quốc Bảo điều hợp chương trình đã mở đầu đêm nhạc chủ đề nói về người nhạc sĩ tài hoa Đỗ Lễ với rất nhiều bản nhạc thời trang của một thời từng làm say mê nhiều người Việt Nam trong những thập niên 60, 70.

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền cho biết Đỗ Lễ là một nhạc sĩ tài hoa có rất nhiều sáng tác tình cảm thiết tha, nhưng theo ông có ba bản nhạc được nhiều người ưa chuộng đã đánh dấu tài năng của Đỗ Lễ. Thứ nhất là bản nhạc đầu tay của nhạc sĩ Đỗ Lễ có nhan đề Tan Vỡ; bản thứ hai là bản Sang Ngang và chính sáng tác này đã làm cho tên tuổi của ông đã chinh phục được giới nghe nhạc Việt Nam từ thập niên 1960.

Bà Đỗ Lễ, nhạc sĩ Nguyễn Hiền, ca sĩ Đặng Giang Sơn

Sau năm 1975, nhạc sĩ Đỗ Lễ ở lại Việt Nam và vẫn tiếp tục dạy nhạc cho đến 1995 ông được sang định cư tại Hoa Kỳ theo diện đoàn tụ.

Trong thời gian ở Hoa Kỳ, nhạc sĩ Đỗ Lễ cũng đã thực hiện được một CD và phổ nhạc một số thơ. Năm 1996 ông đã trở lại Việt Nam và ít lâu sau ông mất tại Sài Gòn. Và đêm tổ chức hôm nay nhân dịp một năm sau ngày ông tạ thế.

Người điều khiển chương trình Trần Quốc bảo đã giới thiệu ca sĩ Anh Dũng hát Tan Vỡ, bản nhạc đầu tay của Đỗ Lễ; nữ ca sĩ Đài Trang trình bầy tiếp theo một trong những bản nhạc đã làm nên tên tuổi Đỗ Lễ, bản Sang Ngang đã được khán giả tán thưởng nhiệt liệt. Nữ ca sĩ Như Mai đã trình bầy sáng tác mới của nhạc sĩ Đỗ Lễ tại Hoa Kỳ. Ông đã phổ nhạc bài thơ Nhan Sắc của Hà Nguyên Du.

Một điều đáng nói là trong suốt thời gian ca sĩ trình bầy những bản nhạc nổi tiếng của Đỗ Lễ, cả vũ trường Ritz đã lịch thiệp không ai ra sàn nhảy cả. Họ như muốn chia xẻ tình cảm với thân hữu và gia đình nhạc sĩ Đỗ Lễ trong dịp đau buồn này, điều đã làm cho thân hữu và gia đình Đỗ Lễ cảm động.

QUẬN CAM

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa nói chuyện về Giáo Dục Âm Nhạc Thiếu Nhi

Khoảng hơn một trăm phụ huynh cùng với con em đã đến nghe nhạc sĩ Lê Văn Khoa nói chuyện về đề tài Giáo Dục Âm Nhạc Thiếu Nhi tại Hội trường của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ VAALA vào chiều thứ Bẩy, 14 tháng Ba 1998.

Với phong cách của một nhà sư phạm và trong lối trình bầy dung dị và vui vẻ, nhạc sĩ Lê Văn Khoa đã thu hút được sự chú ý không những của các bậc cha mẹ mà cả chính các em thuộc nhiều lứa tuổi từ nhi đồng cho đến thanh thiếu niên. Nhạc sĩ Lê Văn Khoa nói rằng phải biết cách "ép" các em học nhạc thì các em mới chịu học, nhất là lúc đầu. Nhất là ở Hoa Kỳ, xứ tôn trọng tự do cá nhân nên việc thúc ép các em rất khó khăn. Chính vì thế việc phát triển âm nhạc thiếu nhi ở Hoa Kỳ rất yếu và dân số tuy đông nhưng số người xuất sắc về âm nhạc không có bao nhiêu.

Nhạc sinh của Lê Văn Khoa biểu diễn.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa cho rằng yếu tố để cho các thiếu nhi dễ dàng đến với âm nhạc là sự hưởng ứng và giúp đỡ của gia đình. Dịp này ông kể chuyện một thần đồng âm nhạc Lưu Văn Bình vào 17, 18 năm về trước đàn vĩ cầm rất nổi tiếng đã được mời đi trình diễn nhiều nơi nhưng gia đình muốn em trở thành một kỹ sư để có thể tự nuôi thân được. Cuối cùng Lưu Văn Bình đã trở thành kỹ sư và âm nhạc thì bị đứng lại. Thật là đáng tiếc. Ông Khoa nói rằng việc đào tạo hàng loạt kỹ sư, bác sĩ dễ dàng hơn đạo tạo được một nhạc sĩ có tài vì ngoài việc luyện tập, nhạc sĩ còn cần phải có thiên tư, năng khiếu.

Dịp này, nhạc sĩ Lê Văn Khoa cũng tiết lộ một điều khá thú vị. Ông nói một vài nhạc trưởng Hoa Kỳ mà ông quen biết có lần nói rằng tương lai âm nhạc cổ điển Tây Phương tại Hoa Kỳ sẽ vào tay người Á Châu. Và nhạc Việt Nam trong tương lai gần sẽ phổ biến ở Hoa Kỳ. Lý do là vì nhiều gia đình Việt Nam đã khuyến khích và hưởng ứng việc học âm nhạc của các em. Có học, có bắt đầu thì có thể làm được.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa nói rằng có nhiều bậc cha mẹ hỏi rằng nên cho con đi học nhạc vào tuổi nào. Ông trả lời bằng kể lại một cuộc thí nghiệm của các nhà khảo cứu cho một số bà mẹ có bầu nghe một loại nhạc chủ đề trên tivi. Đến khi bà mẹ sanh được ba, bốn ngày họ cho phát lại loại nhạc kể trên thì thấy tim đứa bé đập rộn ràng nhanh hơn bình thường tức là nó có hưởng ứng. Và theo ông Khoa nên cho đứa bé học càng sớm càng tốt. Nên tập cho bé mó phím đàn từ khi tay bé biết quờ quạng hay cầm nắm. Nên cho bé tập sớm tay bé còn mềm dễ dàng uốn nắn. Càng lớn tuổi tay các em không được dẻo nữa và có khi các em không còn thích nhạc nữa.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa còn nói việc một thiếu nhi có thể tập vài loại nhạc khí cũng rất là tốt và cũng dễ dàng phát triển năng khiếu của các em.

Giữa những câu chuyện, nhạc sĩ Lê Văn Khoa thay đổi không khí bằng những tiết mục tấu nhạc của các em thiếu nhi từ nhiều trường khác nhau khiến cho buổi nói chuyện về âm nhạc của nhạc sĩ Lê Văn Khoa tăng thêm phần hấp dẫn. Trong số những nhạc sĩ thiếu nhi trình tấu vĩ cầm, dương cầm và keyboard đặc biệt có em Mai Hồng Mi mới có năm tuổi đã đàn hai bản, cử tọa vỗ tay tán thưởng.

Do một số thắc mắc của phụ huynh, một số đề tài như: tuổi nào thì nên cho con em học nhạc, học loại nhạc nào... đã được đưa ra thảo luận.

QUẬN CAM

Ra mắt tác phẩm Trầm Khúc Hoan Ca và CD mới của Linh mục Văn Chi

Sáng Chủ Nhật ngày 12 tháng Tư năm 1998, nhóm Giáo Dân Thiện Chí đã tổ chức buổi ra mắt các tác phẩm của Linh Mục nhạc sĩ Paul Văn Chi gồm có tập nhạc trường thiên Trầm Khúc Hoan Ca và hai đĩa CD nhạc mới với chủ đề Tiếng hát Yêu Thương và và Trầm Ca Tin Yêu, với sự tham dự hơn 700 người thuộc nhiều cơ quan đoàn thể thuộc vùng nam

California và đặc biệt là giới trẻ Công giáo Việt Nam tại nhà hàng Emerald Bay, thành phố Santa Ana.

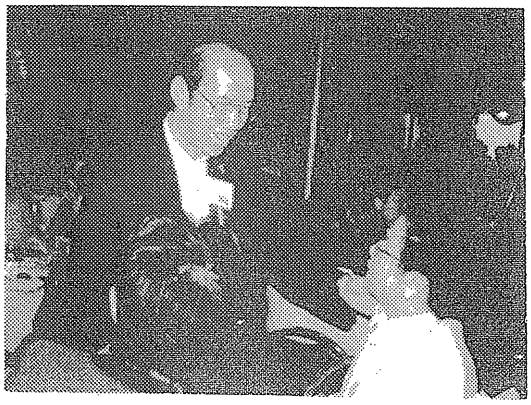

Linh mục nhạc sĩ Trần Văn Chi trong buổi ra mắt Trầm Khúc Hoan Ca.

Giáo sư Lê Tinh Thông đã giới thiệu tác giả những bản Thánh Nhạc và những Trầm Khúc Hoan Ca, đồng thời nói đến lý do nhạc sĩ muốn cho ra mắt những tác phẩm mới để kỷ niệm và đánh dấu 200 năm Đức Mẹ La Vang để ca tụng công ơn của Đức Mẹ. Giáo sư Thông cũng nhận xét các tác phẩm đã được viết với tâm hồn rất Việt Nam phối hợp với nghệ thuật và kỹ thuật hiện đại của Tây Phương mà Linh mục nhạc sĩ đã học hỏi hai năm qua ở Hoa Kỳ.

Ngỏ lời với các quan khách, Linh Mục Văn Chi đã tạ ơn Thiên Chúa, Đức Mẹ La Vang cùng tất cả mọi người đã giúp đỡ an ủi chia xẻ với linh mục trong 30 năm làm ca trưởng và 27 năm sáng tác. Linh Mục cũng giới thiệu đến cử tọa những tác phẩm đầu tiên, những đứa con đầu đời đã được linh mục chôn dưới nền nhà sau 1975 và người nhà của Linh Mục mới gởi sang.

Linh mục Văn Chi thụ phong linh mục năm 1975, sau đó phải đi tù Cộng Sản. Năm 1988 Linh mục vượt biên đến Phi Luật tân và sau đó định cư ở Úc. Từ 1996 đến nay, Linh mục sang du học ở Hoa Kỳ.

Nghệ sĩ Việt Dzũng và Minh Phượng đã điều khiển chương trình văn nghệ với sự hiện diện của một số ca đoàn và nghệ sĩ nổi tiếng như Khánh Ly, Như Mai, La Sương Sương, Vũ Khanh, Lệ Hằng, Hoàng Nam... Buổi ra mắt các tác phẩm của nhạc sĩ Linh Mục Văn Chi tạo được nhiều xúc động đối với những người tham dự và được xem là một trong những buổi thành công nhất về cả hai phương diện tinh thần và vật chất.●

CHIA BUỒN

Được tin buồn

Nhà thơ NGUYÊN SA
Giu Se TRẦN BÍCH LAN

đã từ trần ngày 18 tháng Tư, 1998
(nhằm ngày 22 tháng Ba năm Mậu Dần)
tại Quận Cam, California, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 68 tuổi

Xin chân thành chia buồn cùng
Bà Trần Bích Lan và tang quyến.
Cầu nguyện linh hồn Giu Se sớm về nước Chúa.

Tạp Chí THẾ KỶ 21
Đài Phát Thanh VNCR
Hội VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

PHẠM XUÂN ĐÀI

Tinh Túy Trong Sáng Của Đạo Lý Phật Giáo và Làm Thế Nào Để Trở Thành Một Bậc Bồ Tát Sáng Rực Khắp Bốn Phương

biên khảo về đạo Phật của **Phạm Công Thiện**, Viên Thông xuất bản, cuốn trước 114 trang, giá US$10.00; cuốn sau 110 trang, giá $10.00. Liên lạc: Viên Thông, 1037 South Street, Long Beach, CA 90085, USA. Tel: (562) 428-7712.

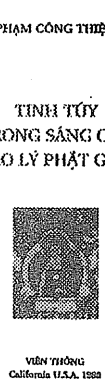

Cuốn đầu, *Tinh Túy Trong Sáng Của Đạo Lý Phật Giáo* gồm 15 chương, nhiều chương chỉ dài hơn một trang, chương dài nhất cũng chỉ trên mười trang, cách viết cực kỳ cô đọng nhưng không khó hiểu, vì tác giả không nhằm gom thật nhiều ý vào một ít lời, mà là chọn những điều đáng nói nhất mang ra nhấn mạnh một cách ngắn gọn. Ví dụ chương Một: *Thực hành lòng tôn kính ngưỡng mộ lúc bắt đầu thức dậy*, chỉ là lời nhắc nhở một thói quen tu niệm, nhưng tác giả đã trình bày như là điều kiện tiên quyết cho các bước đi về sau. Hay chương Bốn: *Cái tâm là cái gì?* chỉ gồm hơn ba trăm chữ, nhưng khi đọc dòng chữ *Hiểu được tâm là gì chính là điều khó khăn nhất trong những điều khó khăn nhất của kiếp người* thì người đọc cảm thấy giật mình về những cái tưởng rằng rất gần gụi thân thiết và mình đã biết rõ rồi. Cứ như thế, hết chương nọ đến chương kia, tác giả viết về điều tinh túy rút ra từ nghìn vạn kinh sách, được trình bày như là những cây cột của ngôi nhà Phật giáo.

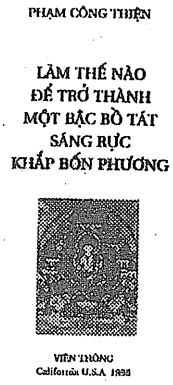

Trong cuốn *Làm thế nào để trở thành một bực Bồ tát sáng rực khắp bốn phương*, tác giả chia 11 chương cũng ngắn gọn như cuốn trước, và chủ đề các chương tập trung vào vấn đề mà nhan đề sách đưa ra. Nhìn qua thì như thể một cuốn sách thực hành với các công thức cụ thể để đạt mục tiêu nhắm tới, kiểu như: *Chương 6. Bốn điều khiến cho Bồ Tát đạt được đại trí huệ; Chương 7. Bốn điều khiến cho Bồ Tát đánh mất Bồ đề tâm* v.v... nhưng thật ra mỗi bước là những bài học Phật pháp ý nghĩa cao xa được trình bày giản dị. Và đó đây vẫn là những câu đáng ghi nhớ của tác giả nhắc nhở người đọc, chẳng hạn: *Ngôn ngữ của chư Phật và chư Bồ Tát là ngôn ngữ tự xóa mất trong từng chữ và từng tiếng để bất ngờ khai mở một thế giới vô tận và mới lạ, và chỉ khi nào cái bản ngã hạn hẹp của mình bị nghiền nát thành tro bụi thì may ra lúc ấy mới bừng sáng lên tất cả chân thực nghĩa vô lượng của Như lai.*

Trăng Góa

tập truyện ngắn của **Lê Minh Hà**, Thanh Văn xuất bản, 163 trang, giá US$10.00, ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Thanh Văn, P.O. Box 411723, Los Angeles, CA 90041, USA.

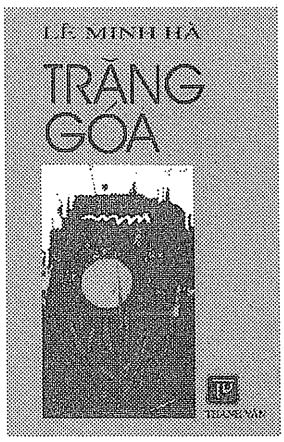

Lê Minh Hà sinh năm 1962 tại Hà Nội, tốt nghiệp khoa Ngữ Văn Đại học Sư phạm Hà Nội năm 1983, đã dạy học tại Hà Nội 10 năm trước khi qua sống tại Đức cho tới nay. Những gì đã xây dựng nên tâm hồn tác giả chính là đời sống Hà Nội và một phần miền Bắc, từ

thời kỳ chiến tranh cho đến gần hai mươi năm sau khi chiến tranh chấm dứt. Những gì chị viết phản ảnh rất nhiều nét của vùng đất ấy, suốt thời gian trên. Cũng đạn bom, cũng sơ tán, cũng đất nước thống nhất... nhưng những điều chị viết không lớn lao đậm nét về bề mặt cũng như bề trái của đời sống ấy, chị đi vào từng cảnh huống, tâm trạng của những con người, những số phận, những chi tiết mong manh của cuộc sống mà ở bất cứ chế độ chính trị nào, bất cứ địa điểm nào trên trái đất này cũng đang tiếp tục tồn tại với đủ dáng vẻ của nó. Người ngoài nhìn vào xã hội miền Bắc, do sự bưng bít và tuyên truyền của chế độ và cũng do thành kiến sẵn có, thường chỉ có một số ấn tượng chung chung, dĩ nhiên hời hợt. Đọc Lê Minh Hà thì sẽ biết thêm rất nhiều, biết thêm bề mặt cuộc sống đã đành, nhưng quan trọng là biết sâu, cảm nhận được bao cái tế vi của xã hội cũng như tâm hồn con người. Truyện Nguyễn Huy Thiệp khái quát những nét điển hình — những vấn đề, những nỗi đau, những gãy đổ... — của xã hội miền Bắc như những nét bút sắc, mạnh, già dặn trong một bức tranh Tàu, truyện Lê Minh Hà như muôn ngàn tiếng thủ thỉ — nhiều khi giống một loại "bạn gái nhỏ to" — làm tỏa ra bao hương sắc thật của đời sống, mặc dầu phần nhiều là những hương sắc đang héo úa, mang nhiều nỗi đau đớn và khắc khoải. Chị đã lặn sâu vào cuộc sống ấy và làm bừng nở ra biết bao là ngóc ngách âm thầm mà người ngoài dù có tinh mắt tới đâu cũng không thể thấy được.

Lê Minh Hà có lối viết chân thực, không lập dị, không thời thượng, nhưng rất mới, tạo hẳn một phong cách riêng và một bút pháp rất đẹp. Ngôn ngữ sáng tạo của chị rất hữu hiệu trong diễn đạt. Dĩ nhiên chị chịu ảnh hưởng của môi trường ngôn ngữ của chị, là Hà Nội, nhưng bút pháp là của riêng chị, giàu âm thanh, hình tượng và cảm xúc một cách tinh tế. Nhiều lối nói thông dụng của Hà Nội, kể cả một số tiếng lóng trong giới thanh niên, được dùng trong truyện, mà nếu không có chú thích cuối bài thì người đọc bên ngoài không hiểu được. Một số hầu như đã thành phương ngữ, giúp người đọc hiểu biết thêm một số sắc thái của xã hội: *"Một năm đi Pháp bằng một giáp đi Nga, "Hy sinh đời bố củng cố đời con...*

Trăng Góa đã cho thấy Lê Minh Hà là người rất trân trọng chữ nghĩa, có lẽ đúng với truyền thống và với môn học mà chị đã hấp thụ được.

Những Người Thích Dấu Huyền

Tạp văn của **Đặng Trần Huân**, Văn Mới xuất bản, 185 trang, giá US$ 10.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Bl. Los Angeles CA 90035. Tel: (310) 559-0413.

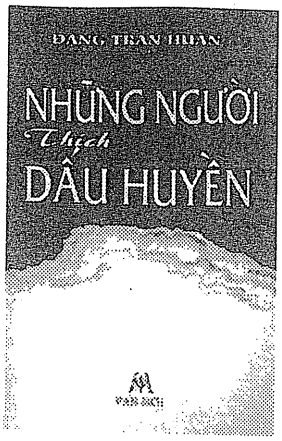

Xem tựa đề cuốn sách khó đoán được tác giả muốn nói cái gì. Không ngờ đó lại là điều chúng ta những người Việt tị nạn ở Mỹ gặp luôn luôn, nơi người đồng cảnh với mình hoặc nơi cả chính mình nữa. Người Việt tị nạn khi phát âm tiếng Mỹ hay ưa bỏ dấu huyền, có khi thêm dấu nặng nữa, vào giọng của mình. Một điều rất thường gặp, đến độ không thấy gì là lạ nữa, đột nhiên có người nhận xét và đưa ra thì chúng ta không khỏi lấy làm kỳ và tức cười. Ờ nhỉ, nhớ khi ở trong nước học tiếng Anh có khi nào chúng ta phát âm như thế đâu?

Đó chỉ là một trong rất nhiều nhận xét khác của tác giả về những cái sai lầm, buồn cười, kệch cỡm khác nữa, của người Việt chúng ta. Mọi cái được tác giả đưa ra như những điều ngộ nghĩnh, khiến người đọc có thể cười một chút, suy nghĩ một chút, và có thể, lặng lẽ sửa đổi một chút, nếu chẳng may điều ngộ nghĩnh ấy rơi vào chính mình. Tác giả rất chịu khó xem xét và nhận ra những cái sai lầm trên nhiều lãnh vực, và viết ra một cách thẳng thắng. Điều đó sẽ giúp nhiều người thêm hiểu biết, sửa chữa các sai lầm. (May quá, người viết những dòng này theo thói quen đùa đùa vừa định viết chữ "sửa sai" thay vì nhóm chữ "sửa chữa các sai lầm" thì vội dừng lại, vì biết viết thế thì có phần chắc sẽ bị tác giả *Những người thích dấu huyền* chỉnh ngay vì cái tội dùng chữ theo kiểu cộng sản). Dĩ nhiên đây không phải là một cuốn sách mẫu mực về mọi cái đúng và sai, còn nhiều chuyện cần phải bàn cãi, góp ý, nhưng rõ ràng tác giả đã nêu vấn đề với thiện ý, mong muốn những cái chưa hoàn chỉnh được sửa chữa cho tốt hơn. Và từ đó nếu được nhiều ý tích cực góp vào với tinh thần không định kiến và cố chấp thì sẽ mọi

chuyện sẽ tốt hơn nữa.

Chuyện Khảo Về Huế

của **Trần Kiêm Đoàn**, Làng Thủ Đô Cali xuất bản, 260 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Làng Magazine, 6171 Stockton Blvd., Suite 180, Sacramento, CA 95824. Tel: (916) 393-4500.

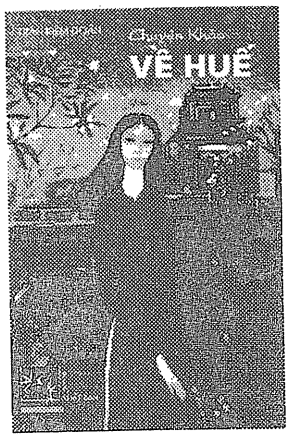

Như tên gọi, đây là một cuốn sách về Huế. Nhưng thế nào là "chuyện khảo?" Tác giả định nghĩa: *Chuyện kể có đầu có đuôi, vừa sáng tạo vừa dựa trên những dữ kiện thực tế, giáo khoa và sử liệu, thì gọi là "chuyện Khảo."* Nội dung cuốn sách đã đi theo đúng định nghĩa ấy. Một người con của Huế — hay là phụ cận của Huế mà đi học và lớn lên ở Huế thì cũng thế — mà viết về cơm hến, bún bò, chè, mắm ruốc, ngủ đò thì... khó trật được. Nhưng chính xác về "khảo" là một việc, phần "chuyện" mới là quan trọng, vì người đọc có đến được, có hiểu, có cảm nhận được trọn vẹn nội dung của những cái khảo hay không là do nghệ thuật dẫn chuyện. Đây là nơi bộc lộ cái tài, đồng thời cũng là cái tâm, của tác giả. Ông kể chuyện tươi tắn, ý nhị lắm. Và rất Huế, ở chỗ luôn luôn ẩn một chút cười cợt làm cho câu chuyện mặn mòi như thức ăn có nêm mắm ruốc. Rất nhiều đoạn văn là những tùy bút tuyệt hay. Nhiều "chuyện khảo" có khuynh hướng biến thành truyện ngắn thâm trầm sâu sắc. Tất cả các bài là một pha trộn đều tay những tình cảm trìu mến thiết tha với quê nhà, những hiểu biết rất sâu về văn hóa Huế, cái hóm hỉnh tỉnh tỉnh đặc sản Huế, và tất cả được nâng đỡ bởi một cái tâm thoáng, tĩnh lặng, buông xả.

Có vẻ Huế là một địa phương được người bản địa nói đến nhiều hơn các địa phương khác trong nước Việt Nam. Người dân ở những vùng đất định hình đã lâu ở phía Bắc, hoặc những vùng mới mẻ ở phía Nam thường không có, hay ít có nhu cầu nói nhiều về mình. Người Huế như đang ở trên ngưỡng cửa của sự tự khám phá chính mình, nên yêu mến, nhìn ngắm nhớ thương về những gì của mình nhiều hơn là dân các vùng đất khác. Phải chăng người Bắc đã biết rõ về vùng đất và con người của mình quá lâu rồi, mọi chuyện coi như đã yên chí, đã già dặn; còn người Nam thì có lẽ phải chờ lâu lâu nữa để mọi cái thành hình rõ hơn nữa? Hay là Huế là một "địa linh" hiểu theo một nghĩa nào đấy, thời gian đã đủ chín muồi cho một tính cách văn hóa ra đời, có nhu cầu được giới thiệu và khẳng định, và người làm công việc ấy ngày càng nhiều và càng có năng lực? Nếu hiểu như thế thì *Chuyện Khảo Về Huế* là một đại diện rất xứng đáng cho sự giới thiệu ấy, có thể coi là cuốn sách về Huế hay nhất được viết và xuất bản ở hải ngoại thời gian gần đây, xét cả về khía cạnh "khảo" lẫn khía cạnh "chuyện."

Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng Của Hoàng Đế Việt Nam

bút khảo của **Lê Văn Lân**, Làng xuất bản 1998, 287 trang, giá US$14.00. Liên lạc: Làng, 6171 Stockton Blvd. # 180, Sacramento, CA 95824, USA.

Ngày nay đi xin giấy tờ ở cơ quan công quyền, động tác cuối cùng người ta trông chờ là "ký tên, đóng dấu." Bao nhiêu cơ quan là bấy nhiêu con dấu, rất nhiều, người ta chỉ cần cái dấu vết màu đỏ nó để lại trên mặt giấy chứ không mấy ai để ý đến hình thù và nội dung của nó, lại càng không lưu tâm đến gốc gác, lịch sử của con dấu ra thế nào. Thế mà con dấu có lịch sử rất xa xưa, đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị các quốc gia, thậm chí là tượng trưng của uy quyền.

Cuốn *Chiếc Bảo Ấn Cuối Cùng Của Hoàng Đế Việt Nam* là một cuốn khảo về ấn triện, tuy xoay quanh chủ đề là những chiếc ấn của nhà Nguyễn, nhưng lại cống hiến cho người đọc vô số kiến thức và giai thoại về con dấu nói chung, từ vương giả đến dân gian. Từ chiếc "Ấn truyền quốc" làm từ đời các chúa Nguyễn đến chiếc ngọc tỉ và ấn vàng mang quốc hiệu Đại Nam, từ "Hoàng đế chi bửu," chiếc ấn

cuối cùng của triều Nguyễn đến ý nghĩa và giá trị văn hóa của Ấn triện Trung Quốc và Việt Nam... chúng ta được đọc các điều sưu tầm hữu ích với rất nhiều hình ảnh có giá trị lịch sử.

Cuốn sách có một phần phụ lục rất thú vị: đó là các bài đặc khảo về Kỹ thuật, Nghệ thuật, Thú chơi triện, các giai thoại và Dã sử về Ấn triện, về nghệ thuật khắc triện, về cái đẹp của chữ nho..., phần này đã đem ấn triện từ chỗ xa xôi quyền lực vào đời sống tình cảm thân mật của quần chúng, cho chúng ta biết sự phong phú của một môn chơi trí tuệ là thực hiện những ấn triện để nói lên hoài bão, ý thích và khiếu thẩm mỹ của cá nhân.

Tác giả đã viết bút khảo với một phong cách khá phóng túng, tuy vẫn giữ sự chặc chẽ chính xác của tài liệu, nhưng trình bày linh động, nhiều đoạn tình cảm như văn tùy bút. Có lẽ đó là chỗ khác nhau giữa "biên khảo" và "bút khảo" chăng? Giữa chốn tài liệu khô khan được chen vào phần văn nghệ, mọi việc trở nên dễ tiếp nhận, vì tác giả đã khoác cho những cái xác cứng đờ của quá khứ tấm áo ấm áp tình cảm của đời sống.

Tà Áo Văn Nhân

truyện dài của *Quỳ Hương*, Mái Ấm Gia Đình xuất bản, 189 trang, giá US$10.00. Liên lạc với nhà xuất bản: P.O. Box 771524, Houston, TX 77215, USA. Tel: (713) 896-6997.

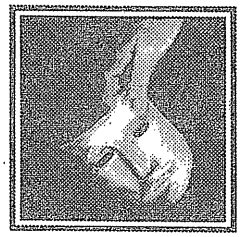

Có thể gọi đây là một cuốn tiểu thuyết phong tục, phản ảnh một mảnh đời sống của làng quê Bắc Việt Nam vào quãng thập niên 20, 30 của thế kỷ này. Tác giả là một bậc nữ lưu nay tuổi đã ngoài tám mươi, đã từng xuất bản thơ, truyện dài, truyện ngắn từ đầu thập niên 60 tại Sài Gòn, tiếp tục sáng tác khi sống ở hải ngoại, hiện đang cộng tác với tạp chí Mái Ấm Gia Đình, một tờ báo nhằm củng cố sự bền vững của gia đình người Việt Nam.

Tà Áo Văn Nhân kể chuyện về tục tảo hôn ở thôn quê ngày xưa, gây ra vô vàn đau khổ cho người phụ nữ. Viết những chuyện này vào những thập niên cuối của thế kỷ trong lúc đang ở hải ngoại, tác giả có lẽ chỉ muốn trình bày một mảnh quá khứ của đất nước hơn là đưa ra một luận đề về cải cách. Vả lại khi dựng câu chuyện, tác giả cũng đã dẫn dắt các biến cố để hóa giải tính cách tàn nhẫn của tục lệ xưa, dựa vào sự đổi mới của Âu hóa một phần, nhưng phần lớn dựa vào khía cạnh nhân bản của văn hóa cổ truyền Việt Nam trong đó Nho giáo đóng vai chính.

Độc giả sẽ tìm thấy ở đây một không khí xưa cũ đã từng tồn tại trên đất nước Việt Nam cách đây khoảng hai phần ba thế kỷ, khi tục lệ cũ và nếp sống cổ truyền vẫn còn ngự trị hầu như hoàn toàn đời sống nông thôn, nhất là ở miền Bắc. Kỹ thuật viết văn và kể chuyện của tác giả càng tô đậm cho cái không khí đó. Điểm xuyết đây đó là những nét ý nhị của tâm lý, của ngôn ngữ, nhưng bao trùm tác phẩm là một lối hành văn mộc mạc, một lối kể chuyện chân phương. Quên đi thời điểm sáng tác thì có thể xếp tác phẩm vào thời kỳ "tiền Tự Lực Văn Đoàn." Ngay cái bố cục mọi chuyện đều rất có hậu cũng dẫn chúng ta về cái lạc quan dễ thương và dễ dãi của các loại truyện xưa. Tất cả chứng tỏ tấm lòng đôn hậu và thiết tha với quê hương của tác giả, như chính tác giả đã viết: *Chúng ta là kẻ lìa quê hương, nhưng chuyện quê hương, phong cảnh quê hương, nhân vật quê hương dường như vẫn gắn bó trong tiềm thức chúng ta. (...) Chúng ta đi ngược thời gian và không gian để tìm thấy quê xưa làng cũ.*

Suối Văn

Tạp chí văn học nghệ thuật, số ra mắt, Mùa Xuân, tháng Ba, 1998, do **Ngọc Thủy** chủ biên. Không ghi giá bán và định kỳ xuất bản (tuần san hay nguyệt san v.v...) Địa chỉ liên lạc: Suối Văn, 26 San Jose Ave. San Lose, CA 95125, USA.

Đây là một tạp chí chuyên đăng văn và thơ, khổ nhỏ gọn, bìa nhiều màu, giấy trắng. Thư ngỏ của Nhóm Chủ trương Suối Văn viết: *...là một tạp chí tập hợp những bài văn và thơ của các cây viết hải ngoại với ước mong được dàn trải và chia xẻ cùng quý vị những tâm tư, cảm nghĩ về tình yêu, văn học,*

nghệ thuật và quê hương tổ quốc. (...) Đây là một cố gắng với hy vọng được đóng góp vào việc duy trì ngôn ngữ Việt cũng như phát huy phong trào sáng tác văn chương tại hải ngoại.

Thế Kỷ 21 xin có lời mừng đồng nghiệp *Suối Văn* và thân ái giới thiệu cùng quý độc giả.

Đường Vào Nhiếp Ảnh Cho Người Tự Học

sách dạy nhiếp ảnh của Ngô Thanh Tùng, tác giả tự xuất bản, 340 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Tung T. Ngo 49 Killlybegs Rd. Alameda, CA 94502, USA.

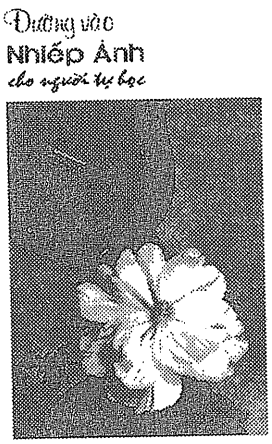

Ngày nay máy ảnh trở nên quá phổ thông, hầu như nhà nào cũng có máy, cách dùng ngày càng giản dị, từ em nhỏ đến người già ai cũng sử dụng được. Thế nhưng theo tác giả, sách hướng dẫn chụp ảnh bằng tiếng Việt thì lại rất hiếm. Tại hải ngoại, Hội Ánh Nghệ Thuật Việt Nam (mà Ngô Thanh Tùng đang là Phó hội trưởng) hoạt động tại California từ năm 1981 đến nay đã tổ chức nhiều lớp nhiếp ảnh, tác giả đã giảng dạy cho các lớp đó trong 17 năm, nay gom những tài liệu giảng dạy, hiệu đính, cập nhật để làm thành cuốn sách này.

Hai khía cạnh *kỹ thuật* và *nghệ thuật* của môn nhiếp ảnh đều được đề cập kỹ lưỡng để thỏa mãn hai khuynh hướng của người tự học: những người mê kỹ thuật, thích dựa và sự tiến bộ của kỹ thuật để tạo ảnh đẹp, và những người coi thường kỹ thuật, chỉ chú trọng việc làm nên cái đẹp, dù phương tiện đơn sơ. Các Kỹ thuật mới nhất trong ngành nhiếp ảnh như *Ảnh Laser và Dye Transfer, máy View, máy Điện toán Tạo hình* đều được giảng giải, nhưng phần quan trọng nhất vẫn là phần nghệ thuật, hướng dẫn từ dễ tới khó để người cầm máy có thể tạo ra những bức ảnh đẹp. Sách được được viết một cách linh động dễ hiểu bởi một người "rất có thẩm quyền," vì hiểu biết thấu đáo về lý thuyết và dày dạn kinh nghiệm trong thực tế chơi ảnh cũng như giảng dạy. Hơn 80 bức ảnh chọn lọc của chính tác giả và những tên tuổi khác như Lê Văn Khoa, Đơn Hồng Oai, Thái Đắc Nhã được in trong sách để minh họa cho các bài giảng. Một tập tài liệu rất tốt cho những ai muốn thăng tiến trong việc chơi ảnh.

Từ Tình Epphen

thơ Lê Đạt, tạp chí Thơ (Orange County, California) xuất bản 1998 như một phụ bản đặc biệt của mình, không bán.

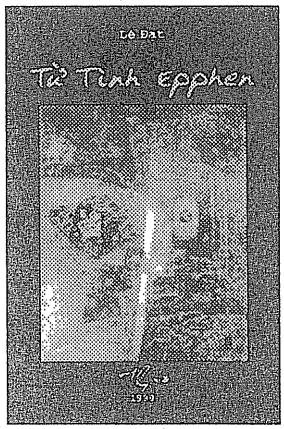

Lê Đạt là một nhà thơ sống ở Hà Nội. Sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm năm 1955-56 mà ông có dính líu vào, ông đã phải đi cải tạo lao động trong 10 năm, và bị cấm xuất bản thơ suốt 40 năm. Được phục hồi khoảng cuối thập niên 80, gần đây ông đã xuất bản hai tập thơ *Bóng Chữ* và *Ngó Lời*. Năm ngoái Lê Đạt được đi thăm nước Pháp, tại đây ông viết *Từ Tình Epphen*.

Vẫn là những bài thơ hai câu. Ví dụ bài "Vườn Luxămbua:"

Nắng học trò vườn vai thu trắng lá
Nỗi bây giờ tượng đá tuổi ngày xưa

Hay bài "Mông mác:"

Quán Mông mác bóng xiên khoai truyện cũ
Màu Rơnoa ly trắng ủ mùa già

Thụy Khuê đã viết về tập thơ "Từ Tình Epphen:" *Ở* Từ Tình Epphen, *nỗi nhớ là chủ thể. Nhớ không phân chia địa danh địa hình, ngữ ngôn Pháp Việt mà có khả năng hòa hợp địa từ với thảo mộc, lịch sử với con người. Những* prô văng xơ vàng, *những* vec say em, *những* má tri a nông... *mỗi tên riêng đã trở thành một đốm lửa nhớ thương, một nốt nhạc quá khứ ngân lên trong ký ức, một hình hài liêu trai ẩn hiện, rồi tan loãng trong những ngã ba tình theo động mạch lan ra khắp cơ thể, rồi lại theo tĩnh mạch trở về tim với* mùa phong ứ đỏ, *với* lá rỏ hồng thu, *với* tháp bạc tóc bất thường, *với* biên ngân hà, *với* lá cách âm...

Và về lối thơ hai câu của Lê Đạt: *Dưới dạng tung bay nhẹ nhàng như đùa nghịch, chơi chữ, thơ* haikâu *của Lê Đạt mang một quá trình tìm tòi sâu xa và cá biệt, một sự bắc cầu giữa xưa và nay, trong cấu trúc hình thức và triết lý thi ca.*

Jew's Harps - Đàn Môi

CD trình tấu Đàn Môi của Trần Quang Hải. Productions Sunset-France sản xuất phát hành. Liên lạc: Sunset-France - 96, rue du Chateau - 92100 Boulogne - France.

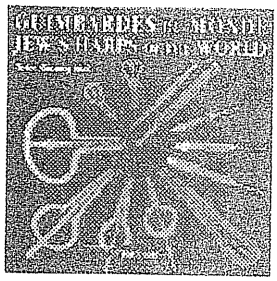

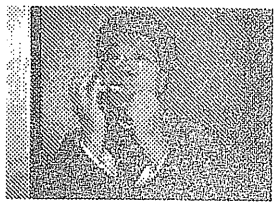

CD gồm 17 đoản khúc được Trần Quang Hải trình tấu bằng Đàn Môi. Đàn Môi, Jew's Harps (tiếng Anh), Guimbardes (tiếng Pháp), là một loại nhạc cụ đặc biệt cổ xưa và rất đơn giản. Nó gồm một cái khung hay sườn cứng, một lưỡi gà mỏng mà một đầu được gắn vào khung, đầu kia rung tự do. Khi trình tấu, khung đàn được cắn giữa hai hàm răng của người sử dụng đàn. Ngón tay của bàn tay phải khảy đầu lưỡi gà tự do. Lưỡi gà rung lên tạo ra âm thanh. Khoang miệng trở thành vòm khuếch âm và phát ra những âm thanh có cao độ khác nhau. Đàn môi ít được phổ biến, chỉ một số dân tộc xử dụng, trong đó có sắc tộc H'mông của Việt Nam. Trần Quang Hải diễn tấu các đoản khúc do ông soạn bằng nhiều loại đàn môi khác nhau của các dân tộc: Áo, Na Uy, Bali (Indonesia), H'mông (Việt Nam)... Ông cũng phối hợp với kỹ thuật song thanh trong diễn tấu đàn môi nên tạo thành nhiều thanh âm độc đáo. Trần Quang Hải, khi sưu tầm, luyện tập và thực hiện CD đàn môi, đã làm rõ thêm sự phong phú của âm nhạc, làm sống lại một nhạc cụ tưởng chừng như đã bị lãng quên và biến mất, đồng thời trang bị cho nó một sức sống hoàn toàn mới mà tự thân của Đàn Môi chưa bao giờ có. (Ngô Mạnh Thu)

* Sức khỏe của vợ tôi làm tôi lo lắng. Nó luôn luôn tốt.

* Cách tốt nhất để luôn luôn ở trong tình trạng sức khỏe tốt là đừng đau ốm gì cả.

Tập thơ
QUANG TRUNG DIỄN CA

Để tưởng nhớ vị anh hùng dân tộc QUANG TRUNG, nhà thơ Lương Nhân tự Lê Dân đã cố gắng sưu tầm và hoàn tất tập thơ Quang Trung Diễn Ca.

Tập thơ nói lên thân thế và sự nghiệp vị anh hùng áo vải đất Tây Sơn đã lập nên bao chiến công hiển hách trong lịch sử nước nhà, lại thêm tài Tế thế an bang để dân ta tiếc hận

Bao năm khăn khắn bên lòng
Quyết đưa Đất Nước mở mang hơn người
Tạo nên trang Sử tuyệt vời
Chí cao chưa thỏa... nửa đời... sớm băng

Quý vị có thể đọc toàn thể tập thơ "Quang Trung Diễn Ca" gồm 391 câu trong Internet qua địa chỉ:

http://gla.ecoledoc.lip6.fr/leduc/poem_viet/quang_trung.htm

Thơ viết bằng bộ chữ VietNET nên phải có nhu liệu chuyển chữ.

Orange County, California, USA

Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* GIẢI PHẪU
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI: (Endoscopie plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* TIA LASER:
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* HÚT MỠ:
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* Cấy tóc.
* Chích Mỡ
* Chữa trị các hình thức Silicone.
* Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

CHUYÊN MÔN:

* Facial
* Dưỡng Da
* Trang điểm cô dâu, dạ hội
* Lột da mặt
* Xâm Thẩm Mỹ
* Dầu thơm Pháp
* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.
* Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

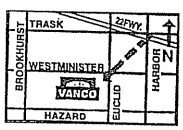

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Bolsa Medical Center

Bolsa Medical Group

Thuộc nhóm Y Tế AMVI Medical Group

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-2091
Fax: (714) 531-7926

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê và bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già...
* **Chuyên Trị:** Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2 PM - 3 PM trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

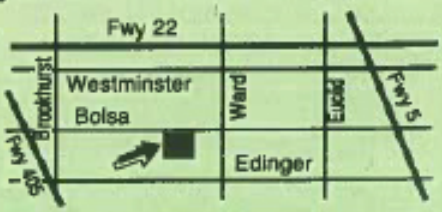

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet.

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim